

Để đọc

KINH THÁNH

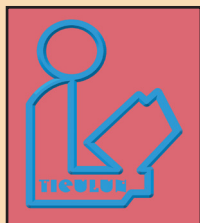


J.-P. Bagot

J.-Cl. Dubs

ĐỂ ĐỌC KINH THÁNH

JEAN-PIERRE BAGOT -
JEAN-CLAUDE DUBS



Lời Nói Đầu

Cuốn sách nhỏ này có mục tiêu đầu tiên : giúp chúng ta mở Kinh Thánh ra và từ đó, sống một trải nghiệm :

Những câu chuyện trong Kinh Thánh đến với chúng ta. Họ đến từ nhiều thời đại, địa điểm và hoàn cảnh khác nhau, từ thời gia trưởng đến thời Chúa Giêsu Kitô. Thiên Chúa chấp nhận sự mong manh trong cách diễn đạt của con người. Đồng thời, Ngài cũng coi trọng hương vị, thị hiếu của những ngôn ngữ này. Chính Ngài đã mang lấy những đặc điểm của họ và sử dụng những từ ngữ rất bình thường của thời đại đó để Lời Ngài có thể dễ hiểu và đến được với con người.

Mở Kinh Thánh ra là chợt nhận ra rằng phải mất hơn một ngàn năm để biên soạn cuốn sách này, để xây dựng nên thư viện này. Một cuốn sách không được viết bằng ngôn ngữ thiêng liêng. Bởi vì Kinh Thánh không bị giam cầm. Kinh Thánh chấp nhận bản dịch, bản chuyển ngữ và bản giải thích.

Nhưng làm sao để mở Kinh Thánh ? - Đây là mục tiêu thứ hai của ấn phẩm này : không chỉ là lật từng trang, cảm nhận tờ giấy kêu cọt két dưới ngón tay, lướt qua các cột và dừng lại ở một câu chuyện, một lời kêu gọi, một suy nghĩ, một bài thánh ca, một nhà tiên tri hay

Chúa Giêsu ! Mà đúng hơn là khám phá xem nó mở ra như thế nào đối với sự tò mò, sự mong đợi hoặc sự mệt mỏi, đối với tình trạng con người của chúng ta.

Khi chúng ta bắt đầu đọc Kinh Thánh, chúng ta cũng giống như hai người đàn ông trên đường từ Giê-ru-sa-lem đến Em-mau (Tin Mừng theo Thánh Lu-ca 24:13-35) : Chúa Kitô ở đó. Họ không biết điều đó. Người im lặng. Họ vẫn chưa đặt tên cho Người, nhưng Người đã ở đó. Người ở đó, bị nỗi buồn sâu sắc của họ nhấn chìm.

Khi chúng ta mở Kinh Thánh, văn bản bắt đầu bằng sự im lặng. Sau đó, Ngài chất vấn chúng ta, như Chúa Giêsu đã chất vấn hai người đàn ông này.

Và đột nhiên, cả ba người đều nhắc đến lời thánh kinh (Kinh Thánh). Và văn bản được gọi lên, từ xa xôi và lạnh lẽo, trở thành một từ ấm áp. Từ ngữ không còn chỉ là từ ngữ nữa. Đôi tai, trí thông minh và cuộc sống của chúng ta đều được đặt trong tình trạng báo động. Đằng sau những từ ngữ này, có MỘT AI ĐÓ ! Một người nào đó nói, người đó nói với chúng ta : sự hiện diện của người đó bắt đầu được cảm nhận ; những câu văn trở nên sống động và trở thành một thông điệp, và sự vắng mặt bị bỏ qua này trở nên gần gũi.

Nhưng mọi thứ chỉ bắt đầu khi Kinh Thánh được mở ra, khi nó trở thành lời sống động sau sự im lặng. Câu chuyện về Em-mau đưa chúng ta đi xa hơn : có cử chỉ hiệp thông đã đạt được, những người anh em được tìm thấy lại, lời tuyên xưng đức tin chung được công bố, và trí thông minh cháy bỏng cuối cùng đã hiểu rằng NGƯỜI đã ở đó.

Bằng cách giúp chúng ta làm quen với Kinh Thánh, «Đề Đọc Kinh Thánh» muốn mời gọi chúng ta lắng nghe NGƯỜI.

- Cuốn sách nhỏ này có thể dùng làm hướng dẫn ngắn gọn về Kinh Thánh, sách giáo lý hoặc hướng dẫn phát triển tâm linh.

- Nó có thể chỉ ra mối liên hệ giữa Cựu Ước và Tân Ước : làm thế nào ngàn năm đời sống tâm linh của Giao Ước Cũ, cùng với chưa đầy một trăm năm chứng ngôn của các tông đồ, đã làm nổi bật Kinh Thánh.

- Thông qua việc đọc Kinh Thánh mà cuốn sách này muốn hướng đến, Chúa Giêsu Kitô đến với chúng ta, và chúng ta có thể đến với Người mà không cần biết rõ ai đang tiếp cận người kia.

Mở Kinh Thánh ra là thiết lập mối quan hệ có thể có với văn bản, với Đấng phán qua văn bản, với những người mà Ngài dẫn dắt chúng ta đến.

Mở Kinh Thánh là mở mắt chúng ta để nhìn thấy Đấng Duy Nhất và những người mà cho đến lúc đó chúng ta chưa từng thấy. Dữ liệu lịch sử, phần giới thiệu, bối cảnh đưa chúng vào khuôn khổ của chúng để chúng ta có thể trải nghiệm chúng trong cuộc sống ngày nay.

Mở Kinh Thánh ra là để Chúa Kitô mở tâm trí chúng ta và cho chúng ta thấy chân trời bao la của Thiên Chúa trong thế giới loài người.

«Để Đọc Kinh Thánh» cung cấp cho bạn :

- một trình bày về Kinh Thánh, ý nghĩa, các tác giả ;
- một hướng dẫn nhỏ cho mỗi cuốn sách ;
- một số địa danh lịch sử và địa lý.

Đọc chúng trước khi đọc Kinh Thánh. Đọc chúng sau! Một mình hay theo nhóm, suy nghĩ cùng nhau hay cá nhân. Suy gẫm. Cầu nguyện. Mong rằng cuốn sách nhỏ này sẽ dần trở thành chứng nhân cho hành trình của bạn !

Lời Mời Du Lịch

«Bạn có hiểu những gì bạn đọc không ?

- Mà làm sao tôi hiểu được,
nếu không có người dẫn giải ?»

Sách Công Vụ Tông Đồ 8:30-31

Bạn sắp bắt đầu chuyến hành trình đến một đất nước xa xôi và chưa được biết đến. Bạn muốn khám phá cảnh quan, nhưng trên hết là gặp gỡ người dân địa phương để làm giàu thêm kiến thức về văn hóa và trí tuệ của họ. Bạn không biết đường sá, ngôn ngữ hay phong tục tập quán ở đó. Phải làm gì ? Trước hết, hãy mang theo bản đồ, vì nếu không có nó, bạn có nguy cơ bị lạc.

Nhưng quan trọng hơn, bạn cần có người hướng dẫn. Nếu không có họ, bạn có thể không hiểu hoặc hiểu sai những gì mình nhìn thấy. Bạn sẽ bỏ lỡ nhiều điều thú vị, có lẽ là những điều thiết yếu nhất. Gần như chắc chắn bạn sẽ không biết gì về những người bạn đã gặp.

Được trang bị đầy đủ, bạn có thể bắt đầu cuộc phiêu lưu.

Mở Kinh Thánh ra cũng giống như bắt đầu một cuộc phiêu lưu vậy. Nhưng chuyến đi của bạn cũng có thể chỉ là một cuộc phiêu lưu không may khiến bạn trở về

trong sự thất vọng. Đây chính là điều có thể xảy ra nếu bạn nghĩ có thể tự mình khám phá ra sự giàu có và vượt qua những khó khăn trong hành trình. Mặt khác, thật tuyệt vời nếu bạn có được ít nhất một số thông tin trước đó ! Cuốn sách này sẽ là cẩm nang cung cấp những thông tin đó cho bạn.

Tuy nhiên, trước khi chúng ta cùng nhau khám phá Kinh Thánh, điều quan trọng là phải suy ngẫm về những lý do thúc đẩy bạn thực hiện cuộc hành trình này.

Hôm nay bạn muốn giải quyết chủ đề «Kinh Thánh». Để làm gì ? Vì tò mò ? Để biết cuốn sách «bán chạy nhất» nào là cuốn sách khởi nguồn cho nền văn hóa phương Tây của chúng ta và có ảnh hưởng đến toàn thế giới ?

Chúng ta có thể thưởng thức vẻ đẹp của một cửa sổ kính màu nếu chúng ta ở bên ngoài tòa nhà, hay chúng ta chỉ hài lòng khi chiêm ngưỡng những bản sao trong sách ? Có một thứ thiết yếu sẽ bị thiếu : ánh sáng đi qua nó.

Chúng ta không thể hiểu sâu hơn vẻ đẹp của Kinh Thánh nếu chúng ta chỉ hài lòng với việc phân tích các ý tưởng của nó, coi nó như một tài liệu khảo cổ, chắc chắn là đẹp như tranh vẽ, nhưng chỉ là nhân chứng của

một thế giới đã qua, không liên quan gì đến thế giới của chúng ta và các vấn đề của thế giới đó.

Nhưng cuộc sống có thể khiến bạn phải tự hỏi một số câu hỏi quan trọng. Qua cả mặt sáng lẫn mặt tối, nó đều hỏi bạn : chúng ta là ai ? Chúng ta đang đi đâu ? Ý nghĩa sự tồn tại của chúng ta là gì ? Vậy thì hãy mở cuốn sách này ra. Ở đó, bạn sẽ gặp những người đàn ông cũng tự hỏi những câu hỏi giống như bạn. Họ đã tìm kiếm, họ đã vật lộn như bạn vậy. Lúc đầu, nghiên cứu của họ có lẽ còn mang tính thăm dò : họ đã tiếp tục chỉnh sửa và đào sâu nghiên cứu. Qua từng thời đại, họ đã truyền lại sự chắc chắn của mình bằng cách đồng ý đối mặt với những phủ nhận của lịch sử, với những câu hỏi mới nóng hổi mà lịch sử đặt ra. Không ít lần họ đã có ý định từ bỏ việc tìm kiếm chân lý : chẳng phải những cuộc khủng hoảng khủng khiếp mà họ phải trải qua đã chứng minh rằng những ý tưởng chỉ đạo của họ là ảo tưởng hay sao ? Mỗi lần, họ đều ra đi dưới sự dẫn dắt của những người được Thánh Linh của Chúa nắm giữ. Mỗi thử thách mới đều trở thành cơ hội để tiếp cận nguồn ánh sáng tinh khiết hơn.

Ánh sáng này chính là ánh sáng mà những người dân nghèo ở Palestine nói rằng cuối cùng họ đã nhận ra nơi một Chúa Giêsu nào đó. Ở Người, họ nhận ra ánh sáng

thiên liêng có thể xua tan hoàn toàn bóng tối của ảo tưởng con người.

Bằng cách kể cho chúng ta nghe về cách họ gặp gỡ Chúa qua câu chuyện của họ, những nhân chứng này mời gọi chúng ta đọc lại câu chuyện của riêng chúng ta để lần lượt gặp được Chúa, mặt trời của cuộc đời chúng ta.

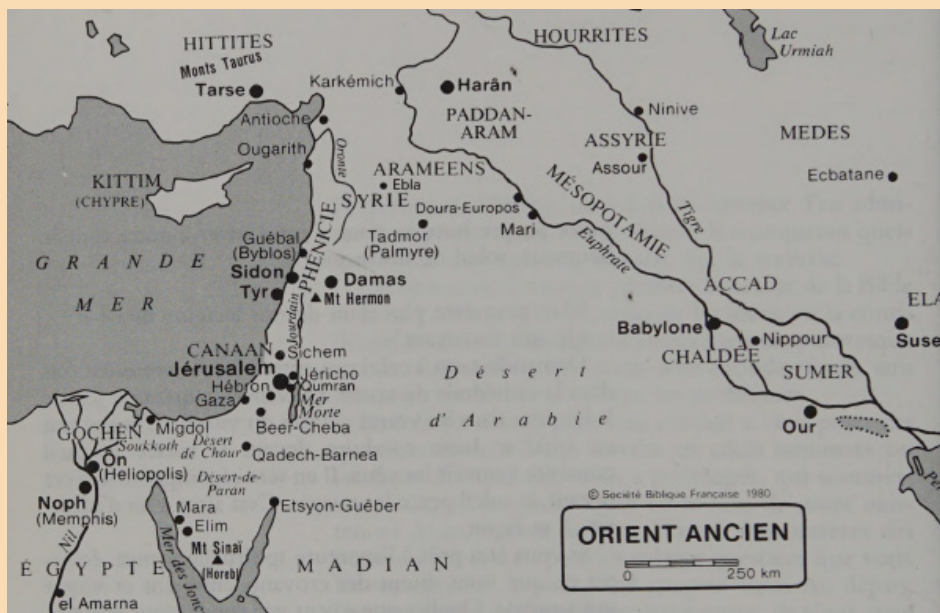
Nhưng có lẽ nhiều độc giả sẽ nói : «Tôi là người không tin !»

Có ai lần đầu bước vào nhà thờ mà được yêu cầu biết trước về hiệu ứng ánh sáng trên các ô cửa sổ kính màu không ? Điều quan trọng là anh ta để mình được dẫn đến trước cửa sổ hoa hồng và đồng ý mở mắt ra. Anh ta sẽ được đền đáp nếu lúc đó, mặt trời chiếu xuyên qua những đám mây. Sau đó, anh ấy sẽ phải tự mình chiêm ngưỡng theo cách riêng của mình.

Nếu bạn đã sẵn sàng cho cuộc phiêu lưu tâm linh, hãy đến, lắng nghe những gì các Kitô hữu nói và tự mình chứng kiến. Dù kết luận của bạn là gì, tùy thuộc vào đức tin cá nhân, bạn sẽ trở nên phong phú hơn sau cuộc trao đổi về những câu hỏi thiết yếu nhất của cuộc sống.

Tuy nhiên, chúng ta đừng vội đi sâu vào chi tiết của kiệt tác này ngay bây giờ. Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách khám phá toàn bộ nội dung mà nó phù hợp và mang đầy đủ ý nghĩa của nó. Trước khi mở Kinh Thánh và xem xét chi tiết các câu chuyện, chúng ta nên xem xét một số vấn đề chung mà nó nêu ra : đây chính là mục đích của phần đầu tiên trong tác phẩm này.

Khi đã thực hiện bước đầu tiên này, chúng ta sẽ có thể hiểu rõ hơn những điều mà những người quan sát quá vội vàng mới có thể không nhìn thấy : phần thứ hai của cuốn sách này sẽ cho phép chúng ta theo dõi quá trình khám phá phi thường, đó là khám phá chính Thiên Chúa.



PHẦN MỘT
KINH THÁNH :
MỘT CUỐN SÁCH ĐỌC NHẤT VÔ NHỊ

1) Kinh Thánh : một cuốn sách đề cập đến những sự thật cốt yếu

Có bao nhiêu độc giả vội vàng đóng Kinh Thánh lại sau khi đọc vài trang ! Họ từ chối coi trọng một tác phẩm mà với họ dường như chứa đầy những khẳng định đã bị khoa học hiện đại bác bỏ từ lâu. Họ cũng bị sốc bởi những câu chuyện mô tả bạo lực và tội phạm.

Do đó, điều quan trọng là phải loại bỏ một số ý niệm cố hữu làm sai lệch sự hiểu biết về văn bản. Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách làm rõ Kinh Thánh không phải là gì, trước khi chỉ ra những điều cần tìm kiếm trong đó.

Kinh Thánh không phải là gì

Kinh Thánh không phải là một cuốn sách khoa học tự nhiên

Các tác giả viết các văn bản Kinh Thánh đã bày tỏ niềm tin tôn giáo của mình bằng cách nhắc đến trình độ văn hóa và thông tin của thời đại họ. Chỉ cần nhớ thông điệp. Đây chính là điều xuất hiện trong các câu chuyện về nguồn gốc của trái đất và con người. Trong những câu chuyện này người ta khẳng định rằng toàn bộ Vũ trụ đều có nguồn gốc thực tại từ Thiên Chúa. Sách Sáng

Thế nêu rõ ràng, và cho mọi thời đại, rằng thế giới vật chất và nhân loại được thống nhất trong cùng một vận mệnh do Thiên Chúa định sẵn, một vận mệnh được thỏa hiệp bởi ý chí tự do của con người, những người ngay từ đầu đã nghiêng về cái ác bằng cách muốn hoàn toàn tự chủ.

Đây không phải là cuốn sách về lịch sử thế giới

Không còn nghi ngờ gì nữa, những chương đầu tiên của Sách Sáng Thế đã cung cấp cho chúng ta một số dấu hiệu về nguồn gốc của các chủng tộc và dân tộc khác nhau mà Israel đã tiếp xúc. Nhưng điều này có xu hướng chỉ ra rằng lịch sử của Israel phù hợp với một tổng thể và rằng dân tộc được Chúa chọn chỉ để làm tiên phong cho toàn thể nhân loại. Hệ thống quan hệ họ hàng dùng để cho chúng ta biết điều này là đáng ngờ, xét về mặt lịch sử. Nhưng nó cho chúng ta biết về niềm tin sâu sắc thúc đẩy những người có đức tin, ý thức được mối liên hệ thiết yếu với các dân tộc khác.

Trên thực tế, lịch sử được đề cập trong Kinh Thánh nằm ở một khu vực hạn chế : Cận Đông, nơi duy nhất mà các tác giả của nó biết đến. Nó chỉ liên quan đến mối quan hệ tồn tại giữa các đế chế Cận Đông cổ đại (Ai Cập, Assyria-Babylon, Ba Tư, Hy Lạp, La Mã) và người dân Israel. Nó không cho chúng ta biết bất cứ

điều gì về các nền văn minh cùng thời với nó : Ấn Độ, Trung Quốc hay Nhật Bản, các đế chế Châu Phi hay Châu Mỹ. Nó bỏ qua phần lớn châu Âu.

Kinh Thánh thậm chí không phải là cuốn sách ghi lại lịch sử Israel theo nghĩa chúng ta hiểu về lịch sử

Vì vậy, những người viết Kinh Thánh đôi khi sử dụng những truyền thống khác nhau liên quan đến những sự kiện họ tường thuật. Họ hoàn toàn không quan tâm đến việc hài hòa chúng bằng cách loại bỏ những mâu thuẫn có thể tồn tại giữa chúng. Họ giữ tất cả chúng, đến mức mà mỗi chúng đều cho phép họ thể hiện sự nhận thức trước Chúa.

Kinh Thánh không phải là một khóa học có hệ thống về tôn giáo hay đạo đức

Trong Cựu Ước, đôi khi chúng ta tìm thấy những ý tưởng về Thiên Chúa có vẻ rất lạ lẫm với chúng ta : chúng ta gán cho Ngài những ý định, đam mê, quyết định khiến chúng ta ngạc nhiên hoặc thậm chí thấy khó chịu. Với chúng ta, Thiên Chúa có vẻ rất giống con người : đôi khi Ngài tỏ ra ghen tuông, tức giận và ra lệnh thảm sát kẻ thù của Israel. Với chúng ta, một số nghi lễ tôn giáo dường như dựa trên phép thuật chứ không phải đức tin vào Thiên Chúa siêu việt. Tương tự

như vậy, một số chuẩn mực đạo đức của «những nhân chứng của Chúa» có vẻ kỳ lạ hoặc thậm chí gây sốc đối với chúng ta. Lịch sử thiêng liêng không phải là câu chuyện về những vị thánh nhỏ !

Kinh Thánh : Sự suy nghĩ của đức tin về Lịch sử toàn cầu

Một cuốn sách ký ức mà qua đó con người có thể hiểu được vận mệnh của mình

Vào những thời điểm nhất định trong cuộc sống, chúng ta cảm thấy cần phải suy ngẫm và nhìn lại quá khứ để hiểu «tại sao chúng ta lại rơi vào hoàn cảnh này». Đôi khi một số ký ức bị mờ nhạt. Sau đó, chúng ta có thể thử thăm vấn các nhân chứng để cố gắng tái hiện lại những sự kiện quan trọng đối với chúng ta. Nhưng những nhân chứng này có thể khác nhau, vì mỗi người nhớ về quá khứ theo tâm lý và sở thích của họ tại thời điểm đó.

Cũng có thể chúng ta tìm thấy một số dấu vết nhất định của quá khứ : chúng không trực tiếp cung cấp cho chúng ta sự thật, nhưng cho phép chúng ta khám phá lại những cảm xúc trước đây : hình ảnh, thi ca, thư từ.

Bằng cách kết hợp tất cả những yếu tố này, đôi khi rất đa dạng, chúng ta cảm thấy rằng mình sẽ không bao giờ có thể tái hiện lại hoàn toàn những gì đã xảy ra một cách khách quan. Nhưng có lẽ chúng ta sẽ thành công trong việc hiểu «điều gì đã diễn ra trong đầu chúng ta», và đó là điều quan trọng nhất. Trên thực tế, mục tiêu của chúng ta không phải là tái tạo lịch sử vì lợi ích của chính nó, mà là để nhìn rõ hơn vào hoàn cảnh hiện tại của chúng ta bằng cách nhớ lại các giai đoạn tiến hóa bên trong. Kinh Thánh được chuyển dịch sang cấp độ nhóm.

Một cách diễn giải lịch sử

Khi chúng ta nhớ lại những sự kiện trong quá khứ, mỗi quan tâm của chúng ta là khám phá ra chìa khóa để «hiểu» chúng. Vì vậy, chúng ta hãy cố gắng diễn giải chúng để hiểu được ý nghĩa của chúng.

Cách giải thích này rõ ràng sẽ ảnh hưởng đến cách chúng ta kể chuyện. Tùy thuộc vào thời điểm chúng ta thành công hay thất bại, sự thật sẽ không xuất hiện với chúng ta theo cùng một cách. Chúng ta sẽ không báo cáo chúng theo cùng một cách. Điều này không có nghĩa là những lời kể khác nhau mà chúng ta đưa ra về nó là sai sự thật. Đơn giản là chúng ta sẽ làm nổi bật những khía cạnh mới chỉ có thể hiểu được trong những

hoàn cảnh nhất định.

Phải sau khi sự việc xảy ra chúng ta mới hiểu. Nhưng chừng nào cuộc sống còn tiếp diễn, chúng ta sẽ không bao giờ ngừng hiểu biết. Những gì xảy ra trong suốt cuộc sống liên tục làm sáng tỏ những gì đã xảy ra trước đó.

Do đó, Kinh Thánh là sự quay trở lại liên tục với những trực giác cơ bản nhất định, liên tục được nhắc lại và diễn giải lại dưới góc độ của những sự kiện mới. Đối với những người Kitô hữu, sự kiện quan trọng nhất làm sáng tỏ quá khứ của dân Chúa chính là sự ra đời của Chúa Giêsu Kitô.

Nhưng nếu Chúa Giêsu soi sáng Kinh Thánh theo cách đặc biệt, điều đó không có nghĩa là chúng ta đã hiểu hết Kinh Thánh. Để làm được điều này chúng ta cần cả cuộc đời. Hơn nữa, nhân loại cần toàn bộ lịch sử của mình để nắm bắt được chiều sâu của những gì đã phôi thai ngay từ lúc ban đầu. Chính cây sồi cho thấy quả sồi là gì, từ đó đưa ra lời giải thích xác đáng nhất.

Lịch sử nhân loại : một câu chuyện tình yêu

Ngay từ đầu, dân Israel đã hiểu lịch sử là cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa, Đấng yêu thương con người và kêu gọi

con người đến với Ngài.

Đề hiểu sâu sắc một ai đó là điều khó khăn và cần có thời gian. Mỗi người luôn có một ý niệm nhỏ riêng về người kia, dựa trên sở thích và mong muốn của mình. Nhưng cái khác thì không bao giờ giống như những gì chúng ta tưởng tượng. Cuộc sống rất giỏi thể hiện điều này. Điều này có thể gây thất vọng. Nhưng việc mất đi một số ảo tưởng cũng có thể là nguồn gốc của một khám phá tuyệt vời. Vì vậy, tình yêu nồng nàn đưa hai con người đến với nhau có thể nhường chỗ cho lòng căm thù hoặc một tình yêu thậm chí còn mãnh liệt hơn. Chỉ có lịch sử mới cho chúng ta biết điều gì đã xảy ra.

Nhưng câu chuyện này phụ thuộc vào chúng ta. Chúng ta có thể khép mình lại với người khác, từ chối nhìn nhận họ như họ vốn có, chỉ thích theo đuổi ước mơ của mình. Vì vậy, thất bại là điều không thể tránh khỏi... trừ khi người kia yêu chúng ta đủ nhiều để giúp chúng ta vượt qua mọi trở ngại.

Đây là câu chuyện về dân Chúa được ghi lại trong Kinh Thánh. Các tác giả cung cấp cho chúng ta những tài liệu đánh dấu sự phát triển của cuộc gặp gỡ giữa con người và Thiên Chúa.

Đối với con người, cuộc gặp gỡ này thực sự khó khăn. Thật vậy, con người thích hình thành một ý niệm về Thiên Chúa đáp ứng được mong muốn tự phát của họ. Họ gặp khó khăn khi chấp nhận cuộc phiêu lưu khám phá ra Thiên Chúa đích thực, với tất cả những gì điều này hàm ý về việc từ bỏ khuynh hướng bản năng nhất của mình : muốn có mọi thứ ngay lập tức ; có Thiên Chúa là người bảo đảm cuộc sống và thành công mà không có rủi ro. Nhưng người nào không muốn mạo hiểm sẽ không bao giờ biết được cuộc phiêu lưu say đắm của tình yêu.

Kinh Thánh cho chúng ta biết dân được chọn (giống như chúng ta) vẫn tiếp tục xa lánh Thiên Chúa. Nhưng nó cũng cho thấy tình yêu của Thiên Chúa dành cho chúng ta mạnh mẽ hơn sự yếu đuối của chúng ta. Ngài cứ đến tìm chúng ta mãi. Qua các sự kiện, Ngài để mình được khám phá. Với sự kiên nhẫn tuyệt vời, Ngài đã dệt nên câu chuyện tình yêu này, ngay cả khi con người có ý định «bỏ cuộc». Cuối cùng, Ngài đã biểu lộ sự huy hoàng của tình yêu này nơi Chúa Giêsu, Đấng mà Ngài làm cho ánh sáng của Ngài chiếu tỏa trọn vẹn.

Đây là ý nghĩa nảy sinh từ những ký ức về quá khứ có trong Kinh Thánh. Đây là sự diễn giải lại cuối cùng về lịch sử loài người (và do đó là lịch sử riêng của chúng

ta) mà chúng ta được yêu cầu chấp nhận bằng đức tin.

Là một cuốn sách của con người, một cuốn sách do con người viết ra, Kinh Thánh ngay từ đầu đã là một cuốn sách về tâm linh.

Một cuốn sách tôn giáo khác biệt với tất cả những cuốn sách khác

Một cuốn sách tôn giáo, đó chính là Kinh Thánh !

Mọi thứ nơi Kinh Thánh đều hướng về Thiên Chúa. Ngài là nhân vật cốt yếu, là Đấng đang nói, là Đấng mà người ta nói cùng, là Đấng mà người ta nói về.

Nhưng Kinh Thánh có một đặc điểm độc đáo khiến nó khác biệt với tất cả các cuốn sách tâm linh vĩ đại khác của nhân loại : trong đó, sự Mặc khải của Thiên Chúa được ghi khắc trong vũ trụ loài người. Nó không đưa bạn đến một thế giới khác :

Kinh Thánh đề xuất nhận ra Thiên Chúa trong lịch sử cụ thể của chúng ta

Đã có những thời điểm mà những người sùng đạo đã từ chối Kinh Thánh. Họ không thể chấp nhận ý tưởng rằng Thiên Chúa siêu việt sẽ tự tỏ mình ra với con người thông qua một lịch sử «thực tế» và hạn hẹp như lịch sử

của người Do Thái. Làm sao chúng ta có thể thừa nhận rằng từ một nhóm người nhỏ bé như vậy lại có thể đưa ra một Lời Mặc Khải có giá trị cho tất cả mọi người ?

Nhưng dân tộc nhỏ bé này chính là sự phản ánh toàn bộ nhân loại của chúng ta, những con người đầu tiên chờ đợi để được uống, được ăn, được yêu, được sống trong sự tự do tối thiểu. Và đó là nhân loại mà Thiên Chúa muốn mời gọi con người đến với cuộc sống viên mãn.

Vì vậy, Thiên Chúa của Kinh Thánh không phải là «Thiên Chúa của các tôn giáo lớn» cũng không phải là «Thiên Chúa của các nhà tư tưởng». Ngài là Thiên Chúa, Đáng tự nhận mình là bạn của con người, là Đáng quan tâm đến những người lạc lối nhất, cũng giống như trong quá khứ Ngài quan tâm đến một số bộ lạc lang thang trong sa mạc hoặc phải chịu những điều kiện khắc nghiệt của những người lao động nước ngoài.

Kinh Thánh : một ánh sáng trên đường chúng ta

Đôi khi, khi chúng ta không còn nhìn rõ cuộc sống của mình, khi chúng ta cảm thấy lạc lõng, chúng ta thật may mắn khi gặp được một người giúp chúng ta tìm

lại con đường của mình. Ngài hiếm khi giúp chúng ta bằng cách cho chúng ta lời khuyên như thể Ngài có thể đặt mình vào vị trí của chúng ta. Thông thường hơn, đó là bằng cách suy ngẫm về trải nghiệm của chính mình trước mặt chúng ta. Bởi vì theo cách này, nó giúp chúng ta tự suy ngẫm về chính mình. Kinh Thánh cũng vậy. Được viết vào thời đại khác với thời đại của chúng ta, tác phẩm này không thể trả lời mọi câu hỏi cụ thể của chúng ta vì tác giả không ở trong hoàn cảnh của chúng ta. Nhưng bằng cách lắng nghe họ chia sẻ với chúng ta những khám phá, sự lúng túng, khó khăn, nghi ngờ và sự chắc chắn đột ngột của họ, chúng ta có thể tự mình tìm thấy ánh sáng trên con đường của riêng mình.

Khả năng giao tiếp với Mặc Khải của Thiên Chúa như tất cả những nhân chứng này làm cho biết, các tín đồ gọi là ân điển. Họ muốn nhấn mạnh rằng họ coi đó là món quà của Thiên Chúa. Bởi vì chính Ngài ban cho chúng ta tầm nhìn sáng suốt, và do đó, cho phép chúng ta sống một cách chân thực.

Kinh Thánh họ biến cuộc sống của mình thành một câu chuyện tương tự như câu chuyện được kể trong Kinh Thánh : một cuộc phiêu lưu khám phá Thiên Chúa trong tình yêu.

Kinh Thánh thực hiện điều này bằng cách đề xuất đối thoại với anh em, tham gia vào những dân tộc không bao giờ ngừng suy ngẫm Lời Chúa.

KIỂM TRA BẠN CÓ HIỂU ĐÚNG KHÔNG

Bạn có thể trả lời những người phản đối :

- Làm sao chúng ta có thể tin một cuốn sách nói rằng trái đất được tạo ra trong bảy ngày, khi khoa học đã chứng minh rõ ràng rằng điều này không đúng ?
- Làm sao chúng ta có thể tin những câu chuyện có nội dung mâu thuẫn ?
- Làm sao chúng ta có thể tin cậy một Thiên Chúa đã đối xử tàn nhẫn với kẻ thù của dân được chọn ?
- Có thể có điều gì thú vị ở một cuốn sách kể cho chúng ta một câu chuyện cũ mà chúng ta hoàn toàn không quen thuộc ?

HÃY TỰ SUY NGHĨ

- Bạn có bao giờ tự hỏi về ý nghĩa của những sự kiện trong quá khứ trong cuộc sống của mình không ? Điều này có giúp bạn nhìn rõ hơn không, hay bạn cảm thấy lạc lõng hơn ?
- Bạn đã bao giờ gặp ai đó giúp bạn nhìn nhận lại quá khứ của mình rõ ràng hơn bằng cách kể cho bạn nghe về cách họ tự nhìn nhận lại quá khứ của mình chưa ?
- Bạn đã sẵn sàng từ bỏ «tôn giáo nhỏ bé» của mình và bắt đầu tìm kiếm bằng cách đối thoại với những người đã bắt đầu cuộc phiêu lưu tìm kiếm Thiên Chúa thực sự chưa ?

**Thứ tự các sách trong Kinh Thánh
(theo bản dịch của Nhóm Các Giờ Kinh
Phụng Vụ)**

CỰU ƯỚC

Ngũ thư

Sách Sáng Thế
Sách Xuất Hành
Sách Lê-vi
Sách Dân Số
Sách Đệ Nhị Luật

Các Sách Lịch Sử

Sách Giô-suê
Sách Thủ Lãnh
Sách Rút
Sách Sa-mu-en 1
Sách Sa-mu-en 2
Sách Các Vua 1
Sách Các Vua 2
Sách Sử Biên 1
Sách Sử Biên 2
Sách Êt-ra
Sách Nơ-khe-mi-a

Sách Tô-bi-a

Sách Giu-đi-tha

Sách Êt-te

Sách Ma-ca-bê 1

Sách Ma-ca-bê 2

Các Sách Giáo Huấn

Sách Gióp

Sách Thánh Vịnh

Sách Châm Ngôn

Sách Giảng Viên

Sách Diễm Ca

Sách Khôn Ngoan

Sách Huấn Ca

Các Sách Ngôn Sứ

Sách Ngôn Sứ I-sai-a

Sách Ngôn Sứ Giê-rê-mi-a

Sách Ai Ca

Sách Ba-rúc

Sách Ngôn Sứ Ê-dê-ki-en

Sách Ngôn Sứ Đa-ni-en

Sách Ngôn Sứ Hô-sê

Sách Ngôn Sứ Giô-en

Sách Ngôn Sứ A-mốt

Sách Ngôn Sứ Ô-va-đi-a
Sách Ngôn Sứ Giô-na
Sách Ngôn Sứ Mi-kha
Sách Ngôn Sứ Na-khum
Sách Ngôn Sứ Kha-ba-cúc
Sách Ngôn Sứ Xô-phô-ni-a
Sách Ngôn Sứ Khác-gai
Sách Ngôn Sứ Da-ca-ri-a
Sách Ngôn Sứ Ma-la-khi

TÂN ƯỚC

Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu
Tin Mừng theo Thánh Mác-cô
Tin Mừng theo Thánh Lu-ca
Tin Mừng theo Thánh Gio-an

Sách Công Vụ Tông Đồ

Thư gửi tín hữu Rô-ma
Thư 1 gửi tín hữu Cô-rin-tô
Thư 2 gửi tín hữu Cô-rin-tô
Thư gửi tín hữu Ga-lát
Thư gửi tín hữu Ê-phê-xô
Thư gửi tín hữu Phi-líp-phê
Thư gửi tín hữu Cô-lô-xê
Thư 1 gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca

Thư 2 gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca

Thư 1 gửi ông Ti-mô-thê

Thư 2 gửi ông Ti-mô-thê

Thư gửi ông Ti-tô

Thư gửi ông Phi-lê-môn

Thư gửi tín hữu Do-thái

Thư của Thánh Gia-cô-bê

Thư 1 của Thánh Phê-rô

Thư 2 của Thánh Phê-rô

Thư 1 của Thánh Gio-an

Thư 2 của Thánh Gio-an

Thư 3 của Thánh Gio-an

Thư của Thánh Giu-đa

Sách Khải Huyền

2) Kinh Thánh : một tổng thể phức tạp trong đó điều quan trọng nhất là phải tìm ra phương hướng của mình

Một thư viện thực sự

Từ Kinh Thánh xuất phát từ tiếng Hy Lạp *biblion* : «sách», số nhiều là *biblia*. Trong Giáo hội sơ khai, bộ sưu tập các tác phẩm được đọc trong nghi lễ phụng vụ được gọi là *biblia hagia*, «sách thánh». Qua tiếng Latin, từ này trở thành dạng số ít giống cái : Kinh Thánh. Trên thực tế, «cuốn sách» này là một thư viện rộng lớn. Vậy nó chứa những gì ?

Để có ý tưởng đầu tiên về nội dung của một cuốn sách, chúng ta bắt đầu bằng cách xem mục lục. Do đó, chúng ta hãy xem xét bản dịch của *Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ*. Điều đầu tiên đáng chú ý là đây rõ ràng không phải là một «mục lục» thông thường mà là một bảng phân loại. Điều này là bình thường nếu Kinh Thánh không phải là một cuốn sách duy nhất, mà là tập hợp nhiều sách được tập hợp lại thành một tác phẩm duy nhất.

Một sự phân biệt cần thiết : Cựu Ước và Tân Ước

Trong sự phân loại này, có một sự phân biệt lớn : sự phân biệt giữa CỰU ƯỚC và TÂN ƯỚC.

Từ di chúc không mang ý nghĩa mà chúng ta thường hiểu : một hành vi pháp lý mà qua đó một người quyết định tài sản của mình sẽ được chia như thế nào giữa những người thừa kế. Thuật ngữ này có nguồn gốc từ tiếng Latin, được dùng để dịch một từ tiếng Do Thái mà chúng ta dịch sang tiếng Pháp là Giao Ước. *Cựu Ước* là giao ước giữa Thiên Chúa và loài người như người Do Thái, rồi đến người Do Thái, những người kế thừa họ, đã khám phá ra ; mở rộng ra, đó là bộ sách thể hiện mối quan hệ liên minh này. *Tân Ước* là hình thức mối quan hệ mới với Thiên Chúa mà các tín đồ khám phá ra qua lời nói và cuộc sống của Chúa Giêsu. Mở rộng ra, cách diễn đạt này cũng chỉ những cuốn sách mà họ đã làm chứng về niềm tin của mình.

Sự phân biệt đầu tiên này giải thích tại sao các phiên bản Kinh Thánh của người Do Thái và Kitô giáo lại không có cùng nội dung. Ngoài «Kinh Thánh» mà họ lấy từ Do Thái giáo, những người Kitô hữu đã bổ sung thêm một bộ sưu tập các tác phẩm bổ sung, đó là Tân

Ước, trong đó họ bày tỏ sự hiểu biết mới của mình về lịch sử quá khứ, vốn là điểm chung của cả hai tôn giáo. Rõ ràng là Kinh Thánh Do Thái chỉ có Cựu Ước.

Mục lục khác nhau tùy theo từng phiên bản của Kinh Thánh

Nhưng có một điều bất ngờ đang chờ đợi chúng ta.

Chúng tôi vừa trình bày mục lục của *Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ*. Nhưng nếu chúng ta so sánh nó với các phiên bản khác của Kinh Thánh, có lẽ chúng ta sẽ thấy rằng nó không giống nhau. Để làm gì ?

Điều này cần một lời giải thích để giới thiệu một khái niệm quan trọng : tính *chuẩn mực*. Điều này sẽ giúp chúng ta hiểu được cách thức bộ sưu tập tác phẩm này, tức là Kinh Thánh, được biên soạn.

Hai «kinh điển» của Kinh Thánh Do Thái

Lời mở đầu cho sách Sirach và Sir 49-50; Lu-ca 24:27, 44

Việc viết Kinh Thánh mất tới vài thế kỷ. Thành phần chính thức của nó đã được công nhận qua nhiều thời đại bởi sự đồng thuận chung của các tín hữu. Văn bản của riêng Kinh Thánh bao gồm, ở đây, có một số danh sách

sách nằm trong bộ sưu tập được công nhận.

Ngày nay, người ta thường cho rằng việc khép lại Cựu Ước là công trình của Viện Hàn lâm Do Thái (*yeshiva*) được thành lập tại Jamnia (hay Jabneh) sau khi Giê-ru-sa-lem thất thủ và Đền thờ bị phá hủy. Trong số những nhiệm vụ khác, Viện Hàn lâm Do Thái phải thiết lập một quy tắc để xác định liệu một số cuốn sách đang gây tranh cãi có thuộc về «sách thánh» hay không, tức là thuộc *kinh điển*. Người ta lưu ý rằng các giáo sĩ Do Thái Palestine cuối cùng đã có xu hướng chào đón những cuốn sách ban đầu được viết bằng tiếng Do Thái và có niên đại chắc chắn ¹. Những cuốn sách mà họ từ chối sau này được gọi là *Apocryphes*, một tên gọi cho thấy nguồn gốc của chúng bị che giấu và do đó gây nhiều nghi ngờ.

Ngay từ thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên, tại Alexandrie đã có một bản dịch Kinh Thánh tiếng Hy Lạp nổi tiếng. Bản này được gọi là *Septante* (viết tắt : LXX, có nghĩa là bảy mươi). Tên gọi này xuất phát từ thực tế rằng, theo một truyền thống lâu đời, bản dịch này được thực hiện bởi bảy mươi nhà thông thái. Nó 1 Theo Talmud, họ phải thuộc về truyền thống của Đại giáo đường Do Thái, được thành lập dưới thời Ezra (xem Neh 8-10), kết thúc với cái chết của Simon the Just, dưới thời Alexander Đại đế (Tractate Aboth, Seder nezikîn, trên 1.2, và Yoma 69a).

dành cho những người Do Thái phân tán khắp thế giới Hy Lạp, cho những cộng đồng người Do Thái lưu vong *diaspora* (của những người phân tán). Bản *Septante* đôi khi dịch một văn bản tiếng Do Thái khác với văn bản được lưu giữ trong Kinh Thánh tiếng Do Thái. Hoặc nó đưa ra một số biến thể nhất định vào văn bản gốc để thích ứng với tâm lý của độc giả chịu ảnh hưởng của một nền văn hóa mới. Nó cũng bảo tồn một số văn bản gốc tiếng Do Thái đã bị mất và trên hết là bổ sung thêm những văn bản mới được viết trực tiếp bằng tiếng Hy Lạp. Cuối cùng Kinh Thánh ấy đã sắp xếp các cuốn sách theo thứ tự khác. Người Do Thái ở Palestine đã bác bỏ những khác biệt và sự mới lạ này². Do đó, trong một thời gian rất dài, đã có hai danh sách «Kinh Thánh» chính thức có đôi chút khác biệt.

Kinh Thánh Kitô Giáo

Đối với những người Kitô hữu đầu tiên, những người có cộng đồng xuất hiện trước khi «Tân Ước» được viết ra, thì «Kinh Thánh» chính là CỰU ƯỚC. Tuy nhiên, một cách tự nhiên, những người sống tiếp xúc với người 2 Việc xuất bản LXX đã trở thành ngày ăn chay và than khóc của người Do Thái «để chuộc tội lỗi đã phạm phải khi Kinh Torah được truyền đạt bằng ngôn ngữ của các dân tộc» (Tal-mud, chú thích của Meg. Ta'an, 50).

Do Thái ở Palestine đã áp dụng kinh điển tiếng Do Thái, trong khi những người sống ở thế giới Hy Lạp và nói tiếng Hy Lạp lại sử dụng bản Septante.

Sự khác biệt này vẫn tiếp tục cho đến ngày nay. Các Hội thánh Tin Lành đã tiếp thu truyền thống của kinh điển Do Thái, thường được gọi là kinh điển Palestine. Kinh Thánh của họ thường chỉ chứa các tác phẩm trong danh sách ngắn (được chỉ định từ Sixte de Sienne, vào thế kỷ 16 dưới tên gọi là *protocanonicals*, nghĩa là thuộc về *kinh điển đầu tiên*). Các Hội thánh Tin Lành coi những cuốn sách bổ sung có trong Kinh Thánh tiếng Hy Lạp là sách ngụ thư *apocryphes*.

Về phần mình, các Giáo hội Công giáo luôn tuân theo bản Septante. Do đó, Kinh Thánh của họ bao gồm thêm các tác phẩm khác mà họ thường gọi là *deuterocanonicals* (tức là thuộc về *kinh điển thứ hai*).

Bản dịch Kinh Thánh chung (TOB), được thực hiện bởi tất cả các Giáo hội, cung cấp tất cả các sách của cả hai kinh điển. Nhưng nó loại bỏ những người không thuộc nhóm đầu tiên.

Điều này giải thích sự khác biệt về nội dung hoặc cách phân loại Kinh Thánh của chúng ta liên quan đến Cựu Ước.

Khi người Do Thái tản mác khắp thế giới, Kinh Thánh được lan truyền ! CUỘC DI CƯ

Trong Tin Mừng theo Thánh Gio-an 7:35, khi Chúa Giê-su nói về cái chết sắp xảy ra của mình dưới dạng một cuộc hành trình, người Do Thái đã hiểu lầm. Họ tưởng tượng rằng Chúa Giê-su thực sự sẽ lên đường để đến «với những người đang tản mác giữa dân Hy Lạp».

Câu thành ngữ này, dành cho những người bị phân tán, đề cập đến một sự kiện lịch sử có tầm quan trọng cao nhất đối với việc truyền bá thông điệp Kinh Thánh.

- Từ tiếng Hy Lạp *DIASPORA*, thường được dùng như vậy trong tiếng Pháp, nên được dịch là phổ biến, vì ý tưởng của từ này thực sự là đi gieo rắc ở nơi khác một tinh thần, một lời hứa và một Cuốn sách. Các thuộc địa Do Thái bên ngoài Palestine luôn là phương tiện truyền bá Đức tin.

- Người ta không thực sự rõ ràng về nguồn gốc của cuộc di cư này. Nó có thể có niên đại từ thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên. - Trong mọi trường hợp, những thăng trầm của Lịch sử luôn gây ra những cuộc di cư dân số, với sự hòa nhập dân số, với sự hòa nhập ít nhiều mang tính quyết định, với sự thích nghi chiến thắng của họ tại nơi định cư mới.

- Một sự kiện quan trọng trên con đường mở rộng của Do Thái giáo là việc hoàn thành bản dịch tiếng Alexandrie của bản *Septante* : hay nói cách khác, là Kinh Thánh tiếng Hy Lạp. Hiện nay (từ năm 150 trước Công nguyên), đây là di tích chứng thực sự hiện diện của một thuộc địa Do Thái thịnh vượng ở Ai Cập... nơi không còn hiểu tiếng Do Thái nữa ! - Phiên bản chính thức này được biên soạn dành cho họ.

- Vào thời Chúa Jesus, sự xâm nhập của cộng đồng Do Thái vào thế giới La Mã đã diễn ra đến mức người ta ước tính cứ mười cư dân của Rome thì có một người là người Do Thái (tương đương với 40.000 đối với «hội đường» duy nhất này) trong khi ở Alexandrie có tới 100.000 người.

- Từ «hội đường» vừa được sử dụng một cách có chủ ý. Thật đáng chú ý khi mạng lưới hội đường Do Thái trong thế giới cổ đại lại là kênh đầu tiên truyền bá... đức tin Kitô giáo ! - Chúa Giêsu, sau đó là Phaolô và các tông đồ khác trước tiên giảng dạy trong các hội đường. Họ thường sử dụng tiếng Hy Lạp, vốn đã trở thành ngôn ngữ quốc tế (đó là lý do tại sao Tân Ước được viết bằng ngôn ngữ này). Hơn nữa, một cách bất ngờ, những người Kitô hữu đã chiếm đoạt Kinh Thánh tiếng Hy Lạp của bản *Septante* một cách lương thiện

đến nổi, như một phản ứng, những người Do Thái theo phái Phariseu đã sống sót sau sự tàn phá của Giê-ru-sa-lem và Đền thờ (năm 70 sau Công nguyên), đã phát triển vị thế chính thức của Kinh Thánh tiếng Do Thái như một loại biện pháp phòng thủ.

Cuối cùng, những người tín hữu ngày nay là người hưởng lợi từ cả hai phong trào. Họ là lý do tại sao các tín hữu sở hữu một quyển Kinh Thánh hoàn chỉnh, được bảo quản cẩn thận để tránh bị giả mạo.

TÂN ƯỚC đặt ra ít vấn đề hơn. Rất nhanh chóng, những người Kitô hữu đầu tiên đã thu thập và phân phát những tác phẩm đầu tiên thể hiện sự mới mẻ trong đức tin của họ. Họ phân loại giữa những tác phẩm mà họ cho là phù hợp với thông điệp truyền giáo và những tác phẩm chứa đựng những yếu tố đáng ngờ hoặc hoàn toàn đáng ngờ. Đầu tiên được tuyên bố là chuẩn mực. Những tài liệu sau này bị coi là ngụy tạo. Đôi khi có sự do dự về một số văn bản. Ngày nay, tất cả các giáo phái Kitô giáo đều chấp nhận danh sách tương tự.

Chế độ phân loại

CỰU ƯỚC : phương pháp phân loại thay đổi tùy theo từng phiên bản.

- Tất cả các bản Kinh Thánh luôn có năm cuốn sách được đặt tên theo tiếng Hy Lạp là **Ngũ Thư** ở phần đầu. Đây là những tác phẩm cơ bản của Cựu Ước, những tác phẩm diễn tả sự Mặc Khải cốt yếu mà chúng ta không bao giờ ngừng suy ngẫm và là nội dung mà tất cả các sách khác đều nhắc đến.

Từ đây, các phân loại trở nên khác nhau.

Chúng ta hãy bắt đầu với một trong số chúng, thường được sử dụng trong Kinh Thánh Kitô giáo, nhưng khác với TOB thuộc kinh điển tiếng Do Thái. Điều này sẽ cho phép so sánh.

- **Các Sách Lịch Sử.** Chúng không phải lúc nào cũng mang tính «lịch sử» theo nghĩa thông thường của thuật ngữ này. Nhưng họ luôn trình bày việc khám phá ra Thiên Chúa thông qua một câu chuyện cụ thể, ngay cả khi câu chuyện đó mang tính chất của một câu chuyện cổ tích. Trong Kinh Thánh Do Thái, những tác phẩm này được gọi là những *nhà tiên tri đầu tiên*, theo cách gọi của người Do Thái. Điều này tránh được từ «lịch sử» gây nhầm lẫn. Tên gọi này được biện minh bởi thực tế là quyền lãnh đạo tinh thần của dân tộc được giao phó cho những người được Thiên Chúa nêu lên một cách rõ ràng (Giô-suê... Sa-mu-en... Đa-vít... và nhiều người khác) và *qua miệng họ, Thiên Chúa phán* : theo

nghĩa này, họ thực sự là các tiên tri. Trong Kinh Thánh Công Giáo, các sách Tô-bi-a, Judith và Ma-ca-bê cũng được xếp vào mục «sách lịch sử». Ngược lại, trong Kinh Thánh Tin lành, chúng thường không được đưa vào hoặc được nhóm lại ở phần cuối Cựu Ước, cũng giống như trong Kinh Thánh TOB.

Sách Êt-te, có cả phiên bản tiếng Do Thái (bản tóm tắt) và tiếng Hy Lạp (có phần bổ sung), được phân loại là một cuốn sách lịch sử trong kinh điển Alexandrie. Trong TOB, theo dạng tiếng Do Thái, nó được đặt dưới tiêu đề «Các tác phẩm khác», trong khi theo dạng tiếng Hy Lạp, nó được phân loại là deuterocanonique và được chuyển đến cuối Cựu Ước.

• **Sách Thi Ca và Sách Giáo Huấn.** Họ không còn nhắc đến những câu chuyện cụ thể nữa mà thể hiện sự suy ngẫm, cầu nguyện.

Trong Kinh Thánh tiếng Do Thái, ở một số phiên bản, chúng được phân loại dưới tiêu đề «Các tác phẩm khác».

Sách Khôn Ngoan và Siracide (sách sau còn được gọi là «Ecclesiastique», không nên nhầm lẫn với «Ecclesiastes») là sách deuterocanoniques. Trong Kinh Thánh Tin lành, khi chúng xuất hiện, và trong TOB,

chúng được đặt ở phần cuối Cựu Ước.

- **Các Sách Ngôn Sứ.** Chúng tập hợp các bài phát biểu và lời tuyên bố được đưa ra cho người dân Israel tại một số thời điểm quan trọng trong lịch sử của những nhân vật thể hiện thẩm quyền và sự sáng suốt đáng kinh ngạc (các nhà tiên tri).

Người ta thường phân biệt giữa các tiên tri lớn (sự vĩ đại của họ được xem xét trên hết theo độ dài các tác phẩm của họ) và mười hai tiên tri nhỏ. Sách của «nhà tiên tri vĩ đại» Đa-ni-en đôi khi cũng được xếp vào mục «các tác phẩm khác» (đây cũng là trường hợp trong TOB). Đây thực sự là một bài viết rất đặc biệt mà chúng ta sẽ phải bình luận. Bản dịch TOB cũng chuyển sách Ca thương (thường gọi là Giê-rê-mi-a) vào thể loại cuối cùng này, nhưng thực chất đây chỉ là phần phụ lục của bộ sưu tập các sách tiên tri. Mặt khác, nó phân loại các sách tiên tri được gọi là «Các nhà tiên tri cuối cùng» vào thể loại chung hơn là «sách tiên tri», với «Các nhà tiên tri đầu tiên». Cuối cùng, nó gạt sang một bên Sách Ba-rúc và Sách Ngôn Sứ Giê-rê-mi-a, cả hai đều thuộc deuterocanoniques.

TÂN ƯỚC : thứ tự luôn luôn giống nhau.

- Bốn sách Tin Mừng,
- Công vụ Tông đồ,
- các lá thư hoặc thư gửi tín hữu của các tông đồ khác nhau (bắt đầu với những lá thư của Phao-lô, nhiều nhất),
- Sách Khải Huyền.

Phân chia Kinh Thánh theo CHƯƠNG và CÂU không phải là «bản gốc» ...

Cách trình bày sách hiện đại, có trang tiêu đề, chương, mục lục, đã dần được phát triển trong thời kỳ Phục hưng. Những cuốn sách đầu tiên được mô phỏng theo bản thảo và chỉ có một văn bản dài liên tục từ trang đầu đến trang cuối. Kinh Thánh cũng không ngoại lệ với luật này. Nhưng một lần nữa, Kinh Thánh lại là một cuốn sách riêng. Một mặt, đây là cuốn sách được viết ra để đọc trước công chúng. Mặt khác, đây là cuốn sách dùng để học hỏi.

• Do đó, ngay từ đầu, hội đường Do Thái đã chia sẻ Cựu Ước tiếng Do Thái thành các phần đọc hàng tuần.

Những phần này kéo dài thời gian đọc toàn bộ Kinh Thánh trong vòng một hoặc ba năm. Chúng ta thấy nguồn gốc của «danh sách» đọc hiện tại của chúng ta...

Hơn nữa, trong thời Trung cổ, những người Masoretes hay các chuyên gia Do Thái phụ trách biên soạn và bảo tồn văn bản chính xác của Kinh Thánh đã tưởng tượng ra việc chia Kinh Thánh thành các *câu thơ* vì mục đích này. Cần lưu ý rằng những phân chia này không xuất hiện trong «Cuộn sách» của hội đường Do Thái dành cho việc thờ cúng, văn bản trong đó không chứa bất kỳ dấu hiệu bổ sung nào.

- Nhưng nếu ý tưởng phân chia các sách thánh thành các chương và các câu đã cũ như chính Kinh Thánh, những hệ thống khác nhau được hình dung và sử dụng qua nhiều thế kỷ không phải là cơ sở các phân chia hiện tại của chúng ta.

Các phân chia hiện tại

Sự phân chia hiện tại của chúng ta theo **chương** dường như được phác thảo vào thế kỷ 11, bởi LANFRANC, cố vấn của Guillaume le Conquérant. Vào đầu thế kỷ 13, tại Paris, Stéphane LANGTON, giáo sư tại Sorbonne, Tổng giám mục tương lai của Cantorbery, đã tiếp tục quản lý và hoàn thành sản phẩm này. Ông thiết lập sự

phân chia thành các chương gần như bằng nhau, là nguyên mẫu của những chương trình trong Kinh Thánh của chúng ta. Các tiến sĩ của Đại học Paris đã chấp nhận nó, qua đó tôn vinh giá trị của nó trước Giáo hội. Vào khoảng năm 1226, những người bán sách ở Paris đã đưa nó vào Kinh Thánh bằng tiếng Latin, Vulgate, từ đây gọi là «Kinh Thánh Paris». Từ đó trở đi, sự phân chia này đã trở thành phổ quát. Về phần mình, người Do Thái đã áp dụng phương pháp này vào đầu thế kỷ 16 cho bản in Kinh Thánh đầu tiên của họ.

- «Các **câu** hoặc các phần văn bản trong các câu ngắn cung cấp ý nghĩa đầy đủ và có sự thống nhất về nhịp điệu, ban đầu được hình thành để bổ sung cho dấu câu». Đây là định nghĩa được đưa ra bởi Larousse. Người Hy Lạp và người La Mã, trong văn xuôi cũng như thơ ca, đều chú trọng đến từng câu thơ, điều này giúp tạo nhịp điệu cho giọng nói của người đọc và... tính toán dễ dàng hơn mức lương của người sao chép ! Thánh Jerome được cho là đã giới thiệu sự *sắp xếp* này trong các câu thơ vào Kinh Thánh.

Cuốn sách Kinh Thánh đầu tiên được in theo cách trình bày này tất nhiên là Sách Thánh Vịnh. Hãy chứng kiến *Psalterium quintuplex* của Lefèvre d'Etaples, với các câu thơ được đánh số lần đầu tiên, được xuất bản

vào năm 1509, tại Paris, bởi HENRI 1er ESTIENNE, người đứng đầu triều đại in ấn Tin lành vĩ đại này, những người đã để lại dấu ấn của mình trong thế giới nghiên cứu xuất bản bằng sự độc đáo của họ từ Paris đến Genève và trong suốt thế kỷ 16, để lại dấu ấn của mình trên thế giới giáo dục đại học và xuất bản với sự độc đáo của nó.

- ROBERT 1er ESTIENNE, con trai của Henry 1er, người giữ danh hiệu uy tín là Nhà in của Nhà vua cho tiếng Do Thái, tiếng La-tinh và tiếng Hy Lạp, đã phát triển và phổ biến việc *đánh số câu cho toàn bộ Kinh Thánh*. Ông đã áp dụng cách phân chia SANTE PAGNINO cho các sách nguyên thủy của Cựu Ước. Sante Pagnino là một tu sĩ dòng Đa-minh người Ý vào cuối thế kỷ 15, người đã đánh số các câu trong toàn bộ Kinh Thánh tiếng La-tinh ở lề sách (tuy nhiên không sắp xếp chúng thành từng câu). Cuốn Kinh Thánh này của Pagnino xuất hiện lần đầu tiên tại Lyon vào năm 1528.

Đối với các sách deuterocanoniques và toàn bộ Tân Ước Hy Lạp, Robert Estienne đã tự mình phát triển một cách đánh số mới. Con trai của ông, Henry II, kể lại rằng ông đã thực hiện công việc này trong chuyến hành trình cưỡi ngựa từ Paris đến Lyon... Lần đầu tiên ông xuất

bản Tân Ước bằng tiếng Hy Lạp vào năm 1551. Sau đó, vào năm 1555, ông xuất bản toàn bộ Kinh Thánh bằng tiếng La-tinh. Số câu được ghi ở *bên lề* trong tất cả các phiên bản Kinh Thánh của ông. Thực vậy, trong tất cả các phiên bản của Kinh Thánh và Tân Ước, các câu đều bắt đầu bằng xuống dòng : đây là đặc điểm riêng của Robert Estienne, và sẽ được các mục sư ở Genève và Bâle tiếp tục áp dụng. Cuối cùng, vào năm 1565, Théodore de BEZE đã viết số câu *bên trong* chính văn bản.

- Việc sử dụng cách phân chia thành các chương và câu được đánh số bằng chữ số «Ả Rập» hiện nay giúp có thể tìm thấy ngay một đoạn Kinh Thánh, bất kể bộ cục của phiên bản đó như thế nào.

Một kết luận thực tế

Phương pháp phân loại này cho thấy rõ ràng rằng không nên đọc Kinh Thánh theo thứ tự từ sách đầu tiên đến sách cuối cùng. Trước hết, vì một số tác phẩm hoặc một số đoạn văn thực hiện một chức năng trong toàn bộ tác phẩm, không phải lúc nào cũng mang lại nhiều sự thú vị nếu chúng ta chỉ xem xét riêng chúng. Nhưng cũng bởi vì một số cuốn sách được phân loại thành các phần khác nhau, có sự tương ứng và do đó sẽ tốt hơn khi đọc cùng nhau : ví dụ, về chủ đề lịch sử khủng

hoảng chính trị vào thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên. Trước Công nguyên, cần phải xem xét *Sách Các Vua* và *Sách Sử Biên*, các văn bản của *Sách Ngôn Sứ I-sai-a* và *Sách Ngôn Sứ Mi-kha* và một số *Sách Thánh Vịnh*. Thậm chí còn có lợi khi kết hợp việc đọc các văn bản từ



Chúa Kitô nơi trung tâm của Kinh Thánh (Chartres)

Biểu tượng này được lấy cảm hứng từ ch. 1 của *Sách Ngôn Sứ Ê-dê-ki-en* mô tả thánh sử Lu-ca là một thiên thần, Gio-an là một con đại bàng, Mác-cô là một con sư tử và Mát-thêu là một con bò đực.

Cựu Ước và Tân Ước, ví dụ, hãy tự hỏi xem Chúa Giêsu và những Kitô hữu đầu tiên đã hiểu thế nào về lời hứa với vua Đa-vít rằng vương quốc của ông sẽ tồn tại mãi mãi.

Khi đến thăm một quốc gia, người ta không chia thời gian của mình thành : ngày đầu tiên, tham quan bảo tàng ; sau đó, khám phá cảnh quan ; sau đó trò chuyện với người dân địa phương ; cuối cùng là ẩm thực. Mọi thứ đều bị lẫn lộn. Trong Kinh Thánh cũng vậy.

Phần này giải thích phương pháp chúng tôi sẽ thực hiện trong «hướng dẫn» này. Chúng tôi sẽ trình bày các giai đoạn chính của Sách Khải Huyền trong suốt lịch sử của dân tộc Israel và sẽ quay trở lại các sách Kinh Thánh có liên quan, mỗi sách được trình bày theo ý nghĩa riêng của nó trong bộ này.

Chúng tôi xin làm rõ rằng những ngày được nêu là những ngày được đề xuất trong phần giới thiệu của TOB, nhưng một số người có thể nghi ngờ.

Làm sao để tìm đường đi trong từng cuốn sách ?

Chúng tôi vừa nêu cách phân loại «thư viện» của chúng tôi. Vậy là chúng ta đã có cách để tìm kiếm một cuốn sách.

Nhưng làm sao để tìm được một đoạn văn cho sẵn?

Từ thế kỷ 16 (có lẽ là nhờ Robert Estienne, một thợ in tiếng Hy Lạp và tiếng Do Thái), chúng ta đã có một hệ thống thuận tiện để định vị một đoạn văn nhất định trong Kinh Thánh, trong bất kỳ phiên bản cổ đại hay hiện đại nào. Trên thực tế, các sách trong Kinh Thánh được chia thành các *chương* được đánh số. Hơn nữa, trong mỗi chương, văn bản được chia thành các câu ngắn, cũng được đánh số, được gọi là *câu* (số của mỗi câu luôn được đặt đối diện với *phần đầu* của câu).

Bất kỳ tài liệu tham khảo nào giới thiệu cho người đọc về một bước cụ thể đều bao gồm ba nội dung sau :

- tên cuốn sách,
- số chương,
- số các câu.

Tên của cuốn sách thường được viết tắt. Các chữ viết tắt được sử dụng có thể khác nhau tùy theo từng phiên bản. Nhưng thông thường, các nhà xuất bản sẽ nêu rõ hệ thống từ viết tắt mà họ sử dụng ở đầu tập sách. Điều quan trọng là phải nhanh chóng tìm được đường trong văn bản Kinh Thánh mà bạn có.

Làm thế nào để tìm một đoạn Kinh Thánh được chỉ định bằng TÀI LIỆU THAM KHẢO ?

Chương 6 - Sách Đệ Nhị Luật

1 Đây là mệnh lệnh, là những thánh chỉ và quyết định mà ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh em, đã truyền phải dạy cho anh em, để anh em đem ra thực hành trong đất anh em sắp sang chiếm hữu. 2 Như vậy anh (em) cũng như con cháu anh (em) sẽ kính sợ ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh (em), mọi ngày trong suốt cuộc đời, tuân giữ tất cả những chỉ thị và mệnh lệnh của Người mà tôi truyền cho anh (em), và anh (em) sẽ được sống lâu. 3 Hỡi Ít-ra-en, hãy nghe và lo đem những điều ấy ra thực hành ; như vậy anh (em) sẽ được hạnh phúc và trở nên thật đông đảo, trong miền đất tràn trề sữa và mật, như ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của cha ông anh (em), đã phán với anh (em). 4 Nghe đây, hỡi Ít-ra-en ! ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa chúng ta, là ĐỨC CHÚA duy nhất. 5 Hãy yêu mến ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của anh (em), hết lòng hết dạ, hết sức anh (em). 6 Những lời này tôi truyền cho anh (em) hôm nay, anh (em) phải ghi tạc vào lòng. 7 Anh (em) phải lặp lại những lời ấy cho con cái, phải nói lại cho chúng, lúc ngồi trong nhà cũng như lúc đi đường,

khi đi ngủ cũng như khi thức dậy, 8 phải buộc những lời ấy vào tay làm dấu, mang trên trán làm phù hiệu, 9 phải viết lên khung cửa nhà anh (em), và lên cửa thành của anh (em).

• Trong tác phẩm này, đoạn văn gạch dưới trong đoạn trích trên được chỉ định như sau:

Sách Đệ Nhị Luật chương 6 câu 6 đến 9 hoặc Đnl 6.6-9

• Sách Đệ Nhị Luật chương 5 câu 33 đến chương 6 câu 9 sẽ được viết :

Đnl 5.33 - 6.9

• Nhiều tài liệu tham khảo được đưa ra liên tiếp được phân tách bằng dấu chấm phẩy :

Đnl 5:33 ; 6.6-9

• Các cụm từ khác nhau trong một câu được chỉ định bằng «a, b, c» : Đệ Nhị Luật 6.4 a tương ứng với «Nghe đây, hỡi Ít-ra-en !»

KIỂM TRA BẠN CÓ HIỂU ĐÚNG KHÔNG

- Bạn có thể giải thích tác phẩm chính điển, tiền điển, thứ điển, ngụ thư là gì không ?
- Bạn có thể phân biệt được giữa các sách của «các tiên tri đầu tiên» và các sách của «các tiên tri sau này» không ?
- Bạn có biết LXX, TOB có nghĩa là gì không ?
- Bạn có thể tìm nhanh Ga 3.12-13 ; 4.11 không ?
- Bạn có thể viết dưới dạng rút gọn : chương 9 của Sách Ngôn sứ A-mốt, các câu 17 đến 19 ?

Tại sao chữ «vuông» trong tiếng Do Thái ? Nguồn gốc của chữ viết theo thứ tự chữ cái

Tiếng Do Thái không phải lúc nào cũng «vuông» !

Trên thực tế, trình độ hiểu biết hiện tại của chúng ta cho phép xác định hai giai đoạn trong lịch sử chữ viết tiếng Do Thái : thời kỳ tiếng Do Thái cổ và thời kỳ tiếng Do Thái vuông.

Tiếng Do Thái cổ đại

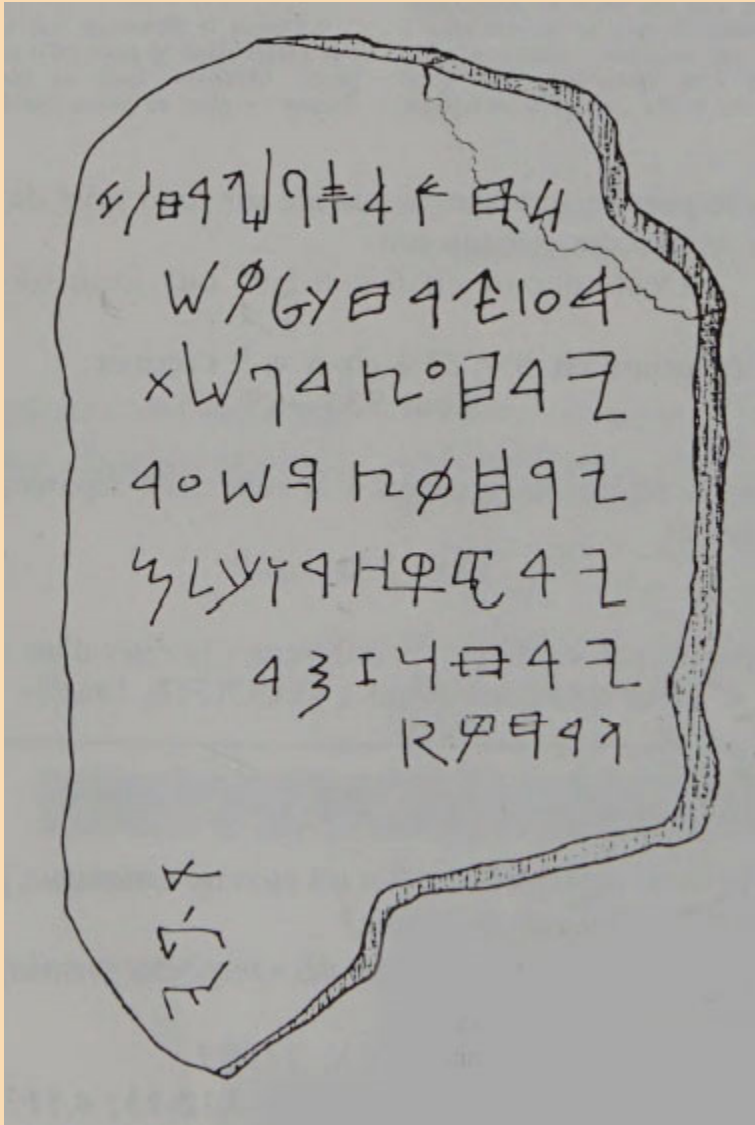
Khoảng thế kỷ thứ 11 trước Công nguyên, người Do Thái đã mượn bảng chữ cái gồm 22 phụ âm từ người Phoenicia.

- Di tích lâu đời nhất được biết đến của tiếng Do Thái là lịch nông nghiệp Gezer, có từ thế kỷ thứ 10 trước Công nguyên : đó là tiếng Do Thái cổ được viết bằng chữ Phoenician thuần túy !

Từ thế kỷ thứ 9 đến thế kỷ thứ 8, một phong cách viết «dân tộc» đã phát triển, từ những chi tiết nhỏ đã khẳng định được cá tính riêng của mình. Điều này được chứng minh bằng :

- bia đá Mecha (hiện đang ở bảo tàng Louvre), nơi vua Moab tôn vinh triều đại của mình : thế kỷ thứ 9 trước Công nguyên.

- ostraca de Samarie : đây là nhãn hiệu hàng hóa (rượu, dầu), được tìm thấy trong đồng đồ nát của cung điện các vị vua Do Thái. Chúng có niên đại từ thời Jeroboam II, người sống cùng thời với các Ngôn sứ A-mốt và Hô-sê (thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên).



Lịch Nông nghiệp Gezer

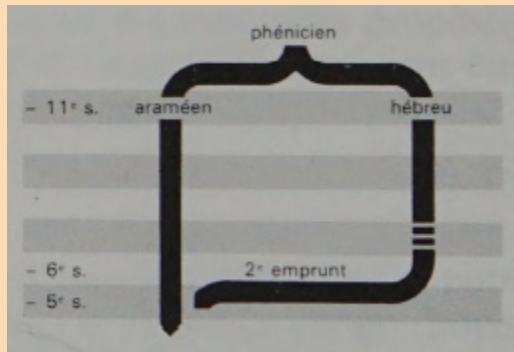
Mẫu chữ viết Do Thái cổ đại độc đáo có niên đại từ thế kỷ thứ 10 trước Công nguyên. Có lẽ đây là bài tập viết cho người mới học nghề chép sử.

- dòng chữ khắc của Siloé (-700), để kỷ niệm việc vua Hezekiah đào một kênh đào ngầm nhằm cung cấp nước suối cho Giê-ru-sa-lem. Kênh đào này và hồ nước mà nó chảy vào vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

- Cuối cùng, chúng ta có thể đề cập đến các mảnh gốm ở Lakish, là những lá thư của các viên chức Judea được viết vào khoảng năm -598 : cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem lần đầu tiên của Nabuchodonosor và năm -588 : cuộc chiếm đóng Lakish.

Tiếng Do Thái vương

Sau đó, chúng ta mất dấu vết của văn bản này, nó xuất hiện trở lại vào thế kỷ thứ 5, dưới dạng chữ Do Thái vương. Nhưng tiếng Do Thái vương không xuất nguồn từ tiếng Do Thái cổ : đây là lần vay mượn thứ hai, lần này là từ tiếng Araméen. Tuy nhiên, người Araméen cũng đã áp dụng bảng chữ cái Phoenicia vào khoảng thế kỷ 11. Do đó, chúng ta có thể vẽ sơ đồ sau :



Khoảng trống này trong lịch sử chữ viết tiếng Do Thái tương ứng với thời kỳ lưu đày. Esdras được cho là đã sử dụng bảng chữ cái Araméen khi trở về từ nơi lưu đày. Đây là thời điểm tiếng Araméen thay thế tiếng Do Thái để trở thành ngôn ngữ nói.

Đây là nguồn gốc của từ «vuông» trong tiếng Do Thái, vẫn được sử dụng cho đến ngày nay. Rabbi Asher có thể đã mô tả thời kỳ này là thế kỷ 13 vì các ký tự ở đây có rất ít nét tròn. Vào thời điểm đó, nó còn được gọi là «chữ viết Syria», tức là chữ Araméen.

3) Ai là người viết Kinh Thánh ?

Những người viết Kinh Thánh

Khi đọc «mục lục», hay đúng hơn là mục lục của thư viện này, tức là Kinh Thánh, người ta có thể nhận thấy sự khác biệt lớn giữa các tựa đề khác nhau của các tác phẩm. Một số chỉ các sự kiện (Sách Sáng Thế, Sách Xuất Hành, Sách Công Vụ Tông Đồ, v.v.). Những người khác đặt tên cho các nhân vật mà tác phẩm đề cập đến (ví dụ : sách Các Quan Xét, Sa-mu-en, Các Vua). Cuối cùng, những cái tên khác có vẻ là tên của tác giả (ví dụ như I-sai-a, Giê-rê-mi-a, Mát-thêu, Lu-ca, Gio-an, Phao-l-o).

Vậy ai là tác giả của Kinh Thánh ? Câu hỏi này rất quan trọng. Câu trả lời chúng ta có thể đưa ra cho câu hỏi này cho phép chúng ta hiểu rõ hơn tinh thần của Kinh Thánh, một tinh thần mà các tín đồ khẳng định là tinh thần của chính Thiên Chúa.

Nhưng chúng ta hãy bắt đầu bằng cách xem xét vấn đề theo quan điểm lịch sử, trước khi xem xét quan điểm đức tin có thể là gì.

Nghiên cứu của các học giả và nhà chú giải chuyên ngành đã giúp chúng ta khám phá được nhiều điều về

những tác giả này. Nhưng nó làm đảo lộn nhiều ý tưởng tự phát nhất của chúng ta.

Những tác giả đầu tiên của Kinh Thánh hiếm khi là những người viết. Đây thường là những người chỉ thể hiện ý kiến của mình bằng lời nói.

Ở các nước phát triển về mặt kỹ thuật, chữ viết đóng vai trò thiết yếu (ngay cả khi hiện nay nó đang cạnh tranh với phương tiện truyền thông nghe nhìn). Để được hưởng những lợi ích của nền văn minh hiện đại, người ta phải biết chữ.

Ở thế giới cổ đại, chữ viết chỉ xuất hiện muộn. Chỉ có một số ít người chuyên nghiệp (người chép kinh) biết điều đó. Việc truyền đạt kiến thức chủ yếu được thực hiện bằng hình thức truyền miệng. Điều này dẫn đến sự phát triển đáng kể về trí nhớ: những người rất đơn giản có thể đọc thuộc lòng những câu chuyện chỉ nghe một lần mà không mắc lỗi. Trái ngược với suy nghĩ của chúng ta, những người ít sử dụng trí nhớ, thì cách truyền miệng này không hề kém tin cậy so với cách truyền đạt bằng văn bản.

Nhưng đến một thời điểm, truyền thông truyền miệng được đưa vào văn bản. Khoảnh khắc này thậm chí có thể xảy ra rất nhanh sau khi truyền đạt một thông điệp :

một nhà tiên tri có thể gọi một thư ký. Đây là cách Giê-rê-mi bảo Ba-rúc ghi lại những bài diễn văn.

Các VẬT LIỆU để viết Kinh Thánh

Không có bản thảo nào có chữ ký của các tác phẩm Kinh Thánh. Tất cả đều đã hư hỏng theo thời gian. Nhưng chúng ta đang phải xử lý rất nhiều bản sao.

Đá

Ngày xưa, người ta thường viết trên đá, nhưng họ viết rất ít. Ai mà không nghĩ đến những tấm bia đá nổi tiếng mà Moïse đã phải cắt đi cắt lại (Xh 31.18) ? Sau đó, khi vào Đất Hứa, dân Do Thái được lệnh «dựng những tảng đá lớn, trét vôi và chép lại những lời của Lê Luật...» (Đnl 27.2-3).

Da thú

Ở giai đoạn sau đó, các sách Kinh Thánh được viết trên da: ví dụ như cuộn sách Isaiah nổi tiếng, được tìm thấy trong các hang động của tu viện Qumran, trên bờ Biển Chết. Cuộn sách dài 7,34 m và là viên ngọc quý của Bảo tàng Sách ở Giê-ru-sa-lem.

Giấy cói

Nhưng từ thiên niên kỷ thứ 3 trước Công nguyên. Đến năm 1000 trước Công nguyên, người Ai Cập đã hoàn thiện kỹ thuật làm «giấy cói». Cây cói là một loại cây sậy từng mọc ở sông Nin. Phần lõi xơ của nó được cắt thành những dải hẹp sau đó được xếp thành nhiều lớp chéo nhau, dán lại với nhau và phơi khô để thu được những tờ giấy có thể viết mực. Kích thước của những tấm này có thể thay đổi, chúng có thể được lắp ráp thành một cuộn dài mà người ta đã cuộn thành «*volumen*».

Một cuốn phúc âm cần một cuộn giấy dài 10 hoặc 11 m. Từ đó suy ra rằng không thể có đủ bốn sách Phúc Âm hoặc các Thư của Phao-lô trong một tập, chứ đừng nói đến một Tân Ước hoàn chỉnh. Trong những ngày đầu của Giáo hội, mỗi cuốn sách đều có lịch sử riêng và không chắc rằng tất cả các cộng đồng Kitô giáo đều sở hữu một bộ sưu tập đầy đủ những gì chúng ta gọi là sách kinh điển.

Bài viết được sắp xếp theo cột, không có khoảng cách giữa các từ, không dấu câu, không đoạn văn, tiêu đề thì... ở cuối : chúng tôi buộc phải «trích dẫn theo trí nhớ !»

Từ thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên, và có lẽ chính xác là dưới sự ảnh hưởng của những Kitô hữu, người ta bắt đầu làm sách giấy cói ở Ai Cập, dễ quản lý hơn so với sách khổ lớn. Các tờ giấy cói được xếp chồng lên nhau và khâu ở giữa, giống như những cuốn sách của chúng ta ngày nay. «Bản thảo» cổ nhất được biết đến bao gồm Sách Dân Số - Sách Đệ Nhị Luật (cần tới 3 cuộn giấy!). Từ đầu thế kỷ thứ 3, chúng ta có bộ sách Tin Mừng - Công Vụ Tông Đồ. Chúng ta cũng có các thư tín của Phao-lô (trừ các thư mục vụ). Vì vậy, kể từ thời điểm này, bốn sách Tin Mừng có thể lưu hành cùng nhau và do đó có thể phân biệt được với những cuộc đời khác của Chúa Giêsu.

Giấy cói không bảo quản tốt : khi khô, nó rất dễ vỡ và bị thối rữa trong điều kiện ẩm ướt. Chỉ có khí hậu của Ai Cập là có thể giữ được vô thời hạn. (Chúng cũng được tìm thấy ở miền bắc Syria và trong sa mạc miền nam Palestine.)

Giấy da

«Giấy da» có tên bắt nguồn từ thành phố nơi nó ra đời, Pergamum, xuất hiện vào thế kỷ thứ 2 sau Công nguyên.

Nó được làm từ da động vật : bò, dê và đặc biệt là cừu. Nó không được thuộc như da : lông được cạo sạch, được làm trắng bằng phân và đánh bóng. Cực kỳ bền, rất dễ sử dụng : hỗ trợ viết hai mặt và... xóa được ! Nó cũng được đóng thành sách chép tay. Nó được sử dụng rộng rãi cho các sách Kinh Thánh. Nó sẽ tạo nên sự hỗ trợ kinh điển cho việc viết lách cho đến cuối thời Trung cổ.

Giấy da bê

Đây là loại giấy da có chất lượng cao. Nó được làm từ da của các loài động vật non : cừu, dê, bê, tốt nhất là da chét lưu. Từ thế kỷ 13, nó chủ yếu được sử dụng để lưu trữ các bản thảo xa xỉ.

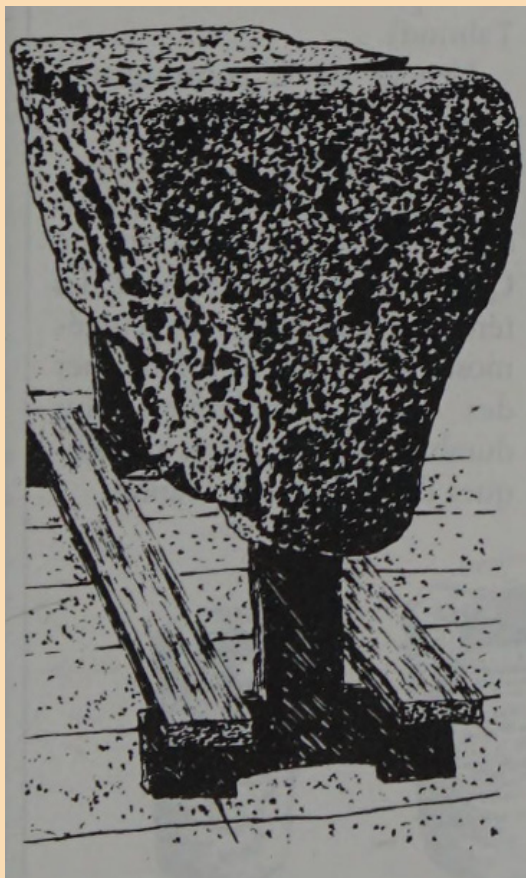
Giấy tờ

Được phát minh ở Trung Quốc vào đầu Công nguyên, giấy đã du nhập vào châu Âu vào thế kỷ thứ 8, nhưng cho đến khi phát hiện ra máy in, giấy da vẫn được ưa chuộng để ghi chép các văn bản tôn giáo.

Cuốn sách in đầu tiên được biết đến là Kinh Thánh

Đây là Kinh thánh 42 dòng của Gutenberg, được in vào khoảng năm 1455, bằng tiếng Latin (Vulgate). Có vẻ như có 100 bản được in trên giấy và 30 bản trên giấy

da, cần đến 5.000 tấm da cừu !



Bàn viết được tìm thấy tại Qumrân (Tu viện Biển Chết)

Chiếc bàn dài này được dùng để trải những cuộn giấy ghi chép các văn bản thiêng liêng.

Bản viết cuối cùng của một văn bản được đặt dưới tên của một tác giả đôi khi có thể làm phong phú thêm cho văn bản gốc

Chúng ta đang sống trong một thế giới đề cao chủ nghĩa cá nhân. Khi một tác giả viết một cuốn sách, tác giả đó có «quyền sở hữu văn học» đối với cuốn sách đó. Không ai có quyền động vào những gì tác giả đã viết.

Không có điều gì giống như thế này trong vũ trụ Kinh Thánh. Một tác giả luôn tin rằng mình đang viết nhân danh Chúa. Vì vậy, ông không cho rằng văn bản của ông thuộc về ông và không ai có quyền chạm vào nó. Một nhà bình luận cũng có thể dễ dàng được truyền cảm hứng và tiếp cận những hiểu biết mà họ không có được.

Trên thực tế, những đệ tử tự nhận là tín đồ của một tác giả nào đó thường không ngần ngại chỉnh sửa lại các văn bản của tác giả đó. Họ cảm thấy rằng họ hiểu rõ hơn ông về ý nghĩa của một số điều ông nói, nhưng không thể hiểu hết được ngay khi chúng được thốt ra lần đầu. Đây là cách Moïse, người sáng lập ra dân tộc Do Thái, đưa ra một số định hướng cơ bản và cảnh báo về những mối nguy hiểm mà ông chỉ có thể thấy trước. I-sai-a đã dự đoán những thảm họa, nhưng cũng hiểu rằng chúng sẽ là nguồn gốc của sự đổi mới. Khi các sự kiện diễn ra

để chứng minh quan điểm của mình là đúng đắn, chúng ta sẽ cảm nhận được chiều sâu của chúng tốt hơn. Sau đó, người ta lấy các văn bản cũ và chú thích chúng theo góc nhìn của hiện tại. Người ta mở rộng chúng để nắm bắt toàn bộ phạm vi của chúng, để «cập nhật» chúng.

Những văn bản chúng ta có hiện nay là những lời nói được thu thập lại, đôi khi được chú thích và hoàn thiện. Tuy nhiên, chúng vẫn được giữ nguyên tên của tác giả gốc. Những từ ngữ đó không nhất thiết phải là những từ mà ông ấy đã dùng. Họ cũng có thể diễn đạt «những gì tác giả này sẽ nói nếu ông vẫn còn sống cho đến ngày nay».

Văn bản Kinh Thánh là văn bản «sống» thể hiện sự suy ngẫm liên tục của toàn thể một dân tộc

Nghiên cứu khoa học (chú giải) ngày nay giúp xác định tương đối chính xác thời kỳ và tác giả của phần này hay phần kia của một số văn bản (không phải tất cả). Nghiên cứu tách văn bản ra như thể nó được chia thành nhiều lớp. Nhưng sự phá bỏ này không phải là không nguy hiểm, vì nó có nguy cơ khiến chúng ta quên đi tinh thần đã làm nên sức sống của Người xưa. Với họ, một văn bản không thú vị vì nó đến từ một người cụ thể. Nó chỉ có giá trị khi nó thể hiện được sự suy ngẫm của toàn thể một dân tộc. Một tác giả của quá khứ chỉ

được tôn kính đến mức ông cho phép những người theo ông «hiểu được họ đang ở đâu». Vì vậy, người ta có thể thay đổi hoặc thậm chí quên đi chính xác lời của tác giả này nếu người ta sống theo tinh thần của ông. Vì vậy, các văn bản Kinh Thánh liên tục được biên soạn lại theo cách phản ánh sự suy ngẫm tập thể diễn ra trong suốt chiều dài lịch sử.

Thiên Chúa, tác giả của Kinh Thánh

Những văn bản này chỉ được xác định chắc chắn sau này khi chúng được tuyên bố là *kinh điển*.

Nếu tất cả các văn bản này đều có tác giả là con người, thì người tin Chúa vẫn khẳng định rằng có một tác giả khác, quan trọng hơn tác giả đầu tiên : chính là Thiên Chúa. Đôi khi người ta nói rằng các tác giả Kinh Thánh chỉ là công cụ của Ngài.

Điều đó có nghĩa là gì ?

Kinh Thánh là cuốn sách của một dân tộc được Chúa gọi

Ở đây chúng ta phải nhớ lại điều đã nói ở chương trước : dân Chúa luôn hiểu quá khứ của họ như một câu chuyện tình, như câu chuyện liên tục về hành trình khám phá ra Thiên Chúa của họ.

Từ BÚA ĐỤC đến BÚT LÔNG... bộ đồ của người ghi chép

Từ đá đến giấy da, da thuộc và giấy cói... người ghi chép điều chỉnh của mình đã phải điều chỉnh «ngồi bút» của mình.

Cái đục

Kinh Thánh ghi lại trong sách Giê-rê-mi-a (17.1), có đề cập đến một dụng cụ kỳ lạ : một cây bút kim cương gắn trên một cái đục sắt ! Về phần mình, Gióp gọi lên hình ảnh chiếc đục sắt kết hợp với chày ! (19.24). Những công cụ này rõ ràng liên quan đến việc khắc đá.

Bút lông

Trên các bề mặt viết khác, người ta sử dụng bút stylus cổ điển : ống đựng bút của học sinh. Đó là một cây sậy hoặc một cây sậy được cắt thành một đầu nhọn, đầu nhọn này được chẻ đôi để giữ mực. Không giống như bút khắc... loại bút sậy này đảm bảo viết trơn tru và nhanh chóng, trên cả da, giấy da hoặc đồ gốm («ostrakon», hoặc đồ gốm vỡ, người ta đã phục hồi cho chữ viết hiện tại, nói một cách ngắn gọn là giấy nháp hiện nay của chúng ta !).

Người Ai Cập cũng sử dụng cây cối, nghiền nát phần đầu để làm một loại bàn chải, nhưng cuối cùng họ thấy rằng cắt chúng thành từng đầu nhọn sẽ dễ dùng hơn.

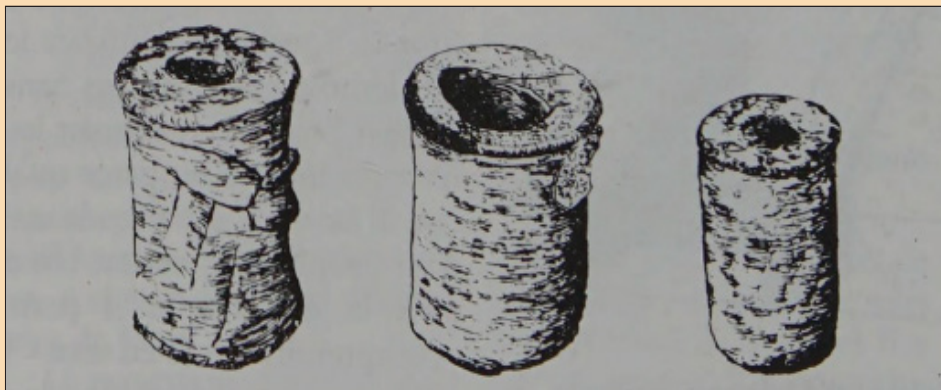
Mực

Một lần nữa, Giê-rê-mi-a sẽ cho chúng ta biết : ông nói về nó như một sản phẩm phổ biến vào thời của ông, tức là vào thế kỷ thứ 7 trước Công nguyên. Trên thực tế, chúng ta có đầy đủ tài liệu về quá trình sản xuất của nó. Có hai loại:

- mực làm từ muối đèn (bồ hóng từ đèn dầu)
- và cái gọi là mực kim loại, làm từ hạt mật, nhưng nó không ổn định và làm hỏng chữ viết, dẫn đến việc nó bị người Do Thái cấm vào đầu kỷ nguyên Kitô giáo (nhưng không ngăn cản việc sử dụng rộng rãi vào thời Trung cổ, mặc dù có lệnh cấm trong kinh Talmud).

Mực của cộng đồng Qumran có nguồn gốc từ *thực vật* hoặc *carbon*.

Những văn bản trên giấy cói từ Ai Cập và các bản thảo ở Qumran chắc chắn là những minh chứng không thể chối cãi về sự khéo léo của người xưa trong việc tạo ra loại mực không phai, bền hơn mực kim loại của các thời đại sau này !



Lọ mực từ Phòng viết Qumrân

Mực vẫn còn đó, đã khô. Những đồ vật này là bằng chứng cảm động cho lòng nhiệt thành theo Kinh Thánh trong thời kỳ chuẩn bị cho sự ra đời của Đức Kitô.

Do đó, tác giả Kinh Thánh luôn nói hoặc viết theo quan điểm này. Ông ấy nói vì ông ấy nhận thức các sự kiện dưới ánh sáng thiêng liêng. Ánh sáng này đôi khi chỉ có thể được nắm bắt một cách mơ hồ. Nhưng nó vẫn hiện hữu. Nó «phân cực» câu chuyện, đó là chủ đề chung của câu chuyện.

Những cuốn sách «Được truyền cảm hứng» mang một «Mặc Khải»

Theo quan điểm này, các tác giả Kinh Thánh nhận thức rằng thông điệp của họ không đến từ họ. Họ có điều gì đó để nói chỉ vì họ biết rằng họ «được Thiên

Chúa nắm giữ». «Lời Chúa» là lời các tiên tri tuyên bố không chút do dự ngay từ đầu lời tuyên bố của họ. «Thiên Chúa đã phán, thì ai không nói ra ?» A-môt nói. Các tác giả Kinh Thánh *được soi dẫn*. (Sách Ngôn Sứ A-môt 3:8)

Trong khi những người cùng thời với họ bị lạc lối vì không còn nhìn rõ được giữa những sự kiện, những người này đột nhiên nhìn thấy một ánh sáng : đây là điều chúng ta gọi là *Sự mặc khải* thiêng liêng.

Chính trong những hoàn cảnh đa dạng nhất mà Thiên Chúa đã mặc khải mình cho các tác giả Kinh Thánh : trong sự cô đơn hay giữa đám đông, trong Đền thờ hay giữa thiên nhiên, trên đồng cỏ hay trong sa mạc, trong cung điện hay trong nhà tù, qua một giấc mơ hay sau một thời gian suy niệm dài. Dưới sự ảnh hưởng của sự thuyết phục thiêng liêng, đôi khi họ viết những thông điệp mà họ không hài lòng. Thông thường, tầm nhìn lớn lao của họ khiến họ choáng ngợp. Nhưng Thiên Chúa luôn truyền cho họ một niềm tin không thể cưỡng lại về lời tuyên bố sẽ được đưa ra hoặc văn bản sẽ được viết. Tất cả các tác giả Kinh Thánh đều có thể nói như Giê-rê-mi-a :

«Lạy ĐỨC CHÚA, Ngài đã quyền rũ con,
và con đã để cho Ngài quyền rũ.

Ngài mạnh hơn con, và Ngài đã thắng». (Giê-rê-mi-a 20.7)

Những người đàn ông này đã nói với khán giả hoặc người nhận bài viết của họ với thẩm quyền của một người có thể khẳng định : «Thiên Chúa phán như vậy.» Họ biết rằng họ đang truyền tải thông điệp của Thiên Chúa.

Phao-lô nói rõ điều này khi ông viết cho tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca : «Chúng tôi luôn tạ ơn Thiên Chúa. Anh em đã tiếp nhận lời Thiên Chúa mà chúng tôi đã truyền cho anh em, và anh em đã tiếp nhận nó, không phải như lời của loài người, nhưng như lời thật của Thiên Chúa : lời Thiên Chúa đang hành động trong anh em là những người tin».

Theo lời chứng của các tác giả Kinh Thánh, người tin Chúa nhận ra Thánh Linh của Chúa đến để nâng con người lên cao hơn những viễn tượng trước mắt.

Lời Chúa, lời con người

Hành động này của Chúa, tác giả của Kinh Thánh, không hề ngăn cản hành động đúng đắn của tác giả

con người. Không nên hiểu nó như một dạng *bài chính tả* đọc cho con người, những người sẽ không khác gì những thư ký thụ động. Luôn là một người kể cho chúng ta nghe, theo cách riêng của mình, những gì ông đã cảm nhận được.

Tò mò cao độ : Bạn thích đọc cách nào ?

VN BN C C

hay

VĂN BẢN CỰU ƯỚC

Người Do Thái cổ đại chỉ viết phụ âm. Người ta thuộc lòng toàn bộ nội dung Kinh Thánh và truyền miệng lại cho nhau. Nhưng tiếng Do Thái dần dần bị tiếng Araméen thay thế để trở thành ngôn ngữ nói. Nhiều đến nỗi những người đọc Torah, trong buổi lễ tại hội đường Do Thái, ngày càng biết ít hơn cách phát âm văn bản phụ âm, cách chọn giữa động từ hoặc danh từ, hoặc giải quyết nhiều vấn đề về đồng âm.

Hơn nữa, những sự mâu thuẫn trong cách đọc này có thể dẫn đến những cách diễn giải khác nhau, thậm chí là những thay đổi tự nguyện. Do đó, cần phải xem xét việc sửa đổi văn bản Kinh Thánh để bảo vệ tính xác thực của nó.

Văn bản phụ âm

Việc chiếm đóng Giê-ru-sa-lem vào năm 70 sau Công nguyên đã mở ra một kỷ nguyên hoạt động trí tuệ mạnh mẽ và đổi mới tinh thần cho những người Do Thái vừa mất đi bản sắc dân tộc. Học viện đặt tại Jamnia (hay Jabné) vào cuối thế kỷ thứ nhất đã thiết lập nên quy điển của Cựu Ước, cũng như văn bản phụ âm mà từ đó trở đi sẽ là thẩm quyền duy nhất. Phiên bản hiện tại của chúng ta vẫn dựa trên văn bản này từ năm 100 !

Những «Bà Mẹ» đọc

Làm thế nào bây giờ để giữ nguyên cách *phát âm* của chữ này ? Lúc đầu, người ta chỉ hướng dẫn việc đọc. Một phong tục cũ đã được phổ biến bao gồm việc đưa các bà mẹ đọc vào văn bản, nghĩa là bốn phụ âm được sử dụng để ghi chú nguyên âm chính. Giai đoạn này được mô tả rõ trong Cuộn sách I-sai-a được tìm thấy ở Qumrân và trong văn bản Samaritan.

Một mặt, trước sự phát triển của chữ viết và sự suy tàn của tiếng Do Thái, vốn chỉ là ngôn ngữ dùng trong Kinh Thánh và phụng vụ, mặt khác, ký hiệu này nhanh chóng tỏ ra không còn đủ nữa. Sau đó, người ta nghĩ đến việc đưa vào các tổ hợp dấu phẩy, ở trên hoặc dưới các từ, để không chạm vào phụ âm, là thành phần duy

nhất tạo nên văn bản thiêng liêng. Vào thế kỷ thứ 5, hiện ra những nỗ lực một phần, được chứng thực bằng những mảnh vỡ được tìm thấy ở Geniza của Caire. Cuối cùng, ba hệ thống có cấu trúc được phát triển sau chúng, nhằm mục đích phát âm và ngắt câu toàn bộ văn bản :

- *hệ thống Babylon*, siêu tuyến tính, xuất hiện vào thế kỷ thứ 6, và được lưu giữ theo truyền thống của Yemen cho đến thế kỷ 12 và thế kỷ 13.

- *hệ thống Palestine*, siêu tuyến tính nhưng không đầy đủ, được tìm thấy một phần trong các bản thảo Samaritan từ thế kỷ 12 đến thế kỷ 14.

- *hệ thống được gọi là Tiberiade*, cuối cùng, dạng cận tuyến tính, phát triển từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 10, là dạng muộn nhất, nhưng chắc chắn sẽ thay thế hai dạng trước đó từ thế kỷ thứ 12.

Việc chấm câu trong Kinh thánh sau đó đã trở thành một chuyên ngành dành riêng cho «người chấm câu» !

Văn bản Massorétique

Văn bản tiếng Do Thái của Cựu Ước thường được gọi là Văn bản Massorétique, bắt nguồn từ tên gọi *Massore*, hay truyền thống văn bản của người Massorètes, những học giả Do Thái chịu trách nhiệm biên soạn và bảo vệ

văn bản xác thực. Có hai trường phái hoạt động cho đến thế kỷ thứ 10 sau Công nguyên. Một là về phía đông, nơi có thuộc địa Do Thái lớn là Babylon. Giáo phái còn lại ở phía tây, được thành lập tại Tibériade, là giáo phái có thẩm quyền thịnh hành.

Vào thời điểm hoạt động của nhóm Massorètes phát triển mạnh mẽ, cuối cùng người ta có thể phân biệt được ba chức năng :

- người *chép kinh* viết và sao chép văn bản phụ âm ;
- người *chấm câu* ghi lại nguyên âm và dấu nhấn của thánh ca, nghĩa là nhịp điệu và âm điệu, bởi vì Torah được *phiên điệu thành thánh ca* ;
- sau cùng, người *Massorètes* đã lập ra *Massore*, tức là tất cả các ghi chú được viết bằng tiếng Araméen, cung cấp thông tin không chỉ về chính tả và ngữ pháp mà còn về số lượng từ và câu thơ. Có *Massore nhỏ*, được ghi ở lề bên, *Massore lớn*, ở đầu và cuối trang và *Massore cuối cùng* theo thứ tự chữ cái, ở cuối Kinh Thánh. Rabbi Akiba cho biết Massore bao quanh văn bản «như một hàng rào bảo vệ».

Vào thời Đền thờ thứ hai, tất cả các cuộn giấy của Giu-đê-a đều phải được đối chiếu bắt buộc hàng năm

theo bản sao cơ bản được lưu giữ trong Đèn thờ !

[illegible]

Như một hàng rào bảo vệ, **massore** tạo thành một bức bình phong giữa người đọc và văn bản thiêng liêng ở trung tâm (Rabbi Akiba), như thể người ta bị buộc phải đọc phần giới thiệu và ghi chú trước khi có thể biết nội dung của chính văn bản đó (Lưu ý : tiếng Do Thái được đọc từ phải sang trái).

Đây là lý do tại sao không phải tất cả các văn bản Kinh Thánh đều là kiệt tác văn học. Chữ viết của họ đôi khi còn vụng về và nguơng ngáp. Nó còn phụ thuộc vào tính khí, môi trường, văn hóa và thời đại. Bất kỳ độc giả có kinh nghiệm nào cũng có thể nhận ra phong cách của Mát-thêu, Mác-cô, Lu-ca và Gio-an. Nhưng trong ngôn ngữ, trong các hình thức văn chương, trong các hình ảnh riêng của mỗi người, tất cả đều diễn tả những gì, trong ánh sáng thiêng liêng, họ đã nhận thức được dưới sự thúc đẩy của Thiên Chúa truyền đạt cho họ bằng Thánh Linh của Ngài. (2 Pr 1.21)

Khi Lời Chúa «nhập thể»

Như vậy, Mạc Khải của Thiên Chúa đã dần dần đi vào ý thức nhân loại. Mạc Khải đã làm như vậy trong giới hạn cần thiết của ý thức nhân loại. Nhưng đồng thời, Mạc Khải tiếp thêm năng lượng, thúc đẩy ý thức nhân loại tiến về phía trước.

Ngay từ ban đầu, Ngôi Lời, Lời của Thiên Chúa, đã ngự giữa con người. Như vậy, Ngài đã chuẩn bị sự biểu hiện trọn vẹn của mình trong Chúa Giêsu, Đấng mà tín hữu khẳng định rằng Ngôi Lời đã được biểu hiện trọn vẹn, rằng Ngài đã nhập thể.



Cuộn sách I-sai-a (Bảo tàng Sách I-sai-a ở Giê-ru-sa-lem) Dài 7,34 m, bản sao văn bản của Ngôn sứ này là bản sao lâu đời nhất hiện được biết đến. Phát hiện này vào năm 1948 cho phép chúng ta quay ngược thời gian ít nhất 1.000 năm so với những nhân chứng lâu đời nhất được biết đến của văn bản này. Cuộn sách đã chỉ ra rằng, phần lớn nội dung Kinh Thánh được các người sao chép truyền tải mà không có bất kỳ thay đổi nào.

Truyền tải văn bản Cựu Ước

Chúng ta không có bản thảo tiếng Do Thái hoàn chỉnh của Cựu Ước trước thế kỷ thứ 10 của thời đại chúng ta.

Nhưng độ cổ xưa của bản thảo không đảm bảo tính *trung thực* của văn bản. Ngược lại, những bản gần đây nhất xuất phát từ những lần sửa đổi cần thiết do sự xuống cấp của các văn bản đang lưu hành. Sự hư hỏng của phương tiện : sự hao mòn hoặc khiếm khuyết, nhưng cũng của chữ viết : ví dụ như sự cải biên để phổ biến. (Có vẻ như đây là trường hợp của Ngũ Kinh Samaritan, người kế thừa bản sửa đổi phổ biến của một văn bản cổ.)

Điều đảm bảo tính xác thực của văn bản Kinh thánh, đó là truyền thống văn bản của nó.

Bản thảo tiếng Do Thái hoàn chỉnh lâu đời nhất của Cựu Ước còn tồn tại cho đến ngày nay được gọi là bản thảo Leningrad (vì nó được lưu giữ tại thư viện công cộng của thành phố). Văn bản này có niên đại từ năm 1008. Đây là văn bản rất mới so với các bản thảo tiếng Hy Lạp (Cựu Ước và Tân Ước) còn lưu truyền đến ngày nay, có niên đại từ thế kỷ thứ 4 và thế kỷ thứ 5 !

Điều này là do các bản thảo bị mòn hoặc bị hỏng (chúng đã trở thành hỏng từ hai lỗi chính tả trở lên trong bản sao), không còn được sử dụng vào việc phụng tự và phải bị tiêu hủy. Thật vậy, những văn bản có chứa danh Chúa không nên có nguy cơ rơi vào tay những kẻ phạm tục hoặc vô đạo. Họ đã chôn cất và sau đó hỏa táng trong một buổi lễ. Đây là cách người ta tìm thấy ở «Geniza» của Caire (tên của những nghĩa trang đang chờ đợi các bản thảo), những đoạn trích từ sách Kinh Thánh có niên đại từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 8.

Nhưng trong các hang động gần tu viện Qumrân, ở sa mạc Giu-đê-a giáp Biển Chết, người ta cũng tìm thấy các bản thảo Kinh Thánh, một số có niên đại trước Công nguyên. Tuy nhiên, văn bản của chúng hầu như giống hệt với bản thảo Leningrad !

Đối với Kitô hữu, Chúa Giêsu thực sự là Đấng đầy đầy Thánh Linh, là Đấng được sinh ra bởi Thánh Linh. Người là Đấng mà Đấng Hằng Hữu bày tỏ sự Mặc Khải của Ngài một cách trọn vẹn. Ngài là Đấng, qua lời nói và hành động, tiết lộ cho chúng ta bí mật tối hậu của Thiên Chúa tình yêu. Chính Ngài là Đấng ban cho chúng ta chìa khóa tối thượng giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa của mọi lời được soi dẫn đã nói ra trước mặt Ngài.

Cảm hứng quá khứ, cảm hứng hiện tại

Nhưng nguồn cảm hứng trong quá khứ có thể được đổi mới ngày nay không ? Chúng ta có thể nghĩ rằng những cuốn sách mới có thể làm phong phú thêm Kinh Thánh ngày nay, ngay cả bây giờ không ?

Theo một cách nào đó thì đúng vậy. Thánh Linh của Chúa vẫn tiếp tục hoạt động trong lòng con người. Chúng ta sẽ không bao giờ có thể cảm nhận hết mọi điều kỳ diệu của Thiên Chúa. Khi lịch sử tiến triển, chúng ta có thể khám phá ra ý nghĩa mới trong những từ ngữ cổ. Theo nghĩa này, chúng ta phải tiếp tục công việc của các tác giả Kinh Thánh bằng cách viết «Kinh Thánh của cuộc đời chúng ta».

Tuy nhiên, theo nghĩa khác, phải nói rằng Sách Khải Huyền đã hoàn tất. Trong Chúa Giêsu, mọi sự đã được nói ra. Chúng ta chỉ có thể rút ra những hậu quả vẫn chưa được hiểu rõ từ lời nói và cuộc sống của người đã biểu lộ trọn vẹn bí mật thiêng liêng.

Đây là lý do tại sao tất cả các Giáo hội đều đồng ý công nhận Kinh Thánh là một văn bản hoàn chỉnh. Đây là tiêu chuẩn của bất kỳ từ mới nào. Không nghi ngờ gì nữa, cần có một từ mới để con người ở mọi thời đại và mọi quốc gia có thể hiểu được Lời Mặc Khải độc nhất

trong ngôn ngữ của họ. Nhưng nó chỉ có thể triển khai sự phong phú vốn có trong Kinh Thánh. Nó chỉ có thể cố gắng mô tả, dưới góc độ hoàn cảnh mới, sự chói lọi mà Chúa đã ban phước cho chúng ta trong Chúa Giêsu.

Kinh Thánh cần đọc «trong Thánh Linh»

Nếu ai đó thực sự muốn hiểu một tác giả, người đó phải đi vào «tâm trí» của tác giả đó.

Vì tác giả của Kinh Thánh là con người, nên rõ ràng là cần phải hiểu ý của ông và những gì ông thực sự nói. Để đạt được mục đích này, chúng ta có thể sử dụng nhiều phương pháp đọc khác nhau giúp chúng ta hiểu rõ hơn ý nghĩa chính xác của một số đoạn văn khó và thu hẹp khoảng cách giữa con người hiện đại với bối cảnh của các tác phẩm Kinh Thánh. Những phương pháp này cho phép chúng ta hiểu rõ hơn về *chữ* trong Kinh Thánh.

Nhưng vì tác giả của Kinh Thánh là chính Thiên Chúa nên tất cả những điều này vẫn chưa đủ để mang đến cho chúng ta ý nghĩa cuối cùng của Kinh Thánh. Đây là điều mà người tin Chúa khẳng định khi họ tuyên bố rằng việc đọc các tác phẩm được soi dẫn chỉ có thể được thực hiện dưới sự hướng dẫn của chính Thánh Linh của Chúa. Cũng như Ngài đã từng nâng các tác giả

Kinh Thánh lên cao hơn tầm nhìn hoàn toàn tự nhiên của họ, thì ngày nay Ngài là Đấng giúp người đọc nắm bắt được chiều sâu và sự gắn kết kỳ diệu của hai Giao Ước.

Chính Thánh Linh của Thiên Chúa (Chúa Thánh Linh) là Đấng duy nhất giúp chúng ta tiếp nhận các văn bản cổ xưa như là Lời của Thiên Chúa dành cho chúng ta, trong cuộc sống hôm nay của chúng ta.

KIỂM TRA BẠN CÓ HIỂU ĐÚNG KHÔNG

Bạn có thể trả lời những người phản đối bạn các điều sau đây :

- Kinh Thánh chắc chắn có chứa những đoạn văn đáng ngưỡng mộ. Nhưng đây là đặc điểm của mọi tác phẩm vĩ đại của con người. Tuy nhiên, nó có một số điểm yếu. Làm sao chúng ta có thể nói rằng đó là công trình của Thiên Chúa ?

- Một số tác phẩm hiện đại diễn đạt chân lý đức tin theo cách sâu sắc và hiện đại hơn nhiều so với Kinh Thánh. Vậy thì chúng ta hãy «bỏ» hết những bài viết cũ này đi. Chúng đã bị lỗi thời.

HÃY TỰ SUY NGHĨ

Hãy chậm rãi, suy ngẫm và cầu nguyện đọc lại những lời bày tỏ niềm vui mà các tín đồ trong Cựu Ước và Tân Ước đã cảm tạ Thiên Chúa về Lời Ngài :

«Xin tỏ lòng nhân hậu cùng tôi tớ Chúa đây để con được sống và tuân giữ lời Ngài». (Tv 119.17)

«Tâm thân này bị nhận xuống bùn đen, theo lời Ngài, xin cho con được sống». (Tv 119.25)

«Xin Chúa nhớ lại lời phán cùng tôi tớ, lời ban niềm hy vọng cho con» (Tv 119.49)

«Lạy CHÚA, Chúa hậu đãi tôi tớ Ngài đây, như lời Ngài đã phán». (Tv 119.65)

«Muôn lạy CHÚA, lời Ngài bền vững đến ngàn đời, trên cõi trời cao.

Lòng thành tín Chúa trải bao thế hệ, Ngài củng cố địa cầu, địa cầu tồn tại mãi». (Tv 119.89-90)

«Lời Chúa là ngọn đèn soi cho con bước, là ánh sáng chỉ đường con đi». (Tv 119.105)

«Giải thích lời Ngài là đem lại ánh sáng cho kẻ đơn sơ thông hiểu am tường». (Tv 119.130)

«Ngôi Lời là ánh sáng thật, ánh sáng đến thế gian và chiếu soi mọi người.

Ngôi Lời đã trở nên người phàm và cư ngụ giữa chúng ta. Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh quang của Người, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người, là Con Một đầy tràn ân sủng và sự thật». (Ga 1.9,14)



Bêtania

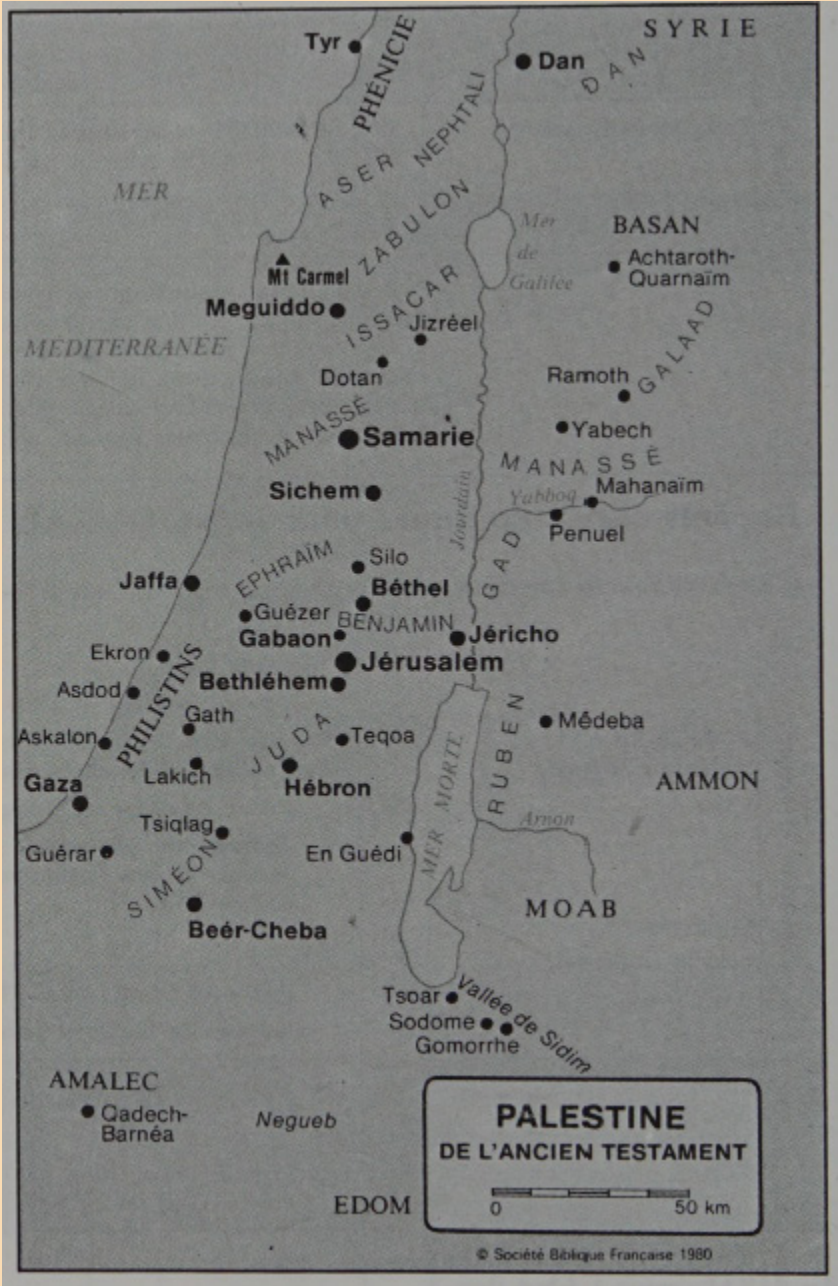
Nhà nguyện có mái vòm được xây dựng trên địa điểm truyền thống là ngôi mộ của Lazare.

Ngôi mộ trống của Chúa Jesus chính là trọng tâm của Kinh Thánh. Nhưng sự kiện ở Bêtania (Ga 11) là một dấu hiệu cho điều này.

PHẦN HAI
NỘI DUNG
CỦA KINH THÁNH

CỰU ƯỚC

Ngũ Thư	1 Sách Sáng Thế
	2 Sách Xuất Hành
	3 Lê Luật
Sự trỗi dậy và sụp đổ của chế độ quân chủ Israel	4 Thời kỳ chinh phục
	5 Vương quốc dường như mang lại thành công như mong đợi
	6 Sự ly giáo
Do Thái giáo	7 Thời kỳ lưu đày
	8 Lưu đày trở về
	9 Đàn áp và kháng cự
	10 Kho tàng Thánh vịnh



Tại sao phải đọc Cựu Ước ?

Đôi khi người Kitô hữu mất hứng thú với Cựu Ước. Vì Chúa Giêsu đã đến để chỉ cho chúng ta con đường sống, tại sao lại phải quay lại những câu chuyện cũ kỹ trong quá khứ... và lỗi thời ? Những người nghĩ như vậy không biết họ đang bỏ lỡ điều gì. Bởi vì bức bích họa rộng lớn về lịch sử nhân loại và tôn giáo tạo nên Cựu Ước thực sự mang đến cho chúng ta một tấm gương phản chiếu phi thường về cuộc sống hiện tại của chúng ta. Nó hé lộ cho chúng ta một số câu hỏi sâu sắc, thường bị hiểu sai và diễn đạt kém. Nó mô tả những cảm dỗ thường trực của chúng ta, những ngõ cụt mà chúng ta dễ dàng rơi vào. Nó dạy chúng ta cách đào sâu vào những vấn đề cơ bản nhất của mình. Có lẽ chúng ta không còn sống trong điều kiện của người Do Thái nữa. Nhưng nếu chúng ta biết cách nhìn xa hơn vẻ bề ngoài, chúng ta có thể, giống như những tín hữu thời xưa, nhận ra Chúa đến tìm kiếm chúng ta và xua tan sương mù, giống như Ngài đã làm với tổ tiên xa xưa của chúng ta trong đức tin.

Không phải ngẫu nhiên mà Chúa Giêsu liên tục nhắc đến «Kinh Thánh». Người có ý định cung cấp câu trả lời cuối cùng cho những vấn đề phát sinh trong suốt lịch sử của dân Do Thái. Bằng cách này, Người đưa ra cho

chúng ta câu trả lời cho những vấn đề của chính mình.

Ngũ Thư hay Lịch sử thành lập của dân Do Thái

Ngay từ rất sớm, người Do Thái đã nhận thức được rằng họ là một dân tộc riêng biệt. Họ cảm thấy mình thực sự khác biệt so với những người láng giềng của mình. Khi suy ngẫm về bản sắc của mình, họ đã có được một sự chắc chắn sâu sắc, một đức tin không thể lay chuyển, cụ thể là họ được Thiên Chúa kêu gọi để đóng một vai trò độc nhất trên thế giới. Họ tự coi mình là đội tiên phong của nhân loại, một đội tiên phong mà chính Thiên Chúa toàn năng đã đến để lập nên.

Do đó, tất cả những câu chuyện mà họ suy ngẫm về nguồn gốc của mình đều tập trung vào một vài ý tưởng thiết yếu :

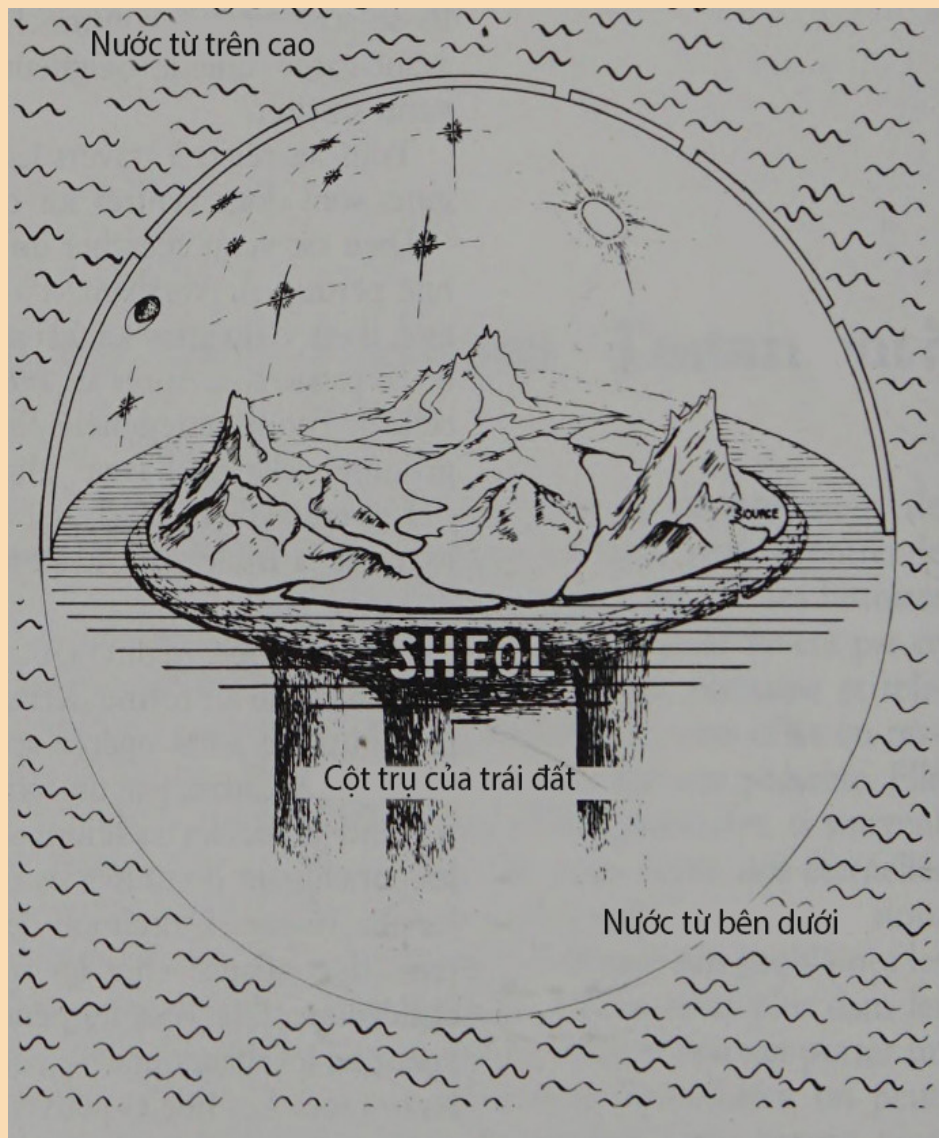
Thiên Chúa đến để tìm kiếm một con người giữa lòng nhân loại đang lạc lối. Đối với Abraham, Ngài đã mở ra con đường đến tương lai. Sau đó, Ngài đến để giải cứu những hậu duệ xa xôi của vị tổ phụ này khỏi cảnh nô lệ. Sau khi giải thoát họ, Ngài ban cho họ Lễ Luật của Ngài, Lễ Luật của con người được tái sinh. Cuối cùng, Ngài dẫn họ đến Đất Hứa, nơi Ngài đã hứa ban cho Abraham.

Bản chất của thông điệp này nằm trong năm cuốn sách đầu tiên của Kinh Thánh, trong **Ngũ Thư** (trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là *năm trường hợp*).

Bộ sưu tập tác phẩm này không được viết ra ngay một lúc. Hình thức cuối cùng của nó thậm chí còn khá muộn. Người ta tin rằng nghi lễ này được thực hiện sau khi trở về từ nơi lưu đày, vào thế kỷ thứ 5 trước Công nguyên, bởi một người chép kinh : Esdras. Nhưng Ngũ Thư tiếp thu các truyền thống truyền miệng và thành văn cũ mà nó tổng hợp bằng cách làm phong phú chúng với tất cả các tiết lộ liên quan đến các sự kiện gần đây nhất. Mục đích của văn bản cuối cùng là duy trì lòng tin của những người sống sót sau cơn giày vò ở Chaldean. Văn bản muốn lấp đầy họ bằng sự tin chắc rằng Thiên Chúa sẽ không bỏ rơi họ ; rằng Ngài theo đuổi một chương trình đã được thiết lập ngay từ đầu. Do đó, các tín hữu có thể tin tưởng vào Ngài và hướng tới tương lai dựa vào lời hứa của Ngài.

Do đó, Ngũ Thư là một phần cơ bản của Kinh Thánh. Chính nơi Ngài mà những điều chắc chắn sâu sắc nhất được hình thành. Các sách khác trong Kinh Thánh thường xuyên nhắc đến điều này. Chúa Giêsu thường nhắc đến điều này.

Bây giờ chúng ta sẽ lần lượt xem xét các ý tưởng mà chúng ta vừa tóm tắt ngắn gọn : chúng tương ứng với các cuốn sách khác nhau trong bộ này.



ĐẠI DIỆN CỦA VŨ TRỤ thời Kinh Thánh

Từ xa xưa, con người đã có ý niệm về sự tổ chức của thế giới. Điều này thay đổi tùy theo địa điểm và sự tiến bộ của khoa học. Ngay cả ngày nay, vào đầu thế kỷ 21, rất ít người có thể nói chính xác cách họ nhìn nhận mọi thứ. Quan điểm vũ trụ của con người hiện đại cũng chỉ mang tính gần đúng.

Do đó, không nên gán cho vũ trụ quan của phương Đông cổ đại bất kỳ chức năng nào khác ngoài việc giúp con người định vị mình trong thiên nhiên. Chúng dùng để mô tả con người, không phải thiên nhiên.

Theo truyền thống, trong loại hình biểu diễn này từ 4.000 năm trước, chúng ta thấy một trái đất khá phẳng nhưng hình tròn, được bao quanh bởi nước biển. Nó được hỗ trợ bởi các trụ cột đâm sâu vào «vực nước thấp hơn trái đất».

Phía trên không gian lục địa, bầu trời, rắn chắc, đóng vai trò là vật hỗ trợ cho các thiên thể và giữ lại các «vùng nước phía trên». Vào thời điểm xảy ra trận hồng thủy, sự tràn bờ của các vùng nước vực thẳm kết hợp với sự đột phá trong vòm bầu trời giải thích kích thước hành tinh của trận đại hồng thủy.

Có một nơi dành riêng cho người chết (Sheol), ở nơi sâu thẳm. Ngược lại, Thiên Chúa không ngự ở bất cứ nơi nào trên thế giới. Nó chỉ có thể được cảm nhận thông qua tâm trí.

1) Sáng Thế hay ý nghĩa của thế giới được tạo ra

Sách Sáng thế có mục đích cung cấp chìa khóa cơ bản giúp chúng ta hiểu được con người, đỉnh cao của Tạo hóa.

Đây là ý tưởng cốt lõi : Thiên Chúa tạo ra con người để sống với Ngài trong tình yêu và hạnh phúc. Nhưng con người không nghe thấy tiếng gọi dành cho mình. Từ chối bước vào cuộc đối thoại thực sự với Đấng Tạo Hóa, một cuộc đối thoại vốn là nguồn sống, con người muốn tự mình nắm lấy sự cứu rỗi. Tuy nhiên, Thiên Chúa không bỏ rơi tạo vật của Ngài, hiện đang bị mắc kẹt trong mâu thuẫn. Từ giữa lòng thế giới đã mất, Ngài đã khơi dậy Abraham, nguyên mẫu của nhân loại mà Ngài muốn giúp tìm ra con đường sống đích thực. Sự chắc chắn này được phát triển theo hai hình thức rất khác nhau.

Sách Sáng Thế 1-11 : những câu chuyện về nguồn gốc

Mười một chương đầu của Sáng thế ký không nhằm mục đích ghi lại các sự kiện lịch sử.

Chúng không liên quan : *chúng tiết lộ*. Chúng cho biết tình hình nhân loại trong vũ trụ được tạo ra.

Chính Thiên Chúa, thông qua những câu chuyện về nguồn gốc này, đã đến gặp nhân loại đang chịu đau khổ và nhục nhã để nói với họ rằng «lúc khởi đầu» mọi thứ không như thế này. Chúng ta thấy ở đây rằng Thiên Chúa không đứng về bên nào cả. Thông qua hành động của Ngài trong trái tim con người và sự can thiệp của Ngài vào lịch sử vũ trụ, Ngài đến để cho chúng ta hiểu rằng một Sáng tạo mới đang diễn ra.

Vì vậy, mười một chương đầu tiên này chứa đựng một bài diễn thuyết về sự giải thoát thông qua một số câu chuyện mang tính biểu tượng.

Thiên Chúa, một Thiên Chúa duy nhất, đã tạo nên thế giới và tạo ra con người theo hình ảnh của Ngài để cai trị trái đất và sống trong tình bạn với Ngài. (St 1.1 - 2.4a). Câu chuyện đầu tiên cho chúng ta thấy bức bích họa hùng vĩ về toàn bộ tạo vật xuất hiện theo tiếng gọi của Thiên Chúa. Suy ngẫm thần học mạnh mẽ này là một thách thức đối với tất cả những người tin vào các vì sao và tôn sùng thiên nhiên. Trang quan trọng này của Kinh Thánh khẳng định rằng chỉ có một Thiên Chúa, *duy nhất*, rằng *toàn thể* Tạo vật là công trình của Ngài, và con người là trung tâm của công trình ấy. Từ

đó trở đi, ơn gọi của con người là tiếp tục công việc của Thiên Chúa ở đó trước khi tham gia vào «sự nghỉ ngơi» của Ngài, tức là vào sự hoàn thành cuối cùng của kế hoạch của Ngài.

Đọc toàn bộ câu chuyện : St 1.1 - 2.4a

Câu chuyện sáng tạo thứ hai, cũ hơn, mang tính thơ mộng hơn. Câu chuyện không ngần ngại miêu tả Thiên Chúa như một đấng quen thuộc đến trò chuyện vào buổi tối với người mà Ngài muốn kết bạn.

Đọc toàn bộ đoạn văn : St 2.4b - 24

Con người đã không hiểu được tiếng gọi của Thiên Chúa, và lỗi lầm của con người là nguyên nhân gây ra điều ác ảnh hưởng đến sự tồn tại của con người.

Thiên Chúa... sự ác... Đây vẫn là những câu hỏi cốt yếu của chúng ta cho đến ngày nay. Hai cái này tương thích với nhau như thế nào ?

Sáng thế ký trả lời câu hỏi đau lòng này bằng nhiều câu chuyện. Đôi khi lấy lại những truyền thuyết cũ, biến đổi chúng để khẳng định một điều chắc chắn sâu sắc : cái ác ở trong con người.

Câu chuyện đầu tiên là về việc bị loại khỏi thiên đường trần gian. Con người đã khuất phục trước sự cám dỗ đến từ vực sâu (được tượng trưng bằng con rắn). Ông muốn trở thành giống Chúa ngay lập tức. Từ chối cuộc phiêu lưu mà ông được mời, ông tuyên bố sẽ đảm bảo sự an toàn và sống sót cho chính mình.

Sự giả vờ của ông đã lên án ông ta. Đầu tiên, họ bị chia rẽ : Adam và Eva đối đầu nhau như kẻ thù. Sự kết hợp tình dục của họ, vốn trong sáng ngay từ ban đầu, giờ đây bị đánh dấu bằng sự chia rẽ, bằng cuộc xung đột mà trong đó mỗi người đều thu mình lại để cố gắng thống trị người kia. (St 2.25 - 3.24)

Bây giờ phải *rời đi*, rời khỏi cái nôi ban đầu, rời khỏi nơi chôn mê hoặc mà chúng ta từng mơ ước được chiếm giữ. Đây là khởi đầu của một câu chuyện khó khăn và đau đớn. Tuy nhiên, ngay từ đầu đã có lời loan báo rằng câu chuyện này sẽ dẫn đến sự sống. (St 3.16)

Câu chuyện thứ hai củng cố câu chuyện đầu tiên bằng cách giúp hiểu sâu hơn về bản chất của sự ác. Cain và Abel, hai anh em, đại diện cho hai khía cạnh bổ sung cho nhau của con người. Cain, người nông dân, hướng về đất, không thể chấp nhận Abel, người chăn nuôi, người sống trong ánh sáng. Anh ta giết người kia. Sau đó, anh ta thấy mình đã phải chịu số phận chết chóc.

Nhưng Thiên Chúa không bác bỏ mọi khía cạnh đen tối của con người mà anh ta đại diện. Ngài yêu cầu anh ta rời đi, để thực hiện cuộc hành trình sẽ đưa anh ta tới ánh sáng. (St 4.1-16)

Nên đọc toàn bộ hai câu chuyện này.

Thiên Chúa có thể đã từ bỏ con người. Ngược lại, Ngài đã bảo đảm mạng sống của con người. (St 6-9)

Bị nhốt trong chính mình, tạo ra sự chia rẽ, con người dường như phải chịu số phận diệt vong. Trận *hồng thủy* (chương 6-9) tượng trưng cho tất cả các thế lực đen tối, sẵn sàng áp đảo con người. Từ giữa thế giới đồi trụy, Thiên Chúa đã đưa đến một người công chính : Nô-ê. Nhờ có con tàu mà ông có thể chế ngự được vùng nước nguy hiểm. Ông chạm tới ánh sáng và có thể cảm tạ Thiên Chúa. Qua số mệnh của mình, ý định thiêng liêng được thể hiện rõ ràng : bất chấp mọi nghịch cảnh, Thiên Chúa vẫn muốn tạo vật của mình được sống. Các thế lực đen tối sẽ không bao giờ có thể nắm giữ chắc chắn người mà Ngài đã triệu hồi. Đây chính là ý nghĩa của *giao ước Nô-ê*.

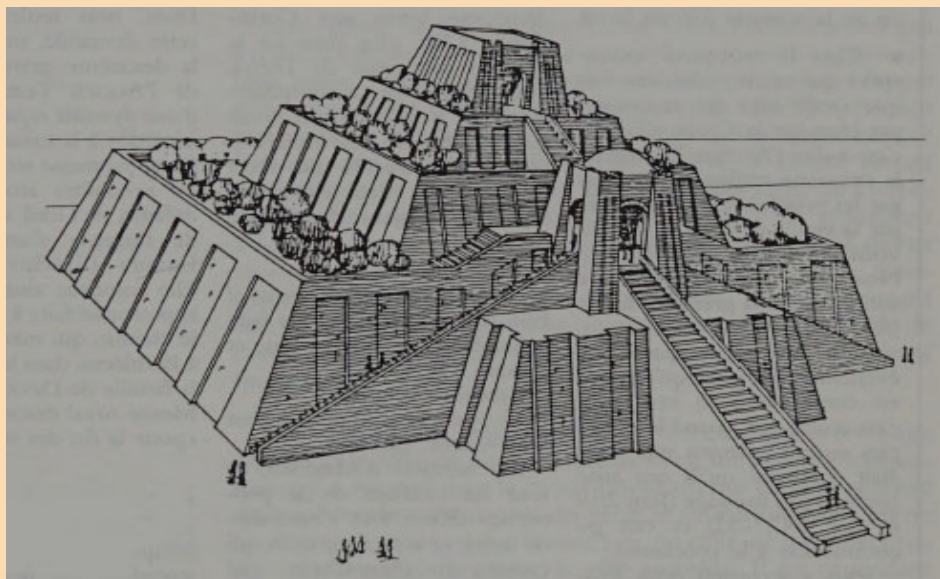
Đọc : - Trận hồng thủy, St 6.9 - 8.22

- Giao Ước, St 9.1-17

Lịch sử nhân loại từ nay bị đánh dấu bởi chia rẽ

Sự cứu rỗi không thể đạt được một cách chắc chắn. Nô-ê, người công chính, cũng rất yếu đuối. Con cái của ông (trong đó nổi bật là Shem, tổ tiên của người Do Thái) chia rẽ nhau.

Sự chia rẽ này được minh họa bằng một câu chuyện gợi lên dưới một hình thức mới về lỗi lầm cơ bản và «sự bất tuân» của con người. Câu chuyện đáng kinh ngạc này (áp dụng rất đúng vào nền văn minh công nghiệp) chính là câu chuyện về *Tháp Babel*. (St 11.1-9)



Tái thiết Tháp bậc thang Babylon

Theo các nhà sử học cổ đại.

Cám dỗ của con người vẫn vậy : đảm bảo an ninh bằng mọi giá. Sau đó, người ta đứng lên chống lại Thiên Chúa, được coi là một vị Chúa ghen tị với con người, và người ta xây cho mình một tòa tháp để vươn tới thiên đường. (Hình ảnh sẽ được sử dụng trong câu chuyện được cung cấp bởi Tháp Babylon mà trên đỉnh tháp tôn giáo ngoại giáo của thế lực Chaldéenne kiêu hãnh đã được tôn vinh). Kết quả của chương trình một lần nữa lại là thảm họa. Sự phân chia ngôn ngữ minh họa cho sự thất bại của nó. Vì vậy, chúng ta phải lên đường một lần nữa, đi theo con đường sẽ dẫn đến sự hiệp nhất thật sự;

Đọc đoạn văn : St 11.1-9

Trong lòng nhân loại tội lỗi, Thiên Chúa chọn một người được chọn

Sáng thế ký chương 11 kết thúc bằng một gia phả ngắn dẫn đến Áp-ram, người sau này sẽ trở thành Abraham. Câu chuyện về những người được chọn sắp bắt đầu.

Dân tộc tin Chúa mang theo LỜI HỨA

Không cần phải tìm kiếm chữ *lời hứa* trong Cựu Ước: nó không có ở đó !

- Tại sao ?

- Vì lý do chính đáng là *Lời Hứa* tạo nên sợi chỉ dài trong lịch sử của dân tộc được chọn, được suy ngẫm và truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác... : nó hiện diện ở khắp mọi nơi, nó là khuôn khổ của câu chuyện, chúng ta không đặt tên cho nó : chúng ta sống nó.

• Chính TÂN ƯỚC sẽ nói về điều đó, một khi mọi sự đã được Chúa Giê-su hoàn tất trên Thập tự giá. «Tất cả» : nghĩa là Cựu Ước, lời hứa được các ngôn sứ truyền lại từ lâu đã được ứng nghiệm qua sự giáng lâm của Chúa Giê-su, Đấng Kitô : đây là nội dung của «Tin Mừng» trong Phúc Âm được Giáo hội đầu tiên công bố (Cv 13.32-33).

Chỉ khi một sự kiện đã qua, chúng ta mới có thể hiểu được ý nghĩa thực sự của nó : chỉ khi các môn đệ hiểu rằng Chúa Giê-su đã sống lại, họ cũng mới hiểu được sứ điệp của Người (Ga 20.9 và Lc 24.27-33) và có thể bắt đầu rao giảng sứ điệp đó.

Chúa Giê-su đã thực hiện Lời hứa này, Lời hứa đã duy trì và hồi sinh niềm hy vọng của dân tộc trong những giờ phút đen tối nhất của cuộc đời họ, trong gần hai ngàn năm, kể từ ngày bí ẩn khi Abraham nhận được hy vọng từ Thiên Chúa :

«Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng và nhà cha người, mà đi tới đất Ta sẽ chỉ cho người.

Ta sẽ làm cho người thành một dân lớn, sẽ chúc phúc cho người. Ta sẽ cho tên tuổi người được lấy lòng, và người sẽ là một mối phúc lành.

Ta sẽ ban đất này cho dòng dõi người» (St 12,1-2 và 7)

Thiên Chúa NÓI và Ngài LÀM : lời thề là vô ích, Chúa Giêsu sẽ nói : «có hãy nói có» và thánh Phao-lô sẽ bình luận trong lá thư thứ hai gửi tín hữu Cô-rin-tô (2 Cr 1.20) : «mọi lời hứa của Thiên Chúa đều là “có” nơi Người», nghĩa là sự hoàn thành những lời hứa đó. Dân Do Thái biết rằng mặc dù họ đã nhiều lần bất trung, Lời Chúa, dưới dạng Ân sủng, vẫn tồn tại, Thánh Phao-lô sẽ diễn tả điều này dưới dạng Ân sủng (Rm 4.16).

- Làm thế nào Chúa Giê-su có thể *thực hiện* lời hứa đã hứa với Abraham và lặp lại với I-sa-ác và Gia-cóp

(Dt 11.9) ?

Hãy lắng nghe Thánh Phaolô :

- Dòng dõi của Abraham là Chúa Giê-su Ki-tô : (Gl 3.16).

- Những người thừa kế của Abraham là con cái của lời hứa (Rm 9.8), nghĩa là của đức tin : do đó họ là những người tin vào Chúa Giê-su Ki-tô : (Gl 3.29).

- Do đó, những người ngoại đạo có thể trở thành người tham gia vào lời hứa đã được ban cho Abraham: (Ep 2.12 và 3.6).

• Nhưng sống vì lợi ích của một lời hứa đòi hỏi phải *tách biệt* khỏi môi trường sống thường ngày, một cuộc sống tách biệt được chấp nhận một cách chắc chắn : Abraham đã phải từ bỏ MỌI THỨ để sống hoàn toàn trong và bằng đức tin. Dân chúng, những người thừa kế lời hứa, đã nhận được Lễ Luật, để làm người hướng dẫn, «như một nhà sư phạm để cuối cùng dẫn họ đến với Chúa Kitô», Thánh Phaolô giải thích trong Thư gửi tín hữu Ga-lát (Gl 3.24).

Tuy nhiên, thật khó để sống «trong thế gian mà không thuộc về thế gian» và dân chúng muốn có một vị vua «giống như các quốc gia khác». Đó là sự thiếu trung

thành với Thiên Chúa, Vua duy nhất của thế gian. Tuy nhiên, Thiên Chúa không chỉ chấp thuận lời yêu cầu này mà còn gắn kèm lời hứa lớn thứ hai của Cự Ước: lời hứa về một *triều đại hoàng gia vĩnh cửu*, được ban cho nhà Đa-vít. Lời hứa này sẽ được các tiên tri nhắc lại trong thời kỳ thất bại, thời kỳ lưu đày, dưới hình thức kỳ vọng về một «Đa-vít mới» (Ê-dê-ki-en Ed 37.24-28). Do đó, nó tạo nên sự chuyển tiếp của lời hứa được ban cho Abraham trên con đường dẫn đến Chúa Giêsu, sinh ra tại Bethlehem, trong thành phố và trong gia đình của Đa-vít, Đấng Messie đích thực đang được chờ đợi «vào ngày tận thế»...

Thật vậy, với «đám mây nhân chứng vĩ đại», kể từ thời các tổ phụ, chúng ta chờ đợi, vượt ra ngoài những nhận thức lịch sử một phần của Lời Hứa, sự hoàn thành trọn vẹn và dứt khoát của nó trong Đất Hứa đích thực dành riêng cho con cháu của Abraham theo đức tin : sự xuất hiện của Vương quốc Thiên Chúa được thiết lập vào thời kỳ tận thế bởi Chúa Giêsu Kitô, Chúa và Vua của muôn đời (Dt 11.10,13-16 và 12.1).

Sách Sáng Thế 12 - 50 Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Jacob

Câu chuyện về cuộc đời của các tổ phụ không thể được coi là một câu chuyện lịch sử chính xác. Đúng hơn, cần phải nói rằng phần viết cuối cùng của văn bản, đề cập đến những truyền thống rất cổ xưa được lồng vào một lịch sử rất thực, đã tạo nên một câu chuyện để truyền tải đức tin của dân Do Thái. Vì thế, người Do Thái biết rằng họ được Chúa chọn và là người hưởng lợi từ lời hứa. Vậy chúng ta hãy cùng xem xét câu chuyện này theo đúng bản chất của nó.

Sách Sáng Thế 12.1 - 25.10 Abraham

Vào khoảng thế kỷ 18 trước Công nguyên, một người đã rời khỏi vùng Mésopotamie xa xôi, rời khỏi nền văn minh thịnh vượng cùng các thờ phượng dành riêng cho các vị thần mặt trời và mặt trăng. Ông trở lại cuộc sống du mục. Sức mạnh nào đã thúc đẩy ông ?

Kinh Thánh trả lời không chút do dự : đó là Thiên Chúa. Chúng ta không cần phải thắc mắc làm sao Abram, người sẽ được tái sinh thành một con người mới qua trải nghiệm này, lại nhận được tiếng gọi thiêng liêng. Bạn có cảm thấy ngọt ngào trong một thế giới khép kín không ? Trải nghiệm bên trong và linh cảm

mơ hồ ? Sự khám phá đáng kinh ngạc ? (St 12) Đừng bận tâm. Câu chuyện kể rằng ông đã nhận được lệnh đột ngột là phải rời bỏ mọi thứ và đi đến một đất nước xa xôi, rằng ông sẽ nhận được một gia tài thừa kế, và Abraham đã làm như vậy. «Nhờ đức tin, ông Áp-ra-ham đã vâng nghe tiếng Chúa gọi mà ra đi đến một nơi ông sẽ được lãnh nhận làm gia nghiệp, và ông đã ra đi mà không biết mình đi đâu» (Dt 11.8), một tác giả Kitô hữu vào thế kỷ thứ nhất đã bình luận : do đó, người tin Chúa sẽ đọc lại câu chuyện về tổ tiên du mục như một biểu tượng cho cuộc phiêu lưu bên trong của con người, một cuộc phiêu lưu cuối cùng dẫn đến Chúa Giê-su.

Hiện tại, Abraham đang bước đi như một người xa lạ trên vùng đất mà một ngày nào đó sẽ là của con cháu ông. Ông là một người rộng lượng : ông đã bị cuốn vào chính chuyển động của lòng quảng đại thiêng liêng. Nhiều tình tiết trong truyện cho thấy rõ điều này : dù chúng ta đọc câu chuyện về mối quan hệ của ông với Lot, hay câu chuyện về sự can thiệp của ông để ủng hộ Sodome, thành phố bị nguyên rửa (St 13 - 14). Tuy nhiên, ông cũng là một người đàn ông mong manh, dễ sợ hãi (St 18.16 - 19.29).

Nhưng có một nỗi lo lắng lớn hơn hết khiến ông đau khổ : ông không có con. Zó là một thảm họa, trong thời

đại mà chúng ta vẫn chưa chấp nhận ý niệm về sự phục sinh và cách duy nhất để không chìm vào hư vô là tiếp tục trong một dòng dõi. Và bây giờ Thiên Chúa hứa ban cho ông một người con trai. Không phải Ismael, đứa con mà ông sẽ sinh ra từ một nàng hầu. Nhưng là con trai của Saraï, người vợ già héo úa. Isaac, «đứa con của tiếng cười» thực sự là thành quả của lời hứa thiêng liêng miễn phí, và do đó là bảo chứng cho tương lai. «Với Chúa, mọi sự đều có thể», người viết câu chuyện chỉ ra.

Nhưng đức tin của Abraham phải đi đến giới hạn tột cùng, đến mức hy sinh đứa con yêu dấu của mình. Kinh nghiệm đóng đinh mà truyền thống sau này sẽ thấy biểu tượng phi thường : chúng ta phải chấp nhận cái chết để sự sống được sinh ra sao ? Isaac không chết. Được Thiên Chúa gọi trở về, ông tiếp tục con đường của cha mình, tiếp tục cuộc phiêu lưu du mục của cha mình, cũng như cuộc phiêu lưu tâm linh của cha (St 22).

Về phần Abraham, ông qua đời «mà không đạt được những điều Thiên Chúa đã hứa», (Dt 11.39) Thư gửi tín hữu Do Thái cũng sẽ nói như vậy. Trong số những vùng đất ông đã đi qua, ông chỉ sở hữu diện tích bằng một ngôi mộ. Nhưng sau cái chết, cuộc sống vẫn tiếp diễn. Lịch sử tiếp tục, «Thiên Chúa đã trù liệu cho chúng ta

một phần phúc tốt hơn» (Dt 11.40). Abraham, tổ phụ những người tin Chúa : đây là danh hiệu mà những Kitô hữu đầu tiên dành cho ông, vì họ biết mình là người thừa kế thực sự của sứ điệp tâm linh của ông, giống như Chúa Giê-su đã từng là «Đấng đã kiện toàn đức tin» (Dt 12.2).

Đọc cụ thể :

- *On gọi của Abraham và lời hứa ban phước, St 12.1-9*
- *Giao ước cắt bì, St 17*
- *Câu bầu cho thành Sô-đôm, St 18.16-33*
- *Lời loan báo về sự ra đời của Isaac, St 18.1-15*
- *Sự hy sinh của Isaac, St 22.1-19*

Sáng thế ký 25.19 - 36.43 Esaü và Jacob-Israel

Isaac sinh được hai người con trai : **Esaü** và **Jacob**. Người thứ hai, Jacob, là một kẻ xảo quyệt và khao khát thành công. Bằng những thủ đoạn lừa dối, hắn đã thay thế người anh cả và dành được phước lành của cha, phước lành mà người xưa coi là bảo chứng cho thành công.

Nhưng Thiên Chúa, Đấng có thể sử dụng cả những kẻ gian manh nhất, đã nắm lấy ông.

Jacob đến Mésopotamie tìm vợ. Sau những cuộc phiêu lưu đầy màu sắc trong đó kẻ lừa dối đôi khi lại là người bị lừa dối, ông trở về Canaan, giàu có, nhưng vẫn không hòa hợp với chính mình.

Trên đường đến Haran, một giấc mơ đã làm ông bối rối. Người ta kể rằng ông đã nhìn thấy một chiếc thang dựng lên giữa đất và trời và đột nhiên ông có trực giác về sự hiện diện bất ngờ của Chúa ở trung tâm cuộc sống của ông (St 28.10-22).

Nhưng trong chuyến trở về của ông, tại thời điểm ông băng qua sông Yabbok, câu chuyện về sự kiện mà Thiên Chúa thay đổi vận mệnh của ông một cách dứt khoát đã diễn ra. Câu chuyện kỳ lạ này kể về cuộc chiến của Jacob với một sinh vật lạ. Từ cuộc đấu tranh này (với chính mình ? nhưng qua cuộc đấu tranh đó với Chúa !), ông đã trở nên biến đổi, được đánh dấu cho sự sống. Theo một nghĩa nào đó, đó là một sinh vật không phù hợp với thế giới hiện ra (ông ta bị què). Nhưng bây giờ ông ấy đã là người tự do. Cuối cùng ông có thể thiết lập lại mối quan hệ anh em với Esaü. Ông không còn là *Jacob* nữa, mà là *Israël*, nghĩa là người chiến thắng Thiên Chúa (St 32.23-32).

Israel : đây là tên mà con cháu ông sẽ mang, một hậu duệ mà toàn bộ lịch sử của họ sẽ là cuộc chiến đấu với Thiên Chúa ; Israel, dân tộc què quặt mà Thiên Chúa đã nắm lấy và sẽ là dấu chỉ của sự tự do đích thực trên thế giới.

Đọc cụ thể :

- Sự ra đời của cặp song sinh, St 25.19-26
- Món đậu lăng, St 25.27-34
- Phước lành bị đánh cắp, St 27.1-40
- Giấc mơ của Jacob, St 28.10-22
- Cuộc chiến tại Jabbok, St 32.23-32

Sáng thế ký 37 - 50 Joseph và các anh em của ông

Ở Israel, trong những thời điểm khó khăn, mọi người thường kể câu chuyện về Joseph, người con thứ hai trong số mười hai người con trai của Jacob. Người ta nói rằng, vì bị anh em mình ghen tị, Joseph đã bị bán làm nô lệ và bị đưa đến Ai Cập. Người đàn ông này trung thành với lề luật của Thiên Chúa đã trở thành người quản lý toàn năng của Pharaon. Mọi việc đều diễn ra tốt đẹp với ông. Ông thậm chí đã chứng kiến giờ báo thù : bị nạn đói thúc đẩy, các anh của ông đã đến xin người mà họ đã bán đi, mà họ không nhận ra, cho họ lúa mì. Nhưng Joseph không trả thù. Sau khi thử

thách các anh em mình, ông đã tha thứ cho họ. Một tấm gương đáng trân trọng cho con cháu ông, những người thường xuyên lạc lối trên con đường lưu vong, thường khao khát trả thù. Chẳng phải chính họ cũng được kêu gọi trở nên độ lượng giữa một thế giới tàn nhẫn và vô tình hay sao ? (St 42 - 45).

Khi con cái Israel có biệt danh là Do Thái, «những người du mục» hoặc rHAPIROU

(cuối thiên niên kỷ thứ 3 trước Công nguyên)

Hơn cả một mối liên hệ về mặt từ nguyên !

Dân Chúa, Con cái Israel, không tự nhiên gọi mình là người *Do Thái*. Tính từ này được những người nước ngoài như người Ai Cập và người Philistins gán cho họ từ bên ngoài. Trái ngược với việc sử dụng từ này quá mức ngày nay (ngay cả trong tác phẩm hiện tại), Kinh Thánh lại khá hạn chế khi sử dụng cách gọi này. Từ này chỉ được nhắc đến khoảng bốn mươi lần trong toàn bộ Cựu Ước.

- Nguồn gốc của từ này gợi ý đến ý tưởng *bằng qua một con sông*. Nếu người Cananéens cổ đại định cư ở «Palestine» (chưa được gọi như vậy) gọi họ là con cái của Abraham và của Israël-Jacob, bởi vì trong mắt người Cananéens họ là những người đến từ bờ *bên kia* sông Euphrate hay từ bờ *bên kia* sông Jourdain, hay từ

sông Nile.

- Trên thực tế, từ ngữ này không chỉ đích danh một dân tộc nào mà là một *lối sống*. Nhóm người được gọi là *Ivrim* (người Do Thái) hoặc ở Ai Cập, trong các tấm bia Tell Amarna, như *rhapirou*, thuộc về nhiều nhóm dân tộc khác nhau. Nhưng đặc điểm của chúng là thành lập các nhóm vũ trang cùng nhau thực hiện các cuộc thám hiểm để tìm kiếm đồng cỏ hoặc cướp bóc.

Họ cắm trại gần các thị trấn mà họ cố gắng thiết lập giao thương, mỗi bên vẫn giữ quyền tự chủ. Trong trường hợp thất bại, *rhapirou* trở thành «lính gác Thụy Sĩ thời cổ đại, những người lính đánh thuê phục vụ người trả giá cao nhất.

- Những hoàn cảnh của Sách Xuất Hành trong Kinh Thánh khá phù hợp với những dữ liệu này. Câu chuyện cho rằng Pharaon Ai Cập lo lắng về sự hiện diện của người *Do Thái* có thể trở thành lực lượng đối lập ở đất nước ông là không phải vô căn cứ.

Trên thực tế, chúng ta đọc về chúng trong một tài liệu Ai Cập cổ đại có những nhận xét sau : « ... người nước ngoài. Họ không ở yên một chỗ. Họ luôn luôn di chuyển. Kể từ thời Horus (thần thoại !), họ đã chiến đấu, họ chưa từng chiến thắng, ... họ chưa từng bị đánh

bại !»

Người ta có biết sa mạc *Schour*, ở bán đảo Sinai, được đặt tên theo một bức tường (*schour*) nhằm bảo vệ Ai Cập khỏi sự xâm lược của những nhóm du mục nguy hiểm này không ?

Không còn nghi ngờ gì nữa, các con trai của Jacob, vào thời điểm nạn đói được đề cập trong St 41, đã xâm nhập vào đồng bằng sông Nile, lợi dụng sự di chuyển dân số này.

Joseph : người tiền nhiệm xa xưa của Chúa Giêsu, người đã bị anh em mình từ bỏ, nhưng sẽ công bố cho thế giới biết lòng thương xót của Thiên Chúa !

Thiên Chúa của chúng ta là «Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Jacob» : toàn bộ truyền thống Do Thái, sau đó được truyền thống Kitô giáo tiếp nối, sẽ lặp lại điều này. Qua những câu chuyện trong Sách Sáng Thế, chính *Thiên Chúa của Lời Hứa* đã mặc khải về Ngài. Dần dần, Ngài đưa những người mà Ngài đã lôi khỏi bùn lầy ra ánh sáng. Chính Ngài là người một ngày bài Magnificat sẽ hát ngợi ca : «Chúa độ trì Ít-ra-en, tôi tớ của Người, như đã hứa cùng cha ông chúng ta, vì Người nhớ lại lòng thương xót dành cho tổ phụ Áp-ra-ham và cho con cháu đến muôn đời.» (Lc 1.54-55).

Đọc cụ thể :

- Các giấc mơ của Joseph, St 37.1-11
- Joseph bị bán sang Ai Cập, St 37.12-36
- Joseph giải thích giấc mơ của Pharaon, St 41.1-43
- Tha thứ, St 45.1-8

KIỂM TRA BẠN CÓ HIỂU ĐÚNG KHÔNG

- Bạn có thể kể tên năm cuốn sách tạo nên Lễ Luật hoặc Ngũ Thư không ?
- Sự khác biệt giữa mười một chương đầu của Sách Sáng Thế và phần còn lại của sách là gì ?
- Bạn có thể trả lời những phản đối sau đây không :
 - Chúng ta có liên quan gì tới những câu chuyện xưa của các tổ phụ ? Chúng ta sống trong một thế giới khác và không có điểm chung nào với họ.
 - Tất cả những văn bản này có thể có ý nghĩa gì khi chúng ta thấy Chúa đến để nói chuyện với con người ?

HÃY TỰ SUY NGHĨ

- Có những sự kiện nào trong cuộc sống mà bạn cho là «dấu hiệu của Chúa» không ?

- Những thay đổi nào là khó khăn nhất mà bạn từng trải qua ? Bạn có thể nghĩ rằng qua đó, Chúa đã kêu gọi bạn «ra đi bằng đức tin» không ?

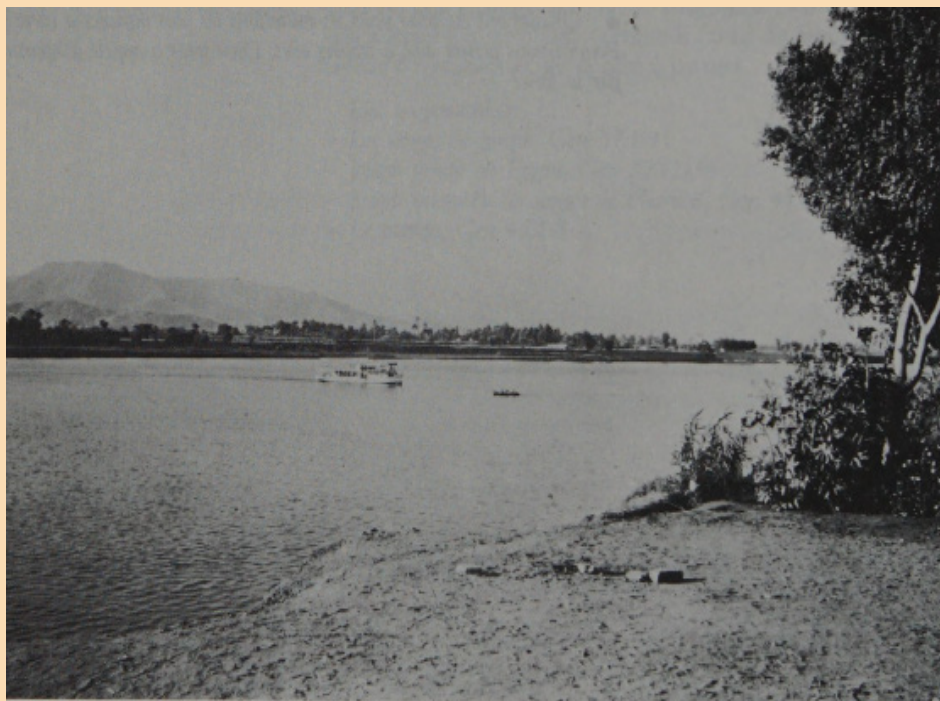
2) Cuộc Xuất Hành khỏi Ai Cập và Thử Thách trong Sa Mạc hay Sự Ra Đời của Dân Chúa

Sách Xuất Hành Xh 1 - 2

Thời gian đã qua. Con cháu của các tổ phụ ngày càng đông đảo. Nhưng giờ đây họ đã biết được hoàn cảnh khắc nghiệt của những người lao động bị một Pharaon chuyên chế bắt làm nô lệ. Israel dường như đang phải chịu sự trì trệ và thậm chí biến mất. Nhưng bây giờ có một người được Thiên Chúa nâng lên. Người ta nói rằng ông đã trốn thoát khỏi cuộc diệt chủng do quốc vương nước này tổ chức. Ông sẽ là người sáng lập thực sự của dân tộc Israel.

Đọc:

- Con cái Israel ở Ai Cập, Xh 1
- Sự ra đời của Moïse, Xh 2.1-10



Sông Nil

Quang cảnh dòng sông lớn của Ai Cập, không xa các kim tự tháp.

Sự mặc khải của Thiên Chúa tại Sinai

Moïse phải chạy trốn vào sa mạc. Ở đó, tại bụi cây cháy, ông nghe thấy tiếng gọi của «Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Jacob.» Thiên Chúa quyết tâm giải cứu dân Ngài. Ngài tự xưng là Đấng Hằng Hữu, là Đấng mà danh Ngài có nghĩa là : Ta là Đấng Ta là. Sau khi cố gắng chống lại nhiệm vụ được giao phó, Moïse trở về

Ai Cập.

YHWH

TÊN không thể phát âm của Thiên Chúa

Thiên Chúa được nhắc đến theo nhiều cách khác nhau trong Kinh Thánh, nhưng văn bản thiêng liêng này không bao giờ tiết lộ bí mật cuối cùng : đó là cách phát âm tên của Ngài. Việc phát âm tên của một người chính là bước vào thực tại của họ và theo một cách nào đó, là giành lấy quyền lợi đối với họ. Theo tư tưởng Kinh Thánh, Thiên Chúa phải được miễn trừ khỏi điều này. Đây là lý do tại sao, khi Thiên Chúa cuối cùng tiết lộ danh tính của mình với Moïse, trong bụi cây cháy (Xh 3), văn bản chỉ cho chúng ta hiểu rằng *Bốn Chữ Cái, thánh Tetragramme*, tạo nên tên của Chúa, có liên quan đến ý tưởng về Tồn tại và Trở thành³. Nhưng cách phát âm bị niêm phong.

Chúng ta có thể biết rằng điều răn thứ 3 của Lễ Luật Mười Điều (còn gọi là Mười Điều Răn) cấm phát âm tên này «vô cớ», «vô ích». Không chỉ là việc chửi thề, mà còn là bất kỳ việc sử dụng thiếu suy nghĩ, bất kỳ việc sử dụng Tên không đúng lúc, người của Chúa. Từ đó trở đi, người Do Thái có thói quen đọc : «Lạy Chúa

³ Những gì bản dịch tiếng Pháp xưa muốn truyền tải, với tên «Đấng Vĩnh Hằng».

con» (Adonai) bất cứ khi nào họ gặp chữ YHWH trong văn bản.

Cách sử dụng này hiện được sử dụng trong bản dịch tiếng Pháp, viết là THIÊN CHÚA, bất cứ khi nào văn bản đề cập đến tên này thì không được phép phát âm.

Hơn nữa, những nỗ lực phiên âm được thực hiện kể từ thời Renan đều không đưa đến kết quả chắc chắn tuyệt đối. Vậy nên tốt hơn là nên từ bỏ nó. Đặc biệt nếu chúng ta biết rằng bản dịch tiếng Hy Lạp của bản Septante (Kinh Thánh của những người Kitô hữu đầu tiên !) cố tình đặt từ CHÚA (*Kyrios*) ở mọi nơi mà Danh thánh xuất hiện. Thực hành này được các tác giả Tân Ước áp dụng và không ngần ngại gọi Chúa Giêsu bằng Danh CHÚA.

Do đó, chúng ta có thể hiểu Kinh Thánh tốt hơn nếu chúng ta lưu ý đến sự hài hòa có chủ ý này của Danh thánh trong cả hai giao ước.

Xh 4.1 - 15.21 Giải thoát và Lễ Vượt Qua

Thách thức Pharaon, đi ngược lại xu hướng của chính dân tộc mình, Moïse đã dẫn dắt dân Do Thái vào sa mạc. Sự giải phóng diễn ra vào một đêm đáng nhớ, đêm Lễ Vượt Qua của Chúa. Sau khi ăn thịt cừu đã hiến tế, họ lên đường. Họ băng qua Biển Đỏ, nơi quân đội của Pharaon được tung ra để truy đuổi những kẻ chạy trốn, đã bị sa lầy. Sự kiện này, được truyền thống sau này tôn vinh, sẽ mãi mãi được khắc ghi trong ký ức của người do Thái. Quả thật, đêm đó Thiên Chúa đã tỏ mình là Đấng giải cứu. Từ nay trở đi, hằng năm, Lễ Vượt Qua sẽ tưởng nhớ những «công trình vĩ đại» này của Chúa.

Đọc cụ thể :

- *Đêm Vượt Qua, Xh 12.1-41*

- *Cuộc vượt qua Biển Đỏ, Xh 13.17 - 14.31*

Xh 15.22 - 31.18 Giao ước Sinai và việc ban hành Lễ Luật

Sau chặng đường khó khăn, họ đến chân núi Sinai. Điều này là do Moïse long trọng thiết lập Giao ước giữa Thiên Chúa và dân của Ngài. Chúa hứa ban đất cho những người Ngài đã chọn. Đổi lại, người dân chấp nhận Lễ Luật, một luật thực sự là hiến chương của con

người tự do.

Hàng năm, *Lễ Ngũ Tuần* của người Do Thái nhằm mục đích kỷ niệm món quà Lễ Luật này.

Đọc cụ thể :

- *Manna và chim cút, Xh 16.1-31*

- *Giao ước Sinai, Xh 19*

- *Mười Điều Răn, Xh 20.1-17*



Ngọn núi của Chúa

Vị trí chính xác của SINAI vẫn chưa được xác định rõ ràng. Nhưng ít nhất là từ thế kỷ thứ 4, những người hành hương đã coi ngọn núi này là nơi Chúa mặc khải cho Moïse.

Ex 32 - 34 Con Bò Vàng

Ngay cả trước khi đến Sinai, người Do Thái đã bắt đầu chống lại lời kêu gọi tự do được gửi đến họ. Chùn bước trước những khó khăn vốn có trên đường đi, khó khăn trong việc nhận ra hành động của Thiên Chúa trong các sự kiện giải phóng, họ hồi tiếc về Ai Cập và sự an toàn giả tạo của nó. Ngay sau khi nhận được món quà của Lễ Luật, họ đã vội vàng vi phạm nó : không tuân theo lệnh cấm làm hình ảnh của Thiên Chúa, họ đã tự làm cho mình một con bê vàng (theo cách mà những người ngoại giáo tự làm cho mình những hình tượng động vật tượng trưng cho các vị thần của họ). Trong tất cả những điều này, họ lặp lại sự bất tuân vĩnh cửu vốn đã có từ lúc khởi đầu : muốn làm chủ chính mình, họ từ chối những rủi ro của một cuộc phiêu lưu khó khăn và đầu hàng thần tượng. Họ mơ về một Thiên Chúa có thể dùng phép thuật giải thoát họ khỏi trách nhiệm của một người tự do.

Sau khi trừng phạt kẻ có tội, Moïse đã tái lập giao ước đã bị phá vỡ.

Đọc :

- Con bê vàng, Xh 32
- Các bảng luật mới, Xh 34.1-9,29-35

Sách Dân Số Hướng về Đất Hứa

Sách Xuất Hành kết thúc với một số chỉ dẫn liên quan đến các quy tắc thờ phượng. Câu chuyện về sử thi vĩ đại dẫn dắt người Do Thái đến **Canaan** được tiếp tục trong Sách Dân Số.

Khi rời Sinai, cuối cùng dân chúng dường như đã tìm thấy sự gắn kết của mình (bằng chứng là «thứ tự chiến đấu» được cung cấp cho chúng ta ở đầu sách, dưới dạng *phả hệ*). Theo ký ức được các thầy tế lễ Do Thái truyền lại vào thời gian sau đó, dân tộc này tiến lên như một đoàn rước lễ. Trên thực tế, khó khăn lại bắt đầu rất nhanh (Ds 10 - 11).

Khi đến biên giới Canaan, thử thách này dường như thực sự không thể vượt qua. Hoảng sợ trước báo cáo về những điệp viên được cử đến để do thám đất nước đáng mơ ước, người dân từ chối tiếp tục tiến lên. Trước trở ngại này, dân chúng nghi ngờ Thiên Chúa. Họ nổi loạn chống lại Moïse và muốn trở về Ai Cập. Một lần nữa, lỗi lầm nghiêm trọng lại được lặp lại : vì thiếu lòng tin vào Thiên Chúa, người ta từ chối tiến về phía trước và thích những sự đảm bảo lừa dối hơn là một cuộc phiêu lưu khó khăn nhưng đầy hứa hẹn (Ds 13 - 14).

Dân tộc này chắc chắn chưa sẵn sàng để bước vào vùng đất nghỉ ngơi. Họ sẽ phải lang thang trong sa mạc bốn mươi năm, cho đến khi thế hệ không tin Chúa biến mất (Ds 14.33).

Phần còn lại của Sách Dân Số kể về cuộc hành trình dài, những lần tái phạm liên tục của một đoàn người khao khát sự an toàn hữu hình và lòng trung thành của Thiên Chúa đối với công việc của Ngài mặc dù có những thất bại rõ ràng.

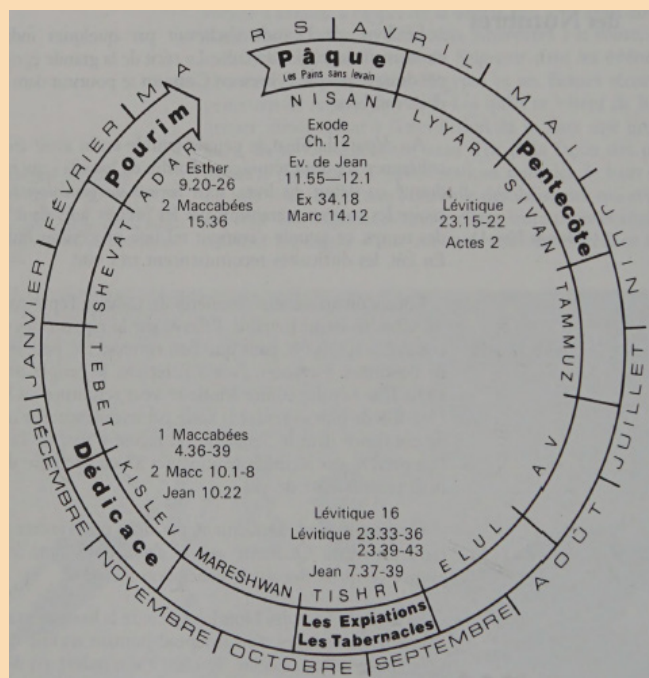
Sau đó, *Lễ Lều Tạm* của người Do Thái sẽ tưởng nhớ cuộc hành trình khó khăn trong sa mạc. Nhiều bài thánh vịnh sẽ nhắc lại với lòng ăn năn những ngày dân chúng «phản loạn» chống lại Thiên Chúa của họ, nhưng trong những lỗi lầm trong quá khứ này, thật không may người ta sẽ nhận ra những lỗi lầm vẫn tiếp tục lặp lại trong suốt lịch sử của dân Do Thái (thậm chí chúng ta có thể nói trong suốt lịch sử loài người) (Tv 78; 95; 106).

Bảng các LỄ HỘI ở Do Thái

Bảng này cung cấp hai tính năng mà bạn nên biết :

1) chỉ liên quan đến thời Kinh Thánh. Do đó, nó không tính đến những diễn biến sau này xuất hiện trong lịch phụng vụ của các cộng đồng Do Thái ngày nay.

2) lịch được chọn là lịch được sử dụng phổ biến sau khi trở về từ cuộc lưu đày (thực tế là lịch Babylon). Lựa chọn này được chọn sao cho bảng này cũng hữu ích cho việc hiểu Tân Ước khi đề cập đến các ngày lễ của người Do Thái.



Giải thích về bản vẽ

Đi từ bên ngoài vòng tròn vào tâm, chúng ta lần lượt thấy :

- tên các tháng trong lịch hiện đại của chúng ta
- tên các ngày lễ *Do Thái*
- tên các tháng trong Kinh Thánh

- sau cùng, trong phần tương ứng với mỗi lễ, có các tham chiếu đến các văn bản Kinh Thánh chính giải thích ý nghĩa của lễ đó.

Cần lưu ý rằng thời gian trong Kinh Thánh không phải là chu kỳ : đây là lý do tại sao vòng tròn bị gián đoạn. Mỗi tên này có ý chỉ ra rằng thời gian đang tiến tới sự viên mãn, ngay cả khi trong khi chờ đợi thời gian, cùng một tiến trình phụng vụ lại bắt đầu vào mỗi dịp lễ Phục sinh.

Nhưng Thiên Chúa không bao giờ từ bỏ dân Ngài. Ngài tỏ mình là *Đấng Trung Tín*. Do đó, dân Do Thái vẫn là người mang đến tương lai, làm chứng cho một câu chuyện cũ được kể lại một cách vui vẻ : câu chuyện về thầy **Balaam**, được vua Moab giao nhiệm vụ ngăn chặn mọi đe dọa từ người Do Thái xuất hiện từ sa mạc

và bị buộc phải hát về vinh quang sắp đến của dân Chúa, trái với ý muốn của ông (Ds 22 - 24).

Đọc cụ thể :

- *Những người do thám ở Canaan, Ds 13.1-3, 17-33*
- *Nước Mériba, Ds 20.1-13*
- *Những con rắn lửa, Ds 21.4-9*
- *Con lừa của Balaam, Ds 22.21-35*

Sách Đệ Nhị Luật Đến Đất Hứa

Sau bốn mươi năm lưu lạc, cuối cùng người Do Thái đã đến được biên giới phía đông của Canaan. Đây là nơi Moïse chết. Bởi vì, trong một khoảnh khắc ngắn ngủi, đức tin của ông đã dao động, ông không được coi là xứng đáng để bước vào vùng đất mong muốn (Ds 20.1-3 ; Đnl 32.48-52).

Sách Đệ Nhị Luật muốn kể cho chúng ta nghe về những bài diễn văn cuối cùng, những lời cảnh báo và di chúc tâm linh của sách. Sau khi nhớ lại những sự kiện gần đây, Moïse rút ra một số bài học thiết yếu từ chúng: Chúa là Đáng yêu thương dân Ngài, mở ra con đường sự sống cho họ. Nhưng liệu mọi người có thể làm theo bằng cách đáp lại tình yêu của Thiên Chúa và tuân thủ Lễ Luật không ? Than ôi, Moïse chỉ có thể thấy trước

sự bất trung của dân tộc mình. Nhưng Thiên Chúa vẫn thành tín và sẽ không bao giờ từ bỏ dân Do Thái.

Tác phẩm này, có chiều sâu tâm linh phi thường, được cho là được viết vào thời điểm muộn hơn nhiều. Đây là kết quả của quá trình suy ngẫm lâu dài của những người vẫn trung thành với Giao ước. Là những người chứng kiến sự thoái hóa chậm chạp của lý tưởng Moïse, họ đã cố gắng «tái hiện thực hóa» thông điệp của người sáng lập ra Do Thái. Khi biên soạn «di chúc của Moïse» này, họ đã nhớ lại ơn gọi ban đầu của dân được chọn. Họ khẳng định đức tin không lay chuyển của mình vào một Thiên Chúa tốt lành và thành tín, bất chấp những lỗi lầm của dân Ngài.

Đọc cụ thể :

- *Kinh Tin Kính của Israel, Đnl 6.4,20-25*
- *Sự lựa chọn nơi thờ phượng, Đnl 12.13-18*
- *Vị Ngôn Sứ thật, Đnl 18.14-18*
- *Cái chết của Moïse, Đnl 32.48-52 ; 34,5-6*

Cuộc di cư khỏi Ai Cập và Lịch sử

Bản chất phi thường của những sự kiện được kể lại (đặc biệt là cuộc vượt Biển Đỏ và Sự mặc khải tại Sinai) đã gây ra nghi ngờ về tính thực tế lịch sử của các

sự kiện. Trên thực tế, chúng ta biết rằng những truyền thống khác nhau được hợp nhất thành văn bản cuối cùng đã mô tả các sự kiện bằng những biện pháp văn học khác nhau tùy theo mỗi quan tâm thần học. Sau khi thực sự cảm nhận được sự hiện diện thiêng liêng trong câu chuyện đã trải qua, người kể chuyện không ngần ngại thể hiện sự hiện diện này dưới dạng những dấu hiệu rất hữu hình.

Tuy nhiên, nghiên cứu khoa học đã chỉ ra rằng các văn bản cổ có nền tảng vững chắc như thế nào. Có lẽ thực tế phức tạp hơn những gì sách vở gợi ý. Nhưng Sách Xuất Hành và Sách Dân Số không chỉ đề cập đến nguồn gốc tâm linh của dân tộc Do Thái : mặc dù không đáp ứng được những đòi hỏi của lịch sử hiện đại, nhưng chúng vẫn tái hiện cho chúng ta thấy một cách khái quát thực tế về lịch sử của dân tộc này.

Cuộc di cư khỏi Ai Cập và tương lai của nhân loại

Vào những thời điểm tồi tệ nhất trong lịch sử, người Do Thái sẽ nhớ lại những sự kiện lập quốc cũ của dân tộc mình. Họ sẽ tiếp tục, bất chấp mọi nghịch cảnh, để khẳng định đức tin của mình vào Thiên Chúa thành tín. Họ sẽ khẳng định lại niềm tin của mình vào Chúa, Đấng mà họ sẽ tiếp tục chờ đợi sự *giải cứu sau cùng*.

Chủ đề này cũng là nền tảng của tư tưởng Kitô giáo, mang đến cho nó một cách giải thích mới : Chúa Giêsu là Moïse mới, là người sáng lập đích thực của dân Chúa. Người dẫn dắt dân Người trên con đường đến Đất Hứa đích thực : Vương quốc tình yêu và hòa bình mà Ngài đã đến để thành lập. Nhờ lễ Vượt Qua, Người giải thoát chúng ta khỏi ách nô lệ của tội lỗi. Vì vậy, lịch sử cổ đại của Do Thài trở thành biểu tượng của nhân loại đang tiến tới sự cứu rỗi cuối cùng. Bất chấp sự chống đối, sự từ chối, sự thoái lui của con người, Thiên Chúa không ngừng theo đuổi chương trình của Ngài.

HÃY TỰ SUY NGHĨ

- Bạn nghĩ sự giải phóng nào là cần thiết nhất hiện nay đối với bạn, những người xung quanh bạn, và thế giới của chúng ta ? Bạn nghĩ Sách Xuất Hành có thể giúp sống tốt hơn như thế nào ?

- Những nỗi sợ nào khiến bạn muốn «quay trở lại Ai Cập» ? Bạn có nghĩ đức tin có thể giúp bạn vượt qua những nỗi sợ hãi này không ?

- Hãy sáng tác bài thánh vịnh của riêng bạn, trong đó bạn sẽ hát về hành động của Thiên Chúa trong cuộc sống của bạn.

3) Lễ Luật hay Torah là nguồn gốc của Sự sống

Sách Lê-vi

Khi muốn chỉ năm sách đầu tiên của Kinh Thánh, người Do Thái không nói «Ngũ Thư». Họ nói : «Kinh Torah».

Từ này thường được dịch bằng thuật ngữ tiếng Pháp là Pháp luật. Điều này không phải là không có nhược điểm nghiêm trọng. Bởi vì, với chúng tôi, Luật pháp trước hết gọi lên một hệ thống ràng buộc. Những điều này có thể được tái tạo trong cuộc sống xã hội. Nhưng mối quan hệ của chúng với quyền tự do cần thiết không thể thấy rõ ngay được.

Ngược lại, Torah về cơ bản chỉ ra con đường tự do.

Con đường này chắc chắn là rất khó khăn. Do đó, nó bao gồm cả lễ luật. Tự do phải có quy tắc.

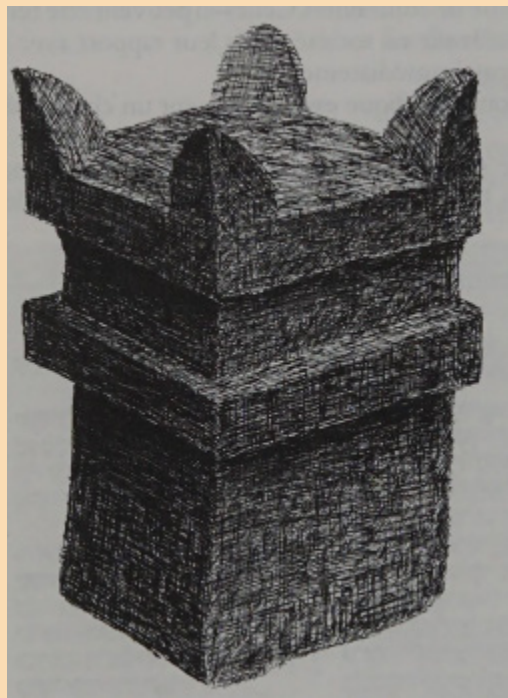
Trang cuối của Sách Xuất Hành và trang đầu của Sách Lê-vi

Mẫu chữ viết đẹp bằng «chữ Do Thái vương». Chúng ta sẽ đánh giá cao sự thanh lịch của đường viền massore dưới dạng một đường viền trang trí nhỏ. Đây là một dạng chú thích ngữ pháp nhằm mục đích nắm bắt tốt hơn mọi chi tiết của văn bản. Cột bên trái (đầu Sách Lê-vi) được trang trí đặc biệt.

Tất nhiên, vẫn có sự cám dỗ tìm kiếm sự an toàn giả tạo trong việc sở hữu các sinh vật và đồ vật, đặc biệt là trong các hình thức thờ ngẫu tượng : dù chúng mang hình thức tôn giáo cổ xưa của ma thuật và mê tín, hay mang hình thức hiện đại của sự khuất phục trước các hệ tư tưởng toàn trị, trước sự toàn năng của tình dục hoặc sự tôn thờ quyền lực và tiền bạc.

Kinh Thánh không bao giờ ngừng ca ngợi món quà của Lê Luật. Nhờ đó, những người có đức tin nhận thức rằng họ không còn là những con người sống theo ý thích và bản năng của mình nữa. Họ có thể đạt đến trạng thái con người được đổi mới, vì được Thiên Chúa giải thoát. (Chúng ta hãy đọc đặc biệt đoạn suy niệm dài về Thánh vịnh 119).

SỪNG của bàn thờ và quyền tị nạn



«Còn A-đô-ni-gia-hu,
vì sợ Sa-lô-môn,
đã đứng lên đi bám chặt lấy
góc bàn thờ.

Người ta báo tin cho Sa-lô-môn rằng :
«Này A-đô-ni-gia-hu sợ vua Sa-lô-môn,
nên đã bám chặt lấy góc bàn thờ mà nói :
«Hôm nay xin vua Sa-lô-môn thề hứa với tôi
là người sẽ không dùng gươm giết tôi tớ người.»

I V 1.50-51 (trích từ Kinh Thánh bản dịch của Nhóm Các Giờ Kinh Phụng Vụ)

Các sùng của bàn thờ (Lv 4.18)

Người ta đã tìm thấy một số lượng lớn các bàn thờ có «sùng» như thế này. Ký ức của họ gắn liền với quyền tị nạn, như văn bản trên cho thấy. Ý niệm về sự bảo vệ của Thiên Chúa gắn liền với đối tượng thờ phượng trung tâm nhất này được nhắc đến theo nghĩa đen trong Thánh vịnh 18.3 («Chúa là sùng cứu rỗi Con») và cũng có trong Tân Ước, trong Lc 1.69.

Các điều răn của Thiên Chúa

Tuy nhiên, điều quan trọng là phải phân biệt rõ ràng giữa cách diễn đạt cơ bản của Lễ Luật giải phóng và «các sắc lệnh thi hành» mà chúng ta có thể tìm thấy trong Kinh Thánh. *Mười điều răn* (*Mười điều răn*, tức là *mười lời phán*) trên núi Sinai vẫn là nền tảng vĩnh cửu của Giao ước. Điều tương tự không đúng với các sắc lệnh cụ thể được thiết kế theo một nền văn hóa và thời đại nhất định.

Theo nghĩa này, sách thứ ba của Ngũ Thư, Sách Lê-vi, có thể có vẻ rất lạ đối với chúng ta ngày nay. Chúng ta phải hiểu thế nào về những quy định khác nhau này

quyết định chi tiết về các lễ vật hiến tế của người Do Thái ?

Nhưng bản chất của công việc này được tiết lộ trong «luật thánh» của chương 19 : «Hãy nên thánh, vì Ta là Thiên Chúa, là Thánh.» (Lv 19).

Đoạn văn này nhắc nhở chúng ta rằng không bao giờ có thể tách biệt thái độ đối với Thiên Chúa khỏi thái độ đối với người lân cận. Cách duy nhất để đáp lại món quà tự do của Thiên Chúa là trở thành nguồn tự do đích thực cho người khác.

Lề Luật và tinh thần

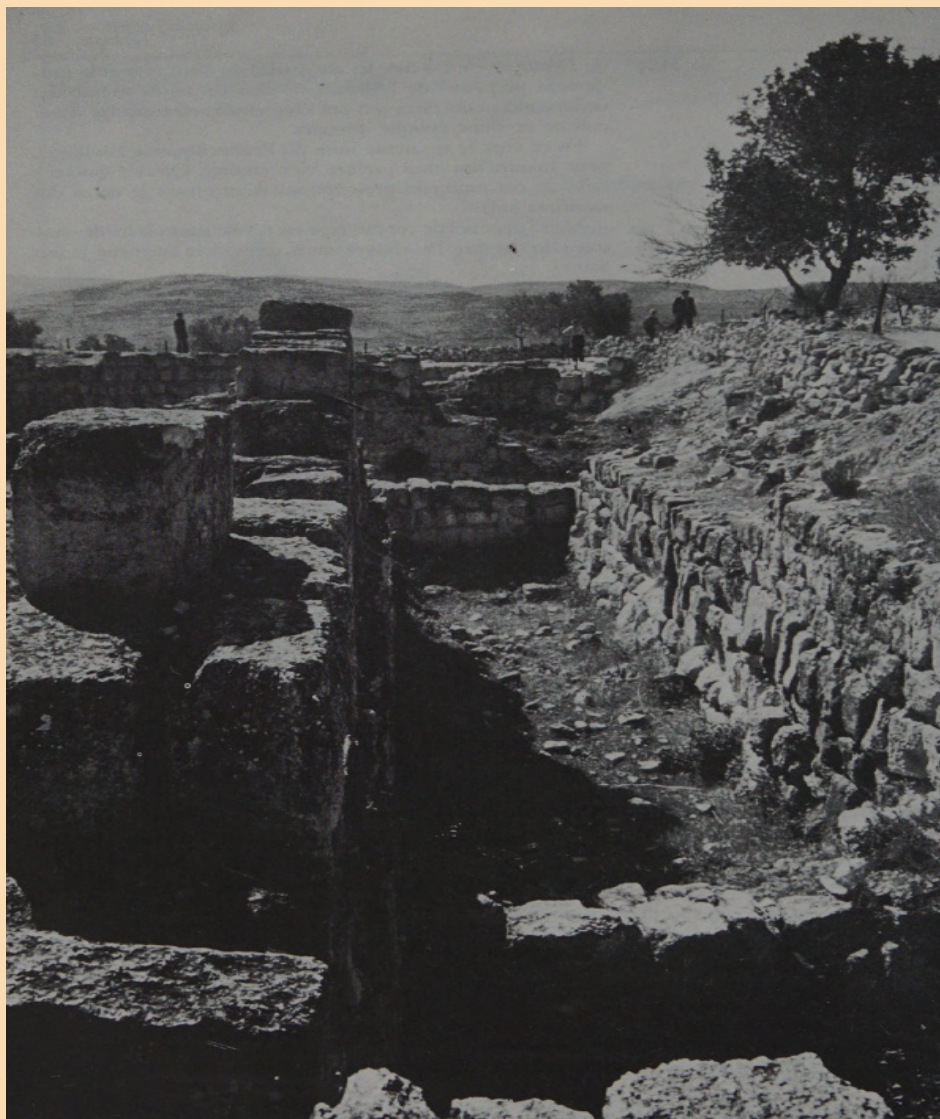
Thật vậy, sự tôn trọng lề luật có thể trở thành chủ nghĩa hình thức và sự nghiêm ngặt về mặt pháp lý. Nó có thể dẫn đến thái độ khắc nghiệt và chỉ trích người khác. Khi đó Lề Luật không còn là một lối sống nữa. Nó chẳng qua chỉ là một cái xiềng xích. Nó không còn nói về một Thiên Chúa giải thoát nữa, mà là một Thiên Chúa ghen tuông đến cản trở sự phát triển của con người.

Các ngôn sứ sẽ không bao giờ ngừng chiến đấu chống lại sự bóp méo có thể xảy ra này trong suốt chiều dài lịch sử của dân Do Thái. Chính Chúa Giêsu sẽ nổi loạn chống lại nó. Người có ý định đến «để làm trọn Lề Luật

và lời các ngôn sứ». Nhưng nó sẽ được thực hiện nhân danh tinh thần yêu thương.

«Chữ viết giết chết, nhưng tinh thần ban sự sống» là lời khẳng định mạnh mẽ của Thánh Phao-lô, người mà các thư của ông không bao giờ ngừng ca ngợi sự giải thoát khỏi tinh thần sợ hãi, là kết quả từ việc khám phá ra lòng thương xót của Thiên Chúa.

Đọc: Lv 19



Samarie : cung điện Omri (gọi là Ahab)

Tường có mái vòm ở mặt tiền phía tây, được xây dựng vào khoảng năm 865 trước Công nguyên.

Sự trỗi dậy và sụp đổ của Chế độ quân chủ Do Thái

1020 - 586 : Trong gần năm thế kỷ, lịch sử Kinh Thánh diễn ra trong bối cảnh của chế độ quân chủ. Sự phát triển của triều đình cũng thúc đẩy sự phát triển của sản xuất văn học. Do đó, chúng ta thấy rằng, trong giai đoạn trung tâm này, thông điệp Kinh Thánh, hay Lịch sử thiêng liêng, như họ nói, trùng hợp với vận mệnh tuyệt vời của một hoàng tộc vĩ đại (triều đại của David), mà theo sự lựa chọn tự do của mình, Thiên Chúa đã chọn để trở thành người mang thông điệp hy vọng của Ngài. Nhưng đây là một câu chuyện rất nhân văn, đầy những đấu tranh, âm mưu và thất bại. Câu chuyện được kể lại trong một đoạn dài kéo dài từ 1 Sm 13 cho đến hết Sách Các Vua quyển 2. Một tác phẩm gần đây hơn cũng đề cập đến vấn đề này theo cách riêng của nó : Sách Sử Biên quyển 1 và 2.

Chúng ta nên phân biệt ba giai đoạn :

- 1) thời kỳ hoàng gia thống nhất (Saul, David, Solomon)
- 2) thời kỳ của hai vương quốc
- 3) vương quốc duy nhất Judah

Người Do Thái, đoàn kết như một dân tộc thống nhất nhờ ký ức về Cuộc Xuất hành và cuộc hành trình qua sa mạc, đã có hy vọng vững chắc về việc sở hữu một vùng đất. Họ thấy đây là đích đến của hành trình tìm kiếm hạnh phúc và sự hoàn thành Lời Hứa. Ngũ Thư kết thúc với lời tuyên bố rằng Thiên Chúa sẽ ban cho họ những gì họ mong đợi, nhưng chỉ có việc tuân giữ Lễ Luật mới đảm bảo họ sẽ được hưởng điều đó (Đnl 30.15-20).

Bảy thế kỷ sau Cuộc Xuất hành, chúng ta sẽ suy ngẫm với sự cay đắng về niềm tin cổ xưa này. Dân Do Thái thực sự đã vào xứ Ca-na-an. Người dân đã đạt được những thành công rực rỡ dưới sự lãnh đạo của các vị vua, một số người đã để lại những ký ức tươi sáng. Nhưng cuối cùng mọi thứ đều sụp đổ, bị phá hoại từ bên trong nhiều hơn là bị kẻ thù bên ngoài phá hủy. Thiên Chúa đã giữ lời hứa, nhưng Giao ước thì không được giữ. Người ta để cho lòng kiêu hãnh và lòng tham, mà các giáo phái ngoại giáo tượng trưng, cuốn theo. Vì thế Thiên Chúa đã từ bỏ dân Ngài. Vậy thì hy vọng đã chết rồi sao ?

Sau đó, các tác giả kinh thánh sẽ diễn giải lại những câu chuyện cũ tường thuật lại lịch sử vừa diễn ra. Bằng cách tái định hình và đưa ra hình thức xác định, họ tuyên xưng đức tin của mình vào lời hứa thiêng liêng vẫn còn

hiệu lực. Nhưng lời hứa này không thể thực hiện được như mong đợi ban đầu, dựa trên một tầm nhìn hoàn toàn thực tế về thành công. Nó giả định sự đổi mới bên trong của những người được chọn.

Các ngôn sứ ĐẦU TIÊN và CUỐI CÙNG

Thói quen phân biệt trong bộ sưu tập các *Ngôn sứ* giữa nhóm đầu tiên gồm bốn sách mang tính lịch sử (**Giô-suê, Các Thủ Lãnh, Sa-mu-en, Các Vua**) và nhóm thứ hai gồm bốn sách (**I-sai-a, Giê-rê-mi-a, Ê-dê-ki-en, nhóm Mười Hai**) không phải xưa.

Việc nó trở thành một phần trong phong tục hoàn toàn là ngẫu nhiên. Người ta nợ sự phân loại này với một thợ in vào cuối thế kỷ 15, Israel NATAN BEN SHMOUEL, người đã xuất bản bộ sưu tập gồm hai tập có tựa đề «những nhà tiên tri đầu tiên» và «những nhà tiên tri cuối cùng».

Chúng ta phải cẩn thận không đưa sự phân biệt này vào trong Kinh Thánh. Thật vậy, trong Dcr 1.4-6 (và như Talmud đã làm), cụm từ *các tiên tri đầu tiên* rõ ràng ám chỉ *những người trước thời Lưu đày*, chứ không

phải nhóm Giô-suê - Các Vua.

Đề nói như vậy, các tác giả Kinh Thánh đã tạo ra ba loại văn bản :

- **Các Sách Lịch Sử**, còn được gọi là **sách ngôn sứ thời kỳ đầu**. Họ tập trung vào những nhân vật vĩ đại trong quá khứ và nhấn mạnh tầm quan trọng của những thành công và thất bại đã đánh dấu lịch sử của dân Do Thái.

- **Các Sách Ngôn Sứ (các sách ngôn sứ cuối cùng)** : chẳng hạn như I-sai-a, Giê-rê-mi-a, A-mốt, Hô-sê, Mi-kha, Xô-phô-ni-a, Na-khum hoặc Kha-ba-cúc. Nhân danh Thiên Chúa, các ngôn sứ đã nhận thức rõ ràng ý nghĩa của các sự kiện. Họ đã cảnh báo những người cùng thời về những mối nguy hiểm đang đe dọa họ, cố gắng đưa họ trở lại con đường đúng đắn. Người ta đã không nghe họ. Người ta thích tin vào những ngôn sứ giả, trấn an mọi người, nịnh hót những người có quyền lực và đám đông. Các ngôn sứ thực sự chỉ có thể thông báo về thảm họa, đồng thời khẳng định lại niềm hy vọng của họ vào một tương lai tươi sáng, vượt qua mọi bất hạnh.

- **Những thánh vịnh** dưới hình thức lời cầu nguyện, bày tỏ cảm xúc đau khổ, hối tiếc, hy vọng và tin tưởng vào Thiên Chúa, đồng minh trung thành bất chấp mọi lỗi lầm đã phạm phải.

Chúng ta phải đọc những văn bản này theo trình tự thời gian của các sự kiện mà chúng đề cập đến.

4) Thời gian chinh phục (khoảng năm 1220 đến 1030 trước Công nguyên) ⁴

Vào cuối cuộc hành trình lang thang trong sa mạc, các chi tộc người Do Thái đã đến trước Jericho, lối vào Đất Hứa. Hai thế kỷ sau, họ đã trở thành chủ nhân của đất nước. Vậy chuyện gì đã xảy ra ?

Kinh Thánh cung cấp cho chúng ta hai phiên bản sự kiện.

Sách Giô-suê

Mô tả đầu tiên về sự việc này khẳng định rằng cuộc chinh phục Đất Hứa diễn ra theo kiểu một *cuộc chiến chớp nhoáng*. Trước một dân tộc đoàn kết, được nuôi dưỡng bởi một đức tin chung, được lãnh đạo bởi một nhà lãnh đạo uy tín và được Thiên Chúa hỗ trợ, xứ sở đã sụp đổ. Dân chúng băng qua sông Jordan trên đất liền, giống như họ đã từng vượt Biển Đỏ. Họ chiếm được Giê-ri-cô và Ai. Những thành phố hùng mạnh đã sụp đổ. Chỉ những người tin vào sự siêu việt của Thiên Chúa của Giô-suê và đầu phục (Rahab, những người Gabaonites) mới được tha mạng. Những người chiến thắng sau đó có thể chia sẻ chiến lợi phẩm. (Gs 3; Gs

⁴ Câu chuyện đầy đủ về cuộc chinh phục được kể lại trong toàn bộ sách từ Ds 13 đến Tl 1.

6;8 ; Gs 6.22-25 ; Gs 9).

Nhưng đừng nhầm lẫn : người chiến thắng thực sự là Thiên Chúa. Chiến thắng này là chiến thắng của đức tin. Điều này được thể hiện rõ qua việc chiếm được thành Giê-ri-cô thông qua một cuộc rước kiệu phụng vụ, cũng như việc chiếm được thành Ai chỉ có thể thực hiện được sau khi dân chúng có tội đã sám hối.

Trên thực tế, chúng ta biết rằng cuốn sách này, được viết theo phong cách sử thi, phác họa và tô điểm thêm cho lịch sử.

Nhưng chúng ta hãy nhớ rằng mục đích của biên tập viên không phải là viết tác phẩm của một nhà sử học. Mục đích là để củng cố đức tin của dân Do Thái, vào thời điểm mà mọi thứ đều dẫn đến sự tuyệt vọng về tương lai : trong quá khứ, Thiên Chúa đã giữ lời hứa của mình. Ngài đã thể hiện sức mạnh của mình bằng cách mang lại chiến thắng cho một dân tộc không có sức mạnh. Nếu Ngài đã thể hiện sức mạnh của mình như vậy, Ngài có thể làm như vậy vào ngày mai. Với Ngài, mọi điều đều có thể. Bạn chỉ cần quay lại với Ngài thôi. Đây sẽ là thông điệp hy vọng cho những người sống sót sau thảm họa năm 587 trước Công nguyên.

Điều có vẻ kém thú vị với chúng ta là cách thức man rợ mà cuộc chinh phục được mô tả (Gs 9.24). Theo lệnh của Thiên Chúa, chẳng phải cần phải tiêu diệt tất cả những kẻ chống đối sự trỗi dậy của dân tộc được chọn sao? Ít nhất thì đây cũng là cách mà sách Giô-suê nhìn nhận mối quan hệ giữa dân Do Thái và dân Ca-na-an. Nhưng đây là luận án chưa bao giờ được áp dụng; nó được hình thành muộn hơn nhiều so với các sự kiện. Chúng ta hãy thấy rõ rằng Thiên Chúa tàn ác được trình bày với chúng ta trong sách Giô-suê chỉ là cách tiếp cận đầu tiên với Đấng, trong Chúa Giê-su, sẽ mặc khải mình là Đấng cứu độ toàn thể nhân loại. Sẽ mất một quá trình tiến hóa lâu dài để một dân tộc bị sỉ nhục, bị đè bẹp có thể vượt qua tầm nhìn đầu tiên của một Thiên Chúa chiến binh báo thù. Niềm tin sâu sắc rằng «Thiên Chúa ở cùng chúng ta» lần đầu tiên được diễn dịch thành niềm tin rằng «Thiên Chúa chống lại những kẻ chống đối chúng ta». Ai dám khẳng định rằng nhân loại ngày nay đã thực sự thành công trong việc vượt qua ý tưởng này? Sách Giô-suê buộc chúng ta phải nhìn nhận với sự khiêm nhường sâu sắc về cách chúng ta đại diện cho Thiên Chúa, xét về những lòng căm ghét và ham muốn cấp thiết nhất của chúng ta, trong quá trình phát triển cá nhân cũng như trong suốt lịch sử chung của quốc gia.

Ngay cả ngày nay, những người Kitô hữu vẫn tuyên bố rằng họ nhìn thấy Chúa Giêsu là Giô-suê đích thực, là người đưa chúng ta vào Vương quốc, vào Đất Hứa đích thực. Nhưng họ không thường xuyên tiếp tục hy vọng vào một Chúa Giêsu khẳng định mình theo cách của Giô-suê sao ?

Đặc biệt, chúng ta có thể đọc các tường thuật về thời kỳ đầu của cuộc chinh phục (ch. 1- 9) và hai chương kết thúc (ch 23 - 24).

Sách Thủ Lãnh

Sách Thủ Lãnh, được cho là trình bày trình tự các sự kiện, cho thấy việc chiếm hữu Canaan thực chất rất khác so với những gì được mô tả trong Sách Giô-suê. Ở đây, không có chiến thắng nào đột ngột và toàn diện hơn được trao cho một dân tộc đoàn kết như một khối thống nhất và cùng chung một đức tin. Từ đầu thế kỷ 13 đến thế kỷ 11, các bộ tộc Do Thái, phân tán và đôi khi đối đầu với nhau, đã dần dần xâm chiếm các vùng lãnh thổ ít nhiều chưa có người ở. Nhưng họ liên tục phải đối mặt với các cuộc tấn công cướp bóc từ những người láng giềng. Họ liên tục phải đối mặt với nguy cơ bị nhấn chìm.

May mắn thay, Chúa đang trông chừng. Ngài làm cho các thủ lĩnh phải chú ý. Họ không phải là thủ lĩnh hay người quản lý. Họ là những chiến binh anh hùng, những người khích lệ những người yếu thế, đoàn kết những người bị phân tán và đến để khôi phục lại các quyền của Do Thái đã bị kẻ thù xâm phạm. Cái này, là những người giải phóng, những chiến binh kháng chiến được cho là đã được Thiên Chúa ban cho sức mạnh phi thường bằng cách truyền cho họ Thánh Linh của Ngài.

Trong số những người anh hùng của Do Thái, có một số người rất đa dạng. Một số người có vẻ rất thô lỗ với chúng ta, chẳng hạn như Jephté hoặc Samson. Những người khác thể hiện đức tin tinh tế hơn, chẳng hạn như Gédéon. Trong số đó có một người phụ nữ tên là Déborah. Qua mọi sự, Thiên Chúa vẫn hoàn thành công việc của Ngài, ngay cả khi họ dường như là những người ít được chỉ định nhất cho công việc đó (Tl 11-12; 13-16 ; Tl 6-9 ; Tl 4-5).

Lời tường thuật của *Các Thủ Lãnh* cho chúng ta thấy sự ra đời khó khăn của sự thống nhất, tốc độ chậm chạp của quá trình thực dân hóa, sự ganh đua giữa các bộ lạc và bản chất vẫn còn rất thô sơ của đức tin tôn giáo. Mục đích của những câu chuyện cổ xưa này trước hết là để đưa ra bài học sau : những khó khăn khi vào xứ Canaan

là một thử thách mà Thiên Chúa muốn. Mỗi thế hệ mới thực sự phải tự mình khám phá lại những gì mà người dân của Cuộc Xuất Hành đã học được : bất kỳ sự lãng quên nào về Thiên Chúa bị dẫn đến hình phạt ngay lập tức. Mỗi lần trở về với Ngài, mỗi lần hoán cải đều là nguồn cứu rỗi. Do đó, việc suy ngẫm về quá khứ phải đóng vai trò như một bài học cho tương lai (Tl 3.7-9, 12-15 ; ...).

Qua sự đa dạng của các câu chuyện, người ta cũng có thể cảm nhận được sự đa dạng về quan điểm về thể chế hoàng gia được cho là có thể giúp vượt qua tình trạng hỗn loạn đặc trưng của thời kỳ này. Đối với một số người, người giải phóng lý tưởng xuất hiện như một người được Thiên Chúa đẩy lên để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể, nhưng không bao giờ để mình bị cám dỗ bởi quyền lực : đây là trường hợp của *Gédéon*, sau chiến thắng, ông trở về canh tác đất đai của mình, trong khi *Abimelek*, người cố gắng lên ngôi vua vì lợi ích của riêng mình, đã chết một cách bi thảm (Tl 9). Mặt khác, những người khác lại nhấn mạnh đến sự bất lực của các bộ tộc không đoàn kết, bởi vì «vào thời đó, không có vua ở Do Thái. Ai nấy làm theo ý mình thích» (Tl 21.25).

Trong mọi trường hợp, điều rõ ràng là việc vào Đất Hứa không mang lại mọi điều như mong đợi. Để lời hứa của Thiên Chúa thực sự được ứng nghiệm, chúng ta phải tiến xa hơn. Qua câu chuyện về các Thủ lãnh, dân Do Thái khám phá ra nhu cầu phải thống nhất. Cuộc hành trình hướng tới thành công toàn diện phải tiếp tục. Cuộc phiêu lưu lại tiếp diễn.

Chúng ta sẽ đọc cụ thể hơn :

- Suy ngẫm về ý nghĩa của sách, Tl 2.6-23
- Câu chuyện về Đê-bô-ra, Tl 4-5; của Gideon, Tl 6-8
- Câu chuyện về nỗ lực đầu tiên về vương quốc, Tl 9
- Câu chuyện của Samson, Tl 13-16
- Bức tranh đen tối về đạo đức thời bấy giờ và kết luận của tác giả, Tl 19-21



Đầu của người Philistin

Từ bia đá của ngôi đền Medinet Habou ở Ai Cập, gần Thèbes (thế kỷ 12 trước Công nguyên).

Những người PHILISTINS bí ẩn này

Họ để lại tên của mình cho Đất Thánh, mặc dù họ đã đến đó nhiều thế hệ sau người Do Thái. Từ **Palestine** thực chất đơn giản từ chữ Philistie biến thành.

Người Philistins là một phần trong làn sóng xâm lược lớn của người dân biển từ các đảo Hy Lạp và Tiểu Á. Đây là dòng chữ khắc của Pharaon Ai Cập Ramses III đề cập đến họ lần đầu tiên trong các nguồn tài liệu xưa cổ. Từ đó, chúng ta biết rằng cú sốc lớn đã xảy ra vào năm 1170 khi người Philistins triển khai một cuộc tấn công kết hợp ấn tượng, tấn công đồng thời bằng đường biển và đường bộ. Những nhóm sau này bao gồm những toa xe chở phụ nữ và trẻ em. Tấm bia lớn của đền Medinet-Habou cho thấy thất bại trên biển mà Ramses III đã gây ra cho họ. Người ta nhận ra người Philistins bằng mũ đội đầu đáng kinh ngạc của họ mà người ta không biết đó là mũ hay mũ lông vũ. Sau khi bị đuổi khỏi Ai Cập, họ định cư ở bờ biển phía tây của Đất Hứa, trong khu vực hiện được gọi là «Dải Gaza». Có năm thành phố đặc biệt được nhắc đến trong Kinh Thánh. Ngoài **Gaza** đã đề cập ở trên, đây còn là các thành phố **Askalon**, **Asdod**, **Ekron** và **Gath**.

Câu chuyện về Thủ lĩnh Samson (Tl 13-16) cũng như câu chuyện về vua Saül và vua David, đều mang đậm dấu ấn cuộc đấu tranh chống lại người Philistins để giành quyền chiếm đoạt đồng bằng. Có vẻ như cuộc xung đột nổ ra sau động thái bành trướng của Do Thái. Người Philistins tỏ ra là đối thủ đáng gờm vì tổ chức quân sự của họ và ưu thế về vũ khí tinh vi. Một số ám

chỉ trong Kinh Thánh đôi khi khiến người ta tin rằng họ nắm giữ một dạng độc quyền trong việc sử dụng sắt (xem hướng dẫn trong 1 Sm 17.4-7 về bộ giáp của người Philistins Goliath, và, nếu sắt đã có thể được đề cập ở đó, thì hướng dẫn trong 1 Sm 13.19-21 về những người thợ rèn Philistins. Trên thực tế, chúng ta đang ở cuối Thời đại đồ đồng). Trong tư tưởng Kinh Thánh, dân Philistins, «những kẻ không chịu cắt bì», đại diện cho ví dụ điển hình của nền văn minh ngoại giáo mà áp lực phải được kiềm chế. Hơn nữa, trong những thế kỷ tiếp theo, dòng người Do Thái mới là dòng người chiếm ưu thế.

5) Vương quốc dường như mang lại thành công mong đợi :

Sách Sa-mu-en

và sự khởi đầu của Sách Các Vua 1

Hai Sách Sa-mu-en - Thể chế hoàng gia của người Do Thái : triều đại của Saül (khoảng năm 1030)

Vào khoảng năm 1030, tình hình của các bộ tộc Do Thái ở Canaan đặc biệt khó khăn. Một dân tộc đã đến bằng đường biển và định cư trên đồng bằng ven biển từ thế kỷ trước, dân **Philistins**, hiện đang đe dọa chiếm đóng toàn bộ đất nước. Vào lúc đó, một nhân vật danh giá xuất hiện, đó là **Sa-mu-en**. Sa-mu-en là người của Chúa. Ông được giao nhiệm vụ thống nhất dân tộc mình. Ngài sẽ biến đền thờ *Si-lô*, ở trung tâm đất nước, thành trung tâm tâm linh nơi người Do Thái sẽ tìm lại được bản sắc của mình là dân tộc được chọn sinh ra từ Giao ước Sinai.

Nhưng người ta nhanh chóng nhận ra rằng, để đối mặt với người Philistins đang chiếm đóng bờ biển, họ cần phải có một nhà lãnh đạo chính trị và quân sự. Sa-mu-en bắt đầu bằng cách chống lại áp lực của dân chúng đòi một vị vua «giống như các dân tộc khác» (1 Sm 8).

Trong yêu cầu này, ông lên án việc lãng quên bản chất cụ thể của Do Thái và mối đe dọa nghiêm trọng đối với Giao ước : ở Do Thái, chỉ có Thiên Chúa là vua. Ngay từ đầu, ông đã lên án sự mơ hồ của một thể chế hoàn toàn do con người tạo ra. Tuy nhiên, cuối cùng ông cũng đầu hàng : chẳng lẽ chính Thiên Chúa không chấp nhận rằng dân phản nghịch của Ngài có được trải nghiệm mà Ngài đòi hỏi sao ?

Đọc :

- *Tuổi thơ và ơn gọi của Sa-mu-en, 1 Sm 1.1 - 4.1*
- *Thể chế hoàng gia, 1 Sm 8-10.*

Việc lựa chọn vị vua đầu tiên hóa ra lại là một điều không may. Không còn nghi ngờ gì nữa, Saül, người được Thiên Chúa xúc dầu, Đấng Mê-si của Ngài, đã hoàn thành một công việc đáng kể. Ông đã thành lập một nhà nước có quân đội chính quy (1 Sm 13). Nhưng ông đã vượt quá quyền tôn giáo của mình. Với Sa-mu-en, đây là một lỗi lầm không thể tha thứ, gây nguy hiểm cho nguyên tắc toàn năng của Thiên Chúa. Trong cuộc xung đột với vị *Thủ lĩnh cuối cùng*, Saül dần dần chìm vào cơn mê sảng của sự ngược đãi. Ông nhìn thấy những đối thủ tiềm tàng ở khắp mọi nơi (đặc biệt là ở

chàng trai trẻ **Đa-vít**, người mà ông coi là con rể, nhưng ông lo ngại rằng uy tín của anh ta đang tăng lên). Ông đã chết trong tuyệt vọng trong một cuộc chiến chống lại quân Philistins. Sách Sa-mu-en đầu tiên nhấn mạnh rằng sự thất bại cuối cùng này đáng lẽ phải là bài học cho các vị vua tương lai : sự thống nhất chính trị không thể mang lại hạnh phúc như mong đợi nếu nó chỉ dựa trên logic thuần túy của con người, quên đi thiên chức sâu sắc của Do Thái.

Đọc : 1 Sm 13-15

1 Sm 16-31 và 2 Sm - Đavít, Người Được Chúa Chọn và sự thành lập của triều đại cứu thế

Hầu hết câu chuyện về triều đại của Saül thực chất bao gồm việc mô tả cách **Đa-vít** lên ngôi vua. Cuốn sách đề cập đến một số truyền thống khác nhau về cách Thiên Chúa chọn ông. Khi đến triều đình của nhà vua, ông đã đạt được vinh quang khi đánh bại tên khổng lồ **Goliath** của người Philistins. Sau khi trở thành người được Saül yêu thích và trở thành con rể, ông sớm phải chạy trốn vì sự ghen tị của cha vợ. Ông sống cuộc sống lang thang như một người nhập cư bất hợp pháp và đôi khi còn tìm nơi ẩn náu ở kẻ thù Philistins. Cái chết của

nhà vua tại Gelboé đã mở ra con đường lên ngôi cho ông. Ông bắt đầu bằng việc được hai bộ lạc phía Nam bổ nhiệm làm vua, sau đó, nhờ chính sách khéo léo, ông đã tập hợp được mười bộ lạc phía Bắc (2 Sm 2.4 ; 2 Sm 5.1-3). Để có thể cai trị nhóm mười hai bộ tộc này, ông đã tiến hành chuyển thủ đô của mình. Ông rời **Hébron**, quá xa về phía nam, quá Judea, và bằng một cuộc đảo chính táo bạo, ông đã chiếm được thành trì bí ẩn của người Jebusiens : **Giê-ru-sa-lem** (2 Sm 5.6-10). Tại đó, ở nơi trung lập và mới này, ông sẽ thiết lập trung tâm uy tín của đời sống tôn giáo và chính trị của Nhà nước mới.

Để long trọng đánh dấu rằng chính tại Giê-ru-sa-lem, sự hiện diện của Chúa sẽ được khẳng định giữa dân Ngài, ông đã cho vận chuyển *Hòm Bia Giao Ước*, chiếc rương thiêng liêng nơi lưu giữ các Bia Lễ Luật (2 Sm 6).

Ông thậm chí còn bày tỏ mong muốn xây dựng một Đền thờ cho Chúa ở Giê-ru-sa-lem. Nhưng Thiên Chúa đã khuyên can ông thông qua ngôn sứ **Nathan** (2 Sm 7)

Mặt khác, Nathan mang lại cho *dòng dõi* Đa-vít một thanh thế khó quên khi khẳng định rằng Thiên Chúa đã lập nên một *giao ước vĩnh cửu* với dòng dõi này. «Nhà của ngươi và vương quyền của ngươi sẽ tồn tại

mãi mãi trước mặt Ta ; ngai vàng của ngươi sẽ vững bền mãi mãi» (2 Sm 7.16). Triều đại Đa-vít hiện được thành lập theo *thảm quyền thiêng liêng*. Truyền thống Kinh Thánh sẽ nhận ra trong lời hứa này nguồn gốc của ý tưởng về Đấng Cứu Thế, sẽ tồn tại cho đến thời Chúa Giêsu thành Nazareth (chính Người được gọi là Đấng Kitô, tức là Đấng Cứu Thế).

Đấng Cứu Thế Hoàng gia

Messiah là một từ tiếng Do Thái có nghĩa là được *xức dầu*. Nó chỉ một người cụ thể đã nhận được sự thánh hiến nhằm thực hiện một sứ mệnh cụ thể mà Thiên Chúa giao phó cho người đó để cứu rỗi dân Ngài.

Vua **Đa-vít** là hình mẫu của vị *vua cứu thế*. Tuy nhiên, từ đấng cứu thế không thường xuất hiện trong các tác phẩm của các ngôn sứ. Họ thích nhấn mạnh vào cuộc bầu cử của Đa-vít và dòng dõi ông, nghĩa là của *triều đại* ông, bất kể hoàng tử nào đang trị vì.

Sau khi lưu đày người ta cho rằng *thầy tế lễ thượng phẩm* là người nắm giữ quyền xức dầu này vì ông đảm bảo quyền lãnh đạo dân Chúa. Nhưng những khó khăn gặp phải trong thế kỷ thứ hai (vào thời Maccabées)

sẽ định hướng sự phản ánh theo hướng *kỳ vọng đấng messie sai* liên quan đến một người giải phóng sẽ đến vào *thời cuối*.

Chúa Giêsu đã đáp lại sự mong đợi này. Đối với những người Kitô hữu, sự phục sinh của Chúa Giêsu thật sự bắt đầu triều đại của Thiên Chúa và vương quyền của Đấng Mê-si, Chúa Giê-su Ki-tô.

Khái niệm về *Con Người* có liên quan đến *đấng cứu thế* này.

(Xem thêm phần Tân Ước, trong khung về Kỳ vọng Đấng Messie tại QUMRÂN)

Hạnh phúc trong những công việc quân sự, là người có đức tin sâu sắc, một nhà thơ tôn giáo (nhiều thánh vịnh được cho là của ông), Đa-vít là hình ảnh của một vị vua hoàn hảo. Vậy thì tại sao ông ta lại phải lạm dụng quyền lực một cách nghiêm trọng : ngoại tình rồi tìm cách che đậy bằng tội giết người ? Không còn nghi ngờ gì nữa, khi đối mặt với lời khiển trách của Nathan, Đa-vít đã sám hối.

Nhưng chúng ta đã thấy được những nguy hiểm của chế độ hoàng gia mà Sa-mu-en từng lên án sự không rõ

ràng.

Sự kết thúc của triều đại bị lu mờ bởi những câu chuyện đau thương trong gia đình, trong đó dân Chúa chứng kiến hình phạt dành cho lỗi lầm của nhà vua.

Trong ký ức của Do Thái, ông vẫn là hoàng tử lý tưởng, người trung thành của Giao ước. Từ bây giờ, người ta sẽ sống trong sự mong đợi đến ngày mà hậu duệ của Đa-vít sẽ đến để khôi phục lại vinh quang cho dân tộc Do Thái mà họ đã có vào khoảng năm 1000 : chính sự mong đợi này mà chúng ta sẽ gọi là *chủ nghĩa cứu thế*.

Đọc cụ thể :

- Lễ Xức Dầu Tại Bethlehem, 1 Sm 16-17
- Lễ đăng quang tại Hébron, 2 Sm 5.1-3
- Sự thành lập triều đại, 2 Sm 7

Sách Các Vua 1 - Solomon : Về những đỉnh cao trước thời kỳ suy đồi (1 V 1-11)

Người ta có thể nghĩ rằng thời khắc vinh quang đã đến với **Salomon**. Vị vua trẻ nhanh chóng đạt được uy tín to lớn. Trí tuệ của ông được biết đến ngay cả ở nước

ngoài (ông được cho là đã viết nhiều câu nói sẽ được tập hợp thành sách trí tuệ). Ông đã thực hiện việc *xây dựng Đền thờ* mà cha ông là Đa-vít đã lên kế hoạch. Qua triều đại của ông, chẳng phải chính triều đại của Thiên Chúa đã được khẳng định hay sao ?

Trên thực tế, Salomon sẽ nhanh chóng chìm vào sự dư thừa. Chính sách kết hôn với các công chúa nước ngoài và ngoại giáo của ông sẽ gây nguy hiểm cho sự trong sạch về mặt tôn giáo của người dân. Sự tập trung hành chính gây ra sự bất mãn trong các bộ lạc phía bắc. Nhà vua dường như đã quên rằng Do Thái đã từng là nô lệ ở Ai Cập và ông đã áp đặt ách thống trị của mình lên những người dân láng giềng. Vì vậy, chính sách tôn vinh danh dự của ông đã phản bội lại thiên chức thực sự của những người được chọn. Vào đúng thời điểm mà lời hứa xa xôi với Abraham dường như sắp trở thành sự thật, thì hoàng gia lại thấy mình bị tha hóa bởi một logic quá đổi con người, đặt mọi thứ vào vòng nghi vấn. Những người được chọn, để trở thành đội tiên phong của các quốc gia, có nguy cơ trở thành không gì hơn một quốc gia giống như bất kỳ quốc gia nào khác, được thúc đẩy bởi ý chí quyền lực.

Đọc cụ thể :

- *Sự Xức Dầu Tại Guihon, 1 V 1.32-40*
- *Sự Khôn Ngoan Của Sa-lô-môn, 1 V 3.4-15*
- *Sự Phán Xét Của Sa-lô-môn, 1 V 3.16-28*
- *Lời cầu nguyện cho lễ cung hiến Đền thờ, 1 V 8.22-*

30

Đồi Samarie



6) Sự ly khai của hai vương quốc :

Sách các vua 1 và 2 ; các Ngôn Sứ

1 V 12-22

Salomon qua đời vào khoảng năm 931. Đột nhiên mọi thứ sụp đổ. Vương quốc thống nhất bị *chia rẽ*. Trước sự vụng về của **Roboam**, con trai của vị vua vĩ đại, mười chi tộc phía bắc, do một nhà thám hiểm tên là **Jéroboam** lãnh đạo, sẽ ly khai. Họ sẽ lợi dụng thực tế rằng họ đã tập hợp lại với nhau nửa thế kỷ trước vì cá nhân Đa-vít chứ không phải vì vương miện của Juda. Từ nay trở đi, vương quốc Juda ở phía nam và vương quốc Do Thái ở phía bắc sẽ tồn tại riêng biệt. Đôi khi họ sẽ chiến đấu, đôi khi họ sẽ làm hòa. Trong mọi trường hợp, họ sẽ suy yếu, trong khi ở Ninive, rồi ở Babylon, các đế chế hùng mạnh sẽ sớm xuất hiện và áp đảo họ cũng như chấm dứt các cuộc cãi vã huynh đệ tương tàn của họ.

Sự chia rẽ này cũng mang tính tôn giáo. Đối diện với Giê-ru-sa-lem và Đền thờ của nó, giờ đây sẽ có **Samarie**, thủ đô đối địch, với các thánh địa vệ tinh của nó là *Dan* và đặc biệt là *Béthel*, trên biên giới của hai vương quốc, nơi mà giáo phái thờ con bê vàng tìm cách chống lại quyền bá chủ của Giê-ru-sa-lem.

Sự chia rẽ (sự ly giáo) giữa hai vương quốc sẽ để lại dấu ấn sâu sắc trong lương tâm của những người được chọn. Những người sống sót sau thảm họa sắp xảy ra sẽ không bao giờ ngừng hy vọng đến ngày thống nhất được khôi phục. Một số người sẽ thấy đây là biểu tượng của sự thống nhất được tái tạo trong một nhân loại đang chia rẽ. Đây chẳng phải là điều kiện để lời hứa với Abraham thực sự được ứng nghiệm sao ?

Lịch sử của hai quốc gia thù địch này giờ đây phải được theo dõi riêng biệt.

Đọc câu chuyện về sự ly giáo : 1 V 12-13

Vương quốc Do Thái

Nằm ở phía bắc, trong vùng khí hậu tương đối ẩm ướt với đất đai màu mỡ, vương quốc của mười chi tộc chỉ có thể được hưởng lợi từ sự chia cắt này. Thật vậy, sự phát triển ban đầu của nó sẽ rực rỡ hơn sự phát triển của Juda. Nhưng các cuộc khủng hoảng chính trị vẫn liên tục xảy ra ở đó trong hơn hai thế kỷ. Chín triều đại kế vị nhau trên ngai vàng này, thường bị bỏ trống do các vụ ám sát chính trị. Cuộc khủng hoảng tôn giáo ở đó cũng không kém phần nghiêm trọng. Chính sách liên minh

với các nước láng giềng đã khiến các vị vua kế tiếp phải chấp nhận các nghi lễ và phong tục ngoại giáo. Chỉ có một số ít quốc vương hiếm hoi cố gắng phản ứng lại việc lãng quên đức tin vào một Chúa.

Một số ngôn sứ vĩ đại đã cố gắng vô ích để ngăn chặn thảm họa đang xảy ra.

Tiên tri Elie (khoảng năm 875)

Ông là đại diện tiêu biểu cho người bảo vệ truyền thống của Moïse. Nhà huyền môn này lặp lại cuộc hành hương đến **Horeb** (hoặc Sinai) và nhận được sự mặc khải thiêng liêng, phản ứng mạnh mẽ chống lại ảnh hưởng ngày càng tăng của các giáo phái ngoại giáo và sự vô đạo đức của họ. Hơn chín thế kỷ sau, Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu sẽ nêu bật cách Chúa Giê-su hoàn thành trọn vẹn sứ mệnh của vị ngôn sứ này.

Đọc : 1 V 17-19; 21

2 V - Ngôn Sứ Elisée

Ông tiếp tục truyền thống của thầy mình, Elie. Sách Các Vua 2 cung cấp cho chúng ta một bộ sưu tập thực sự các truyền thống phổ biến về ông, phần nào tương

tự như những gì sau này được gọi là «fioretti» của Phanxicô thành Assise. Ngôn sứ mang lại sự sống cho vùng đất nơi cái chết ngự trị. Ảnh hưởng của nó vượt ra ngoài biên giới Do Thái đã đánh dấu sự tan vỡ chủ nghĩa đặc thù của dân tộc được chọn.

Đọc đặc biệt : 2 V 2.4-11

Một thế kỷ sau (khoảng năm 750) tiếng nói của hai ngôn sứ sẽ vang lên : **A-mốt** và **Hô-sê**.

Ngôn Sứ A-mốt

Người nông dân uyên bác đến từ Juda này đột nhiên được Thiên Chúa soi sáng. Ông đến **Béthel**, một thánh địa hoàng gia và trung tâm hành hương ở Do Thái. Ông tố cáo tình trạng bất công xã hội đang hoành hành ở đất nước này và lên án dữ dội sự suy đồi về đạo đức và tinh thần của Vương quốc phía Bắc. Ông tấn công không ngừng nghỉ vào một giáo phái chỉ toàn là dối trá và ảo tưởng. Ông thông báo một thảm họa sắp xảy ra, nhưng cũng bày tỏ hy vọng rằng Thiên Chúa sẽ duy trì một số *người sót lại*, là người bảo đảm cho tương lai. Trên hết, A-mốt là ngôn sứ của *công lý* thiêng liêng, một công lý phải được thể hiện cụ thể trong thực tế xã hội (Am 9.8-15).

Các chương 2-6 là những chương mạnh mẽ và hợp thời nhất trong Kinh Thánh. Chương 7 và 8 cho thấy một người bình thường và có lẽ là hiền lành có thể bị đức tin thúc đẩy đến cơn đam mê dữ dội.

Ngôn sứ Hô-sê

Cùng thời điểm đó, Ô-sê cũng lên tiếng phản đối mạnh mẽ cách mà dân Do Thái phản bội Thiên Chúa, Đấng yêu thương dân Ngài như một người đàn ông yêu cô dâu mà mình đã chọn. Ông chuyển tải câu chuyện bi kịch của chính mình về người chồng bị người phụ nữ lừa dối để hành nghề mại dâm sang ngôn ngữ tôn giáo. Nhưng ông tuyên bố rằng một ngày kia Thi-en Chúa sẽ cúi xuống với người phụ nữ bất trung bị người tình bỏ rơi (Hs 2.16). Ngài sẽ «đem nàng trở về sa mạc» và lập lại với nàng giao ước ngày xưa. Ngài sẽ cưới cô «trong công lý và tình yêu» (Hs 2.21-22).

Thông điệp của Hô-sê, đặc biệt cảm động, là lần đầu tiên «đọc lại» lịch sử của dân tộc được chọn dưới hình thức một câu chuyện tình yêu. Vị ngôn sứ này là nhân chứng tuyệt vời cho lời hứa và lòng trung tín của Thiên Chúa.

Ba chương đầu mô tả câu chuyện hôn nhân của Hô-sê và cách chúng ta nên đọc lịch sử Do Thái qua câu

chuyện đó. Chương 6 mô tả tính linh hoạt của những người được chọn. Lòng trung thành và sức mạnh của tình yêu thiêng liêng xuất hiện đặc biệt ở chương 11 ; 12.10-11 ; 14.4-8.

Cùng thời gian đó, Vương quốc phía Bắc chứng kiến sự phát triển rực rỡ của tinh thần *Đệ Nhị Luật*. Những người tự nhận là tín đồ của tinh thần này không bao giờ ngừng suy ngẫm về những lời dạy trong lịch sử quá khứ, đặc biệt là các sự kiện của cuộc Xuất hành. Về sau, các tác phẩm của họ được thu thập tại vương quốc Juda, rồi được hoàn thiện vào thời kỳ lưu đày.

Trong Sách Đệ Nhị Luật, chúng ta có thể đọc về dịp này :

- Lời tuyên xưng đức tin lâu đời nhất của Do Thái, nhắc nhở dân chúng về ơn gọi của họ, Đnl 26.5-10*
- Văn bản diễn tả bản chất của đức tin, Đnl 6.1-13*
- Người bày tỏ tình yêu của Thiên Chúa đối với dân Ngài, Đnl 4.7-40*
- Loan báo về cuộc lưu đày và sự hoán cải trong tương lai, Đnl 30*
- Lời nhắc nhở về ý nghĩa của Sa mạc, Đnl 8.1-19.*

Vào năm **721**, sự sụp đổ cuối cùng của Do Thái đã hoàn tất. **Assyrie**, một cường quốc chiến binh đáng gờm, đã chiến thắng liên minh các vương quốc nhỏ ở

biên giới phía tây và phá hủy *Samarie*. Người dân trong nước bị trục xuất và thay thế bằng những người định cư nước ngoài. Một số người sống sót đã tị nạn ở Juda, số người mà mọi hy vọng cho tương lai đều được đặt vào (2 V 17).

Vương quốc Juda

Đối mặt với cư dân Do Thái, người Juda ban đầu tỏ ra là những người trong sạch, trung thành với Giao ước. Họ không còn gắn bó với triều đại Đa-vít, với triều đại đã nhận được những lời hứa về tương lai sao ? Hơn nữa, họ có Đền thờ, biểu tượng cho sự hiện diện của Thiên Chúa giữa dân Ngài. Trên thực tế, bất chấp một số cải cách tôn giáo tạm thời, hời hợt hơn là sâu sắc, chủ nghĩa hình thức tôn giáo và sự vô đạo đức vẫn tràn lan. Một lần nữa, một số ngôn sứ lại đứng lên tố cáo cái ác và cố gắng ngăn chặn sự suy đồi bằng cách nhắc nhở những người được chọn về sứ mệnh của họ.

Ngôn Sứ Esaïe (hay I-sai-a) (Is 1-39)

Vào khoảng năm 740, vị lãnh chúa vĩ đại của triều đình này đã được mặc khải về sự thánh khiết của Thiên Chúa, tức là sự siêu việt của Ngài, tại Đền thờ. Sự siêu việt này là yếu tố cơ bản trong thông điệp tôn giáo của Esaïe. Vào thời điểm vương quốc Do Thái, một đồng

minh của Syrie, muốn lôi kéo Juda vào liên minh chống lại Assyrie, ông đã can thiệp bằng cách lên án bầu không khí mưu đồ chính trị. Ông nhắc lại một cách mạnh mẽ rằng sự bảo đảm duy nhất cho sự cứu rỗi là lòng trung thành với Thiên Chúa của Giao ước. Ông khiển trách vua **Achaz** vì đã hiến tế con trai mình cho các thần tượng ngoại giáo, tin rằng điều này sẽ đảm bảo an toàn cho mình chống lại liên minh. Ông thông báo với nhà vua về sự ra đời của một người thừa kế mới, người sẽ đảm bảo tương lai cho dòng dõi Đa-vít. Nhưng ngoài người con trai này, ông còn thấy trước sự ra đời của một đứa trẻ tuyệt vời khác, người sẽ thực hiện trọn vẹn lời hứa của Thiên Chúa và khôi phục lại hòa bình vĩnh viễn trên thế giới nơi chiến tranh đang hoành hành.

Ngôn Sứ là gì ?

**Lời tiên tri trong Kinh Thánh...
trái ngược với từ điển !**

Trong Kinh Thánh, một ngôn sứ không phải là người có vai trò «dự đoán tương lai», như những từ điển thông thường của chúng ta gợi ý. Trong tiếng Do Thái cũng như tiếng Pháp, từ ngôn sứ chứa đựng ý niệm về lời nói. Một ngôn sứ là một người nói công khai để công bố những gì Thiên Chúa nói.

- Luôn luôn có ngôn sứ trong mọi thời đại. Hầu hết trong số họ không được chúng ta biết đến, bởi vì họ không phải là «ngôn sứ - người viết», hay hơn nữa, những chuyên gia ngôn sứ. Họ có cuộc sống giống như những người cùng thời, hành nghề theo một nghề nghiệp nhất định.

- Về sau, Kinh Thánh nhắc đến sự tồn tại của các nhóm ngôn sứ sống thành cộng đồng xung quanh một bậc thầy như Elisée.

- Cuối cùng, từ thế kỷ thứ 8 trở đi, những người đàn ông xuất hiện, không hài lòng với việc thách thức đồng loại theo phong cách trực tiếp, như thể Thiên Chúa đang nói trực tiếp qua miệng họ, đã *viết* lại những lời sấm truyền mà họ vừa mới loan báo.

Vì thế, họ đã bắt đầu viết... Kinh Thánh mà không hề biết.

- Vai trò của họ rất đáng kể. Thật khó để hiểu được làm thế nào mà dân tộc nhỏ bé này, thường xuyên bị ngược đãi và mất gốc, lại có thể đóng vai trò quan trọng trong lịch sử thế giới, *nếu các ngôn sứ không nói, vì Thiên Chúa đã nói với họ trước*. Trên thực tế, họ đã trở thành tác nhân truyền tải một cách diễn giải nhất định về các sự kiện có sức mạnh thúc đẩy đồng bào của họ

hành động. Chính thông qua họ, chứ không phải thông qua các quốc vương, mà quyền cai trị của Thiên Chúa đối với dân Ngài đã được thể hiện.

Năm 719, Esaïe trở thành cố vấn cho **Ezéchias**, một vị vua cải cách. Ông khuyến khích vua chống lại Assyrie, quốc gia vừa mới phá hủy Sa-ma-ri. Thật kỳ diệu, vào năm 701, Giê-ru-sa-lem đã chiến thắng quân Assyrie bao vây.

Sau khi Ezéchias qua đời vào năm 693, nhà ngôn sứ cũ đã bị vị vua mới gạt sang một bên, một lần nữa vua lại đi chệch khỏi Giao ước thiêng liêng. Esaïe đã cố gắng thổi hồn vào đất nước mình bằng cách nhắc nhở về những định hướng sâu xa nhất. Ông chỉ có thể làm chậm sự suy tàn của nó. Ít nhất ông cũng có niềm vui khi thoáng thấy một tương lai tươi sáng vượt qua thảm họa có thể thấy trước : một tương lai sẽ được mang lại bởi *Emmanuel*, đứa trẻ kỳ diệu, Đấng cứu thế được nhận thấy trên đường chân trời của thời gian.

Đọc cụ thể :

- *Ôn gọi của Esaïe : chương 6*
- *Sách nhỏ về Emmanuel : ch. 7 ; 9 ; 11*
- *Sự phán xét thành Giê-ru-sa-lem : 1.1-9 ; 3.1-24 ; 8.5-10 ; 22.1-22 ; 28.1-6*
- *Bài ca vườn nho : 5.1-7*
- *Lên án một giáo phái hình thức : 2.1-5 ; 4.2-4 ; 8.1-3 ; 29.17-24 ; 30.18-26*
- *Tuyên bố về một số người còn sót lại sau thảm họa : 8.1-15*

Ngôn Sứ Mi-kha (khoảng năm 740)

Khi quân đội Assyrie cướp phá vùng nông thôn Juda, người nông dân này cùng những người khác đã đến tìm nơi ẩn náu ở Thành Thánh. Ông vô cùng phẫn nộ trước cách người dân thị trấn bóc lột những người tị nạn. Ông lên án mạnh mẽ mọi hình thức áp bức mà người nghèo và người dân thường phải chịu đựng. Nó báo trước sự diệt vong không thể tránh khỏi của một dân tộc tha hóa, bị nhốt trong những sự bảo vệ tôn giáo giả tạo : các ngôn sứ chính thức và thầy tế cho thấy họ là kẻ thù thực sự của nhân dân và việc thờ phụng chẳng qua chỉ là một cách để tự cho mình một lương tâm trong sáng bằng cách từ bỏ công lý và tình yêu. Tuy nhiên, Mi-kha vẫn hy vọng vào tương lai, vì một ngày nào đó vinh quang

của Thiên Chúa sẽ được tỏ lộ tại Bê-lem. Vào thời điểm đó, Thiên Chúa sẽ quy tụ muôn dân quanh một thành Giê-ru-sa-lem đã được thanh tẩy.

Tóm tắt thông điệp của Mi-kha có thể được tìm thấy trong chương 6 và 8.

Đọc lời tố cáo bất công xã hội : 2.1-5 ; 3.1-2 ; 7.1-7.

Đọc lời loan báo về Đấng Messia và sứ điệp hy vọng: 4.1-8 ; 5.1-5 ; 7.18-20.

Ngôn Sứ Xô-phô-ni-a

Khi vị ngôn sứ này bắt đầu công bố thông điệp của mình, vào khoảng năm 640 đến 630 trước Công nguyên, cuộc cải cách của Ezéchias đã bị lãng quên từ lâu. Vua **Manassé** đã khuất phục trước ảnh hưởng tàn khốc của người Assyrie. Xô-phô-ni-a đưa ra lời cáo trạng mạnh mẽ chống lại các quốc gia ngoại giáo. Nhưng ông cũng lên án lòng kiêu hãnh đang làm mục nát Giê-ru-sa-lem. Ông loan báo *Ngày của Thiên Chúa*, ngày đáng sợ hơn hết thảy mọi ngày khác. Bất chấp mọi thứ, ông vẫn hy vọng vào tương lai : những người nghèo trên trái đất, những người tìm kiếm công lý, sẽ thoát khỏi sự báo thù của thần thánh. Họ sẽ tạo thành một nhóm *còn sót lại* mà Chúa sẽ quy tụ trên núi thánh của Ngài.

Đọc :

- Mô tả về «Ngày thịnh nộ», 1.14-18
- Bức tranh về tình hình ở Giê-ru-sa-lem, 3.1-5
- Thông báo về tương lai, 3.9-18

Cuộc cải cách của vua Giô-si-a

Vào khoảng năm 640, vua trẻ Giô-si-a lên ngôi. Vẫn trung thành với Giao ước, ông cố gắng đưa người dân của mình trở lại con đường đúng đắn. Khát vọng *cải cách* của ông được thúc đẩy bởi việc *tìm lại bản thảo Sách Đệ Nhị Luật* được những người tị nạn từ Do Thái mang đến Giê-ru-sa-lem sau khi Samarie bị phá hủy. Việc đọc công khai một văn bản nhắc lại Giao ước tình yêu được thiết lập giữa Thiên Chúa và dân Ngài là dịp cho một phong trào *hoán cải* trong nước vào khoảng năm **622** (2 V 22).

Năm 612, một sự kiện diễn ra đầy kịch tính : người Chaldéens ở Babylon đã phá hủy Ninive, thủ đô của Assyrie. Kẻ thù đáng ghét đã sụp đổ. Liệu hòa bình cuối cùng đã được lập lại ?

Ngôn Sứ Na-khum

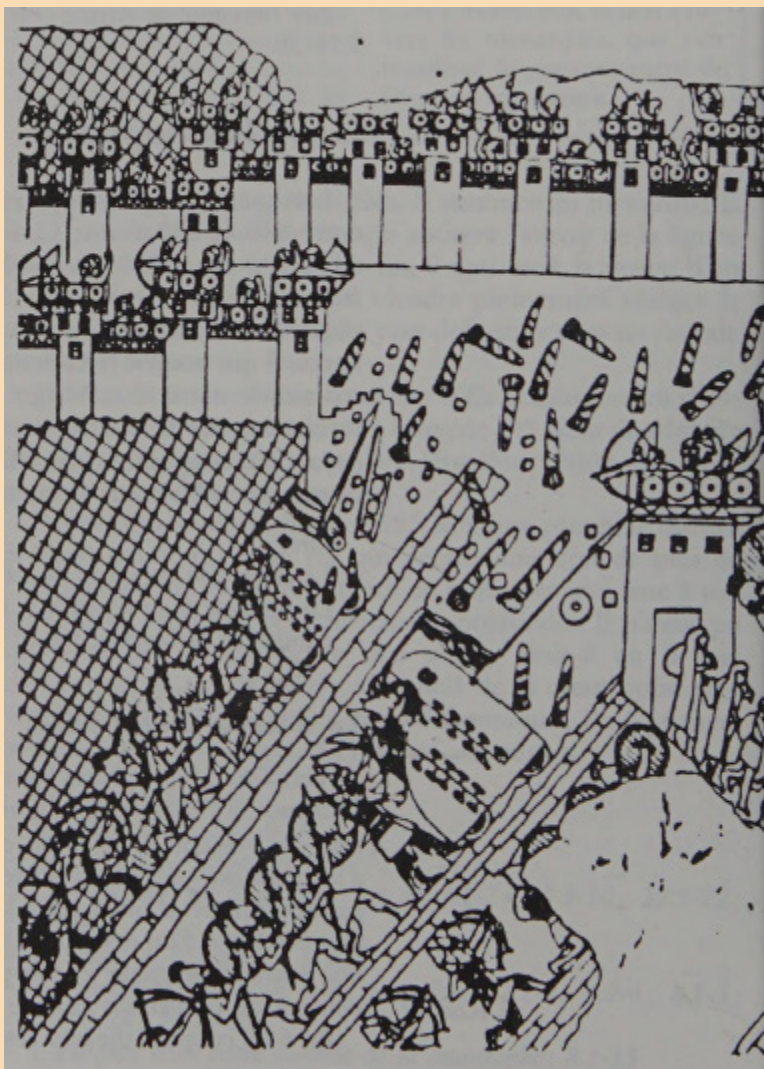
Một nhà thơ trẻ thiên tài đã mô tả bằng những từ ngữ rực lửa về sự tàn phá của thành **Ninive**. Thiên Chúa đã cho thấy sức mạnh của Ngài. Dân Chúa có thể hát lên niềm vui của mình.

Cuốn sách này rất ngắn, bạn có thể đọc toàn bộ.

**Cuộc bao vây Lakish-de-Juda,
bởi Sennachérib,
vua Nineveh (701 TCN)**

Vào thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên, những người cai trị Assyrie đã bắt đầu một kế hoạch rộng lớn nhằm thống trị thế giới. Sức mạnh quân sự của họ rất đáng gờm ; trí tưởng tượng chính trị của họ cũng không kém phần quan trọng. Họ là những người đầu tiên trong lịch sử thế giới nghĩ đến việc giảm bớt những đặc thù địa phương và do đó là chủ nghĩa dân tộc bằng cách trục xuất dân chúng một cách có hệ thống để thay thế bằng những người định cư đến từ nơi khác. Sự sụp đổ của Lakish là một đòn giáng mạnh vào vương quốc Juda nhỏ bé, nơi đây là thành trì cuối cùng. Tuy nhiên, Giê-ru-sa-lem sẽ đứng vững một cách kỳ diệu (xem 2 V 19, đặc biệt là các câu 32-35). Về phần mình, Sennachérib đã bào chữa bằng cách xoay chong chóng, viết rằng ông

đã nhốt vua Ezéchias ở Giê-ru-sa-lem «như một con chim trong lồng». Nho thì quá xanh...



Sự suy đồi

Nhưng hy vọng về một ngày như thế không kéo dài được lâu. Nebuchadnezzar, vị tướng người Chaldea, không hề kém cạnh người Assyria. Ông ta mơ ước phá hủy Ai Cập. Một lần nữa, Judah thấy mình bị kẹt giữa gọng kìm của các cường quốc.

Vào năm 609, Pharaon muốn liên minh với Assyrie đang hấp hối để chống lại Babylone. Giô-si-a phản đối điều này và muốn chặn đường quân Ai Cập. Ông đã bị giết ở **Megiddo**. Cái chết bi thảm của vị vua thánh này đánh dấu sự kết thúc của cuộc cải cách của ông. Từ bây giờ, mọi thứ sẽ ngày càng tệ hơn (2 V 23.29-30).

Năm 605, chiến thắng của người chaldéene tại **Karkémish** đã mở đường cho **Nabuchodonosor** tiến vào Palestine.

Ngôn Sứ Kha-ba-cúc

Sau đó, một ngôn sứ kêu lên với Thiên Chúa về sự ô nhục của mình. Juda chắc chắn đáng bị trừng phạt. Nhưng những kẻ ngoại đạo chiến thắng có phải còn tệ hơn không ? Làm sao Thiên Chúa có thể tin cậy vào những người không tin như thế ? Hãy kiên nhẫn, Thiên Chúa trả lời. Sự trừng phạt dành cho các quốc gia gian

ác sẽ đến vào thời điểm thích hợp. Trong khi đó, «người công chính sống bởi đức tin.» (Kb 2.4). Không tìm được câu trả lời hoàn toàn thỏa đáng trước vấn đề nhức nhối của cái ác, nhà ngôn sứ đã khiêm nhường đầu hàng.

Đọc câu hỏi của nhà ngôn sứ (chương 1), câu trả lời của Thiên Chúa (2.1-4) và lời cầu nguyện khiêm nhường cuối cùng (3.16-19).



Khởi hành lưu đày

Bia đá này là của người Assyrie ; nhưng đây là những người Tân Babylon, với Nabuchodonosor (Nébuchadnetsar) nổi tiếng, người đã chiếm được Giê-ru-sa-lem vào năm 586. Nhưng cảnh tượng cũng không khác mấy (xem 2 V 25.22).

Năm 598, **Nabuchodonosor** chiếm **Giê-ru-sa-lem** lần đầu, *trục xuất* một phần dân số và lập một vị vua bù nhìn lên nắm quyền. Nhưng thành phố nổi loạn. Vào năm 587, quân Chaldéen quay trở lại, chiếm lại thành phố, *phá hủy* thành phố từ trên xuống dưới, đốt Đền thờ và Hòm Giao ước, và trục xuất những cư dân còn lại về **Babylon** (2 V 24-25).

Đây là sự kết thúc của Vương quốc Juda. Theo quan điểm của con người, không còn hy vọng nữa. Những người được chọn dường như chắc chắn sẽ phải biến mất. Phải chăng mọi sự chờ đợi trong quá khứ, mọi lời hứa thiêng liêng đều vô ích ?

Ngôn sứ Giê-rê-mi-a

Giê-rê-mi-a, vị ngôn sứ cuối cùng trước thời lưu đày, đã thấy rõ thảm họa sắp xảy ra. Ông đã kêu lên nỗi đau khổ của mình. Nhưng ông đã bị chế giễu : «rên rỉ !» Từ này được truyền lại cho hậu thế để thể hiện sự khinh miệt đối với một người đàn ông không bao giờ ngừng phàn nàn.

Vào năm 626, ông nhận được ơn gọi và bắt đầu tố cáo sự tha hóa về đạo đức và tôn giáo của người dân. Sau khi hy vọng vào sự cải cách của Giô-si-a trong giây lát, ông đã mất hết ảo tưởng : Giu-đa đã bị diệt vong. Quá

đau khổ, ngôn sứ phải kêu gào sự bất hạnh nhân danh Thiên Chúa. Sau khi Giô-si-a qua đời, ông khuyên nên *đầu hàng* người Chaldéen, điều này khiến ông bị những người ủng hộ phe kháng chiến coi là kẻ phản bội. Ông bị ngược đãi và thoát chết trong gang tấc. Ông kêu lên nỗi đau khổ và tuyệt vọng của mình về một ơn gọi dẫn ông đến sự cô độc. (Đây là nội dung của các chương có tên là «lời thú nhận của Giê-rê-mi-a».) (Gr 11.18 - 12.6; 15.10-21 ; 17.14-18 ; 18.18-23 ; 20.7-18).

Điều đáng ngạc nhiên là sau lần sụp đổ đầu tiên của Giê-ru-sa-lem, khi tương lai có vẻ đen tối nhất, thì Giê-rê-mi-a lại viết những lời ngôn sứ về hạnh phúc. Có lẽ ông cảm thấy suy sụp hơn bao giờ hết. Nhưng ông thấy trước sự xuất hiện của một Vương quốc cứu thế mới do chính Thiên Chúa tạo ra. Ông tuyên bố rằng thảm họa không thể tránh khỏi này sẽ là nguồn thanh lọc. Đáng đã tố cáo mọi sự an toàn giả tạo, nguồn gốc của những ảo tưởng chết người, giờ đây mô tả thời điểm Thiên Chúa sẽ đến để đổi mới tâm lòng con người và lập nên một *Giao ước mới*. Bằng cách này, ông đưa ra ý nghĩa cho bài kiểm tra trước (Gr 31.31-34).

Vì Thiên Chúa, ông chỉ biết đến sự không hiểu và sự chối bỏ từ những người ông yêu thương. Ông đã cố gắng hết sức để chống lại ảnh hưởng của lời Chúa.

Nhưng điều này lại tác động đến ông. Ông đầu hàng, bất chấp mọi thứ, vẫn giữ vững niềm tin tuyệt đối vào người đã nắm lấy ông (Gr 20.7). Một ngày kia, các Kitô hữu sẽ nhận ra nơi ông là Đấng đã, qua cuộc đời bị từ chối và lời công bố Giao ước Mới, là hình ảnh tiên báo rõ nét nhất về Chúa Giêsu.

Phần để đọc nhất là toàn bộ các chương từ 26 đến 46, trong đó chúng ta sẽ đặc biệt nhớ :

- *những chương 26 ; 36-39*
- *bức thư gửi những người bị trục xuất đầu tiên khỏi Babylon ch. 29*
- *các chương liên quan đến sự phục hồi của Do Thái (30-33)*

Sau đó chúng ta sẽ hiểu rõ hơn :

- *sự quan tâm của những bài giảng đầu tiên : đặc biệt là ch. 1-3*
- *sự tố cáo những ảo tưởng tôn giáo, ch. 7*
- *bản tường thuật về những cử chỉ tượng trưng báo hiệu thảm họa : 13.1-14 ; 18.1-12 ; 24*
- *tóm tắt bài giảng của Giê-rê-mi-a trước khi lưu đày, ch. 25*
- *và đặc biệt là những lời thú nhận mà qua đó ngôn sứ diễn tả bi kịch cá nhân của mình : 11.18 - 12.5 ; 15.10-21 ; 17.14-18 ; 18.18-23 ; 20.7-18*



Giê-ru-sa-lem :

Bức tường Than khóc

Đây là tên gọi của bức tường phía tây quảng trường Đền thờ. Ở đây, lời cầu nguyện không mệt mỏi của dân được chọn bày tỏ nỗi thương tiếc của họ về Đền thờ đã mất, nhưng cũng bày tỏ niềm hy vọng về đáng cứu thế.

Sự ra đời và phát triển của Do Thái giáo

Sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem (587) và cuộc trục xuất đánh dấu sự kết thúc của chế độ quân chủ Do Thái. Do đó, người ta có thể tin rằng thời kỳ lưu đày sẽ hoàn tất sự hủy diệt trong trái tim những gì đã bị hủy diệt trong các thể chế. Có thể những người lưu vong chỉ đơn giản là bị đồng hóa với những kẻ chinh phục họ, bị quyến rũ bởi nền văn minh rực rỡ của họ, và đức tin vào những lời hứa với Abraham, Isaac và Jacob sẽ biến mất mãi mãi vào quên lãng.

Nhưng Thiên Chúa vẫn thành tín. Chúng ta có thể ở xa Giê-ru-sa-lem và Đền thờ, nhưng năng lượng thiêng liêng thì không có ranh giới. Với tốc độ nhanh như chớp, ngai vàng của Ngài di chuyển từ đầu này đến đầu kia của trái đất. Thiên Chúa nhìn thấy dân Ngài và luôn đồng hành với họ, bất kể họ ở đâu : do đó, vương quyền của Ngài vẫn còn nguyên vẹn. (Đây là ý nghĩa của chương đầu tiên kỳ diệu của Sách Ê-dê-ki-en, quan trọng đến mức, theo người Do Thái, một người đàn ông dưới 40 tuổi không nên đọc) (Ed 1).

Từ sự duy trì vương quyền này, thay vì sự suy tàn như dự kiến, Do Thái được nâng lên bởi một dòng chảy tâm linh mạnh mẽ sẽ dẫn họ đến sự trưởng thành chắc chắn trong đức tin.

Phong trào mới này được gọi là *Do Thái giáo* vì nó xuất phát từ sự suy ngẫm cẩn thận về các truyền thống Kinh Thánh được thu thập trong hơn hai thế kỷ tại Giê-ru-sa-lem, thủ đô của Vương quốc Giu-đa.

Chắc chắn, những người bị trục xuất phải từ bỏ thành phố và đất nước của họ. Nhưng trong hành lý họ mang theo Kinh Thánh (ít nhất là những gì có vào thời điểm đó, vì nó chưa được hoàn thiện). Chính việc suy ngẫm về những văn bản lập quốc này đã mang đến cho họ cơ hội củng cố niềm tin vào sự lựa chọn của mình từng ngày. Chính tại Babylon, trong thời kỳ lưu đày, dân tộc Giu-đa, «người Do Thái», bắt đầu đảm nhận vai trò lịch sử của mình là dân tộc nói tiếng Thiên Chúa.

Nói rằng Chúa Giêsu là người Do Thái cũng là một cách để ghi nhớ rằng tư tưởng và công trình của Người bắt nguồn từ môi trường này : môi trường Lưu đày và Trở về, mà chúng ta đang đề cập đến.

7) Thời kỳ lưu đày (538) : giữa lòng đau khổ, các ngôn sứ mở ra tương lai

Sách Ai Ca

Biểu hiện văn học đầu tiên có từ thời Lưu đày là tiếng kêu đau đớn. Tại đất nước Giu-đa bị tàn phá, một nhà thơ đang suy ngẫm về đồng đồ nát của Thành thánh. Bất chấp tình hình tồi tệ, ông khẳng định rằng những sự kiện gần đây có ý nghĩa : Giê-ru-sa-lem đã bị Thiên Chúa trừng phạt vì tội lỗi của mình. Tuy nhiên, hình phạt này không có nghĩa là Thiên Chúa đã quên dân Ngài. Một ngày nọ Ngài sẽ tha thứ và thành Đa-vít sẽ lại hưng thịnh.

Tác phẩm bao gồm năm *bài thơ* được sáng tác theo phong cách thánh ca tang lễ thời bấy giờ. Ông mô tả một cách xúc động về thảm kịch vừa xảy ra và bản chất tuyệt vọng của tình hình hiện tại. Qua lời thú nhận về những lỗi lầm đã phạm, ông đưa ra lời kêu gọi lên Thiên Chúa.

Mở rộng thông điệp của Giê-rê-mi-a theo một hình thức mới, những *lời than thở* này thường được đặt dưới tên ông.

Ngôn sứ Ê-dê-ki-en

Đối với vấn đề cấp bách do sự sụp đổ của Giu-đa gây ra, tiên tri Ê-dê-ki-en đưa ra một câu trả lời triệt để : cơ thể cũ phải chết để cơ thể mới có thể tái sinh.

Vị tư tế chuyển sang ngôn sứ này đã bị trục xuất đến Babylon sau cuộc xâm lược đầu tiên của người Chaldéen vào năm 598. Rất nhanh chóng, ông đã phản đối tất cả những người vẫn hy vọng rằng cuộc nổi loạn của Sédésias chống lại Nabuchodonosor sẽ mang lại cho họ sự giải thoát nhanh chóng. Ông tuyên bố rằng mục đích đã thất bại và bản thân Đền thờ không thể đảm bảo chống lại thảm họa. Ông đã mô tả cảnh Thiên Chúa rời khỏi nơi này, nơi sự đòi trụ của một dân tộc được thể hiện : tương lai giờ đây phụ thuộc vào cộng đồng bị lưu đày.

Phát biểu nhân danh Thiên Chúa, Đấng đã mặc khải cho ông, vị ngôn sứ đã phá vỡ quan điểm dân tộc chủ nghĩa hẹp hòi vẫn còn thống trị. Tố cáo những lỗi lầm trong quá khứ, ông đưa ra một quan niệm mới về trách nhiệm đạo đức cá nhân. Qua lời nói, và đặc biệt là qua những cử chỉ và dấu hiệu đáng ngạc nhiên, ông mời gọi những người bị trục xuất hoán cải.

Vào năm 587, sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem đã phá vỡ những ảo tưởng vẫn còn tồn tại. Trong cơn tuyệt vọng, Ê-dê-ki-en trở thành nhà vô địch của hy vọng : Thiên Chúa sẽ đến để *đổi mới lòng người* bằng cách ban *Thánh Linh* của Ngài (Ed 36.26).

Những ai được hưởng lòng thương xót của Chúa sẽ chỉ có thể khiêm nhường thừa nhận lỗi lầm trong quá khứ của mình và hát ca ngợi vinh quang của Chúa. Ngôn sứ cũng mô tả hình phạt dành cho các quốc gia ngoại giáo vào cuối trận chiến vũ trụ không lồ chống lại Gog, vua xứ Magog, thủ lĩnh của các thế lực tà ác.

Ông lên án những kẻ chịu trách nhiệm cho thất bại này : các hoàng tử, thậm chí cả các giáo sĩ. Ông tuyên bố rằng một ngày nào đó Thiên Chúa sẽ sai đến một người chăn chiên tốt lành, người sẽ thực sự phục vụ đàn chiên (Ed 34.11-16 ; Ga 10.11-17).

Đến lúc đó, những thể chế suy đồi sẽ nhường chỗ cho những thể chế mới. Theo nghĩa tượng trưng, ngôn sứ mô tả Đền thờ mới, nằm ở trung tâm thành Giê-ru-sa-lem được xây dựng lại. Xung quanh thành phố, sa mạc sẽ lại nở hoa, Biển Chết sẽ mang lại sự sống.

Hơn nhiều sách khác, sách Ê-dê-ki-en đã góp phần định hình ngôn ngữ của Phúc Âm : Chúa Giêsu sẽ đặc

biệt giới thiệu mình như người mục tử nhân lành đã được loan báo. **Ngày tận thế** của Thánh Gioan sẽ dùng hình ảnh của vị tiên tri để mô tả về Sự Sáng Tạo mới mà Thiên Chúa sẽ thực hiện vào lúc kết thúc Lịch Sử (Kh 21.9 - 22.5).

Chúng ta sẽ đọc cụ thể hơn :

- Tâm nhìn và Sứ mệnh của ngôn sứ, ch. 1-2

- Lời loan báo về sự hủy diệt của Giê-ru-sa-lem, ch. 4-5

- Suy ngẫm về trách nhiệm đạo đức cá nhân, ch. 18

- Lời hứa cho tương lai, ch. 34 ; 36 ; 37

- Giê-ru-sa-lem Mới, 47.1-12 ; 48.30-35.

Sách An ủi dân Do Thái (Is 40-55)

Làm sao chúng ta vẫn có thể tin vào Chúa ? Làm sao chúng ta có thể hy vọng vào Ngài khi mọi ý niệm chúng ta có về Ngài đều sụp đổ dưới tác động của các sự kiện? Đây là những câu hỏi mà một ngôn sứ viết vào cuối thời kỳ lưu đày cố gắng trả lời. Khi công trình của ông tiếp tục sứ điệp của I-sai-a, nó đã được kết hợp với công trình của người tiền nhiệm xa xôi này.

Ngôn sứ nói rằng Thiên Chúa không phải là người như bạn nghĩ. Ngài là Chúa của toàn thể Vũ trụ, và vị thần Chaldéen dường như chiến thắng Ngài thực chất

chỉ là một thần tượng, một sản phẩm do trí tưởng tượng của con người tạo ra. Thiên Chúa chân chính đã tạo ra toàn bộ Vũ trụ. Ngài là bậc thầy về Lịch sử.

Nhưng đột nhiên phương Đông di chuyển. **Cyrus**, vua người Ba Tư, đe dọa sẽ áp đảo xứ Chaldée đang suy đồi. Người ta nói vị hoàng tử này là người cởi mở. Sự giải thoát đã gần kề chưa ?

Khi đó, tiếng kêu vui mừng của vị ngôn sư vang lên: «Hãy an ủi dân Ta» Thiên Chúa phán. Ngày mai Giê-ru-sa-lem sẽ hồi sinh và một lần nữa trở thành trung tâm của thế giới. Văn bản này cho thấy Thiên Chúa sẽ hành động như thế nào thông qua Cyrus, sứ giả của Ngài, «Đấng cứu thế» của Ngài. Nhưng viễn cảnh mở rộng hơn : ngôn sứ nhận thấy một Đấng cứu thế khác sẽ đến. Ông sẽ không còn là một chiến binh nữa, mà là một người hầu khiêm nhường đến để đổi mới trật tự thế giới từ bên trong. Thậm chí Người sẽ hy sinh mạng sống của mình vì nhiều người. Nhân vật này sẽ là ai? Dấu hỏi này hiện đang nằm ở trung tâm lịch sử Do Thái. Cánh cửa mở ra cho hy vọng (Is 40.1-11).

Cụ thể, chúng ta sẽ đọc :

*- Lời loan báo về sự giải cứu và sự vĩ đại của Chúa:
ch. 40-41 ; 42,8 - 43,12 ; 44.6 - 45.25 ; ch. 48 ; 49.8-26;
51.1 - 52.12 ; ch. 54-55.*

*- Bài ca của người tôi tớ : 42.1-7 ; 49.1-9 ; 50.4-9 ;
52.13 - 53.12.*

8) Trở về từ cuộc lưu đày và sự củng cố của Do Thái giáo dưới sự thống trị của nước ngoài

Năm 539, **Cyrus**, vua của Ba Tư và Medes, đã chinh phục Babylon. Năm sau, năm 538, ông ban hành *sắc lệnh* cho phép những người Do Thái bị trục xuất được trở về quê hương (Er 1.2-4 ; 6.2-5 ; 2 Sb 36.23).

Tuy nhiên, nhiều người Do Thái vẫn ở lại Babylon, nơi họ hình thành nên một thuộc địa đáng kể. Đối với những người trở về Palestine, sự nhiệt tình ban đầu nhanh chóng nhường chỗ cho sự thất vọng. Các thành phố bị tàn phá. Vùng đất này bị người nước ngoài chiếm đóng và thù địch với những người mới đến. Đặc biệt, có những người định cư đến đất nước này sau khi Samarie sụp đổ. Mặc dù họ đã quy tụ về với Thiên Chúa của người Do Thái, nhưng Thiên Chúa vẫn giữ khoảng cách với những người Sa-ma-ri mới này vì họ bị coi là những người khác biệt về chủng tộc và không trong sạch về mặt tôn giáo ; và do đó khơi dậy sự thù địch của họ.

Trụ Cyrus (khoảng năm 538 trước Công nguyên)

Văn bản chữ hình nêm này, làm bằng đất sét, xác nhận câu chuyện trong Kinh Thánh. Cyrus, vua Ba Tư, người chiến thắng Babylon, kể lại cách ông gửi trả những người dân bị lưu đày mà ông tìm thấy ở đó về nhà. Ông còn nói rõ rằng ông đã ban cho họ quyền tự do tín ngưỡng.



Chúng ta đã tin vào sự ứng nghiệm nhanh chóng và toàn diện của những lời hứa tiên tri : thực tế thì buồn tẻ hơn nhiều. Thậm chí còn có sự do dự trong việc tiến hành tái thiết Giê-ru-sa-lem và Đền thờ.

Sau đó, ba nhà ngôn sứ can thiệp :

Ngôn sứ Khác-gai

Vào khoảng năm 520, Khác-gai mời đồng hương của mình đến để kiểm điểm lại tình hình. Những khó khăn

này chắc chắn có liên quan đến tình hình kinh tế thảm khốc : đất nước vừa trải qua một thời gian dài hạn hán. Nhưng đó chưa phải là điều tệ nhất. Hầu hết những người giàu đã xây dựng lại những ngôi nhà đẹp cho mình. Nhưng họ bỏ qua công trình thiết yếu, đó là xây dựng lại Đền thờ, nơi mà Thiên Chúa sẽ một lần nữa hiện diện giữa dân Ngài.

Cuốn sách này rất ngắn, có thể đọc hết một mạch.

Ngôn sứ Da-ca-ri-a (Dcr 1-8)

Điểm khởi đầu của thông điệp của Da-ca-ri-a là tình hình chính trị hiện tại. Đế chế Ba Tư dường như đã được thiết lập vững chắc. Do đó, không có lý do gì để hy vọng rằng chúng ta sẽ giành lại được nền độc lập mà chúng ta mơ ước. **Zorobabel**, viên quan cao cấp được thế lực chiếm đóng bổ nhiệm, thực sự là hậu duệ của Đa-vít. Nhưng sức mạnh của họ rất hạn chế. Còn về Josué, vị thầy tế thượng phẩm, ông không hề phản ánh sự huy hoàng của các thầy tế thời xưa. Là một người có tầm nhìn xa, Da-ca-ri-a cho thấy thực tế đáng buồn này chỉ là mặt trái của một thế giới khác, thực tế hơn nhiều. Sự thật sâu sắc sẽ được biểu hiện. Bóng tối sẽ tan biến. Là một nhà thơ «siêu thực», ngôn sứ cho thấy cơn thịnh nộ của Chúa sẽ giáng xuống những kẻ ác và Giê-ru-sa-lem sẽ được tôn vinh như thế nào. Từ nay, Thiên Chúa

trao trọn giá trị cho chức tư tế, là chức vụ có nhiệm vụ duy trì sự thanh sạch của dân được chọn. Da-ca-ri-a cũng loan báo sự xuất hiện sắp xảy ra của Chôi Non, là Đấng Mê-si mà qua đó Thiên Chúa sẽ một lần nữa hiện diện trong Đền thờ của Ngài (Dcr 6.12).

Từ cuốn sách khó này, chúng ta sẽ đọc đặc biệt là 1.8-16 ; 3 ; 8.

Một ngôn sứ vô danh hoàn thành sách I-sai-a (Ch. 56-66)

Với quan điểm trái ngược với những người bi quan, một nhà tiên tri ẩn danh, người có tác phẩm được đính kèm vào sách I-sai-a, cố gắng truyền lòng can đảm cho những người thất vọng. Ông nhắc nhở điều cản trở sự cứu rỗi chính là tội lỗi. Vì vậy, người ta hãy tiếp tục cuộc chiến chống lại sự sùng bái ngẫu tượng và bất công ! Thiên Chúa sẽ sớm mang đến một thế giới mới. Ngài thực sự là một người Cha không bao giờ ngừng tha thứ. Ngài thể hiện lòng trung thành tuyệt đối của mình với những người mà Ngài đã chọn một lần và mãi mãi.

Ngôn sứ cũng đặt ra vấn đề khó khăn về thái độ đối với người nước ngoài. Trong khi tiếp tục loan báo về sự hủy diệt các quốc gia ngoại giáo ngoan cố trong tội ác,

ông kêu gọi quốc gia Do Thái chào đón những người ngoại giáo đã cải sang tôn giáo chân chính vào Đền thờ. Thiên Chúa thậm chí còn đi xa hơn nữa khi chọn các tư tế từ giữa họ.

Đọc cụ thể :

- *Lời kêu gọi hoán cải, ch. 58-59*

- *Lời loan báo về sự cứu rỗi cuối cùng, ch. 60-62 ; 66.5-16*

- *Suy ngẫm về lịch sử Israel, 63.7 - 64.11*

- *Lời hứa với người ngoại quốc, 56.1-9.*

Cộng đồng Do Thái dưới chế độ Ba Tư và sau đó Hy Lạp

Vào năm 515, Đền thờ được xây dựng lại. Hai người Do Thái, những người đã trở thành viên chức cấp cao của triều đình Ba Tư, sẽ tiếp tục công việc phục hồi.

Nhờ ảnh hưởng chính trị của mình, **Néhémie** trở về Palestine (khoảng năm 445 và 433). Ông là một người xây dựng. Bất chấp sự phản đối của người Sa-ma-ri, ông đã cho xây dựng lại các bức tường thành Giê-ru-sa-lem. Bất chấp những khó khăn mà ông gặp phải từ người dân Giê-ru-sa-lem, những người ít quan tâm đến lợi ích chung, ông vẫn thực hiện công việc này để đảm bảo an ninh cho thành phố.

Khoảng năm 398, Vua **Artaxerxès** muốn tổ chức Palestine chống lại Ai Cập đang trở nên đe dọa. Ông cử **Ét-ra** đến Giê-ru-sa-lem với sứ mệnh ổn định lại đất nước. *Ét-ra long trọng khôi phục lại Torah, trở thành Lễ Luật chính thức của người Do Thái.* Đây là thời điểm quan trọng đối với Do Thái giáo, tạo nên hình thái xác định của cộng đồng tôn giáo tập trung vào việc lắng nghe Lời Chúa.

Trong nhiều thập kỷ, Do Thái sống trong hòa bình dưới sự quản lý của Ba Tư.

333 : ngày quan trọng ! Vị vua trẻ của Macédoine, Alexandre, chinh phục Hy Lạp, phá hủy thế lực Ba Tư và xây dựng nên một đế chế rộng lớn trải dài từ Ai Cập đến Ấn Độ. Ông truyền bá văn hóa Hy Lạp và ngôn ngữ chung đã trở thành ngôn ngữ của đất nước ông (*koïnè*: đây là tên tiếng Hy Lạp đặt cho ngôn ngữ mà Cựu Ước được dịch và Tân Ước được viết). Sau khi ông qua đời, các tướng lĩnh của ông, *diadoques*, phân chia các vùng đất chinh phục được. Ai Cập được trao trả cho Ptolémée, con trai của Lagos (do đó có tên gọi triều đại của ông: Lagides); cho Seleucus, Syrie và các vùng lãnh thổ đông bắc (triều đại Seleucides) đã được trả lại.

Trước hết, Palestine nằm dưới quyền quản lý của Lagide. Người Do Thái sau đó có thể sống trong hòa bình, giữ nguyên địa vị mà họ có được dưới sự cai trị của Ba Tư. Vào năm 198, họ chịu sự thống trị của Séleucide và bước vào thời kỳ hỗn loạn mà chúng ta sẽ quay lại sau.

Trong thời gian này, một số sách Kinh Thánh đã ra đời. Đó là : tác phẩm Sử Biên và những tác phẩm tiên tri cuối cùng.

Công việc của nhà Sử Biên

Có lẽ vào đầu thời kỳ Hy Lạp, một nhà thần học ẩn danh được gọi là Sử Biên đã đảm nhận việc viết một bức bích họa khổng lồ trong đó hành động của Thiên Chúa thể hiện trong Lịch sử được nhấn mạnh một cách mạnh mẽ.

- Dựa trên các nguồn tài liệu hiện có, ông viết lại sách **Ét-ra** và **Nơ-khe-mi-a**, kể lại tất cả những khó khăn gặp phải trong quá trình trở về Giê-ru-sa-lem, sau khi thời kỳ lưu đày kết thúc. Điều này nhấn mạnh mạnh mẽ tính chất thanh tẩy của công trình do hai anh hùng của Do Thái thực hiện : Đặc biệt, Ét-ra đã áp dụng Lễ Luật một cách nghiêm ngặt. Ông đã áp dụng những biện pháp nghiêm ngặt chống lại cuộc hôn nhân giữa người

Do Thái và phụ nữ nước ngoài. Cộng đồng được cứu khỏi thử thách này phải tự bảo vệ mình khỏi mọi sự lây nhiễm của ngoại giáo ! Đó là để hình thành nên một dân tộc «thuần khiết».

Nhưng bộ sưu tập Sử Biên thúc đẩy suy nghĩ thần học đi xa hơn. Ông muốn học hỏi từ toàn bộ lịch sử đã qua, để Do Thái không quay lại con đường cũ. Đặc biệt, ông muốn chỉ ra toàn bộ công trình thiêng liêng *tập trung vào việc thờ phụng Đền thờ*, qua đó dân tộc được chọn mang lại ý nghĩa cho sự tồn tại của họ. Để làm được điều này, Ông bắt đầu từ Sáng thế. Ông cho thấy cách Sáng thế dẫn đến việc thành lập Do Thái, sau đó đến việc lựa chọn một chi tộc được chọn trong số tất cả : đó là chi tộc Giu-đa mà từ đó phát sinh Đa-vít. Ông ca ngợi hết lời công lao của hai vị sau, cũng như của Salomon : trong hai nhân vật này, ông nhìn thấy trên hết những người sáng tạo ra Đền thờ và nghi lễ thờ cúng tại đó. Sau đó, trích dẫn những câu chuyện trong Sách Các Vua, ông nhấn mạnh rằng mọi thất bại của Do Thái, đặc biệt là của Giu-đa, đều là do từ bỏ truyền thống thờ cúng.

• Kết quả của dự án thần học này : **hai Sách Sử Biên** được đánh dấu bằng tính chất đạo đức và tôn giáo được nhấn mạnh. Họ góp phần thánh hóa mọi thứ liên quan

đến phụng vụ Do Thái. Không nghi ngờ gì nữa, điều này đã giúp cho một dân tộc bị đàn áp, đang nghi ngờ sứ mệnh của mình, tìm lại được một ý thức nhất định về bản sắc của mình.

Sách Sử Biên đặc biệt thú vị khi chúng ta so sánh văn bản của chúng với những đoạn văn tương tự trong Sách Các Vua. Điều này cho phép chúng ta hiểu được dự án thần học của tác phẩm và cách thức nó dẫn đến việc diễn giải lại Lịch sử.

- So sánh cụ thể 1 Sb 17.1-15 và 2 Sm 7.1-17.

- Trong Sách Sử Biên quyển 1, chúng ta có thể đọc : ch. 15-17 và 22-29.

- Trong quyển 2 : ch. 1-7 ; 9.1 - 11.17 ; ch. 13 ; ch. 17-20, 22-24, 28-35.

- Trong sách Êt-ra, hãy đọc cụ thể hơn : 1.1-6 ; 3.3-4 ; 5.5 - 10.17.

- Trong Nơ-khe-mi-a : 1.1 - 7.5 ; 8.1-10.1 ; 10.29-37 ; 13.4-31.

Những bài viết ngôn sứ mới nhất

Giai đoạn này là giai đoạn viết những lời ngôn sứ cuối cùng.

Ngôn sứ Ô-va-đi-a

Vào năm 587, người Ê-đôm, định cư trên vùng núi phía nam Biển Chết, đã hèn nhát lợi dụng sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem để lao vào cuộc tàn sát. Chính Ô-va-đi-a đã chỉ trích họ. Với lòng kiêu hãnh của mình, Ê-đôm tin rằng mình an toàn trước sự xâm lược. Thực tế không phải vậy. Quốc gia này sẽ bị trừng phạt. Ngày của Thiên Chúa sẽ sớm đến. Thiên Chúa sẽ trừng phạt tất cả những kẻ phạm tội và sẽ mang lại sự cứu rỗi cho những người trung thành.

Trong tập sách rất ngắn này, chúng ta sẽ đọc chủ yếu các câu 16-21.

Ngôn sứ Giô-en

Đất nước này vừa bị tàn phá bởi nạn châu chấu. Giô-en, một nhà bảo vệ môi trường theo cách riêng của mình, đã thiết lập mối liên hệ giữa thảm họa thiên nhiên này và tội lỗi. Vào thời đại của chúng ta, khi chúng ta nhận thức sâu sắc rằng ô nhiễm, thứ đe dọa sự sống còn của chúng ta, có liên quan đến sự ích kỷ của cá nhân và

nhóm người, thì thông điệp của ông có một ý nghĩa đặc biệt. Ngôn sứ mời gọi con người được tái sinh dưới tác động của Thánh Linh. Một ngày nào đó Thiên Chúa sẽ đến và ban điều này xuống trên «mọi xác thịt».

Đọc đặc biệt 1.13-20 ; 2.10-17 ; 3.1-5 ; 4.9-21.

Bộ sưu tập của Ma-la-khi

Vào khoảng năm 460, tác phẩm ẩn danh này (*Ma-la-khi* có nghĩa là *sứ giả của ta* và được trích từ chương 3, câu 1) phản ứng lại sự lỏng lẻo nói chung, cả về vấn đề đạo đức và tôn giáo. Nhiều người Do Thái dường như coi những truyền thống cổ xưa là «lỗi thời». Ma-la-khi khẳng định rằng thực tế không phải như vậy. Có lẽ việc hoàn thành dự án lớn trong quá khứ dường như đang chậm lại, và thế giới vẫn như cũ. Nhưng điều này không biện minh cho sự buông lỏng của giới tăng lữ và những người dân bằng lòng với nghi lễ hình thức, hay sự lỏng lẻo của đạo đức hôn nhân. Sau khi lên án những hình thức suy đồi này, Ma-la-khi nhấn mạnh rằng tôn giáo là tôn giáo của tình yêu thương. Ông loan báo về sự hy sinh hoàn hảo mà Đấng cứu thế được mong đợi sẽ đến để ban tặng một ngày nào đó. Ông dự đoán sự xuất hiện của sứ giả của Thiên Chúa : Ngài sẽ phán xét tất cả những kẻ áp bức đồng loại.

Cuốn sách này rất ngắn, có thể đọc hết một mạch.

Tiếp theo sách Da-ca-ri-a (Dcr 9-14)

Vào thời điểm Ba Tư sụp đổ dưới sự tấn công của Alexandre, nhiều người Do Thái tự hỏi liệu thời đại cứu thế đã đến hay chưa. «Sách Da-ca-ri-a thứ hai» (sách này gắn liền với tác phẩm của «sách đầu tiên») nhấn mạnh rằng sự xuất hiện của Đấng Mê-si không thể diễn ra theo hình thức bạo lực. Chắc chắn một ngày nào đó Chúa sẽ đến để tái lập «nhà Đa-vít» (Dcr 12.7-10 ; Dcr 9. 9-10). Nhưng vị cứu tinh thực sự sẽ là một người khiêm nhường, đến để quy tụ những con chiên bị tản mác và hiến dâng đất đai cho Thiên Chúa. Sự cứu rỗi cuối cùng sẽ gắn liền với cái chết của một nhân vật bí ẩn : «người mà họ đã đâm qua tim» (Dcr 12.10). Không có gì ngạc nhiên khi các nhà viết Tin mừng sau đó nhắc đến tác phẩm ngôn sứ này để mô tả công việc của Chúa Giêsu !

Đọc cụ thể đoạn 9.9-10 ; 12 ; 14.

Sách Khôn Ngoan

Trong thời đại tương đối yên bình này, các *sách khôn ngoan* xuất hiện rất nhiều.

Một tác phẩm khôn ngoan là một tác phẩm mà qua đó những nhóm Do Thái có học thức đã cố gắng trả lời bằng đức tin một số câu hỏi thiết yếu mà con người ở mọi thời đại đều tự hỏi mình.

Không còn nghi ngờ gì nữa, Ngũ Thư và các tác phẩm ngôn sứ đã đưa ra những câu trả lời như vậy. Nhưng trên hết, họ đã làm như vậy bằng cách tường thuật những việc làm vĩ đại của Thiên Chúa, những việc làm vĩ đại mà các tín đồ đặc biệt sáng suốt có khả năng giải mã ý nghĩa của Lịch sử đang suy ngẫm. Nhờ đó, họ đã nhận được Sự Mặc Khải của Lời Chúa.

Các sách khôn ngoan chắc chắn ám chỉ đến Lời này. Nhưng chúng cũng là thành quả của sự suy ngẫm của con người dựa trên sự quan sát cuộc sống hàng ngày. Họ đề cập đến *kinh nghiệm chung*.

Người khôn ngoan là người đã đi nhiều nơi, đã tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau và đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tế. Sau đó, ông truyền đạt thành quả suy ngẫm của mình dưới nhiều hình thức khác nhau : *câu vắn*, *bài thơ*, hoặc thậm chí là *những câu chuyện đạo đức hoặc tượng trưng* ngắn gọn có tính chất ít nhiều mang tính lịch sử.

Những bài viết khôn ngoan từ thời Ba Tư

Sách Rút

Cuộc cải cách của Ét-ra năm 398 bao gồm những biện pháp nghiêm ngặt. Những người Do Thái kết hôn với phụ nữ nước ngoài phải chia tay họ để đảm bảo sự trong sạch của cộng đồng. Với một chút hài hước, sách Rút nhắc lại rằng, theo truyền thống, Vua Đa-vít vĩ đại là hậu duệ của một người ngoại quốc, một người **moabite**. Sau khi chồng bà, người xuất thân từ chi phái Giu-đa, qua đời, Rút trở về Bê-lem, quê hương của chồng bà. Bà đã được Booz, một người họ hàng xa của bà, nhận nuôi và sau đó kết hôn với ông này, vì ông này rất muốn hoàn thành nghĩa vụ theo Lễ Luật bằng cách nuôi dạy con cái cho một người đàn ông đã chết mà không có con. Từ sự kết hợp này đã sinh ra Obed, cha của Jessé, chính ông là cha của Đa-vít. Một bài học về chủ nghĩa phổ quát nhằm sửa chữa cách giải thích cứng nhắc về ơn gọi đặc biệt của dân tộc được chọn ! Bất kỳ người đàn ông nào cũng có thể gia nhập dân tộc này, miễn là ông có thể nói một cách chắc chắn : «Thiên Chúa của anh em sẽ là Thiên Chúa của tôi.» (R 1.16)

Cuốn sách này tuy rất ngắn nhưng đáng để đọc hết.

Giô-na

Mặc dù tác phẩm này được xếp vào loại sách ngôn sứ, nhưng thực chất nó là một *dụ ngôn* thuộc về các tác phẩm khôn ngoan. Giô-na đại diện cho dân Do Thái từ chối hiểu *sứ mệnh phổ quát* của họ. Được kêu gọi đến rao giảng ở Ninive, thành phố ngoại giáo thù địch, Giô-na đã từ chối yêu cầu của Thiên Chúa. Ông chạy trốn về phía tây. Nhưng điều này đã dẫn ông đến vực thẳm (đây chính là ý nghĩa của giai đoạn nổi tiếng cho thấy ông bị một con cá khổng lồ nuốt chửng) (Gn 2). Được Thiên Chúa giải cứu, cuối cùng ông quyết định rao giảng sự hoán cải cho thành phố tội lỗi này. Nhưng khi thành phố hoán cải, ông lại nổi loạn lần nữa. Từ chối ca ngợi lòng thương xót của Thiên Chúa, ông giam mình vào những vấn đề nhỏ nhặt. Qua ông, sự hẹp hòi của dân tộc được chọn, đối kỵ với các đặc quyền của mình, đã bị lên án.

Bằng cách trích dẫn Giô-na, Lu-ca sẽ cho thấy Chúa Giêsu là người đến để kêu gọi mọi người hoán cải (Lc 11.29). Mát-thêu cũng nhìn thấy trong câu chuyện cổ này hình ảnh về sự phục sinh của Chúa (Mt 16.4 ; 12.40).

Cuốn sách này tuy rất ngắn nhưng đáng để đọc hết.

Gióp

Cả Gióp và bạn bè của ông đều không được coi là người Do Thái. Các nhà văn Do Thái trong thời kỳ này thường mở lòng đón nhận nghiên cứu tôn giáo được thể hiện trong trí tuệ của các dân tộc khác. Điều này cũng đúng với Sách Châm ngôn.

Vấn đề lớn nhất mà con người gặp phải trong suốt cuộc đời, vấn đề vẫn luôn là rào cản lớn nhất đối với đức tin, chính là cái ác. Nếu Thiên Chúa tồn tại, tại sao Ngài lại để người vô tội phải chịu đau khổ ?

Do Thái đã nhiều lần vấp phải vấn đề này. Trong suốt lịch sử của mình, họ đã cố gắng đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau. Nhưng tất cả đều tỏ ra không đủ.

Sách Gióp là một bài thơ đồ sộ trong đó tác giả đặt câu hỏi về mọi khẳng định thần học truyền thống về cái ác. Nó cho thấy sự phù phiếm.

Gióp, người công chính, đã phải chịu đủ mọi tai họa. Bạn bè ông cố gắng thuyết phục ông rằng những gì đang xảy ra với ông chỉ có thể là đúng. Nhưng người đàn ông bất hạnh đã phá hỏng mọi lý lẽ của họ. Ông biết rằng mình không có tội, và thậm chí ông còn tự hỏi liệu Thiên Chúa có bất công không. Ông muốn gặp

Ngài để giải thích mọi chuyện cho Ngài.

Cuối cùng, Thiên Chúa lên tiếng : không phải để giải thích hay an ủi Gióp, mà chỉ đơn giản là hỏi ông: «Người lấy quyền gì mà đòi Ta giải thích ?» Sau đó, chấp nhận tình trạng của mình như một tạo vật, Gióp vẫn im lặng, không hiểu gì, nhưng tôn thờ Thiên Chúa (G 38.1-2 ; 42.1-6).

«Chỉ có Gióp nói tốt về Ta», Thiên Chúa phán. Do đó, cần nhớ rằng những lời giải thích tốt nhất về cái ác đều vô giá trị và chỉ còn lại lòng tin (G 42.7).

Vì vậy, vấn đề cái ác vẫn là một câu hỏi bỏ ngỏ. Sau đó, trên thập tự giá, Chúa Kitô đã trải nghiệm trọn vẹn bản chất tai tiếng của nó. Không đưa ra lời giải thích nào, Người chỉ khẳng định rằng có thể vượt qua nó bằng tình yêu và chiến thắng này là nguồn gốc của sự sống.

Trong cuốn sách rất dài này, chúng ta có thể đọc cụ thể :

- Các đoạn văn xuôi tạo thành khung của câu chuyện, ch. 1-2
- Gióp mô tả sự tuyệt vọng 3.6-7 ; 29-30
- Bài thơ về khôn ngoan, một thực tế mà con người không thể đạt tới, ch. 28
- Bài diễn văn của Elihu, ch. 33-34

- *Sự can thiệp của Thiên Chúa và trả lời của Gióp, 38.1-38 ; 42.1-10*

Sách Châm Ngôn

Tác phẩm này minh họa rõ ràng về văn học trí tuệ và sự phát triển của nó.

Nó bao gồm chín tập hợp các câu có nguồn gốc và hình thức khác nhau. Một số văn bản có thể có từ thời Vua **Salomon**, người cũng được cho là tác giả cuốn sách này. Bộ *suu tập các nhà hiền triết* có thể được so sánh với các văn bản tương tự của Ai Cập (Cn 22.17 - 24.22 ; 24.23-34). Có *hai bộ* được viết bởi các nhà hiền triết nước ngoài, cho thấy tư tưởng của Do Thái vẫn cởi mở như thế nào với các trào lưu tư tưởng thời bấy giờ (Cn 30.1-14 ; 31.1-9).

Bài học mà **Khôn ngoan** nhân cách hóa đưa ra vẫn khá thực tế : điều quan trọng là phải thành công trong cuộc sống hiện tại (Cn 8.12-36). Người ta hiểu rằng đức hạnh dẫn đến hạnh phúc và tệ nạn dẫn đến cái chết: một viễn tượng về những điều không đầy đủ được thể hiện rõ ràng trong sách Gióp. Như các nhà hiền triết Do Thái đã khẳng định, sự suy ngẫm chỉ dựa trên kinh nghiệm của con người không thể khám phá ra bí mật cuối cùng của cuộc sống.

Đọc cụ thể :

- Lời mở đầu, ch. 1-9

- Bức chân dung đẹp như tranh vẽ của một bà nội trợ hoàn hảo, ch. 31. Người ta có thể thu thập được một số câu không thể phân loại ở đây.

Các tác phẩm khôn ngoan thời Hy Lạp

Cô-he-lét, hay Giảng Viên

Đây quả thực là một cuốn sách kỳ lạ ! Có vẻ như đây không phải là tác phẩm của một người có đức tin mà là của một người hoài nghi, thất vọng với cuộc sống. «Phù vân, quả là phù vân. Phù vân, quả là phù vân. Tất cả chỉ là phù vân» (Gv 1.2) Hành động, chính trị, tình yêu, khoái lạc : tất cả chỉ là lời nói suông ! Điều quan trọng là phải có một cuộc sống nhỏ bé và bình lặng nhất có thể. Tất nhiên là có Thiên Chúa ! Điều quan trọng là phải tôn trọng Ngài. Nhưng Ngài ở rất xa và thế giới này thật vô lý.

Trên thực tế, cuốn sách này tích cực hơn nhiều so với những gì bạn thấy khi mới nhìn vào. Ông cười đồ. Ông xé tan ảo tưởng. Ông tố cáo những câu trả lời sai lầm mà con người hay đưa ra để trốn tránh những vấn đề khiến họ đau khổ và không biết phải phản ứng thế nào. Theo nghĩa này, nó quay trở lại với sự đặt câu hỏi

của con người. Bằng cách chỉ ra những ngõ cụt của trải nghiệm gắn liền với những góc nhìn hạn chế, nó buộc chúng ta phải sẵn sàng. Sẵn sàng cho điều gì ? Đáp lại Phúc Âm, các Kitô hữu hãy làm theo.

Tác giả tự giới thiệu mình dưới cái tên **Cô-he-lét** (người *thuyết giáo của cuộc họp*, hay **Giảng Viên**) và tự nhận mình là Salomon.

Chúng ta sẽ đọc cụ thể hơn :

- *Sự phù phiếm của cuộc sống, ch. 1*

- *Thời gian cho mọi thứ, 3.1-15*

- *Phù phiếm của sự giàu có, 5.9 - 6.12*

- *Hạnh phúc của người khôn ngoan, ch. 8*

- *Niềm vui cuộc sống như một món quà của Thiên Chúa, 11.7 - 12.14*

Điểm Ca của các điểm ca

Thật đáng ngạc nhiên khi tìm thấy trong Kinh Thánh bài thơ dài về tình yêu của con người, trong đó, ngoại trừ một ẩn dụ đơn giản, không hề đề cập đến Thiên Chúa (Dc 8.6). Nó mô tả bằng những từ ngữ rất nồng cháy niềm đam mê thúc đẩy hai người yêu nhau. Họ gặp nhau, lạc lối, tìm kiếm nhau, rồi lại tìm thấy nhau và cùng nhau đoàn tụ trong niềm vui. Còn có điều gì khác ở đây ngoài sự biểu lộ tuyệt vời của tình yêu khiêu

dâm ?

Văn bản này có lẽ đề cập đến một số bài hát được sáng tác cho đám cưới. Nhưng những điều này đã được sử dụng như biểu tượng đặc quyền cho mối quan hệ yêu thương kết hợp giữa Thiên Chúa và con người. Vì vậy, toàn bộ ý tưởng, đã có trong câu chuyện Sáng tạo, được duy trì và mở rộng, sau đó được một số ngôn sứ diễn đạt lại, theo đó tình yêu của người nam và người nữ là thực tại của con người, cho phép chúng ta thoáng thấy mối quan hệ với Thiên Chúa. Bằng cách khám phá ra nhau trong sự khác biệt nhưng cũng trong sự hỗ trợ hoàn hảo, hai thực thể mang lại ý nghĩa cho Sự sáng tạo thiêng liêng. Họ phản ánh chính Chúa. Đối với cả người Do Thái và Kitô hữu, bài thơ này đã tạo nên một loạt các tác phẩm thần bí. Đây chính là trường hợp trong tác phẩm của Thánh Gioan Thánh Giá.

Chúng ta sẽ đọc toàn bộ cuốn sách.

Tô-bi-a (*deutérocanonical*)

Sách này là một câu chuyện bổ ích có nội dung đề cập đến thời kỳ lưu đày. Sách ca ngợi những đức tính truyền thống của người công chính : Tô-bi-a, người vẫn trung thành với Lễ Luật thiêng liêng bất chấp lệnh cấm của các bậc thầy Babylon, đã bị mù. Vào cuối câu chuyện,

ông được chữa khỏi bệnh nhờ sự can thiệp kỳ diệu của thiên thần Raphael, người mà con trai ông là Tobias đã gặp trong chuyến du hành.

Sara, một cô gái trẻ đức hạnh, nhưng bị nguyên rủa bởi sự can thiệp của một con quỷ đáng sợ, cũng được giải thoát khỏi cái ác và có thể kết hôn với Tobias.

Như vậy có thể khẳng định rằng Thiên Chúa, mặc dù có vẻ xa cách, nhưng không bao giờ ngừng quan tâm đến con người. Cuối cùng Ngài đã đến giải thoát ông khỏi mọi tai ương.

Raphael có nghĩa «Thiên Chúa đã chữa lành».

Đọc :

- *Lời cầu nguyện của Tô-bi-a (3.1-6),*
- *của Sarah (3.11-15),*
- *của Sara và Tobias trong phòng tân hôn (ch. 8)*
- *và Tôbit được chữa lành (13.1-10).*

Trang đầu tiên của bản thảo Sách Tô-bi-a

(Kinh Thánh Souvigny - thế kỷ 12)

Ba cảnh tóm tắt câu chuyện : trong một chuyến đi, thiên thần Raphael ra lệnh cho Tô-bi-a moi ruột một con cá lớn và lấy mật và gan để làm thuốc (*Tb 6.5-8*). Đám cưới của Tobias và Sarah sau đó được tổ chức bởi Raguel, cha của cô gái trẻ. Bức tranh cuối cùng cho thấy cảnh Tobias trở về với cha mình là Tô-bi-a, phục hồi thị lực nhờ phương thuốc của thiên thần Raphael. Sau đó, thiên thần hiện ra (*ch. 11-12*).



Siracide, hay Sách Huấn Ca (*deuterocanonical*)

Tác phẩm này là bản dịch tiếng Do Thái sang tiếng Hy Lạp từ tác phẩm của ông nội ông được viết vào đầu thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên. Tựa đề *Sách Huấn Ca* có nghĩa là cuốn sách này có thể được đọc trong các buổi họp.

Vào thời điểm mà nhiều đồng hương của ông bị cám dỗ để bị ảnh hưởng bởi văn hóa Hy Lạp, **Sira** khôn ngoan muốn chứng minh rằng chỉ có đức tin vào Thiên Chúa mới có thể mang lại sự khôn ngoan thực sự và dẫn đến hạnh phúc.

Bộ sưu tập những cân nhắc về mặt đạo đức này phản ánh tâm lý của những người mà ngày nay chúng ta gọi là giai cấp tư sản ngoan đạo và sáng suốt, tin rằng, bất chấp mọi khó khăn của cuộc sống, mọi thứ đều ổn thỏa với những ai trung thành với Lễ Luật thiêng liêng. Nó chứa một số hình ảnh rất thú vị về phong tục.

Đọc cụ thể :

- Bài ca ngợi sự khôn ngoan, 1.11-20
- Miêu tả niềm vui của người tìm kiếm sự khôn ngoan, 4.11-19
- Miêu tả về sự khôn ngoan thiêng liêng, hiện diện trong trái tim thế giới, ch. 24

- *Ca ngợi sự sáng tạo (42.15 - 43.33) và «phòng trưng bày tổ tiên» (ch. 44 và tiếp theo).*

Chúng ta cũng có thể thu thập được một số suy ngẫm sâu sắc liên quan đến những hoàn cảnh khác nhau của cuộc sống hằng ngày.

9) Thời kỳ đàn áp và kháng cự

Sự chuyển đổi từ chế độ Ba Tư sang chế độ Hy Lạp ban đầu không mang lại thay đổi đáng kể nào cho cuộc sống của người Do Thái. Tình hình không còn như trước nữa khi những người kế vị Alexandre xa xôi tham gia vào cuộc đấu tranh chống lại nhau.

Năm 198, voi Syria đã đẩy lùi quân Ai Cập. Vua Séleucide, Antiochus III, giành lại Palestine từ tay kẻ bại trận.

Gia tộc Lagides rất khoan dung. Người Séleucidd có ý định áp đặt văn hóa Hy Lạp bằng vũ lực lên toàn thể thần dân của họ.

Năm 167, Antiochus IV đã bãi bỏ các đặc quyền dành cho người Do Thái. Ông cấm ngày Sa-bát và việc cắt bì, và lập ra trong Đền thờ «sự gớm ghiếc tàn phá» : một bức tượng của thần Zeus (Đn 11.31 ; Mt 24.15). Dân Chúa bị chia rẽ. Có những người cộng tác chấp nhận sự Hy Lạp hóa. Có những người tin rằng trước tiên Do Thái phải được xây dựng lại trên nền tảng tâm linh : họ ủng hộ sự phản kháng thụ động. (Họ sẽ thành lập giáo phái *Pharisêu*.) Cuối cùng, có những người ủng hộ cuộc nổi loạn có vũ trang : một tư tế đi vào chiến khu cùng năm người con trai của mình. Một trong số

họ, **Judas**, còn được gọi là **Martel** (hoặc **Maccabée**), sẽ đặt biệt danh cho gia đình. Ông đã giải phóng được Giêrusalem. Vào ngày 15 tháng 12 năm 164, việc thờ phượng đã được tái lập tại Đền thờ. (*Lễ Cung hiến* của người Do Thái sẽ kỷ niệm sự kiện này.) Những người anh em của ông, những người kế vị ông, đã thành lập triều đại Maccabées hoặc *triều đại asmonéenne*.

Lòng dũng cảm bất khuất của những người phản kháng thật không may sẽ nhanh chóng trở thành bạo chúa. Những người kế vị Judas được các vua Séleucides bổ nhiệm làm thầy tế thượng phẩm và thậm chí còn ra tay đàn áp dữ dội những người Do Thái trung thành.

Vào năm 63, người Do Thái chia rẽ và yêu cầu Rome trọng tài. **Pompée** đứng về phía một phe và đến bao vây Giê-ru-sa-lem. Sự độc lập chỉ kéo dài trong một thời gian ngắn. Từ đó trở đi, đất nước này nằm dưới sự *thống trị của La Mã*, sau đó là *Byzantine*, và chịu sự thống trị này cho đến thế kỷ thứ 7 sau Công nguyên, thời điểm diễn ra cuộc xâm lược của người Ả Rập.

Văn học Kinh Thánh trong thời kỳ này phản ánh những thái độ khác nhau của người Do Thái khi đối đầu với chủ nghĩa Hy Lạp.

Văn học kháng chiến vũ trang - Sách Ma-ca-bê 1 (*Deuterocanonical*)

Vào khoảng năm 100, một nhà văn bắt đầu kể lại sử thi về **Judas Maccabée** và hai người anh em của ông, **Jonathan** và **Simon**. Ông cho rằng cuộc đấu tranh của những người anh hùng này là sự tiếp nối của cuộc thánh chiến diễn ra vào thời các Thủ Lãnh và các Vua. Gia tộc Maccabées là những người bảo vệ thực sự của Lễ Luật và «Thiên đường» chiến đấu cùng họ. Chủ nghĩa Hy Lạp là hoàn toàn xấu xa. Những kẻ lập giao ước với hấn đều là kẻ phản bội. Người thật sự trung thành sẽ khẳng định mình trong thử thách.

Chúng ta sẽ đọc cụ thể hơn ch. 1-4.

Sách Giu-đi-tha (*Deuterocanonical*) và Sách Êt-te (*một phần Deuterocanonical*)

Hai câu chuyện hư cấu ngắn mang tính lịch sử giúp duy trì sự nhiệt tình của những người ủng hộ cuộc đấu tranh bạo lực chống lại những kẻ đàn áp. Hai nhân vật chính là hai người phụ nữ : nhờ tài năng của mình, họ đã ngăn chặn được thảm họa sắp xảy ra với Do Thái. Nhưng điều được nhấn mạnh rõ ràng là họ chỉ là công cụ của Thiên Chúa : chính Ngài là Đấng hành động và cứu rỗi. Vì mục đích này, ông sử dụng những sinh vật

được coi là yếu nhất. Nếu Thiên Chúa đã hành động như vậy trong quá khứ, thì mọi hy vọng đều có thể có vào ngày mai. Bạn chỉ cần tự tin hướng về Ngài.

Trong sách Giu-đi-tha, hãy đọc đặc biệt bài diễn văn của Achior (5.5-21), diễn văn của Giu-đi-tha (8.11-27) và lời cầu nguyện (9.2-14).

Đọc toàn bộ Sách É-t-te cho đến chương 9.

Văn học kháng cự tinh thần - Sách Ma-ca-bê 2 *(Deuterocanonical)*

Đây là bản tóm tắt của tác phẩm gồm năm tập được viết bởi **Jason xứ Cyrène**, một học giả sống ở Hy Lạp. Tác giả, một người rất sùng đạo, thường xuyên nhắc đến Thiên Chúa mà ông liên hệ đến trong các sự kiện của con người. Trong bài viết của mình, đôi khi mang hình thức của một bài giảng hơn là một tường thuật lịch sử, ông cho thấy cách Thiên Chúa trừng phạt những kẻ ngược đãi. Những đau khổ của những người công chính bị tử đạo có một ý nghĩa : họ xứng đáng được hòa giải với Thiên Chúa. Ông khẳng định rõ ràng niềm tin của mình vào sự phục sinh sau khi chết. Ông kèm theo cuốn sách của mình hai lá thư gửi đến các cộng đồng Do Thái được thành lập tại Hy Lạp.

Đọc đặc biệt ch. 10

Sách Đa-ni-en

Khoảng năm 164 trước Công nguyên, trong khi cuộc đàn áp đang trở nên dữ dội, một tác phẩm đã xuất hiện được cho là do tiên tri Đa-ni-en viết vào thời kỳ lưu đày ở Babylon. Khi ông mô tả dưới hình thức tượng trưng những sự kiện mà chúng ta đang trải qua, và khi ông thông báo về sự giải cứu sắp xảy ra, thông điệp của ông được đón nhận với niềm vui. Đây là cuốn sách của hy vọng.

Cuốn sách bao gồm hai thể loại văn bản rất khác nhau.

- Những **câu chuyện đạo đức** (haggadas, theo cách gọi của người Do Thái)

Ch. 1-6 và tiếng Đa-ni-en Hy Lạp (*Deuterocanonical*) 13-14

Tại triều đình của vua Babylon, Đa-ni-en và các bạn đồng hành đã thoát khỏi sự tra tấn một cách kỳ diệu (Đn 2 ;4 ; 5). Đa-ni-en cho thấy mình có khả năng giải thích giấc mơ của Nabuchodonosor và Khải tượng của Balthazar và mạnh dạn tuyên bố rằng Thiên Chúa, chủ nhân của lịch sử, sẽ sớm trừng phạt những kẻ ngược đãi.

Suzanne, một người phụ nữ đức hạnh (biểu tượng của Do Thái) bị hai ông già dâm dăng (biểu tượng của những kẻ cộng tác với kẻ thù) vu cáo. Nhưng sự can thiệp của Đa-ni-en khiến những người buộc tội bối rối và phải chịu trừng phạt. (Câu chuyện này, chỉ được biết đến trong phiên bản tiếng Hy Lạp, là câu chuyện thứ kinh điển.) (Đn Hy Lạp 13)

• Ngày tận thế

Ch. 7-12

Khải huyền là những tác phẩm văn học nhằm mục đích khôi phục lại hy vọng trong thời điểm cực kỳ khó khăn bằng cách «phơi bày mặt trái của những lá bài». Thông qua những mô tả mang tính biểu tượng, họ nhấn mạnh rằng các sự kiện hữu hình chỉ là biểu hiện bên ngoài của một thực tế cơ bản hơn: một trận chiến không lồ giữa Thiên Chúa và các thế lực xấu xa. Vào cuối cuộc chiến, Thiên Chúa chiến thắng một cách chắc chắn và những ai trung thành với Ngài sẽ bước vào vinh quang.

Vì vậy, những Khải tượng của Đa-ni-en, được giải mã thông qua sự can thiệp của một thiên thần, cho phép người đọc kết luận với sự tin chắc rằng, chẳng bao lâu nữa, Thiên Chúa sẽ chiến thắng kẻ ác nhờ sự can thiệp của một *Người Con* của Ngài ngự trên mây trời mà đến

(Đn 7.13-14).

Sách haggadas rất dễ đọc (đọc ch. 1-3 và 5-6). Trong ngày tận thế, hãy đọc đặc biệt là ch. 7 và 12.

Các tác phẩm đương đại khác - Sách Ba-rúc
(*Deuterocanonical*)

Sách này không được viết trong bối cảnh bị đàn áp. Nhưng giống như những tác phẩm trước, tác phẩm này chứng minh cho kỳ vọng tâm linh của một cộng đồng Do Thái lạc lõng trong thế giới ngoại giáo thống trị. Trên thực tế, nó xuất phát từ một nhóm người Do Thái vẫn ở lại Babylon sau cuộc lưu đày, nhưng vẫn giữ liên lạc chặt chẽ với anh em ở Giê-ru-sa-lem.

Ba-rúc, *thư ký* của Giê-rê-mi-a, chỉ là người được đề cử. Cuốn sách thực sự ra đời rất muộn.

Ban đầu, phần mở đầu mô tả một cuộc họp tôn giáo ở Babylon. Trong thời gian này, lời thú tội sám hối sẽ nhắc nhở mọi người về tội lỗi của mình và cầu xin sự giúp đỡ của Chúa. Bài thánh ca về sự Khôn ngoan sau đó mời gọi Do Thái tìm kiếm nó trong Torah (Br 3.15 - 4.4). Cuối cùng, một bài phát biểu theo phong cách ngôn sứ khẳng định sự giải cứu sắp đến : Giê-ru-sa-lem sẽ tìm lại được những đứa con bị phân tán của mình (Br

4.9 - 5.9).

Đọc : 3.32 - 4.4

Bức thư của Giê-rê-mi-a, đính kèm trong tác phẩm này, cũng là một tác phẩm viết muộn được cho là của ngôn sứ. Nó chứa đựng những lời châm biếm đầy màu sắc về các giáo phái ngoại giáo phổ biến.

Một tác phẩm thể hiện sự cởi mở với thế giới Hy Lạp : Sách Khôn Ngoan (*deuterocanonical*)

Vào khoảng giữa thế kỷ thứ 1 trước Công nguyên, có thể là vào thời kỳ La Mã cai trị, thuộc địa Do Thái ở Alexandrie, Ai Cập đã trở nên quan trọng. Thời kỳ xung đột dữ dội với nền văn minh Hy Lạp đã kết thúc. Hai thế giới đối lập dữ dội ngày hôm qua giờ đây cùng tồn tại.

Đối mặt với một tư tưởng trí thức rất phong phú nhưng lại xa lạ với đức tin của người Do Thái, một người Do Thái có học thức sẽ bảo vệ đức tin của mình theo cách khiến công chúng yêu chân lý ngưỡng mộ.

Tác giả phát triển ba ý tưởng chính :

- Sự thành công thực sự của con người là sự thành công của người công chính được kêu gọi sống đời đời (Kn 1-5).

- Khôn ngoan là một thực tại bí ẩn ẩn sâu trong lòng thế giới và mang lại ý nghĩa cho thế giới. Khôn ngoan sẽ hiện ra với những ai hết lòng tìm kiếm. Trong khi lấy cảm hứng từ ý tưởng của người Hy Lạp về một lý do nội tại trong Vũ trụ, tác giả nhấn mạnh vào việc chỉ ra cách thức trí tuệ này liên quan đến cả trái tim cũng như trí thông minh (Kn 6-10).

- Câu chuyện xưa về cuộc Xuất hành và tiến vào Đất Hứa minh họa cho tác động của sự khôn ngoan này và ảo tưởng của những người không nhận ra nó (Kn 11.4-14 ; 16-19).

Nhưng cuốn sách này cũng có sức hấp dẫn to lớn khi thể hiện một cách nhìn mới về mối quan hệ của Do Thái với thế giới. Lời kêu gọi thiêng liêng mang tính phổ quát. Việc bầu chọn dân Chúa là một *sứ mệnh*, hơn là một đặc ân. Dân được chọn được kêu gọi làm chứng nhân của Chúa giữa muôn dân.

Tác phẩm này có ảnh hưởng đáng kể đến những người Kitô hữu đầu tiên. Khi nói về Chúa Giêsu Người là Ngôi Lời của Thiên Chúa, là Đấng Tạo Hóa của Vũ Trụ, Thánh Gioan đã khuếch đại một ý tưởng chính của cuốn sách này.

Chúng ta sẽ đọc cụ thể hơn :

- Về người công chính, chương 1-2 ; 5.1-6
- Về sự khôn ngoan, 7.22 - 8.1
- Về tình yêu Thiên Chúa, 11.21 - 12.1 ; 12.15-22.

Bài giảng chống lại thần tượng và việc thờ thần tượng : Thư của Giê-rê-mi-a (*deuterocanonical*) hoặc Ba-rúc 6

Bức thư này (không nên nhầm lẫn với Bức thư gửi những người bị giam cầm trong Gr 29 !) là một lời châm biếm về sự trỗi dậy của các giáo phái thờ ngẫu tượng ở Babylon, có thể là vào thời của người Maccabées. Dựa nhiều vào các chủ đề được phát triển bởi các ngôn sứ tên tuổi, bài giảng này liệt kê một loạt các lập luận chống lại thực tế của các thần tượng, mỗi lần được nhấn mạnh bằng những từ «đừng sợ chúng», hoặc «rõ ràng chúng không phải là thần». Văn bản đầu tiên có lẽ được viết bằng tiếng Do Thái, nhưng chúng ta chỉ có văn bản tiếng Hy Lạp (Is 44.9-20 ; Gr 10.1-16).

Cuốn sách nhỏ này rất ngắn, có thể đọc toàn bộ.

10) Kho tàng của các Thánh Vịnh hay tóm tắt về đời sống tâm linh của Do Thái trong suốt chiều dài lịch sử

Phần đầu của «hướng dẫn» này, chúng tôi đã trình bày Kinh Thánh như một sự suy ngẫm về câu chuyện tình yêu giữa một dân tộc và Thiên Chúa của họ.

Chúng tôi theo dõi những diễn biến của câu chuyện này. Sinh ra từ một liên minh, từ một lời hứa, nó được tạo nên từ những cuộc gặp gỡ và hiểu lầm, từ những cuộc cãi vã và hòa giải.

Trong suốt các văn bản tiên tri, chúng ta đã nghe lời kêu gọi dân Do Thái trở về với Chúa của họ.

Chúng ta vẫn phải khám phá xem dân tộc được chọn đã trải qua tình huống bi thảm này như thế nào. Để làm điều này, chúng ta cần mở sách *Thánh Vịnh*.

Thánh Vịnh : những lời cầu nguyện xuất phát từ kinh nghiệm sống

Giữa hai người yêu nhau, cuộc đối thoại liên tục diễn ra, được nuôi dưỡng bằng những sự kiện hàng ngày. Đây là những điều cho phép những sinh vật này làm sâu

sắc thêm cuộc gặp gỡ của họ. Cũng như dân Do Thái trước mặt Thiên Chúa của họ.

Những ghi chép lịch sử đã chứa đựng những bài thánh ca xuất hiện một cách tự phát sau những sự kiện quan trọng: tiếng reo vui sau khi vượt qua Biển Đỏ, bài thánh ca của Déborah vào ngày sau chiến thắng, bài thánh ca của mẹ Sa-mu-en (Xh 15 ; Tl 5 ; 1 Sm 2.1-11). Tất cả những văn bản này cho chúng ta cảm nhận của những người có đức tin khi phải đối mặt với những trải nghiệm cơ bản.

Sách Thánh Vịnh không gì khác hơn là tập hợp có hệ thống các văn bản như vậy được sáng tác trong suốt chiều dài lịch sử của Do Thái. Hơn bất kỳ sách nào khác, sách này cho phép chúng ta hiểu được đời sống tâm linh của những người sống vì Chúa như thế nào.

Một quyển sách liên tục lặp lại qua nhiều thời đại

Chúng ta đọc một Thánh Vịnh của Đa-vít ở phần đầu của một số Thánh Vịnh. Ngoài ra còn có những tên khác, bao gồm tên của Moïses và Salomon. Vấn đề thực ra phức tạp hơn thế. Theo quan điểm của người Do Thái, những anh hùng trong quá khứ này đại diện cho toàn thể dân tộc. Khi đặt tên cho họ, thực ra người ta đang đề cập đến toàn bộ cộng đồng. Đa-vít chắc chắn đã

đóng vai trò quyết định trong việc tạo ra truyền thống phụng vụ. Do đó, người ta không chút do dự khi cho rằng một số văn bản của ông có thể ra đời sau ông rất nhiều, nhưng người ta cho rằng chúng «thuộc dòng dõi của ông».

Những bài hát cổ này cũng có thể được cải biên lại để phù hợp với hoàn cảnh mới. Sau đó, chúng mất đi mối liên hệ trực tiếp với sự kiện đã tạo ra chúng để có được ý nghĩa rộng hơn. Cuối cùng, sự quan tâm của họ chủ yếu xuất phát từ thực tế là họ vượt ra ngoài một tình huống cụ thể để đề cập đến những tình huống điển hình và do đó luôn luôn hiện tại của con người.

Vì vậy, tên tác giả có đúng hay không cũng không quan trọng. Điều có vẻ chắc chắn là bộ sưu tập của chúng ta đã có hình dạng hoàn chỉnh vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên. Trong thời kỳ này của đời sống phụng vụ mãnh liệt tập trung vào Đền thờ, *những người chép sử* đã tụ họp và sắp xếp các bộ sưu tập hiện có theo thứ tự.

Trang đầu tiên của sách Thánh Vịnh

(Kinh Thánh Augsburg - 1466)

Chữ cái đầu tượng trưng cho Vua Đa-vít đang ngồi tại bàn viết của mình.



Sự đa dạng cho phép thể hiện nhiều loại cảm xúc tôn giáo khác nhau

Các Thánh Vịnh có nhiều hình thức rất đa dạng :

- Có những tiếng reo hò **ngưỡng mộ**. Người viết thánh vịnh hài lòng khi *ngợi khen* Thiên Chúa vì sự sáng tạo của Ngài (104), vì hành động của Ngài trong Lịch sử (105).

- Có những lời cầu nguyện **khẩn cầu**, đôi khi là tập thể, thường là cá nhân (3 ; 5 ; 13 ; 22 ; 25 ; 44 ; 102 ; 130). Đối mặt với nguy hiểm của kẻ thù, người có đức tin tuyên bố lương tâm trong sáng của mình hoặc ngược lại, thú nhận lỗi lầm của mình. (So sánh các thánh vịnh *sám hối* : 6 ; 32 ; 38 ; 51 ; 102 ; 130 ; 143).

Trong một số trường hợp, người ta cầu xin Thiên Chúa đến để báo thù. Trong những trường hợp khác, họ cầu xin Ngài khôi phục lại công lý : họ mong muốn một thế giới mới, nơi mọi người có thể sống trong hòa bình. Đây chính là điều mà người nghèo đặc biệt cầu xin, những người đã đạt đến trạng thái khiêm nhường và bình an cho phép họ trông cậy vào Thiên Chúa. Họ không còn chờ đợi sự cứu rỗi nữa. (So sánh 9 ; 10 ; 18 ; 25 ; 34 ; 37 ; 69 ; 86 và đặc biệt là Thánh Vịnh 22 đáng ngưỡng mộ).

- Có những lời cầu nguyện **tạ ơn** : công chúng được mời tham gia vào lời ngợi khen thần thánh (66 ; 117 ; 118).

- Có những **bài hát hoàng gia** : những bài hát tôn vinh Thiên Chúa - vua (47 ; 93-99). Những người tôn vinh Đa-vít và dòng dõi của ông (2 ; 20 ; 21 ; 45 ; 89 ; 110 ; 132). Kể từ lời ngôn sứ của Natan, hoàng gia thực sự có ý nghĩa tôn giáo. Hát bài này là để tôn vinh lời hứa của Chúa.

- Có những bài hát công bố và mừng **Ngày của Thiên Chúa**, ngày mà quyền năng của Ngài sẽ được biểu lộ (12.6 ; 21.10 ; 37.1 ; 75 ; 82).

- Có những bài thánh ca tôn vinh **Sion**, nghĩa là tôn vinh Giê-ru-sa-lem. Xa khỏi Thành Thánh, người ta bị lạc lối (giống như người Lê-vi trong Thánh Vịnh 137). Khi đến đó trong cuộc hành hương, người ta sẽ vui mừng, vì sẽ sớm được gặp Chúa trong Đền thờ của Ngài (122 ; 126).

- Cuối cùng, có những lời cầu nguyện là cách **giảng dạy** gián tiếp. Lễ Luật được hát (25 ; 34 ; 111 ; 119). Chúng ta nhớ lại sự công chính và lòng nhân từ của Chúa (145). Chúng ta suy ngẫm về vấn đề báo ứng của thiện và ác (37 ; 73 ; 112).

Đôi khi chúng ta nói đến các **Thánh Vịnh về Đấng Messia**. Đúng là một số lời cầu nguyện trực tiếp bày tỏ sự mong đợi của sứ giả của Chúa (2 ; 110). Nhưng chiều kích cứu thế cũng hiện hữu trong các thánh vịnh của vua và trong các thánh vịnh tôn vinh Sion. Nó đặc biệt nằm ở trọng tâm trong kỳ vọng của *người nghèo*.

Thông qua sự đa dạng của các Thánh Vịnh, một động lực tâm linh sâu sắc hơn

Trước sự đa dạng của các văn bản như vậy, người ta có thể có xu hướng coi Thánh Vịnh là một tập hợp những lời cầu nguyện không liên quan. Trên thực tế, mỗi thánh vịnh phải được hiểu là sự biểu hiện của một đức tin độc đáo được thể hiện qua nhiều cảm xúc khác nhau.

Người ta có thể coi rằng toàn bộ cấu thành nên biểu hiện của sự tiến hóa tâm linh trải dài qua nhiều thế kỷ.

Thoạt đầu, mọi thứ có vẻ rõ ràng : trong cuộc sống, chỉ có hai con đường. Con đường đầu tiên, sự quy phục Thiên Chúa sẽ dẫn đến hạnh phúc. Con đường thứ hai, sự nổi loạn sẽ dẫn đến cái chết.

Toàn bộ lịch sử thế giới khi đó xuất hiện như là kết quả của sự chia rẽ giữa những người ủng hộ một lựa

chọn này và những người ủng hộ lựa chọn kia.

Kẻ phản diện có thể là kẻ thù quốc gia hoặc đơn giản hơn là một nhân vật mà chúng ta phải đối mặt, một người, bằng cách sống của mình, tìm cách làm cho những người chính nghĩa rời khỏi con đường đúng đắn. Ở mức độ nghiêm trọng hơn, nó thậm chí có thể xuất hiện như một kẻ thù nội tại của những người có đức tin. Do đó, cuộc chiến chống lại hắn có thể diễn ra dưới hình thức chiến tranh cũng như đấu tranh tinh thần. Người công chính là người mở lòng mình ra với Thiên Chúa. Ông hướng về phía Đền thờ, dâng lễ vật hy sinh đích thực. Ông quan tâm đến người dân của mình.

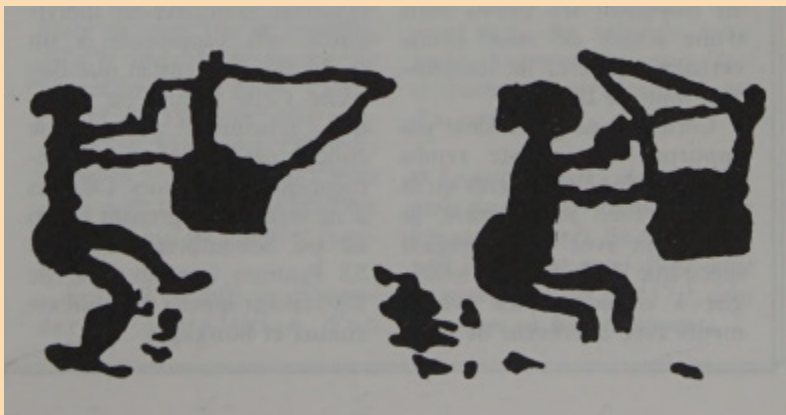
Lúc đầu, hạnh phúc mà ông mong đợi vẫn là hạnh phúc vật chất. Chính sự sở hữu đất đai một cách yên bình, sự sung túc, một gia đình đảm bảo cho ông một tương lai. Nhưng dần dần, những người có đức tin sẽ khám phá ra rằng hạnh phúc thực sự sâu sắc hơn. Việc thực hiện Lễ Luật tự nó đã là thành công cuối cùng.

Đồng thời, những người có đức tin có thể tiếp cận với một cách mới để nhận thức về người khác. Mong muốn trả thù kẻ thù của ông nhường chỗ cho kỳ vọng về sự hoán cải của các dân tộc. Một ngày nào đó, Thiên Chúa sẽ đến để hoán cải và quy tụ toàn thể nhân loại : những người công chính sẽ biết được hạnh phúc đích thực.

Nhưng có một câu hỏi luôn được đặt ra : tại sao kẻ thù của Thiên Chúa lại thành công và người công chính lại gặp khó khăn ? Thoạt đầu, tình huống này có vẻ khó giải thích. Người viết thánh vịnh kêu lên sự vô tội của mình và đòi công lý. Nhưng dần dần, ông nhận ra rằng chính ông cũng như những người mà ông liên đới đều là tội nhân. Nhưng nếu ông tự sửa mình, liệu ông có được giải thoát khỏi điều ác không ?

Hai người chơi đàn lia

Trên đá khắc ở Negev (thiên niên kỷ thứ 2 trước Công nguyên).



Một số Thánh Vịnh sau đó bày tỏ hy vọng về sự đảo ngược tình hình một cách tàn bạo để khôi phục lại trật tự thế giới trước khi quá muộn và người công chính phải chết. Sau đó, ý tưởng này dần dần phát triển. Khi

đó, người tin Thiên Chúa chỉ cần bày tỏ lòng tin của mình vào Thiên Chúa. Một ngày nào đó, Ngài sẽ tái lập triều đại của mình. Có lẽ người ta có thể bị cám dỗ bởi sự tuyệt vọng. Nhưng niềm tin chắc chắn rằng cuối cùng Thiên Chúa sẽ tái tạo một thế giới hòa bình và công lý vẫn còn chiếm ưu thế.

Làm sao điều này có thể xảy ra khi lời kêu cầu trong Thánh Vịnh 22 thường vang lên trên môi chúng ta : «Lạy Chúa, sao Ngài bỏ rơi con ?» Sách Thánh Vịnh không đưa ra câu trả lời cho câu hỏi đau lòng này, đó là câu hỏi của toàn thể nhân loại. Phải đến khi có sự ra đời của TÂN ƯỚC thì mới mang đến ánh sáng mới soi sáng thế giới.

KIỂM TRA BẠN CÓ HIỂU ĐÚNG KHÔNG

- *Bạn có thể giải thích Thánh Vịnh là gì không ?*

Kiểu viết này vẫn còn được sử dụng cho đến ngày nay : nhưng người ta thường gọi nó bằng tên gì?

- *Bạn sẽ nhớ rằng các Thánh Vịnh thuộc nhiều thể loại khác nhau. Bạn có thể liệt kê một số trong số đó không ?*

- *Các Thánh Vịnh thường nhắc đến kẻ thù. Ngày nay chúng ta có thể tiếp nhận những ám chỉ này như thế*

nào?

HÃY TỰ SUY NGHĨ

• Các Thánh Vịnh phản ánh những tình huống cụ thể mà mỗi cá nhân trải qua. Sau đó, cộng đồng Đền thờ thứ hai đã tiếp quản chúng và đưa vào bộ sưu tập của mình.

Ví dụ, khi đọc Thánh Vịnh 23, 25, 121, 139, bạn có thấy mình khác biệt so với tác giả đầu tiên của các bài thơ này không ?

• Bạn đã nghĩ rằng bạn cũng có thể viết lời cầu nguyện vui mừng, khẩn cầu, ngợi khen, ... để tăng thêm sức mạnh và sự chân thật cho lời cầu nguyện đó chưa ?

Về việc sử dụng các THÁNH VỊNH trong PHỤNG VỤ CỦA ĐỀN THỜ

Như bài Huấn ca của Myriam (Xh 15) hay của Débora (Thủ Lãnh 5), Thánh Vịnh kể và hát về sự thi đức tin. Chúng vừa là kỷ niệm vừa là sự tôn vinh. Chúng đánh dấu những điểm nổi bật của hành động cứu rỗi. Theo một cách nào đó, chúng tóm tắt toàn bộ Kinh Thánh.

Chắc chắn là họ không tuyên bố cung cấp một bản tường trình khách quan về các sự kiện mà họ kể lại. Ngược lại, họ mang theo quan điểm cụ thể của đức tin, dạy chúng ta xem xét các sự kiện với lòng nhiệt thành của những người cảm thấy mình là một phần trong việc hiện thực hóa một thiết kế vĩ đại : ở đây, là kế hoạch cứu rỗi của Thiên Chúa.

Do đó, Thánh Vịnh tạo nên một cách đọc nhất định về Lịch sử tập thể và cá nhân, tương tự như một tín điều, được trích dẫn và đọc lên. Bài đọc này là công khai. Người xưa không nghĩ ra cách đọc nào khác ngoài việc đọc thành tiếng. Do đó, sẽ không có gì ngạc nhiên khi có ít nhất 53 Thánh Vịnh (trong tổng số 150 Thánh Vịnh) được xác định có liên quan đến bối cảnh tôn giáo và phụng vụ.

Sự thật này được chứng minh bằng một yếu tố khác, đó là *âm nhạc*. Trên thực tế, từ «Psalm» dịch một thành ngữ có nghĩa là một bài hát có nhạc cụ dây đệm. Điều này đặt Thánh Vịnh vào một thể loại rõ ràng khác biệt với toàn bộ các bài đọc công khai của Kinh Thánh. Bởi vì, nếu có khả năng là chính Torah đã trải qua một bài đọc «thánh ca» (hát) khi trở về từ Cuộc lưu đày, thì về phần mình, các Thánh vịnh đòi hỏi sự phục vụ của những người có trình độ, không chỉ cho việc đọc thánh

ca mà còn cho việc «chạm» vào các nhạc cụ.

Sự tồn tại của những nhân sự này được chứng thực theo nhiều cách khác nhau.

«Lạy Chúa Trời, xin dâng Chúa một bài ca mới, thập huyền cầm, con gảy đôi cung» Tv 144.9.

«Thức dậy đi, hỡi đàn sắt đàn cầm, tôi còn đánh thức cả bình minh» Tv 108.3.

Người chơi Kinnor

từ một bức vẽ được tìm thấy ở Ur (Mésopotamie) trong một ngôi mộ từ thiên niên kỷ thứ 3 trước Công nguyên.



Theo chính Kinh Thánh, trước hết, khi đề cập đến, dưới ngòi bút của Sử Biên, những ca sĩ được thực hiện và những người có kỹ năng biểu diễn ca hát hoặc nhạc cụ (1 Sb 25.6-7).

Nhưng chúng ta cũng có bằng chứng từ bên ngoài Kinh Thánh. Ví dụ, *Lăng kính nổi tiếng của Sennachérib* kể lại chiến dịch của vị vua Assyria này chống lại Giu-đa và đề cập đến, trong số những món quà nhận được từ vua Ezéchias, «có nhạc sĩ nam và nữ» (năm 701 trước Công nguyên).

Cần phải nhắc đến một nhóm ca sĩ nổi tiếng trong Kinh Thánh, «các con trai của Coré». Sự hiện hữu của họ được chứng thực bằng một chữ viết tay (thật ra là bản gốc !), được tìm thấy tại khu bảo tồn của tỉnh Arad, cách Giê-ru-sa-lem 60 km về phía nam, và có niên đại vào cùng thời kỳ.

Tuy nhiên, chúng ta có nên cất giữ sách Thánh Vịnh trong Đền thờ Jerusalem không ? Chắc chắn là không. Bởi vì ví dụ này đến với chúng ta từ trên cao. Trên thực tế, chúng ta đọc trong tường thuật về cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu Kitô rằng sau khi «Hát thánh vịnh xong, Đức Giê-su và các môn đệ ra núi Ô-liu» (Mt 26,30 ; Mc 14,26). Chúa Giêsu và các môn đệ vừa cử hành lễ Vượt Qua, đây là lễ mừng của gia đình...

Cuối cùng, thật khó để tưởng tượng thành phần của một Thánh vịnh khác với tác phẩm của một người viết thơ và sáng tác giai điệu trong khi tự đệm đàn ghi-ta ⁵ : lúc đầu, lời cầu nguyện và ngợi khen trong Thánh Vịnh được nảy sinh trong lòng người tin Thiên Chúa. Phụng vụ thờ phượng, thông qua việc thu thập các tác phẩm nghệ thuật và tác phẩm thần học này, sẽ đóng vai trò là phương tiện để chúng tiếp cận các tín đồ và cộng đồng ngày nay.

5 Từ «guitare» thực ra bắt nguồn từ «cithare» (đàn nebel hay đàn kinnor trong *Kinh Thánh* ?). Trong mọi trường hợp, một nhạc cụ nhỏ được trang bị hộp âm thanh (xem Tv 137.2, trong phiên bản tiếng Pháp hiện tại).



Bê-lem

TÂN ƯỚC

- 1 Các sách Tin Mừng và Công Vụ Tông Đồ
- 2 Thư của Thánh Phao-lô và Thư gửi tín hữu Do Thái
- 3 Các Thư được gọi là «Công giáo»
- 4 Sách Khải Huyền hay sự Tiết lộ



Sự hình thành của Tân Ước

Với TÂN ƯỚC, Kinh Thánh trở thành Kinh Thánh của Thiên Chúa giáo. Sự kiện cốt yếu phân biệt nó với Cựu Ước là vị trí nổi bật của một **Chúa Giêsu thành Nazareth**, nơi Người mà dân chúng tin nhận ra Vua đã hứa : **Đấng Messiah, Đấng Kitô** của các Kitô hữu.

Do đó, hiểu Tân Ước có nghĩa là hiểu và khám phá Chúa Giêsu có biệt danh là Kitô là ai. Cách tốt nhất để đạt được điều này là đọc một trong bốn tập sách nhỏ được gọi là *Tin Mừng*, nằm ngay ở phần đầu của Tân Ước để mời bạn khám phá điều này. Chúng tôi thường bắt đầu với cái ngắn nhất trong số chúng : Mác-cô.

Tuy nhiên, rất có thể là nhanh chóng mọi người sẽ tự hỏi những sách Tin Mừng này đến từ đâu, ai đã viết chúng và họ lấy đâu ra sự đảm bảo bình tĩnh khi khẳng định rằng **Chúa Giêsu là Con Thiên Chúa**.

Một cái nhìn thoáng qua bảng niên đại của Kinh Thánh sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về điểm này. Chúng ta sẽ thấy rằng, trái với niềm tin phổ biến, Tin Mừng không phải là tác phẩm đầu tiên của Tân Ước. Chúng ta sẽ thấy rằng chúng chính là kết quả và đỉnh cao. Đây cũng là lý do tại sao chúng được đặt ở đầu bộ sưu tập.

Đề hiểu được sự hình thành của Tân Ước, chúng ta phải bắt đầu với một sự kiện hoàn toàn phi thường đã khởi đầu mọi thứ : *Lễ Ngũ Tuần* đầu tiên của Kitô giáo. Thánh Lu-ca đã kể lại rất sống động về điều này ở phần đầu sách Công Vụ Tông đồ. Người ta biết được nhóm nhỏ các tông đồ, vốn khá bối rối sau khi Chúa Giêsu biến mất, đột nhiên tìm thấy lòng can đảm và hiệu quả trong việc truyền đạt cho đám đông đức tin của họ vào Chúa Kitô phục sinh, thông điệp cơ bản của lời rao giảng của các tông đồ. Và chúng ta thấy một cộng đồng gần 3.000 người đã đến cùng các tông đồ vào ngày hôm đó tại Giê-ru-sa-lem.

Tân Ước là ký ức của cộng đồng này.

Những lời của Chúa Giêsu

Chắc chắn, trong những ngày đầu, ký ức về Chúa Giê-su vẫn còn đủ sống động để có thể truyền đạt thông điệp của Thiên Chúa mà không cần bất kỳ sự hỗ trợ bằng văn bản nào. Những người chứng kiến luôn bắt đầu bằng việc nói mà không cần ghi chép. Nhưng khi trải nghiệm đó phai nhạt dần, họ cân nhắc đến việc viết ra những ký ức của mình.

Tin Mừng cũng không ngoại lệ với quy luật này. Chúng ta biết rằng, ngay từ rất sớm, những người Kitô hữu đã đưa vào nghi lễ của họ một khoảng thời gian dành riêng cho việc đọc một số những «câu nhỏ» mà Chúa Giêsu đã nói đây đó và luôn luôn tràn ngập sự mới mẻ và âm áp.

Các bộ sưu tập văn bản ghi chép những câu nói của Chúa Giê-su sau đó được thành lập nhằm mục đích này.

Các Thư Gửi

Nhưng lòng nhiệt thành của những người có đức tin mới này sẽ sớm hướng tới hoạt động truyền giáo. Nhiều đến nỗi những tài liệu đầu tiên được xây dựng có phần nào đó còn sót lại cho chúng ta trong giai đoạn này là các lá thư gửi, chỉ thị cho các Giáo hội mới, những lời khích lệ và khuyên nhủ do các nhà lãnh đạo vĩ đại của công cuộc truyền giáo trên thế giới, Phê-rô, Phao-lô, Gia-cô-bê và một số cộng sự của họ, viết ra.

Những câu chuyện Tin Mừng

Và rồi năm tháng trôi qua. Cộng đồng Giáo hội phát triển, nhưng những người bạn đồng hành lịch sử của Chúa Giêsu bắt đầu biến mất. Sứ mệnh của Giáo hội sẽ ra sao khi không còn ai ở đó để nói về đức tin chân

chính, đặc biệt là trước sự tấn công của các tà giáo ?

Để đáp ứng nhu cầu cấp bách mới này, nhiều người trong nhiều nhóm khác nhau đã bắt đầu viết Tin Mừng. Mô hình này được đưa ra bởi **Mác-cô**, người mà chúng ta phải tôn vinh là nhà phát minh tài ba của một thể loại văn học hoàn toàn mới, phù hợp hoàn hảo với mục đích của nó. Thể loại tin mừng, tức là một cuốn sách hướng dẫn giảng dạy đức tin, được viết dưới dạng nhật ký du lịch, cho đến lúc đó vẫn chưa được đề cập đến.

Chúng ta biết từ Tân Ước rằng Mác-cô đầu tiên là bạn đồng hành của Phao-lô. Một nguồn tài liệu cổ xưa cho rằng sau này Mác-cô trở thành thư ký của Phê-rô ở Rô-ma. Do đó, tập sách nhỏ của ông sẽ phản ánh lời rao giảng truyền giáo của hai thánh tông đồ vĩ đại của thế hệ Kitô giáo đầu tiên.

Những câu chuyện Tin Mừng này chắc chắn rất nhiều, nhưng Tân Ước chỉ giữ lại bốn câu chuyện. Ở nhiều mức độ khác nhau, chúng ta tìm thấy những lời của Chúa Giê-su đã được ghi lại trong các bộ sưu tập viết đầu tiên. Nhưng ít nhất trong ba Tin Mừng đầu tiên, chúng được đưa trở lại vào một bối cảnh rộng hơn và mang lại ánh sáng đặc biệt cho bối cảnh đó.

Chỉ một Thánh Linh

Thánh Thần của Lễ Hiện Xuống vẫn là trung tâm của những lời chứng này. Cho dù trong các Thư Gửi, trong các sách Tin Mừng, hay thậm chí trong Sách Khải Huyền : luôn luôn là sự xác định Chúa Giêsu bị đóng đinh và sống lại, là Đấng mà Cựu Ước mong đợi, điều này mang lại sự sống cho lời rao giảng của các tông đồ và khởi động Giáo hội.

Sự khác biệt về phong cách và tính khí của các tác giả được truyền cảm hứng đã viết những trang này do đó không phá hủy sự nhất quán nội tại của Tân Ước. Tất cả các tài liệu trong đó đều trình bày về cùng một Chúa Giê-su Ki-tô. Việc đọc đức tin có thể dễ dàng chuyển từ tác giả này sang tác giả khác, vì những giọng văn khác nhau của họ đều đưa ra lời chứng nhất trí.

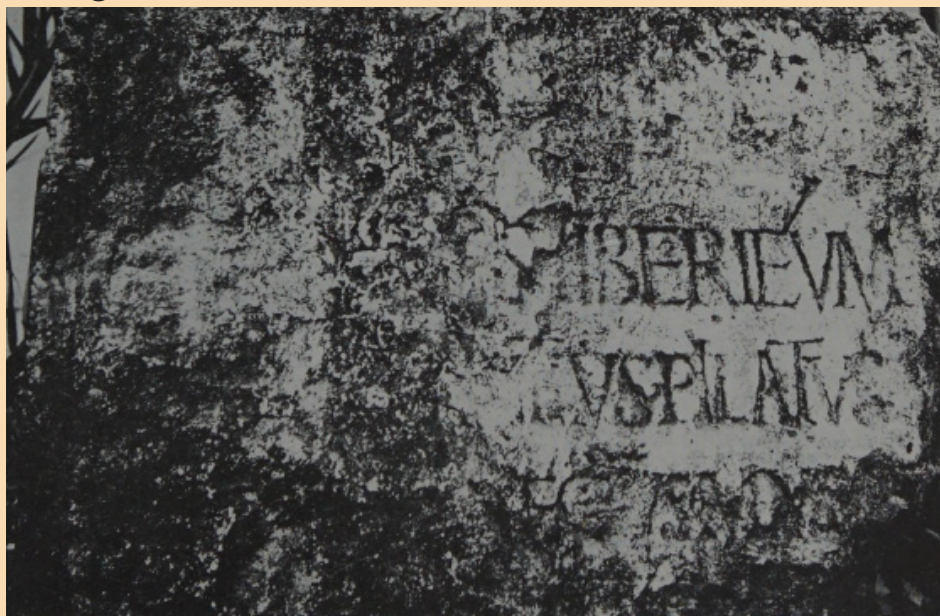
Tình hình ở Palestine vào thời Chúa Giêsu

Vào đầu kỷ nguyên Kitô giáo, thế giới Do Thái bị chia rẽ sâu sắc.

- **Về mặt chính trị**, Palestine bị chia cắt thành nhiều chính quyền, tất cả đều phụ thuộc vào quyền lực đế quốc của kẻ chiếm đóng La Mã. Chỉ có Galilée vẫn còn có vẻ độc lập dưới sự cai trị của vua Hérode-Antipas,

một người ngoại quốc bị người Do Thái khinh miệt, và người này chỉ có được quyền lực nhờ lòng trung thành với quyền lực to lớn của Rô-ma. Đối với *Judée-Samarie*, nó được đặt dưới quyền của một quan tòa La Mã, Ponce-Pilate nổi tiếng, có trụ sở chính đặt tại Césarée, bên bờ biển.

Sự thật này, được chứng thực trong Kinh Thánh, đã được xác nhận từ năm 1961 thông qua một khám phá khảo cổ : dòng chữ nổi tiếng từ nhà hát Césarée, trên đó người ta có thể đọc được bằng tiếng Latin : «Ponce Pilate, tổng đốc xứ Judée» (Xem ảnh bên dưới). Chữ TIBERIEUM dùng để chỉ một tòa nhà dành riêng cho hoàng đế Tibère.



Tuy nhiên, ở Judée, tổ chức chính trị Do Thái vẫn được duy trì, đặc biệt là với viện nguyên lão, Tòa Công luận Do Thái, do vị tư tế thượng phẩm chủ trì. Việc quản lý các vấn đề hiện tại được giao cho ông theo luật tục.

- Ngoài những đơn vị hành chính này, còn có sự cạnh tranh về **sắc tộc**. Do đó, người *Judéens* tự nhận mình rất khác biệt so với người *Samaritains*, những người mà họ chỉ trích là một dân tộc hỗn tạp, có nguồn gốc từ thời kỳ thuộc địa của người Assyrie (sớm hơn tám thế kỷ !) và trên hết là có truyền thống Kinh Thánh và tổ chức tôn giáo độc lập với Giê-ru-sa-lem.

Văn bản nổi tiếng 2 V 17 mà chúng ta thường tham khảo không giải thích được mọi điều. Cần lưu ý rằng người Sa-ma-ri tự nhận mình là con cháu của Môi-se, giống như người Giu-đa, nhưng họ có quan niệm nghiêm ngặt hơn nhiều về thực hành tôn giáo, ví dụ như việc tuân thủ ngày Sa-bát. Điều đáng chú ý là họ không bao giờ đồng ý phiên âm Torah bằng chữ Aram, tức là sử dụng phương pháp viết nước ngoài và tục tũ, mặc dù điều này đã được phép từ thời cổ đại ở Giê-ru-sa-lem. Ngũ Thư nổi tiếng của họ luôn được viết bằng chữ viết Do Thái cổ phức tạp.

Một tư tế người Samarie ngày nay

Một cộng đồng gồm khoảng 400 người, rất bảo thủ, vẫn tiếp tục thực hành tôn giáo Samaritain và đặc biệt là hiến tế cừu, trong khi cộng đồng Do Thái, nơi có Torah mà họ chấp nhận, không thể làm như vậy nữa kể từ khi Đền thờ bị đốt cháy vào năm 70.

Người Giu-đê-a cũng nhìn những người anh em họ xa xứ Ga-li-lê của mình với ánh mắt nghi ngờ. Những người này vẫn bị nghi ngờ là có tà giáo tiềm ẩn. Trong mọi trường hợp, họ quá hòa đồng với những người ngoại đạo.

Hơn nữa, người Giu-đê-a còn chỉ trích người Ga-li-lê vì cách phát âm phụ âm yết hầu tệ hại của họ, gây ra đủ loại nhảm lẫn và khiến họ không thể tham gia vào các cuộc thảo luận tinh tế của các trường phái Do Thái nổi tiếng ở Giu-đê-a.

- **Về mặt xã hội**, sự chia rẽ rất sâu sắc. Chúng dẫn đến những lựa chọn tôn giáo khác nhau (xem bên dưới). Do đó, tầng lớp thượng lưu có xu hướng theo phái *Sadducéen*, trong khi những người dân bình thường, những nghệ nhân nhỏ, lại bị thu hút bởi phái *Pha-ri-sêu*. Trừ khi họ gia nhập nhóm *Zealots*, những kẻ cực đoan ủng hộ cuộc nổi loạn vũ trang chống lại người La Mã.

Ngoài ra còn có một bộ phận đáng kể những người thiệt thòi : người ăn xin (thường là người khuyết tật) và gái mại dâm. Cần phải đặc biệt đề cập đến những người *thu thuế* (hay người thu phí) là những người thu tiền được trả lương bởi người chiếm đóng. Kết quả là, họ bị coi là loài ký sinh trùng và bị mọi người ghét bỏ.

• **Về mặt tôn giáo**, Do Thái giáo chia thành nhiều phe phái đối địch.

Người **Sadducéens** là tầng lớp quý tộc của giáo sĩ. Họ là những người giàu có. Họ thống trị Đền thờ. Họ thích sự trật tự. Đối với họ, bản chất của đời sống đức tin bao gồm sự tôn trọng nghiêm ngặt Lễ Luật Moïse. Họ bác bỏ mọi cách giải thích mới hoặc «luật truyền khẩu» do người Phariseu thực hành. Vì vậy, họ không tin vào sự phục sinh của người chết : đối với họ, đó là một tà giáo, vì không có văn bản nào trong Ngũ Thư ám chỉ rõ ràng đến điều đó.

Người **Phariseu** ⁶ là một giáo phái gồm những người ngoan đạo. Họ tôn trọng Lễ Luật và tự hào vì luôn tuân thủ nghiêm ngặt lễ luật. Một số người trong số họ sẽ theo Chúa Giê-su. Mặt khác, nhiều người khác lại biến chủ nghĩa đặc thù của họ (Phariseu có nghĩa là tách biệt) thành phương tiện để mang lại cho mình lương tâm trong sáng. Tự hào về «công việc» của mình, họ không hiểu rằng sự tha thứ miễn phí mà Chúa Giêsu mang đến thực chất là sự hoàn thành tình yêu của Thiên

6 Người ta không bao giờ có thể chú ý quá nhiều đến người PHARISÊU. Điều quan trọng là phải biết rằng chính họ, sau công trình của Rabbi Johanan ben Zakkai, đã cứu Kinh Thánh Do Thái bằng cách công nhận nó là kinh điển. Các cộng đồng Do Thái ngày nay vẫn tuyên bố tuân thủ truyền thống này.

Chúa. Những người có hoàn cảnh trung bình bị người Sadducéens ghét. Tuy nhiên, họ nhận được sự đồng cảm của các nhà thông luật và tiến sĩ Luật, những chuyên gia về Kinh Thánh, những người chịu trách nhiệm phổ biến chúng và nêu rõ luật dân sự và luật tôn giáo.

Người **Zélotes**, ở cấp độ tôn giáo, ủng hộ các giải pháp rõ ràng. Từ chối công nhận bất kỳ ai ngoài Chúa là Chúa và Chủ, họ sẽ bị quyến rũ trong giây lát bởi lời rao giảng của Chúa Giêsu. Nhưng thất vọng vì thái độ bất bạo động của Người, họ sẽ xa lánh Người. (Lc 6.15-16 đề cập đến Simon le Zélote, và Judas Iskariot (= người đàn ông mang dao găm ?).

Người **Esséniens**. Mặc dù họ không bao giờ xuất hiện trực tiếp trong Tân Ước, nhưng chắc chắn rằng Kitô giáo thời kỳ đầu đã chịu ảnh hưởng từ họ. Họ là những tu sĩ, theo lời kêu gọi của *Đấng Công lý*, đã đi thành lập những cộng đồng thanh tịnh trong sa mạc, thực hành cộng đồng của cải và sống trong sự sốt sắng tâm linh lớn lao.

Tọa lạc tại vị trí rất chính xác theo ghi chép của các tác giả cổ đại, tu viện quan trọng của họ ở Qumrân, nằm trên bờ phía tây của Biển Chết, không được khai quật cho đến sau năm 1947, sau khi tình cờ phát hiện ra một phần thư viện tuyệt vời của họ trong các hang động lân

cận. Nó chứa không dưới sáu trăm bản thảo, một phần tư trong số đó là sách Kinh Thánh.

Qumrân

Phía trước là vách đá vôi nổi tiếng nơi sự xói mòn đã tạo nên hang động số 4 nơi ẩn chứa thư viện nổi tiếng. Phía sau là Khirbet, tàn tích của các cơ sở thuộc tu viện Essénien nổi tiếng.



Do đó, mỗi nhóm này đều có tầm nhìn riêng về tương lai của dân Chúa. Thực tế chung là một xã hội tôn giáo bị cản trở bởi chính những mâu thuẫn của nó.

Đây chính là khuôn khổ mà thông điệp của một người thợ mộc vô danh đến từ Nazareth sẽ được đưa vào, người đã đến để đảo lộn mọi dữ liệu và khơi dậy sự sôi nổi vẫn còn hiện hữu cho đến ngày nay.

Nơi những người Essenes của Tu viện Biển Chết... KỶ VỌNG ĐÁNG MESSIANIA TẠI QUMRÂN

- Sự mong đợi kép về một vị vua-Đấng cứu thế và/hoặc một vị tư tế-Đấng cứu thế đặc trưng cho cái gọi là văn học Do Thái về *ngày tận thế* (tức là tiết lộ các sự kiện của «thời kỳ cuối cùng»), từ thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên.

- Vì vậy, *cộng đồng Qumrân*, theo diễn biến của tình hình chính trị và tôn giáo, dường như đã luân phiên «chờ đợi» một Đấng Messiah tư tế, hoặc một Đấng Messiah chính trị, hoặc cả hai cùng một lúc, hoặc thậm chí là một Đấng Messiah duy nhất kết hợp cả hai chức năng.

Đấng Messiah-thầy tế lễ có đặc tính là giảng dạy và chuộc tội, Đấng Messiah-vua, công lý và chiến tranh.

Đấng Messiah là một người đàn ông được tấn phong bằng dầu thánh.

- Nhưng khi hoàn cảnh lịch sử không còn để lại hy vọng cho con người, hy vọng về đấng cứu thế bị hoãn lại đến «thời kỳ tận thế», như dưới thời Alexandre Jannée, vào thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên. Hoặc, chúng ta nhớ lại niềm hy vọng trong quá khứ : đây là cách mà dưới thời Herode Đại đế và để ngăn chặn ông ta, hệ tư tưởng hoàng gia Đa-vít cũ đã được đưa trở lại đúng hướng.

Chủ nghĩa cứu thế Qumrân về cơ bản vẫn là chủ nghĩa cứu thế *phục hồi xã hội*.

- Đấng Messiah-thầy tế lễ hay Đấng Messiah-vua, Đấng Messiah của thế giới này hay Đấng Messiah của thế giới mai sau...?

«Đấng Mê-si của Aaron và của Do Thái», Con Người, tóm tắt bốn kỳ vọng này, đã đưa ra điểm cuối cùng cho câu hỏi.

Bình đựng bản thảo (Qumrân) - chiều cao : 70 cm

«Chúng tôi đựng báu vật này trong những bình đất»

2 Cr 4.7



Nhưng Chúa Giêsu Kitô là ai ? - Trên đường Emmaüs (Lc 24.13-35)

Hai người đàn ông đang đi bộ dọc theo con đường dẫn từ Giêrusalem đến một ngôi làng nhỏ gần đó. Họ vô cùng chán nản. Họ giải thích nỗi kinh hoàng của mình với một người qua đường khi người này hỏi họ: Người ta chờ đợi Chúa Giêsu, một người đàn ông phi thường, một ngôn sứ đích thực, được kỳ vọng sẽ thiết lập vương quốc Do Thái đã mong đợi từ lâu. Nhưng Người vừa bị kẻ thù đóng đinh.

Người lạ lên tiếng. Đối với những người đàn ông biết «Kinh Thánh», ông mở mắt họ : liệu họ có thực sự hiểu được kế hoạch của Thiên Chúa không ? Chẳng phải họ đã thay thế bằng ý tưởng thành công của riêng họ sao ? Vị vua đích thực mà Thiên Chúa mong muốn không phải là một Đấng Messiah chiến thắng áp đặt mình bằng vũ lực ; Người là «vị vua khiêm nhường», «người tôi tớ đau khổ» đến để giúp con người cuối cùng hiểu được mầu nhiệm của tình yêu cứu độ. «Đấng Mê-si phải chịu đau khổ mới được vào vinh quang» phải không ?

Đối với hai người đàn ông này, đây là một khám phá. Đột nhiên họ cảm thấy mình đã hiểu Kinh Thánh. Mọi thứ trở nên rõ ràng. Với họ, dường như họ đang thoát khỏi một giấc mơ ngăn cản họ tiếp cận với thực tế.

Khi tôi đến, họ mời người lạ đi ăn tối cùng. Và đây là người chia sẻ bánh mì. Đột nhiên, họ nhận ra Người: đó chính là Chúa Giêsu. Ngài đã sống lại. Ngài vẫn sống ! Nhưng Chúa đã biến mất khỏi tầm mắt họ. Không sao cả: thực ra Người vẫn ở đó. Bằng cách chia sẻ bánh, Đấng Phục Sinh tiết lộ màu nhiệm về sự hiện diện Thánh Thể của Người. Chúng ta không còn nhìn thấy Người nữa nhưng Người vẫn hiện diện. Chỉ cần có đức tin là đủ.

Một thực tế hoàn toàn mới, không ngờ tới vừa mới xuất hiện. Phải rao truyền Tin Mừng, Phúc Âm cho thế giới. Cuộc sống bỗng nhiên lại có ý nghĩa.

Tin Mừng theo Thánh Lu-ca ghi lại sự kiện này vì vai trò rất đặc biệt mà Kinh Thánh hiện đã được giao. Bởi vì, khi chúng ta đọc một trang Tin Mừng, trước hết chúng ta có ấn tượng như đang đọc một câu chuyện liên quan đến quá khứ. Sau đó, ngay từ rất sớm, chúng ta phát hiện ra rằng quá khứ này chỉ được kể lại vì nó là một thông điệp dành cho bất kỳ độc giả nào trong tương lai.

Vì vậy, đối với chúng ta, Chúa Giêsu cũng đã đưa cho hai môn đồ này nghiên cứu Kinh Thánh để cho thấy «điều Người quan tâm». Trong «Moïse», và do đó trong toàn bộ Ngũ Thư, cũng như trong tất cả các ngôn sứ,

Người nhân mạnh với họ nhiều lời tuyên bố về Đấng cứu thế. Theo cách này, độc giả mọi thời đại đều được cảnh báo và được mời tìm kiếm toàn bộ Kinh Thánh để biết những gì liên quan đến Chúa Giêsu.

Sự rao giảng và công việc của Chúa Giêsu

Là một người thợ thủ công khiêm nhường đến từ một ngôi làng xa xôi ở **Ga-li-lê**, Người đột nhiên bắt đầu rao giảng rằng *Vương quốc của Thiên Chúa* đã đến gần. Và bây giờ mọi thứ xung quanh Người bắt đầu sống lại. Người bệnh đã được chữa khỏi. Những người lạc lõng, những kẻ bị xã hội ruồng bỏ đột nhiên tìm thấy hy vọng. Người nói về tình yêu và công lý. Người đã loan báo một thế giới được Thiên Chúa đổi mới.

Nhưng rất nhanh chóng, Người đã phải đối mặt với sự tấn công từ những người cùng thời. Họ nhanh chóng hợp sức để loại bỏ kẻ gây rối đã đến để phá vỡ sự nhiệt tình và làm suy yếu các đặc quyền của họ. Cái chết của Người trên thập tự giá sẽ là hậu quả tất yếu của phản ứng từ chối này. Sự tự do tối cao mà Người nói và hành động như vậy rõ ràng đã dẫn đến thất bại hoàn toàn.

Tuy nhiên : liệu người ta có thể tưởng tượng ra một chứng tá tình yêu nào mạnh mẽ hơn sự chấp nhận này, vì thế giới và vì người khác, khi chịu chết trên thập

tự giá không ? - Chính sự suy ngẫm về những nguyên nhân sâu xa dẫn đến cái chết của Chúa Giêsu, cũng như niềm tin rằng sự phục sinh của Người cũng có ý nghĩa chung, đã thôi thúc các tông đồ đầu tiên truyền bá Tin Mừng của Chúa Giêsu trên khắp thế giới. Tin chắc rằng Thầy của họ là **Con Đấng Cứu Thế**, họ có thể khẳng định rằng giờ đây có thể có một mối quan hệ mới giữa Thiên Chúa và con người, giữa chính con người với nhau.

Giao ước Do Thái cũ đã nhường chỗ cho Giao ước mới, Tân Ước : đây là Tin Mừng, là Phúc Âm.

Bây giờ chúng ta hãy xem xét từng phần trong Tân Ước theo thứ tự phân loại truyền thống (như sau : bốn Sách Tin Mừng, Công vụ, Thư Gửi và Khải Huyền). Và mỗi lần tìm thấy ở đó Tin Mừng của Chúa Giêsu : Phúc Âm !

Giao ước cũ và mới

Ai nói là Cựu hay Tân «Ước», nói đến «Giao ước» Cũ hay Mới : đây là hai loại mối quan hệ giữa Thiên Chúa và con người. Thật đáng tiếc khi truyền thống Latinh đã chiếm ưu thế khi chỉ định hai phần lớn của Kinh Thánh dưới tên gọi Di Chúc.

Trong câu chuyện về việc thiết lập Bữa Tiệc Ly (hay Bí tích Thánh Thể), cũng là việc thiết lập Giao Ước Mới, Kinh Thánh tiếng La-tinh (do Thánh Jérôme dịch vào thế kỷ thứ 5) sử dụng cụm từ Calix Novum Testamentum hay «Chén Tân Ước» (Lc 22.20 ; 1 Cr 11.25). Câu chuyện này song song với câu chuyện về việc thiết lập long trọng Giao ước đầu tiên tại Sinai (Xh 24.6-8), nơi xuất hiện những yếu tố tương tự, chén và máu của Giao ước.



Gerasa, Jerash hiện đại, một trong những thành phố mà người bị quỷ ám được Chúa Giêsu chữa lành, nơi Người đã đến để rao giảng Tin Mừng (Mc 5.18-20).

1) Các Sách Tin Mừng và Công vụ Tông đồ

Phúc Âm và các Sách Tin Mừng

- *Hoặc khi phân chứa đã lấy tên của nội dung*

Mọi người đều biết sự tiến hóa của từ tiếng Pháp «bàn làm việc» ban đầu có nghĩa là «khăn trải bàn» (en bure), sau đó dùng để chỉ «đồ nội thất dùng để viết» mà đồ nội thất này được đặt lên, và cuối cùng mang nghĩa là «căn phòng nơi đặt đồ nội thất dùng để viết này».

Điều này cũng đúng với **Phúc Âm**, ở dạng số ít, chỉ để chỉ **Tin Mừng** (đây là ý nghĩa của từ Hy Lạp này), được Chúa Giêsu công bố và sống trọn vẹn. Phúc âm, theo nghĩa tuyệt đối, luôn luôn là chính thông điệp đó. Và cần lưu ý rằng văn bản Tân Ước không thấy từ này được sử dụng ở bất kỳ nơi nào khác (kể cả trong sách Mác-cô 1.1 nếu chúng ta xem xét kỹ !).

Nhưng vì *bản thân Chúa Giê-su* không viết gì cả, nên như chúng ta đã thấy, chính các môn đồ của Người đã đảm nhận, trong những hoàn cảnh cụ thể và vì mục đích chính xác, việc lập ra những tài liệu trong đó *thông điệp* của Chúa Giê-su xuất hiện rõ ràng. Và với sự độc đáo đã đảm bảo thành công to lớn của nó : mọi thứ đều được thực hiện để đảm bảo rằng người đọc ngay lập tức

thấy mình đối diện với Bậc thầy. Các *tác giả Tin Mừng* quan tâm hơn hết đến việc truyền đạt *sự hiện diện* mà chính họ vẫn tiếp tục trải nghiệm như một *sự hiện diện sống động*. Người Phục Sinh không phải là một nhân vật trong quá khứ và do đó không thể được xử lý, ngay cả theo phong cách tường thuật, như người ta vẫn làm với các nhân vật khác, dù họ có vĩ đại đến đâu, nhưng không còn thuộc về bất kỳ ai ngoài Lịch sử. Tuy nhiên, Chúa Giê-su vẫn thuộc về *thời sự*. Chính vì lý do này mà giọng điệu của câu chuyện Phúc âm được bao phủ trong sự tươi mới không thể bắt chước được, và người đọc ở mọi thời đại vẫn tiếp tục nhận ra trong đó giọng điệu của sự thật.

Ba Sách Tin Mừng, thêm một sách nữa

Đây là một cách khác để hiểu rõ hơn : thứ tự của bốn sách Tin Mừng đầu tiên cung cấp cho người đọc một loạt ba tập sách nhỏ có nhiều điểm tương đồng giữa chúng, sau đó là «tin mừng thứ tư» có vai trò và chiều kích riêng.

Ba phần đầu tiên, cụ thể là Tin Mừng theo Thánh *Mát-thêu*, *Mác-cô* và *Lu-ca*, thường được gọi là *Tin Mừng Nhất lãm*. Biểu thức kỳ lạ này chỉ có nghĩa là chúng có thể được sắp xếp khá dễ dàng theo các cột song song, cho phép *nhìn thoáng qua* và như trong bất kỳ «bảng

nhất lãm» nào, để xem xét cách mỗi sách trong số này liên hệ đến cùng một sự kiện. Nghiên cứu so sánh này đã giúp nghiên cứu khoa học đương đại xác minh các khẳng định của các nhà sử học cổ đại về việc sử dụng các tài liệu cơ bản mà chúng ta đã thảo luận ở phần đầu của mỗi tác giả Tin Mừng.

Tin Mừng thứ tư, sách của thánh **Gio-an**, được viết cho những độc giả đã quen thuộc với các sự kiện trong Phúc âm. Do đó, cần phải đọc Nhất lãm nếu muốn hiểu đầy đủ về Thánh Gio-an. Được viết theo một góc nhìn nhất định, tin mừng này thường mang hình thức thiên định. Nhưng cần lưu ý rằng sách có một tài liệu cụ thể, thường rất chính xác. Do đó, nó có tác dụng bình luận và hoàn thiện việc truyền tải thông điệp tin mừng.

Thánh Mát-thêu : Tin Mừng về Vương quốc (Mt 4.24) - Một Phúc Âm về sự chuyển tiếp giữa Cựu Ước và Tân Ước

Vào khoảng năm 80, những người *Kitô hữu gốc Do Thái* ở vùng Antioche, Syrie, sống trong tình trạng hỗn loạn. Người Do Thái có nguồn gốc từ những người gắn bó với truyền thống cũ của tổ tiên họ, họ coi Chúa Giêsu là người đến để hoàn thành sự mong đợi của dân Do Thái. Bây giờ người Do Thái cáo buộc họ phản bội truyền thống này.

Sau đó, dựa trên các tài liệu hiện có, một tác giả tên là Mát-thêu (có lẽ là người thu thuế của Tin Mừng đã theo Chúa Giêsu ?), quyết định thông báo cho các Kitô hữu. Ông cho họ thấy rằng họ chính là những người thừa kế thực sự của truyền thống Kinh Thánh. Bởi sự xuất hiện của Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa đã mang đến thế gian *Vương quốc* mà Ngài đã hứa : chúng ta vẫn cần phải hiểu bản chất của Vương quốc này (Mt 9.9).

«Bốn tin mừng trong một»

hoặc

sự việc DIATESSARON de TATIEN

- Câu chuyện về *sự hài hòa của bốn Tin Mừng*, được **Tatien** thiết lập, có thể dùng để đánh dấu một con đường cắt. Đó là lý do tại sao chúng tôi báo cáo vấn đề này ở đây.

Ý tưởng gộp bốn sách tin mừng thành một chắc chắn không phải là ý tưởng mới. Ngày nay, trong một số trường hợp, nghi lễ này vẫn được sử dụng để cử hành phụng vụ một số ngày lễ nhất định, chẳng hạn như Thứ Sáu Tuần Thánh.

• Nhưng nỗ lực của Tatien, trong thể loại này, là nỗ lực lâu đời nhất mà chúng ta biết đến, và cũng đáng chú ý nhất vì nó nhằm mục đích thay thế, một cách thuận túy và đơn giản, việc đọc bốn sách Tin Mừng.

Tác phẩm của ông xuất hiện vào khoảng năm 170, ở **Syrie**. Lễ hội này được tổ chức để tôn vinh người dân ở đó cho đến giữa thế kỷ thứ năm. Các nhà thờ Thiên chúa giáo cuối cùng đã không khuyến khích sử dụng nó vì những lý do hiển nhiên. Có những lý do rõ ràng. Không thể thu nhỏ khối lượng của một văn bản mà không làm mất đi ý nghĩa. Đúng là Tatien, vì những lý do cá nhân, đã bỏ qua một số đoạn mà ông không thích. Những người chỉ trích ông cũng ngay lập tức chỉ ra rằng trong mong muốn tạo ra một văn bản mới dựa trên những điều vay mượn từ các sách phúc âm đích thực, ông đã sửa đổi cách sắp xếp các câu và do đó cũng bóp méo thông điệp của các Tông đồ.

Ông ấy có phải là một biên tập viên vụng về không? Có lẽ là không. Nhưng các sách tin mừng «chuẩn mực», tức là những sách thực sự thuộc về Kinh Thánh, thì không thể bắt chước được. Bất kỳ nỗ lực nào nhằm tóm tắt đều chỉ có thể dẫn đến một bài giảng hoặc một lời bình luận, trong đó biên tập viên mới thực sự bày tỏ lựa chọn của riêng mình.

Vương quốc của Thiên Chúa bắt đầu từ trái tim

Người viết Tin Mừng phát triển những ý tưởng sau :

1. Chúa Giêsu thực sự là Đấng được loan báo trong Cựu Ước. Nhưng kẻ thù của ông không hiểu được điều này. Họ tuyên bố mình tuân theo truyền thống của Moïse. Mà, *Moïse mới* được sách Đệ Nhị Luật công bố chính là Chúa Giêsu Kitô. Chính Người là Đấng dẫn chúng ta vào «Đất Hứa», nơi có một cuộc sống được biến đổi. Mt 11.2-6 ; 23.2 ; Đnl 18.15.

2. Chúa Giê-su quả thật là Đấng Mê-si-a mà chúng ta mong đợi. Nhưng đây không phải là vị vua có chiến thắng vang dội mà chúng ta mong đợi. Người là *người tôi tớ đau khổ*, như lời Ngôn Sứ I-sai-a đã loan báo : «Người đã mang lấy những bệnh tật của chúng ta và gánh lấy những đau khổ của chúng ta.» (Mt 8.17 ; Is 53.4)

3. Chúa Giêsu thực sự là vị vua đã được hứa, là Con vua Đa-vít mà ngôn sứ đã loan báo. Nhưng vương quyền của Người được thể hiện theo một cách nghịch lý khi Người chết trên thập tự giá. Điều này được khẳng định bằng sự phục sinh của Người, mở đầu cho chiến thắng quyết định của *triều đại tình yêu*. (Mt 8.17 ; Dcr 9.9 ; Mt 27-28).

4. Chúa Giêsu thực sự là Con Thiên Chúa, được Chúa Cha sai đến, nhưng chương trình cứu độ của Người không phải là điều con người có thể tưởng tượng : Người mặc khải Thiên Chúa của tình yêu trọn vẹn và vô điều kiện, muốn thiết lập Vương quốc tình yêu của Người. (Mt 5-7).

5. Vương quốc mà Chúa Giêsu loan báo được thực hiện trong Giáo hội. Nhưng nó sẽ phát triển như hạt giống : nó chỉ có thể được hình thành và chào đón bằng đức tin. (Mt 13.1-52).

6. Giáo hội hữu hình, dù chưa hoàn hảo, thực sự là Giáo hội mà Chúa mong muốn. Bất cứ ai lắng nghe Giáo hội là lắng nghe chính Chúa Kitô. (Mt 18 ; Mt 10.40)

7. Giáo hội không còn là một cộng đồng đóng kín trong chính mình nữa : Giáo hội được kêu gọi lan tỏa khắp thế giới. (Mt 28.19-20)

**Một phúc âm có tổ chức
trong năm bài phát biểu chính tiếp theo là hành
động**

Để phù hợp với năm sách Lễ Luật của Moïse, Mát-thêu cũng sắp xếp câu chuyện của mình thành năm

phần chính : năm bài phát biểu, kèm theo các hành động nhằm làm nổi bật Lời Chúa.

1. Công lý của Vương quốc (ch. 5–9)

- «Bài giảng trên núi» là bài diễn văn quan trọng nhất. nơi Chúa Giêsu công bố niềm hạnh phúc và những điều kiện để sống trong Vương quốc. (Mt 5-7)

- Sau đó, thông qua một loạt mười phép lạ, Người hiện thân là đấng giải thoát và cứu rỗi cộng đồng của mình. (Mt 8-9).

2. Những Sứ Giả của Vương Quốc (ch. 10-12)

- Chúa Giêsu nói với các môn đệ bài giảng truyền giáo. (Mt 10)

- Trên thực tế, họ chỉ có thể thực sự hoàn thành sứ mệnh này khi Chúa Giêsu phục sinh. Đây là lý do tại sao chính Chúa Giêsu ra đi rao giảng và thực hiện những điều Người vừa dạy họ. (Mt 11-12).

3. Sự huyền nhiệm của Vương quốc (ch. 13-16)

- Trong bài giảng gồm bảy dụ ngôn, Chúa Giêsu thúc giục chúng ta lựa chọn theo hoặc chống lại chương trình hạnh phúc của Người. (Mt 13).

- Sau đó, Người cho chúng ta thấy bằng hành động rằng hạnh phúc này đến với tất cả những ai tin vào Người : Người chữa lành và cho đám đông ăn. (Mt 13.53 - 16.12)

4. Con cái của Vương quốc (ch. 18-23)

- Trong bài giảng về Giáo hội, Chúa Giê-su nêu ra cho các môn đệ chịu trách nhiệm về cộng đồng hai quy tắc ứng xử duy nhất phải tuân thủ : lòng thương xót và sự tha thứ. (Mt 18)

- Sau đó chúng ta chứng kiến sự rạn nứt giữa Chúa Giêsu và các nhà lãnh đạo Do Thái, ở Galilê, rồi ở Giê-ru-sa-lem. (Mt 19-23).

5. Cuộc khủng hoảng của quá trình chuyển đổi từ Vương quốc ẩn giấu sang Vương quốc hiển hiện (ch. 24-28)

- Chúa Giêsu mô tả trong hai bài diễn văn tuyệt vời về «ngày tận thế» và «sự xuất hiện của Vương quốc» với cái giá phải trả là những cuộc bách hại không thể tránh khỏi. (Mt 24-25)

- Cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh của Chúa Giêsu mở đầu cho sự xuất hiện này. Bây giờ là lúc các tông đồ truyền đạt Chúa của mình bằng cách ra đi rao giảng Tin

Mừng về Vương quốc cho toàn thế giới. (Mt 26-28)

Nói tóm lại...

Nếu Vương quốc của Thiên Chúa đã được khai sinh trên trái đất với sự giáng sinh của Chúa Giêsu Kitô, thì «Vương quốc Thiên đàng» vinh quang vẫn chưa đến. Vì vậy, người Kitô hữu hãy chấp nhận việc bị hiểu lầm và bị tổn thương. Hãy để họ mạnh dạn tiếp tục nhiệm vụ của mình như những người hầu. (Mt 13.24-30,36-43; 24-25). Khi hiểu đúng ý nghĩa của Lễ Luật, họ sẽ là những người kế tục đích thực của các ngôn sứ và các môn đệ của Chúa Giêsu Kitô. (Mt 10)

Thánh Mác-cô : Tin Mừng của Con Thiên Chúa - Một câu chuyện về Cuộc Khổ Nạn, trước đó là phần giới thiệu

Xét theo cách sử dụng từ vựng cẩn thận, rõ ràng nhà viết tin mừng này đang nhắm đến những độc giả không sống ở Palestine. Ông viết cho những người Kitô hữu có *nguồn gốc ngoại giáo*, có lẽ họ thuộc về một cộng đồng, nếu không phải là người La Mã thì ít nhất cũng đã *La Mã hóa*. Một nhóm nhỏ rải rác khắp thế giới, những tín đồ mới này phải đối mặt với những khó khăn

và mâu thuẫn : «vinh quang» của «Con Thiên Chúa» ở đâu ? Khi viết Tin Mừng *sớm nhất* (trước năm 70), thánh Mác-cô tuyên bố : chúng ta không nên ngạc nhiên trước những khó khăn. Vương quyền và thần tính của Chúa Giêsu không được khẳng định trong chiến thắng, nhưng trên Thập giá - *câu chuyện về Cuộc Khổ nạn sẽ chiếm toàn bộ nửa sau của Tin Mừng* : 8.31 - 16.8 ! - Tuy nhiên, Chúa Kitô vẫn có quyền năng để cho người chết sống lại. Vậy hãy tin tưởng !

Mác-cô là ai ?

Có lẽ là chàng thanh niên «Gio-an, còn gọi là Mác-cô» trong Sách Công vụ Tông đồ. Ông đã theo sống truyền giáo với Phao-lô, sau đó tách ra, nhưng sau đó đã cùng Phao-lô đi lưu đày ở Rô-ma. Về phần mình, Phê-rô cho biết Mác-cô «con trai ông» đang ở với ông tại Rô-ma. Theo truyền thống, người ta tin rằng Mác-cô đã viết ra lời dạy của Phê-rô, đặc biệt là trong cộng đồng ở Rô-ma. (Cv 12.12,25 ; Cv 13.5,13 ; Cv 15.37,39; Cl 4.10 ; 1 Pr 5.13)

Có lẽ cũng nên nhận dạng với Mác-cô, «người thanh niên» (Mc 14.51-52), người đã trốn thoát trong tình trạng trần truồng khi Chúa Giêsu bị bắt : sự ám chỉ này sau đó sẽ chứng thực cho địa vị của người viết tin mừng như một nhân chứng tận mắt và cung cấp thêm

một sự đảm bảo về thẩm quyền của những lời tuyên bố của ông. (Mc 14.51-52).

Marc sử dụng thông tin mình có như thế nào ?

Ông tiếp tục những truyền thống được lưu giữ trong Giáo hội mới thành lập để tập trung vào câu hỏi gần gũi với trái tim ông : anh chị em có *đức tin chân thật*, đức tin cứu rỗi không ?

Do đó, mục đích của ông là *dạy giáo lý*. Ông đưa người nhận đến nơi họ cần đến. Ông giúp họ tự vấn bản thân bằng cách khiến họ thực hiện bước nhảy vọt từ niềm tin hoàn toàn của con người sang đức tin chân chính. Câu đầu tiên của ông cho chúng ta biết về dự án của ông chỉ trong vài từ : «Tin mừng về Chúa Giêsu, *Đấng Kitô, Con Thiên Chúa.*» Đối với ông, đây là *bản tóm tắt về đức tin Kitô giáo* và ông sẽ cho chúng ta thấy các tông đồ đã khám phá ra đức tin đó như thế nào.

Chúa Giêsu ban đầu đã bị hiểu lầm

Chúa Kitô thách thức những ý tưởng tự phát mà chúng ta có về một người được Thiên Chúa sai đến. Người có vẻ như là một Chúa tể mà lúc đầu khiến con người bối rối. Ông dạy rằng chỉ những ai chấp nhận sự thay đổi hoàn cảnh triệt để này, bao gồm việc từ bỏ những

ham muốn tự phát nhất của con người, mới khám phá ra cuộc sống đích thực. Do đó, Mác-cô phát triển câu chuyện của mình dưới hình thức một *sự hiểu lầm* giữa Chúa Giêsu và những người đối thoại với Người, một sự hiểu lầm dẫn đến *Cuộc Khổ Nạn*. *Chính cái chết của Chúa Giêsu* cho phép chúng ta nhận ra sự thật : «Người này là Con Thiên Chúa», một viên sĩ quan La Mã sẽ nói dưới chân thập giá. (Mc 15.39)

- *Sự hiểu lầm* giữa Chúa Giêsu và những *kẻ thù* của Người, những tù nhân của hệ thống xã hội, chính trị và tôn giáo của họ. Trên thực tế, Giê-ru-sa-lem là nơi có Do Thái giáo chính thức do tầng lớp quý tộc của Đền thờ và các bậc thầy về Lễ Luật thống trị. Họ có quan điểm rất cao về tôn giáo của mình và thực hành nó một cách nghiêm ngặt. Kết quả là, họ không dễ dàng tiếp cận được sự mới mẻ hào phóng trong lời dạy của Chúa Giêsu. (Mc 10.33-34).

- *Sự hiểu lầm* giữa Thầy và đám đông luôn sẵn sàng phản kích. Đám đông đóng vai trò lớn đối với Mác-cô. Chúa Giê-su rất quan tâm đến đám đông. (Mc 6.34).

- *Sự hiểu lầm* giữa Chúa Giêsu và chính *các tông đồ*: các tông đồ luôn được liên kết với Chúa Giêsu trong sách Mác-cô. Chúa Giêsu dạy họ phải trước hết và trên hết phục vụ mọi người, ngay cả khi vì điều này họ phải

hy sinh mọi thứ. Nhưng họ gặp khó khăn trong việc hiểu lời dạy này. Họ từ chối cách khó khăn mà Thiên Chúa muốn dẫn dắt họ. Phải đến khi Người biến mất, họ mới chấp nhận thông điệp của Người và có thể ra đi loan báo Tin Mừng cho toàn thế giới. (Mc 6.30-52 ; 8.31-33 ; 9.14-37 ; Mc 10.17-31).

Con Người

Cụm từ *Con Người* xuất hiện 63 lần trong các sách Tin Mừng. Đây là cách diễn đạt ưa thích mà **Chúa Giêsu** sử dụng khi Người muốn nói về sự đến của chính Người để cứu rỗi : «Con Người đến để tìm kiếm và cứu rỗi những gì đã mất» là một cách diễn đạt tinh tế để nói rằng «Ta là đáng cứu rỗi ».

Do đó, đây là một danh hiệu *thần học* chứ không chỉ đơn thuần là cách nói rằng Chúa Giêsu là một con người. Truyền thống Do Thái rất biết rõ về danh xưng *Con Người* này : nó đã được chứng thực rõ ràng trong các tài liệu giáo lý của thế kỷ thứ hai và thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên, và dùng để chỉ *Đáng cứu thế*. Đặc biệt là sách **Đa-ni-en** (xuất bản năm 164 trước Công nguyên) sẽ hữu ích ở đây vì những chỉ dẫn đưa ra trong chương 7 (câu 13) mô tả khá rõ hình thức can thiệp của

Con Người mà những người đương thời với Chúa Giêsu đang chờ đợi.

- Tuy nhiên, một người quan sát cẩn thận sẽ tự hỏi tại sao danh hiệu này *chỉ được dùng* để chỉ Chúa Giêsu *trong các sách Tin Mừng* (và một lần trong Công vụ), nhưng lại không được dùng trong các Thư Gửi. Câu trả lời nằm ở thực tế mà chúng ta vừa nêu bật : người Do Thái có thể hiểu ngôn ngữ này, nhưng những «người Hy Lạp» và ngoại đạo thì không. Vì lợi ích của họ, các tông đồ chỉ nói về «lời loan báo về Chúa Giêsu phục sinh».

- Nhưng vào thời điểm Giáo hội mới thành lập, vào nửa sau thế kỷ thứ nhất, bắt đầu thu thập tài liệu lưu trữ, Giáo hội đã dành sự tôn trọng hết sức nghiêm ngặt đối với danh xưng này, chắc chắn là xác thực, điều này cho phép Giáo hội kết nối lại với con người thành Nazareth, ngay từ những ngày đầu rao giảng của ông.

Điều này không làm mất uy tín của những đoạn văn mà Chúa Giêsu tự gọi mình «Ta là», vốn cũng rất cổ xưa, nhưng không áp dụng cho cùng một khái niệm. Thật vậy, chủ yếu là *với tư cách là một thủ lãnh* và một vị vua cứu thế, ngay cả khi phải chịu đau khổ, **Chúa Giêsu** vẫn mô tả mình là **Con Người**.

Bí mật của Chúa Giêsu

Tất cả *những hiểu lầm* này thực ra bắt nguồn từ một hiểu lầm cơ bản duy nhất về *bản chất thực sự của Đấng Mê-si-a, tức là Đấng Kitô đang mong đợi*. Trong suốt Tin Mừng, vấn đề là về *Chúa Giêsu*, về con người của Người hơn là về lời dạy của Người, về người đàn ông này giống như chúng ta, có tổ quốc, có gia đình, có quê hương, có truyền thống (chức vụ của Người ở Ga-li-lê chiếm từ chương 1 đến chương 9). Câu chuyện cố gắng dần dần giới thiệu cho chúng ta Tin Mừng thông qua Chúa Giêsu thuộc về *nhân loại* này.

Tuy nhiên, Chúa Giêsu vẫn là *Con Người* bí ẩn, như Người tự gọi mình. Tất cả những ai đến gần Người đều tự hỏi : «Ông ấy là ai ?» (Mc 1-8). Chúa Giê-su giữ bí mật về địa vị Đấng Kitô của mình. Người ra lệnh cho tất cả những ai có cơ hội nhận dạng Người là Đấng Kitô phải im lặng : với ma quỷ, với người bệnh được chữa lành, với các môn đệ của mình. (Mc 1.34 ; 3.12 ; 8.30 ; 9.9).

Dân chúng đang chờ đợi một Đấng Messiah vinh quang theo nghĩa con người, một vị vua chính trị, người sẽ giải phóng họ khỏi sự chiếm đóng của La Mã và tái lập một vương quốc trần gian. Bây giờ, Chúa Giêsu đến để thiết lập Vương quốc *tâm linh*, thông qua sự

sỉ nhục, đau khổ và cái chết. Chỉ đến giờ phút Thập Giá, khi không còn bất kỳ sự mơ hồ nào nữa, thì Chúa Giêsu mới chính thức chấp nhận được công khai chỉ định danh hiệu thực sự của Người là *Đấng Kitô* và *Vua*. (Mc 14.61-62 ; 15).

Thông điệp của Mác-cô cuối cùng mang tính khiêu khích và trấn an. Ông không thể không chất vấn chúng ta ngay cả ngày hôm nay, bởi vì chúng ta chưa bao giờ khám phá hết được «Con Thiên Chúa» đích thực.

Tin Mừng theo Thánh Mác-cô không có dấu chấm hết: nó kết thúc ở câu 8 của chương 16. Câu kết : 16.9-20, có lẽ là phần bổ sung rất sớm. Tin Mừng theo thánh Mác-cô kết thúc bằng sứ điệp Phục Sinh : «Chúa Giêsu đã sống lại... Người sẽ đến Galilê trước các ông, tại đó các ông sẽ được gặp Người.» Do đó, Giáo hội bắt đầu cuộc hành trình của mình, cho đến tận thế và đến tận cùng thế giới, hướng đến «Galilê của dân ngoại».

Thánh Luca : Tin Mừng của sự dịu dàng

Là người Kitô hữu, chúng ta luôn có xu hướng rút lui vào cộng đồng của mình. Tuy nhiên, người nghèo, người lạ vẫn gõ cửa nhà chúng ta. Khi mở cửa cho họ, liệu chúng ta có thể khám phá ra khuôn mặt mới của Chúa Giêsu không ? Đây chính là điều Lu-ca mời gọi chúng ta làm.

Một người bạn đồng hành của Phao-lô thu thập những kỷ niệm về Chúa Giê-su

Vào khoảng năm 80, Lu-ca, có lẽ là «bác sĩ được yêu mến» đã đồng hành cùng Phao-lô trong các chuyến truyền giáo, đã viết ra những ký ức mà ông có thể thu thập được về Thiên Chúa. Là một người Hy Lạp có học thức (có lẽ đến từ Antioche ở Syria), ông làm việc như một nhà sử học và viết phúc âm của mình cho *Theophile (người yêu Thiên Chúa)* : Theophile này là một người có thật hoặc là biểu tượng của những độc giả mà Lu-ca đang viết về mình, nghĩa là những *người ngoại đạo đã trở thành Kitô hữu* ; những người này không quen thuộc với Kinh Thánh và phong tục Do Thái, nên Lu-ca cố gắng giải thích cho họ. (Cl 4.14 ; Plm 24 ; Lc 1.1-3).

Nhạy cảm trước nỗi thống khổ của con người, Lu-ca đã suy ngẫm về lời rao giảng của Thánh Phao-lô, tập trung vào ý niệm về quyền năng của Thiên Chúa và sự phù phiếm của tham vọng của con người muốn đạt được ơn cứu độ bằng sức mạnh của chính mình. Ông cũng khiến Chúa Giêsu xuất hiện như là bác sĩ của nhân loại lạc lối. Tác phẩm của ông thường được gọi là : «Tin Mừng của *Ân điển*».

Lu-ca đã chứng kiến những khó khăn mà người Do Thái nêu ra khi chống lại việc rao giảng Tin Mừng. Ông đã trải nghiệm sự hẹp hòi của những người «suy nghĩ đúng đắn» nhân danh một tinh thần duy luật lệ, đóng cửa Giáo hội đối với những người ngoại đạo muốn bước vào.

Sau đó, người viết tin mừng cho thấy một Chúa Giêsu mở ra với tất cả mọi người : tin mừng của Ân sủng cũng sẽ là tin mừng của *chủ nghĩa phổ quát*.

Lên Giê-ru-sa-lem

Mọi chuyện đều bắt đầu và kết thúc ở **Giê-ru-sa-lem**.

Trong tập thứ hai : Công Vụ Tông đồ, Lu-ca sẽ cho thấy Tin Mừng sẽ rời khỏi Giê-ru-sa-lem và lan truyền đến tận cùng trái đất.

Giê-ru-sa-lem : con đường bậc thang của Saint-Pierre-en-Gallicante

Con đường dốc này, chắc chắn là cổ xưa, là một trong những tuyến đường có thể mà Chúa Giêsu và những môn đệ đã đi qua vào đêm Người bị bắt.



Trong khi đó, Chúa Giêsu rao giảng một thời gian ở **Ga-li-lê**. Nhưng phần độc đáo nhất của Lu-ca, so với các tin mừng khác, kể lại câu chuyện Chúa Giêsu *lên* Giê-ru-sa-lem : đây không phải là một cuộc hành trình về mặt địa lý (chúng ta khó có thể tiến triển), mà là

một *con đường thần học* : chúng ta khám phá ra trong tinh thần nào, khi phải đối mặt với những cam bẫy nào, Chúa Giêsu đã lên đường để chịu chết và được vinh quang tại Thành Thánh.

Tổng quan nhanh

Thật khó để phác thảo chính xác nội dung của cuốn sách này. Nhưng chúng ta có thể dễ dàng phân biệt *ba phần có phần tóm tắt và phần giới thiệu* trước.

- Tóm tắt bằng hình ảnh (*ch. 1-2*) : sự ra đời và cuộc sống ảm đạm của Gioan Tẩy Giả và Chúa Giêsu.

Khi một vĩ nhân qua đời, các tạp chí thường đăng tóm tắt bằng hình ảnh về cuộc đời của họ và đôi khi cố gắng tìm kiếm trong những bức ảnh về các đặc điểm thời thơ ấu của người anh hùng mà trên thực tế, chỉ xuất hiện sau này. Điều này hơi giống với những gì Lu-ca làm (giống như Mát-thêu), trong những câu chuyện mà chúng ta gọi là câu chuyện thời thơ ấu. Lu-ca cho chúng ta thấy rằng cuộc đời của Chúa Giêsu, trên hết là sự phục sinh của Người và thậm chí là bản chất của cuộc sống Giáo hội, đã hiện diện từ trước, như thể còn trong phôi thai, nơi hài nhi Giêsu. Ví dụ, câu chuyện Truyền tin cho thấy cách Người thực hiện lời hứa trong Kinh Thánh : Người là Đấng Messiah, Con vua Đa-vít,

nhưng tốt hơn vô cùng so với bất cứ ai có thể hy vọng, bởi vì Người thực sự là Con Thiên Chúa. Những người chần chừ đến loan báo Tin Mừng rằng Chúa Giêsu là Thiên Chúa và là Cứu Chúa, là hình ảnh trước về những gì các nhà truyền giáo sẽ làm trong buổi đầu của Giáo hội, là hình ảnh về những gì chúng ta phải làm cho đến tận thế.

- Mở đầu (3.1 - 4.13) : sự chuẩn bị chức thánh của Chúa Giêsu.

Gioan Tẩy Giả giới thiệu Chúa Giêsu và dọn chỗ cho Người. Chúa Giêsu đến để hoàn thành sứ mệnh mà Thiên Chúa đã giao phó cho Do Thái vì lợi ích của nhân loại. Người không cho phép mình bị sao lãng khỏi ơn gọi của mình, như trường hợp của dân được chọn: Người vượt qua những cám dỗ mà dân tộc Xuất Hành đã trải qua trong sa mạc : những cám dỗ luôn luôn xảy ra. «Con của Adam», Chúa Giêsu tự mặc khải mình là «Con của Thiên Chúa».

- 1. Chức vụ của Chúa Giêsu tại Ga-li-lê (4.14 - 9.50)

Chúa Giêsu, giờ đây «được mặc lấy quyền năng của Thánh Linh», có thể bắt đầu sứ vụ công khai của mình. Người đã khánh thành bằng bài phát biểu quan trọng tại hội đường Do Thái ở Nazareth. Người loan báo rằng

«hôm nay Tin Mừng đã được ứng nghiệm qua lời các ngôn sứ» : giải thoát người nghèo, người tù và người bệnh. Đáng ngôn sứ đích thực vừa mới xuất hiện giữa họ. Bằng lời nói và phép lạ của mình, Chúa Giêsu sẽ chứng minh rằng triều đại hạnh phúc này thực sự đã bắt đầu. Người chọn các môn đệ để liên kết họ với sứ mệnh này.

- 2. Lên Giêrusalem (9.51 - 19.27)

Trong phần này riêng của Lu-ca, chúng ta thấy Chúa Giêsu «lên» hướng tới cái chết của Người, đồng thời cũng là sự vinh hiển của Người (Cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh). Thật vậy, Người dạy dỗ đám đông và các môn đệ của mình, đặc biệt thông qua những dụ ngôn và phép lạ. Người kêu gọi sự hoán cải. Nhưng Người lại xung đột với người Phariseu và các luật sĩ và Người công bố Cuộc Khổ Nạn của mình cho các môn đệ.

- 3. Tại Giêrusalem (19.28 - 24.53): Cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh.

Chúa Giêsu tỏ mình là Người Tôi Tớ trong suốt cuộc Khổ Nạn của Người. Ngài dạy các đệ tử của mình cũng phải như vậy. (Lc 22.27).

Lu-ca chỉ ghi lại những biểu hiện của Sự Phục Sinh diễn ra ở Giê-ru-sa-lem (hoặc rất gần đó). Bằng cách này, ông muốn cho thấy rằng ân huệ của Chúa Thánh Thần là sức mạnh cho phép các tông đồ ra đi vào thế giới và sự ra đi này báo hiệu sự kết thúc của thế giới tôn giáo cũ (Giê-ru-sa-lem), đóng cửa với Tin Mừng.

Như vậy, ông bắt đầu câu chuyện về Công Vụ Tông đồ, trong đó ông sẽ trình bày Tin Mừng hiện đang được truyền bá đến thế giới ngoại giáo (Rô-ma).

Chúa Thánh Thần trong Tin Mừng Lu-ca

Chúa Thánh Thần hiện diện ở khắp mọi nơi trong sách Lu-ca. Ngài thể hiện sức mạnh tích cực của Thiên Chúa. Chúng ta thấy điều này được thể hiện nơi Chúa Giêsu trong suốt sứ vụ của Người. Nhưng Ngài cũng soi sáng cho Zecharie, Elizabeth, Jean-Baptiste, Marie, Siméon, các tông đồ. Chúng ta phải cầu xin Chúa Thánh Thần trong lời cầu nguyện. (Lc 3-4 ; 10.21 ; Lc 1-2 ; 12.12 ; Lc 11.13).

Hai ngày lễ Giải Phóng LỄ VƯỢT QUA CỦA NGƯỜI DO THÁI VÀ LỄ PHỤC SINH CỦA NGƯỜI CÔNG GIÁO

Cách viết của hai ngày lễ này khác nhau nhưng có nhiều điểm chung.

Không có chỗ nào trong Tân Ước đề cập đến lễ Phục sinh của Kitô giáo, lễ này chỉ hình thành vào thế kỷ thứ hai.

Chúng ta hãy thử làm rõ các quan điểm một chút.

Đối với người Do Thái vào thời Chúa Giêsu, văn bản nổi tiếng trong chương 12 của **Sách Xuất Hành** đã được lưu ý đầy đủ. Mặc dù đây là một lễ hội, chắc chắn là lễ hội lớn nhất trong tất cả các lễ hội, liên quan đến «toàn thể cộng đồng Do Thái», nhưng văn bản này chỉ rõ *tính chất gia đình* của lễ hội. Mọi người tụ tập tại nhà để ăn thịt *cừu* non hoặc thịt dê quay. *Máu* cừu, được dùng để phết lên khung cửa, sẽ đóng vai trò như một dấu hiệu bảo vệ chống lại thiên thần hủy diệt.

Lễ kỷ niệm này kỷ niệm đêm *giải phóng* nổi tiếng *khỏi Ai Cập*, khi người dân được trang bị đầy đủ để lên đường, đã chờ đợi trong đức tin cho đến khi tai họa thứ mười xảy ra, khiến Pharaon của Ai Cập phải nhượng bộ

và cuối cùng cho phép họ rời đi.

- Nghi lễ bánh không men (*azymes*) cũng được đưa vào, mang ý nghĩa là một món ăn vội vã được chuẩn bị trong cơn sốt giải phóng đến đột ngột, khi không ai mong đợi.

- Qua nhiều thời đại, nghi lễ phụng vụ mừng lễ được làm phong phú thêm bằng nhiều nghi lễ mới. Sách Xuất Hành nói rằng vào ngày 14 tháng Nisan (tháng đầu tiên), người ta sẽ ăn thịt chiên (Xh 12.2 và 6). Sau đó, ngày 13 được chọn là ngày dọn dẹp nhà cửa để loại bỏ hết những chất men cũ. Và vào ngày 14, từ đầu giờ chiều, các cuộc hiến tế đã diễn ra tại Đền thờ trước sự chứng kiến của những người hành hương đến Giê-ru-sa-lem để tham dự lễ trọng thể.

- Đối với các tín đồ, ý nghĩa luôn là sự hòa nhập của chính họ vào sự giải thoát này. Họ *tiếp thu điều đó thông qua trí nhớ*, cho rằng tất cả họ đều là nô lệ ở Ai Cập và đêm Lễ Vượt Qua đã *giải thoát tất cả họ*. Đọc : Xh 12.1-20.

«**Đấng Kitô, lễ Vượt Qua của chúng ta, đã bị hiến tế**» : đây là cách các Kitô hữu đã giải thích lễ này (1 Cr. 5.7). Người ta không quên nhận ra Đấng bị đóng đinh vào Thứ Sáu Tuần Thánh sẽ kết thúc vào khoảng giữa

trưa, do đó vào thời điểm mọi người bắt đầu hiến tế các con chiên trong Đền thờ. Trong TÂN ƯỚC, **Chúa Giêsu** thường được đồng nhất với con chiên, đặc biệt là con chiên Vượt Qua.

- Thật vậy, có sự tương đồng giữa cái chết của Người và cái chết của Chiên Vượt Qua. Nhờ huyết của Chúa Kitô, dân mới của Thiên Chúa được *giải thoát khỏi sự chết* và có thể bước vào một cuộc sống mới là sự sống của Vương quốc Thiên Chúa. Bằng việc sống lại vào ngày thứ ba, Chúa Giêsu đã cho thấy tính hiện thực của dự án này. Người là con người mới (Cl 3.10) được kêu gọi để trở nên giống như Ngài.

- Ký ức về lễ Phục sinh này được thực hiện trong cuộc sống mới của người Kitô hữu bằng cách tham gia vào *Bữa Tiệc Thánh Thể*. Chính để mang lại ý nghĩa này mà Chúa Giêsu đã chọn thiết lập nó trong lễ mừng Lễ Vượt Qua, với các tông đồ, tại phòng trên lầu. (Theo truyền thống, ngày này diễn ra vào Thứ Năm Tuần Thánh, nhưng một lịch khác lại cho rằng, với lý do chính đáng, là Thứ Ba Tuần Thánh. Tuy nhiên, điều này không làm thay đổi ý nghĩa.)

Do đó, đối với Kitô hữu, cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu đã hoàn thành lời hứa trong cuộc xuất hành khỏi Ai Cập.

Độc : Ga 1.29 ; Lc 22.7-25

Phúc âm của «Người nghèo»

Hơn các sách tin mừng khác, sách tin mừng Lu-ca nhấn mạnh sự khác biệt các thái độ đối với Chúa Giêsu và việc tiếp nhận thông điệp của Người.

- «*Người giàu*» : «*người bất hạnh*» (6.24)

Đây là những người chỉ tập trung vào tài sản của mình, bất kể bản chất, đặc quyền xã hội hay lương tâm tôn giáo tốt đẹp của họ. Các luật sĩ, người Pharisêu, người Sa-đu-sê, các kinh sư (trừ một số ít trường hợp) đều từ chối Tin Mừng về sự cứu rỗi miễn phí.

- «*Người nghèo*» : «*hạnh phúc*» (6.20)

Đây là tất cả những người bị khinh miệt : người nghèo về vật chất, nhưng cũng có cả tội nhân và gái mại dâm, người thu thuế, người bệnh tật, phụ nữ, rất nhiều trong sách Lu-ca : Elizabeth, Marie, Anne, Marthe và Marie và nhóm người vô danh đi theo Chúa Giêsu trong hành trình của Người, các góa phụ và trẻ nhỏ, người Samaritains và nói chung là tất cả những người ngoại đạo mà Lu-ca đặc biệt chú ý. Tất cả những người này

chỉ cầu xin đón *Hồng Ân*.

Tin Mừng của Niềm Vui

Phúc âm Lu-ca mở đầu bằng bầu không khí tạ ơn và ngợi khen : thực ra đây là sách duy nhất lưu giữ cho chúng ta các *bài diễm ca* của Đức Maria, của ông Da-ca-ri-a, của các thiên thần Bêlem, của ông Siméon. (Lc 1.46-55, 68-79 ; 2.14 ; Lc 2.29-32).

Phúc âm này, đòi hỏi rất nhiều ở những khía cạnh khác, đồng thời cũng là phúc âm của niềm vui và sự hân hoan : niềm vui của các tông đồ trở về sau chuyến truyền giáo, niềm vui của người chăn chiên tìm thấy con chiên lạc, niềm vui của *Chúa Cha*, Đấng cũng đóng vai trò quan trọng trong Lu-ca, qua tình yêu vô hạn của Ngài, niềm vui của những người «giàu có» hoán cải... Phúc âm cho chúng ta thấy mọi người hát về tình yêu của Thiên Chúa và giúp chúng ta khám phá ra một cộng đồng các tông đồ được Chúa Giêsu cứu rỗi, được Chúa Thánh Thần hoạt động và sống vì Chúa Cha, có thể như thế nào. Trong những điều kiện này, cộng đồng sẽ có thể thể hiện niềm vui của Thiên Chúa cho thế giới ! (Lc 10.17.21 ; 15.1-7 ; Lc 15.11-32 ; Lc 19.1-10 ; 5.26 ; 7.16)

Thánh Gio-an : Tin Mừng của Đấng Mặc Khải

«Còn những điều đã được chép ở đây là để anh em tin rằng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa, và để anh em tin mà được sự sống nhờ danh Người». (Ga 20.31). Đây là cách tác giả định nghĩa chương trình của tin mừng thứ tư : tiết lộ, thông qua việc xem xét dữ liệu lịch sử (Chúa Giê-su) và dữ liệu thần học (Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa), danh tính của Thiên Chúa của Giáo hội.

Cách hành xử của Thánh Gio-an có lẽ sẽ làm ngạc nhiên những người đọc sách Tin mừng Nhất lãm. Giống như họ, ông đã đảm nhận việc biên soạn một bản tường thuật được biên soạn cẩn thận về lịch sử của Chúa Giêsu, từ khi Người bắt đầu rao giảng cho đến khi chịu đau khổ, chịu chết và phục sinh. Tuy nhiên, văn bản của ông không giống với văn bản của họ. Gio-an viết theo cách tự do hơn nhiều và chắc chắn là mang tính cá nhân hơn. Trong tác phẩm của ông, chúng ta không cảm nhận được bản chất đôi khi khó nhọc của văn bản trong các sách Tin mừng nhất lãm khi rõ ràng là họ trích dẫn những đoạn đã được viết ở nơi khác. Điều này là do thực tế là Gio-an hoàn toàn thống trị các nguồn của mình, và, bất ngờ thay, đối với điều này ông thường có thông tin tốt hơn nhiều so với những người tiền nhiệm

của mình về các chi tiết của cuộc phiêu lưu truyền giáo (địa lý, phong tục Do Thái, ngày tháng, v.v.)

Những so sánh cẩn thận đã xác định rằng, về cơ bản, nội dung lời tường thuật của Gio-an giống hệt với nội dung của sách Tin Mừng Nhất lãm. Nhưng cách bố trí thì hoàn toàn khác. Ví dụ, «bài diễn văn chia tay» đồ sộ của ch. 13-17, với sự nhấn mạnh vào vai trò của Chúa Thánh Thần, không nên được coi là hoàn toàn mới. Đó là sức mạnh của sự diễn đạt và sự suy ngẫm thần học về Đấng Mặc Khải được Chúa sai đến, là điều mới mẻ.

Những câu chuyện ƠN GỌI thường có những điểm chung

Sau đây là sơ đồ nhằm hướng dẫn bạn đọc kỹ các câu chuyện về ơn gọi.

- Nó cho thấy rằng mọi thứ đều bắt đầu bằng *sự chất vấn từ Thiên Chúa* (a) người cho phép mình được nhìn thấy hoặc nghe thấy, trực tiếp hoặc thông qua trung gian là một sứ giả.

Sự biểu hiện này của Thiên Chúa được nhận thức thông qua một *nhân vật* trong Kinh Thánh, câu chuyện của ông chỉ có mục đích duy nhất là làm gương cho



chúng ta. Thật vậy, những tín hữu đã thu thập những câu chuyện trong Kinh Thánh chỉ viết chúng ra để giúp ích cho người khác, khi chính họ sẽ trải qua thử thách của cuộc gặp gỡ quyết định với Thiên Chúa hằng sống. Là người đọc, tôi có thể thấy mình ở vị trí của nhân vật này (b).

Tất nhiên, không phải mọi câu chuyện về ơn gọi đều theo cùng một mô hình và không phải tất cả các bước được chỉ ra trong «hành trình» này đều có ở đó. Nhưng con người được tạo ra về cơ bản vẫn giữ nguyên thái độ trước lời kêu gọi của Thiên Chúa.

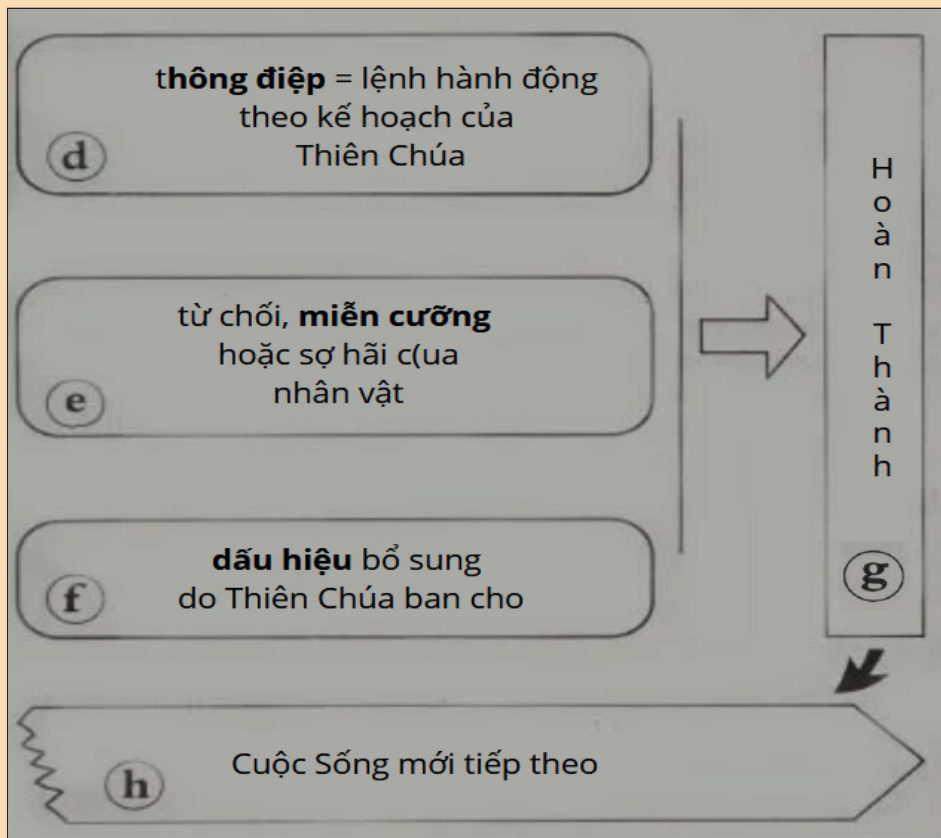
- Câu chuyện chủ yếu nêu lên những *hoàn cảnh* cụ thể trong cuộc sống của người được gọi (c).

- Nhưng điều cốt yếu là những gì Thiên Chúa phán: Người luôn luôn ra *lệnh truyền giáo* : Người triệu tập người ấy, Người gọi người ấy không chỉ để nhận ra Người là Thiên Chúa, mà còn để nói điều đó với anh em mình (d).

- Phản ứng của người được gọi thường rất miễn cưỡng và/hoặc vô cùng sợ hãi (e).

- Sau đó, Thiên Chúa ban thêm một dấu hiệu nữa, một sự truyền đạt điều gì đó quan trọng hơn, có tính quyết định đối với đức tin của người có liên quan (f).

- Vì vậy, mọi điều kiện để *thực hiện* đều được đáp ứng (g) và đây là một phần của giai đoạn mới, được đổi mới trong cuộc đời của người đàn ông này được Chúa nắm lấy (h).



Sau đây là ví dụ về **bảng phân tích** sử dụng dữ liệu từ sơ đồ. Điều này được xác định bằng cách đọc lời tường thuật về việc Thánh Phao-lô được kêu gọi từ Cv 9.1-22 (nhưng cũng có thể tiến hành bằng cách sử dụng lời tường thuật trong Công Vụ 22 hoặc 26, mỗi phần đều kể lại cùng một sự kiện theo cách riêng của nó).

a) «Sa-un, Sa-un, tại sao người bắt bớ Ta ?» (câu 4)

b) Saul (hoặc bất kỳ ai khác nhận ra mình trong thái độ của ông)

c) kẻ thù của những Kitô hữu, ông đã đến Damas để bắt bớ họ (câu 1-2)

d) « ... để mang danh Ta đến trước mặt các dân ngoại» (câu 15)

e) «Thưa Ngài, Ngài là ai ?»

«chùn bước»

«run rẩy khắp người» (câu 5)

f) trở nên mù (câu 8-9), rồi sáng mắt (câu 18) và chịu phép Rửa (câu 18)

g) ông bắt đầu rao giảng về Chúa Giê-su (câu 20)

h) Sự thay đổi cuộc sống của ông khiến những người xung quanh kinh ngạc (câu 21-22).

Gợi ý cho công việc thực tế :

Bây giờ hãy nghiên cứu những câu chuyện về ơn gọi khác, ví dụ như câu chuyện của Abraham (St 12), Moïse (Xh 3), Gédéon (Tl 6.11 - 7.25), Samuel (1 Sm 3), I-sai-a (Is 6), Giê-rê-mi-a (Gr 1), Simon Peter (Lc

5), Marie (Lc 1), Zacchée (Lc 19).

Lưu ý. Danh sách này được đưa ra như một ví dụ, nhưng không đề cập hết chủ đề.

Nếu chúng ta muốn diễn đạt xa hơn, tại sao không tạo ra một «truyện tranh» cố gắng vẽ từng cái một của tám giai đoạn, đòi hỏi mô tả chúng chi tiết hơn. Người ta cũng có thể thử mô tả chính xác bằng văn bản về nội dung mà mỗi bản vẽ sẽ thể hiện.

Ngôi Lời đã nhập thể : chúng ta đã chiêm ngưỡng vinh quang Người.

Lời giới thiệu đáng ngưỡng mộ (nhưng khó hiểu) mà Thánh Gio-an đặt ở đầu Tin Mừng của ông cung cấp tất cả những chìa khóa. Và đây :

- Chúa Giê-su thực sự là Ngôi Lời, hay Động từ, của Thiên Chúa : nghĩa là chính hành động của Ngài. (Ga 1.1)

- Để bày tỏ điều này cho chúng ta, Thiên Chúa đã làm người vào dịp Giáng sinh. (Gn 1.14)

- Nhờ đó, Người có thể chiến thắng sự vô tín của chúng ta và cho chúng ta trở nên con cái linh thiêng của Người. (Ga 1.11-12).

- Đây là tin mừng về sự tha thứ nhưng không của Người. («ân điển trên ân điển») (Ga 1.16).

• Các dấu hiệu (phép lạ) được Gio-an thuật lại là những sự xác nhận mang tính biểu tượng cho đức tin. Chúng không khơi dậy đức tin mà chỉ củng cố đức tin.

Chúng được đổi mới trong các bí tích của Giáo hội (Bí tích Rửa tội và Tiệc Thánh Thể), mà chúng ám chỉ.

- *Xem đặc biệt bài giảng về Bánh Hằng Sống, trong*

ch. 6.

Ngoài những dấu hiệu này, Chúa Giêsu còn thực hiện một số *cử chỉ* mang nhiều ý nghĩa. (Ga 2). Bằng cách đuổi những người bán hàng ra khỏi Đền Thờ, bằng cách rửa chân cho các môn đồ, bằng cách nhận được dầu xức đầu của Marie, Chúa Giêsu cho thấy mình là một người *tôi tớ hiến dâng mạng sống mình*. (Ga 13 ; Ga 12).

- *Bài giảng* của Chúa Giêsu cho thấy định hướng cơ bản về sự tồn tại của Người. Trong phương pháp sư phạm của Thánh Gio-an, các bài giảng luôn là đối tượng của *sự hiểu lầm* : những kẻ thù của Chúa Giêsu bắt đầu bằng việc từ chối đi theo Người trên nền tảng tâm linh vốn là của Người bằng cách hiểu sai lời tuyên bố Người. Không còn nghi ngờ gì nữa rằng quá trình này tương ứng với những tình huống cụ thể.

Các dấu hiệu và bài phát biểu chỉ giới thiệu về sự *đau khổ vinh quang* và sự phục sinh của Chúa Giêsu. Nhìn về khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời mình, chắc chắn Chúa Giêsu rất bối rối. Nhưng Người cũng tràn đầy niềm vui, tin chắc rằng thời điểm đau khổ này cũng sẽ là thời điểm thể hiện phẩm chất của Người là Con Thiên Chúa, và sẽ đến, *một cách nghịch lý*, giờ vinh quang của Người. (Ga 12.32-33).

Mầu nhiệm của Thiên Chúa được mặc khải cho người khiêm nhường

Gio-an sử dụng hai thuật ngữ để chỉ những người từ chối sứ điệp của Chúa Giêsu :

- «*Người Do Thái*» (nghĩa đen là «người Giu-đa»). Thành ngữ này thực chất ám chỉ những đại diện chính thức của Do Thái giáo ở Giê-ru-sa-lem. Những Kitô hữu đầu tiên cũng sẽ chống lại họ, ngay cả khi họ có nguồn gốc Do Thái.

Sử dụng Kinh Thánh, những «người Do Thái» này không bao giờ ngừng chống đối Chúa Giêsu. Phiên tòa mà họ đưa ra chống lại Người dường như kết thúc bằng việc kết án đôi thủ của họ. Trên thực tế, cuộc Khổ nạn này cho thấy tội lỗi của họ cùng lúc với chiến thắng của món quà miễn phí từ Thiên Chúa. Chúa Giêsu đã nói rằng không có tình yêu nào lớn hơn tình yêu người đã hy sinh mạng sống mình vì bạn hữu : vào thời điểm chịu khổ nạn, Người đã làm điều đó. (Gn 15.13)

- *Thế gian*. Từ này chỉ toàn bộ phạm vi của con người tự cho mình là tự túc và từ chối ánh sáng thiêng liêng. Pilate là đại diện tiêu biểu nhất. (Gn 18).

Thế gian này dường như chiến thắng Thiên Chúa. Nhưng thực tế là thế gian tự kết án mình. (Gn 7.7 ; 15.18)

Trái ngược với «người Do Thái» và «thế gian», có những người cởi mở với sứ điệp của Chúa Giê-su. Sự sẵn có này không phải là điều hiển nhiên, vì trên hết, con người mong muốn những sự thỏa mãn vật chất và tức thời. Nhưng Chúa Giêsu đã thu hút người Ngài yêu, mà không hề ép buộc. Trong suốt 21 chương, Tin Mừng thứ 4 trình bày một số nhân vật dần dần xuất hiện trong Ánh sáng. Được lựa chọn cẩn thận từ các tài liệu mà Thánh Gio-an có, họ vừa là những nhân vật thuộc về Lịch sử, vừa là những ví dụ tiêu biểu cho quá trình hoán cải theo Chúa cho đến ngày nay.

Lời Chúa là ánh sáng.

Từ sự viên mãn của Người, tất cả chúng ta đều đã nhận được (1.4 và 16).

Món quà thiêng liêng làm thay đổi hoàn toàn cuộc sống con người. Mỗi quan hệ con người với Thiên Chúa bị đảo lộn. Từ bây giờ, người tin Chúa sẽ được thấm nhuần bởi chính Thánh Linh của Chúa Giêsu. Họ là con của Thiên Chúa.

Người tin Chúa có trách nhiệm truyền bá Tin Mừng này đến toàn thể giới bằng cách rao giảng Lời Chúa và trên hết là thể hiện tình yêu thương đối với người khác. (Gn 13.34-35). Bằng cách này, họ sẽ công bố sự sống đích thực mà Chúa Giêsu đã tham gia trọn vẹn và tất cả mọi người đều được mời gọi. (Gn 20.31).

ÁNH SÁNG và BÓNG TỐI
trong thánh Gio-an và giữa những người Essé-
niens ở Qumrân

Gn 12.35-36 Đức Giê-su bảo họ : ÁNH SÁNG còn ở giữa các ông ít lâu nữa thôi. Các ông hãy BƯỚC ĐI, bao lâu các ông còn có ÁNH SÁNG, kéo BÓNG TỐI bắt chợt các ông. Ai BƯỚC ĐI trong BÓNG TỐI , thì không biết mình đi đâu «THẦY LÀ ĐƯỜNG»	Quy tắc cộng đồng Qumrân Trong nơi ở của ÁNH SÁNG, có nhiều thế hệ trung thành; và từ nguồn gốc của BÓNG TỐI, sinh ra nhiều thế hệ đồi trụy. Trong tay của Hoàng tử ÁNH SÁNG, có sự thống trị của tất cả con cái công chính : họ ĐI trên con đường của ÁNH SÁNG.
---	---

Công Vụ Tông Đồ : Tin Mừng lan tỏa đến Châu Âu

Câu chuyện thực sự được tổ chức xung quanh hai tông đồ : **Phê-rô**, người giải quyết các vấn đề liên quan đến những người Kitô hữu gốc Do Thái ở **Giê-ru-salem** (chương 1-12) và **Phao-lô**, người giải quyết các vấn đề liên quan đến những người Kitô hữu gốc ngoại giáo ở **Châu Âu** (chương 13-28). Cuốn sách này nói về sự *truyền bá Tin Mừng từ Giê-ru-sa-lem đến Rôma, dưới sự tác động của Chúa Thánh Thần*.

Chúng ta đã thấy trước đó Lu-ca đã lên kế hoạch cho phần tiếp theo của tin mừng của mình : tin mừng tường thuật về chức vụ của Chúa Giêsu Kitô, tập trung vào Giê-ru-sa-lem, Công Vụ Tông Đồ mở đầu thời kỳ của Giáo hội, từ khi rời khỏi Giê-ru-sa-lem.

Viết vào những năm 80, trong tập thứ hai này, Lu-ca đã vẽ một bức bích họa lớn về ba mươi năm đầu tiên của Giáo hội. Trong một câu chuyện đầy sức sống, chúng ta chứng kiến sự ra đời của nhiều cộng đồng Kitô giáo khác nhau, trong các cộng đồng Do Thái, như ở Giê-ru-sa-lem, hoặc trong các cộng đồng ngoại giáo, như ở Antioce (ở Pisidia), ở Corinthe (ở Hy Lạp), hoặc ở Philippes (ở Macedonia). Trong suốt cuộc hành trình tông đồ đầy mệt mỏi của mình, Phaolô, người ta có thể

đoán được những vấn đề mà Giáo hội mới thành lập này đang phải đối mặt và người ta thấy rằng, được Thánh Thần của Đấng Phục Sinh thúc đẩy, Giáo hội này đang nỗ lực sáng tạo ra một phong cách sống mới.



Giữa Philippi và Neapolis : Via Egnatia

Phao-lô chắc chắn đã đi trên con đường La Mã quan trọng này, nối liền Tiểu Á với thủ đô của Đế chế.

Lu-ca tiếp tục viết như một sử gia, giống như tin mừng của ông. Ông sử dụng nhiều loại tài liệu khác nhau, trong đó tài liệu chính là thứ mà người ta có thể

gọi là «nhật ký du lịch» của ông. Trên thực tế, người ta lưu ý rằng đôi khi tác giả bày tỏ ý kiến của mình bằng cách nói «chúng ta», điều này gợi ý rằng ông đã đi cùng Phao-lô. (Cv 16.10-40 ; 20.5 - 21.18 ; 27-28).

Một câu chuyện ngược dòng

Ngay từ đầu, Giáo hội đã bị cám dỗ tập trung vào chính mình, giam mình trong căn phòng trên lầu nơi các môn đồ trú ẩn. (CV 1.13). Thánh Linh sẽ thúc đẩy họ ra đi, rao giảng giữa ban ngày tại Giê-ru-sa-lem, rồi bị xua đuổi vì bị bách hại, hướng về Samaria, Antioch ở Pisidia, Tiểu Á, Hy Lạp, La Mã... Bằng cách làm chứng trên thế giới mà Kitô hữu tiên tri trong sự hiểu biết về Chúa Giêsu. Vì Chúa Kitô cũng là thân thể vĩ đại này được tạo thành từ tất cả những người tin vào Người và chỉ được hoàn thiện trọn vẹn ngày tận thế.

Sự kiện quyết định đối với các tông đồ xảy ra vào Lễ Ngũ Tuần. Thật vậy, khởi đầu của Sách Sáng Thế đã cho thấy nhân loại, bị chia rẽ bởi lòng hận thù, đang tiến tới sự hủy diệt. Để chấm dứt sự kiêu ngạo của loài người muốn đoàn kết để ngang hàng với mình, *Thiên Chúa đã làm xáo trộn ngôn ngữ của họ* tại Ba-ben (St 11.1-10), để họ không còn hiểu nhau nữa. Trong Sách Công Vụ Tông đồ, Luca cho thấy Thánh Thần của Chúa Giêsu tiếp tục công việc tái tạo nhân loại. Trong lễ Ngũ

Tuần, sự tuôn đổ của Chúa Thánh Thần trên các tông đồ phá vỡ những rào cản mà con người đã dựng lên giữa họ và *nói lỏng lưỡi của họ* để họ có thể một lần nữa hiểu nhau. Các tông đồ bắt đầu rao giảng : ba ngàn người đã hoán cải, đây là tín hiệu khởi đầu cho công cuộc truyền giáo trên toàn thế giới ! (Cv 2).

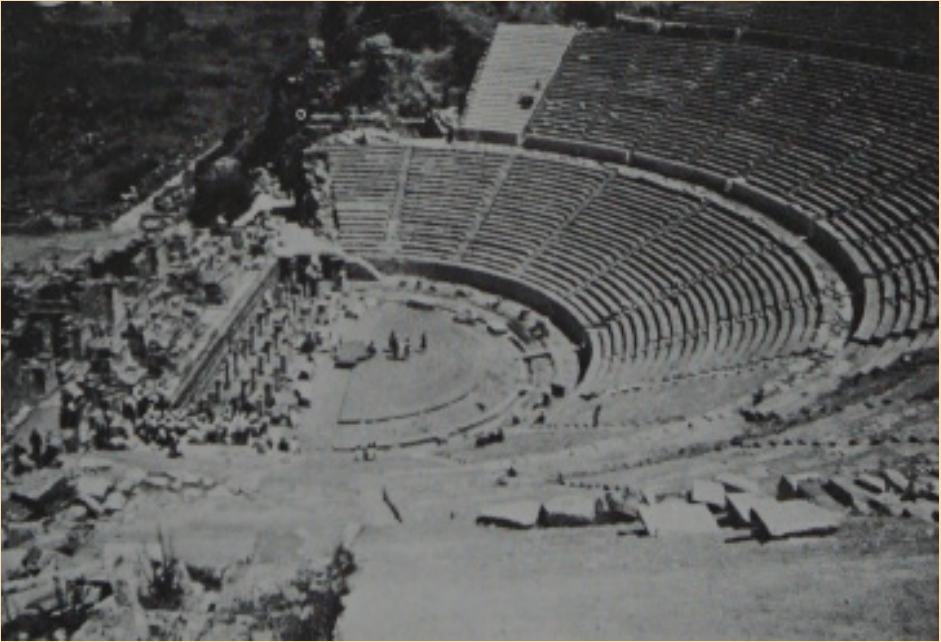


Athens : Acropolis

(thành phố phía trên)

nhìn từ Areopagus.

Đây là nơi diễn ra cuộc đối đầu đầu tiên giữa Tin Mừng và khôn ngoan Hy Lạp. Một cuộc chiến khó khăn (xem Cv 17.16-34).



Ephesus : nhà hát

Tại đây, Demetrius, người quản lý hội thợ kim hoàn, đã tập hợp đám đông để lên án hoạt động của Phao-lô là gây tổn hại đến sự thịnh vượng của thành phố. Những nghệ nhân này đã làm và bán những ngôi đèn lưu niệm để tôn vinh Diana, nữ thần nổi tiếng của người ngoại giáo Ephesus (Cv 19.23-24).

Một Giáo hội cho thế giới

Cộng đồng đầu tiên được Lu-ca mô tả trong chương 2.42-47 là... hoàn hảo : đó là sự chia sẻ trọn vẹn mọi của cải, vật chất và tinh thần. Nhưng nó phải vượt qua được thử thách của thời gian. Bản chất Do Thái của cộng đồng này là một trở ngại cho việc mở rộng «con đường» (đây là cách đức tin mới được chỉ định 9.2 ; 19.9 ; v.v.). Người Hy Lạp và La Mã sẽ không bao giờ có thể áp dụng được lối sống của người Do Thái mà những tín đồ đầu tiên vẫn còn gắn bó. Điều này đặt ra một vấn đề nghiêm trọng về đức tin : Tin Mừng dành cho mọi người, hay chỉ dành cho người Do Thái và những người đầu tiên đồng ý trở thành người Do Thái? Bây giờ chúng ta thấy các môn đồ, được Thánh Linh thúc đẩy, thậm chí là ép buộc, truyền giáo cho người Sa-ma-ri, làm phép Rửa cho một giáo sĩ người Ê-thi-ô-pi (Cv 8.26-40), kết nạp vào Giáo hội một viên đại đội trưởng La Mã : Corneille, một người ô uế ! Về phần mình, Phao-lô sẽ liên tục gặp phải vấn đề tương tự. (Cv 8.1-25 ; Cv 8.26-40 ; Cv 10).

Do đó, người ta quyết định tổ chức một hội nghị tại Giê-ru-sa-lem để tranh luận vấn đề này với «Giáo hội, các tông đồ và các trưởng lão», Phao-lô và Ba-na-ba : đây là *công đồng* đầu tiên, được tổ chức vào năm 49

(xem thêm bên dưới). (Cv 15.1-29).

Một ngàn lẻ một cuộc phiêu lưu của một nhà truyền giáo hay những chuyến du hành của Phao-lô

Chúng ta thường nói về «ba cuộc hành trình truyền giáo vĩ đại» của Phao-lô, nhưng cách diễn đạt này không diễn tả được hàng ngàn cây số đã đi khắp mọi hướng, sự đa dạng của các nền văn hóa, nhiều cuộc phiêu lưu, thường là bi thảm hơn là hài hước, nhưng luôn bất ngờ, đang chờ đợi ông ở mỗi chặng đường mới...

Vì thế, tại **Lystra**, Phao-lô và Ba-na-ba được coi là thần Jupiter và thần Mercury «trực tiếp» và được dâng lễ vật là bò đực. (Cv 14.8-18). Ở **Athens**, người Hy Lạp, những người có đầu óc sùng đạo nhưng cũng rất triết lý, lúc đầu rất tò mò muốn nghe Phao-lô giảng. Chỉ có điều họ bắt đầu bằng việc coi «Anastasis» (Sự Phục sinh, theo ngôn ngữ của họ) là một nữ thần mới, rồi phá lên cười khi họ hiểu rằng đó là vấn đề «hồi sinh người chết». (Cv 17.15-34).

Nhưng cũng có những khắc nghiệt của ngược đãi : Phao-lô bị quấy rối, mặc dù ông không bị ném đá, bởi người Do Thái, khi ông rời khỏi các hội đường nơi ông rao giảng. Hơn nữa, điều này khiến ông quyết tâm quay sang những người ngoại đạo. (Cv 13.46). Ông chịu

đựng những cực hình trong ngục tối, mặc dù chúng góp phần vào sự hoán cải của người cai ngục như ở **Phi-líp**. (Cv 16.16-34). Hoặc đó là một cuộc bạo loạn, như ở **Ê-phê-sô** (nơi có Đền thờ chứa Ngân hàng Quốc tế vào thời đó), nơi Phao-lô, qua bài giảng của mình, đe dọa sự thịnh vượng của một thợ kim hoàn, Đê-mê-triu, người làm «đền thờ bằng bạc cho nữ thần Diane». (Cv 19.23-40)

Tóm lại, Phao-lô là tất cả đối với mọi người. May mắn thay, ông có những người bạn đáng tin cậy ở thành phố này hay thành phố kia để ủng hộ ông : **Aquila** và **Priscilla**, những người làm lều như ông, những người chào đón ông đến **Cô-rinh-tô** và cùng ông làm việc một thời gian. (Cv 18.1-3). Hoặc **Lydia**, một thương gia mặc áo tím ở Philippi, người sau khi hoán cải đã chào đón Giáo hội vào nhà mình. (Cv 16.11-15).

Tin Mừng đến Rôma

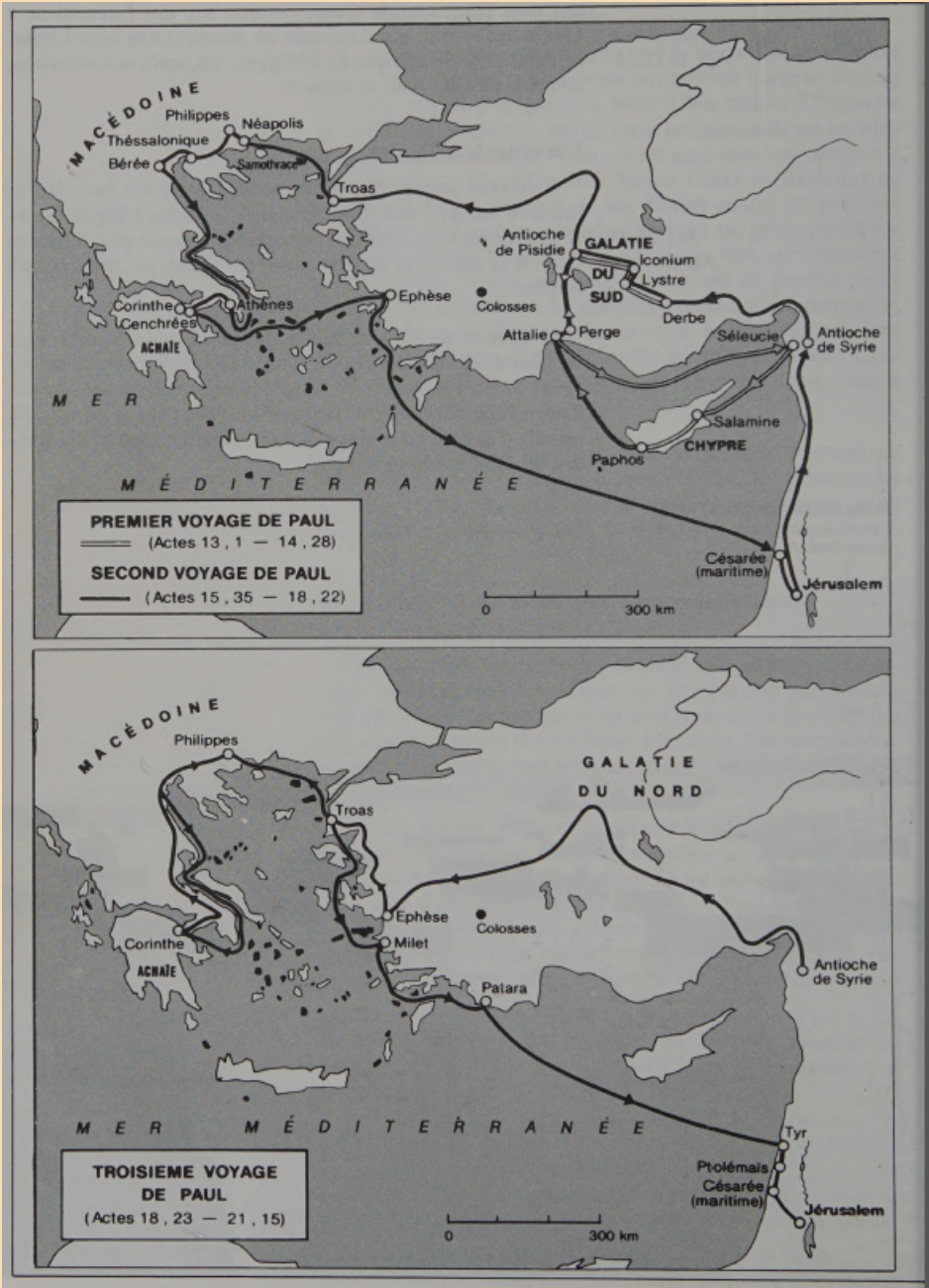
Trong suốt những sự kiện này, Phao-lô vẫn duy trì một mục tiêu rõ ràng và chính xác : ông biết rằng mình phải đem Tin Mừng đến Rô-ma. Thánh Linh cảnh báo ông rằng những giờ phút khó khăn đang chờ đợi ông, thậm chí còn khó khăn hơn. (Cv 20.23). Và đó là chuyến vượt biển cuối cùng vĩ đại và khủng khiếp đến Rô-ma. (Cv 27-28).

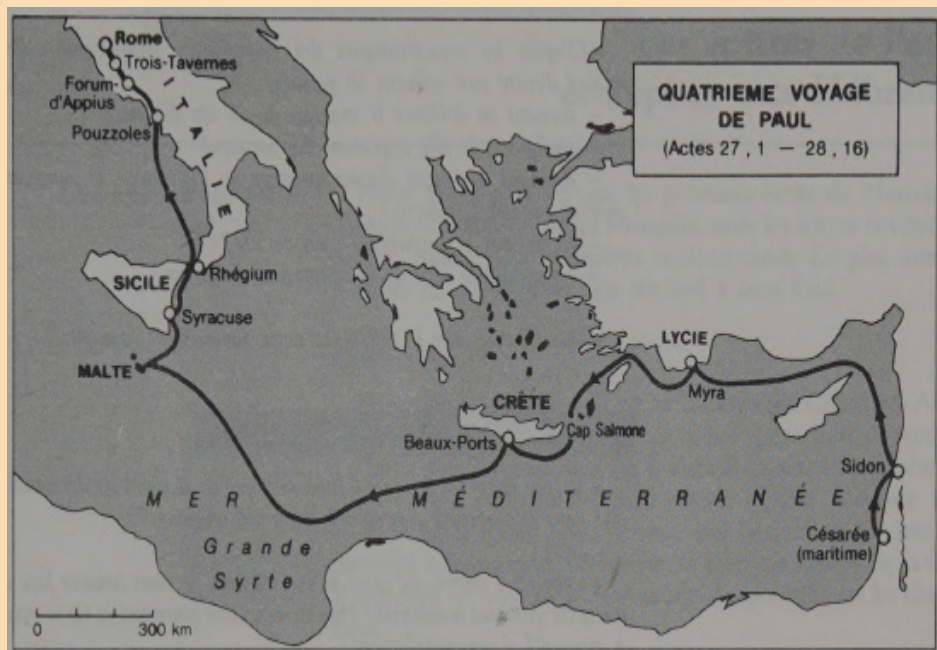
Cuốn sách kết thúc đột ngột. Ông cho chúng ta thấy cảnh Phao-lô bị giám sát tại Rô-ma, mà không giải thích cho chúng ta biết kết quả của phiên tòa mà ông phải trải qua sẽ như thế nào. Đối với Lu-ca, điều cốt yếu được nói đến là : Phao-lô tự do rao giảng Tin Mừng tại thủ đô của thế giới vào thời điểm đó. Đây là dấu hiệu cho thấy một ngày nào đó Tin Mừng này sẽ lan truyền trên *toàn thế giới* !

Pozzuoli : cảng

Điểm dừng chân cuối cùng trước khi đến Rô-ma (xem Cv 28.13).







CÁC CHUYẾN ĐI CỦA PHAO-LÔ theo sách Công Vụ Tông Đồ

- Người ta thường phân biệt giữa ba cuộc hành trình truyền giáo và cuộc hành trình đến Rô-ma. Trên thực tế, tác giả sách Công Vụ muốn chỉ ra rằng không có gì có thể ngăn cản hoạt động truyền giáo của thánh tông đồ vĩ đại, ngay cả trong những lúc thăng trầm - phải đọc điều này ! - của chuyến đi thứ tư.

• Ba chuyến đi đầu tiên khởi hành từ Antioch ở Syria. Cần phải nhấn mạnh tầm quan trọng của thành phố này vì đây thực sự là cái nôi của hoạt động tông đồ. Ngày nay, người ta thường tin rằng đây có thể là nơi mà một số sách Tin Mừng của chúng ta được viết ra.

Tác giả của sách Tin Mừng thứ ba và sách Công Vụ rất quan tâm đến sự tiến triển của thông điệp trong không gian địa lý. Vì vậy, ông kể lại sứ vụ lưu động của Chúa Giêsu như một cuộc hành trình duy nhất đến Giê-ru-sa-lem, bắt đầu từ Galilee và đi xuống xuống thủ đô ở phía nam, đi qua Samaria, ở trung tâm đất nước. Trong tác phẩm Kinh Thánh này, chức vụ của Chúa Giêsu dường như kéo dài cho đến khi bị bắt và Phục sinh trên Thập giá tại Giê-ru-sa-lem.

Trong tập thứ hai - Công Vụ - lời tường thuật cũng theo mô hình địa lý. Kế hoạch được đưa ra trong Công Vụ 1.8 với sự mô tả về chức vụ của các sứ đồ theo ba giai đoạn là Giê-ru-sa-lem, Giu-đê và Sa-ma-ri, và sự mở rộng «cho đến tận cùng trái đất».

Công trình này không miễn phí. Trên thực tế nó có nghĩa là miễn phí. Nó thực sự nổi bật ý định sâu xa của những lời chứng này : cho thấy Tin Mừng đã được truyền từ thế giới của người Do Thái sang thế giới của người ngoại đạo như thế nào.

Ở đây, Luca cho thấy mình là người đọc trung thành các lời tiên tri trong Cựu Ước. Ông biết cách nhận ra, trong các sự kiện những ngày đầu của Kitô giáo, sự ứng nghiệm các lời tiên tri về đấng cứu thế (ví dụ, xem Is 49.6).

- «Tận cùng trái đất» nằm ở đâu trên thế giới vào thời điểm đó ? Thật ngạc nhiên khi thấy Rô-ma xuất hiện trong sơ đồ này như một thành phố hoàn toàn không quan trọng. Chắc chắn, đối với Kinh Thánh, Giê-ru-sa-lem là trung tâm thần học của thế giới.

Nhưng chúng ta cũng tự hỏi điều gì đã xảy ra với kế hoạch đi Tây Ban Nha của Phao-lô, một kế hoạch mà ông đã nói chính xác với người La Mã (Rm 15.23,28). Người ta có một cảm giác rất rõ ràng rằng sách Công Vụ vẫn còn dang dở.

- Liệu Phao-lô có được giải thoát khỏi sự giam cầm ở La Mã và cuối cùng đến được Tây Ban Nha không? Không thể nói gì về điều này từ lời chứng của các nguồn Kinh Thánh. Nhưng đây không phải là Lu-ca, người tỏ ra là một độc giả trung thành hoàn toàn bị loại trừ ở đây.

KIỂM TRA BẠN CÓ HIỂU ĐÚNG KHÔNG

- Từ đặc điểm của những tác giả Tin Mừng, bạn có thể cho biết đoạn văn này thuộc về ai không
 - nhấn mạnh sự thiếu đức tin của các môn đệ ?
 - nêu bật vai trò quan trọng của phụ nữ ?
 - có bài phát biểu quan trọng định nghĩa lối sống mới của người Kitô hữu ?
 - tường thuật bài giảng về Bánh hằng sống ?
 - tường thuật câu chuyện hoán cải của tên trộm ?
- Bạn có thể phân biệt được sự khác nhau giữa tin Mừng và các sách phúc âm không ?

HÃY TỰ SUY NGHĨ

- Nếu bạn đang trên đường đến Em-mau, bạn sẽ bày tỏ sự thất vọng nào về đời sống tôn giáo của mình ?
- Khi đọc sách, bạn đã bao giờ gặp phải một văn bản khiến bạn khó chịu chưa ? Bạn có thể cho biết tại sao văn bản này lại có ý nghĩa cá nhân với bạn đến vậy không ?

- Hãy thử kể lại, theo cách của Công Vụ Tông đồ, sự căng thẳng mà bạn có thể thấy ngày nay giữa một Giáo hội khép kín và một Giáo hội bùng nổ dưới áp lực của những vấn đề mới.

- Bạn có nghĩ rằng Thánh Linh của Chúa Giêsu vẫn có thể hoạt động ngày nay không ?

2) Các Thư của Phao-lô và Thư gửi tín hữu Do Thái

Các Thư của Phao-lô

Chúng ta đã thấy những tác phẩm đầu tiên của Tân Ước không phải là các sách Tin Mừng, mà là những lá thư mà các tông đồ gửi cho các cộng đồng đầu tiên. Phần lớn các «thư gửi» này được cho là của Thánh Phao-lô.

Phao-lô là ai ?

Bản thân ông nói rằng ông sinh ra ở **Tarsus** (thuộc Cilicia, Tiểu Á), có cha mẹ là người Do Thái đã di cư đến Hy Lạp. Ông học ở **Tarsus** và sau đó ở **Giê-ru-sa-lem**, nơi ông gắn bó với những người thầy Phariseu của mình. (Pl 3.5-6). Ông đã có lập trường cứng rắn chống lại Giáo hội mới thành lập, coi đức tin vào Chúa Giêsu là một tà giáo nguy hiểm. Ông đã tham gia vào vụ hành quyết **Stephen**, vị tử đạo đầu tiên của đức tin. (Gl 1.13-14). Ông đã thực hiện một cuộc hành trình đến **Damascus** để săn lùng những người Kitô hữu ở đó. (Cv 7.58-60).

Nhưng sau đó, trên đường đến **Damascus**, ông đã có một trải nghiệm tuyệt vời về thực tại của *Đấng Phục Sinh*. (Cv 9.1-30 ; 22.1-21 ; 26.9-18). Lời kể sau đó

của người bạn đồng hành **Lu-ca** rất hữu ích trong việc giúp Phao-lô hiểu được sự *hoán cải* này là bước chuyển từ tình trạng mù lòa sang ánh sáng của trí thông minh mới. Từ thời điểm đó, toàn bộ cuộc đời của ông đã cống hiến cho việc tuyên bố «rằng Chúa Giê-su là Con Thiên Chúa». Phao-lô nhanh chóng chiếm được vị trí quan trọng trong cộng đồng Kitô giáo ở Damas.

Một thời gian sau, ông đến **Antioch ở Syria**, nơi có một nhà thờ Thiên chúa giáo quan trọng, nơi sẽ là căn cứ cho các chuyến hành trình truyền giáo của ông (Công Vụ ghi chép ba lần). Bằng cách tiếp cận thế giới Hy Lạp, ông đã phá vỡ những giới hạn mà Giáo hội có nguồn gốc Do Thái vẫn còn hạn chế. Điều này khiến ông gặp phải sự phản đối dữ dội không chỉ từ người Do Thái mà còn từ một số người Kitô hữu. Tuy nhiên, ông đã nhận được sự chấp thuận cho hành động và nội dung bài giảng của mình từ các tông đồ ở Giê-ru-sa-lem, «những trụ cột của Giáo hội». (Cv 15). *Công đồng Giê-ru-sa-lem* đưa ra cho ông lý do phản đối những người muốn giới hạn Tin Mừng trong khuôn khổ tư tưởng cũ của người Do Thái (Gl ch. 2). Tuy nhiên, trong chuyến đi tới Giê-ru-sa-lem, ông đã bị chính quyền bắt giữ sau một cuộc bạo loạn của người Do Thái. Được chuyển đến **Rô-ma** để bị hoàng đế mà ông đã kháng cáo xét xử, ông đã ở lại đó một thời gian. Sau đó chúng ta mất dấu

ông. Theo truyền thống, ông đã tử vì đạo vào khoảng năm 66-67, trong cuộc đàn áp do Hoàng đế Nero phát động.

Thư từ của một nhà truyền giáo

Phao-lô không chỉ là người hành động. Ông là một nhà văn, nhà thần học. Ông đã gửi nhiều lá thư tới các cộng đồng mà ông đã thành lập hoặc cộng đồng của Rô-ma mà ông hy vọng thăm viếng.

Theo nỗ lực tái sinh theo trình tự thời gian, các bức thư của ông được sắp xếp theo thứ tự như sau :

- *Từ 50 đến 60*

Hai Thư gửi tín hữu **Thê-xa-lô-ni-ca**, có thể được viết tại Cô-rin-tô vào khoảng năm 50 và 52.

Các Thư gửi tín hữu **Cô-rin-tô**, mà chúng ta có lẽ chỉ còn giữ một phần. Chúng có thời đại vào khoảng năm 56. Thư gửi tín hữu **Ga-lát**, được gửi đến một cộng đồng đang trong cơn khủng hoảng, có thời đại vào khoảng năm 56-57.

Thư gửi tín hữu **Rô-ma** có thể được viết vào năm 57-58.

Thư gửi tín hữu **Phi-líp-phê**, được viết trong thời gian bị cầm tù, có thể viết vào năm 56, nhưng cũng có thể viết vào năm 61-63.

• *Từ 61 đến 63*

Đây là thời điểm Phao-lô bị giam cầm ở Rô-ma. Các thư ông viết vào thời điểm đó hiện được gọi là *Thư lưu đày*.

Thư gửi tín hữu **Cô-lô-xê**, trong đó Phao-lô phản đối một số trào lưu tư tưởng thời thượng.

Ghi chú ngắn có tiêu đề : Thư gửi ông **Phi-lê-môn**.

Thư gửi tín hữu **Ê-phê-xô** : một tác phẩm có ý nghĩa thần học và huyền bí to tát.

Các giai đoạn cuộc đời Thánh Phao-lô ⁷

10 ?	Sinh ra tại Tarsus, ở Cilicia (thuộc châu Á thuộc Thổ Nhĩ Kỳ), cha mẹ là người Do Thái, thuộc chi tộc Benjamin (Pl 3.5).
------	--

⁷ Ngày tháng chỉ mang tính chất tham khảo

30 ?	Sau khi học nghề thủ công (làm lều) theo phong tục của các tiền sĩ Do Thái, ông đến Giê-ru-sa-lem. Ông đã hoàn thành chương trình học về giáo lý Do Thái với Gamaliel ben Hillel, một tiền sĩ rất nổi tiếng thường được nhắc đến trong Talmud (Cv 22.3).
37	Trên <i>đường đến Damascus</i> , hoán cải theo Chúa Giêsu Kitô (Cv 9.1-6 và những đoạn tương tự).
37-39	Ở lại <i>Damas</i> , rồi ở <i>Ả-rập</i> (Gl 1.16).
39-43	Ở lại <i>Tarsus</i> , quê hương của ông (Cv 9.26-30).
43-44	Ông đi với Ba-na-ba đến <i>An-ti-ốt ở Syria</i> (Cv 11.25-26).
44	Cả hai đều đi đến <i>Giê-ru-sa-lem</i> (Cv 12.25). Ông quyết định đi truyền giáo ở một đất nước ngoại giáo.
45-49	Chuyến hành trình truyền giáo đầu tiên (Cv 13.4 - 14.27).
49	Công đồng <i>Giêrusalem</i> (Cv 15.1-8 ; Gl 2.9).
50-52	Chuyến hành trình truyền giáo thứ hai (Cv 15.40 - 18.22).
52	Gặp gỡ Phê-rô tại <i>Antioch xứ Pisidia</i> (Cv 15.35).

53-58	Chuyến hành trình truyền giáo thứ ba (Cv 18.23 - 21.35).
6/59	Bị bắt giữ trong Lễ Ngũ Tuần tại <i>Giê-ru-salem</i> (Cv 21.19 và các chương tiếp theo).
58-60	Nhà tù ở <i>Caesarea Maritima</i> (Cv 23.32 - 26.32).
60-61	Người tù được giải mã đến Rô-ma (Cv 27.1 - 28.16).
61-63	Bị quản lý tại gia ở Rô-ma (Cv 27.16 và các phần tiếp theo).
63 ?	Được trả tự do ?
67	Bị bắt lần thứ hai và hành quyết (ở Rome) ?

Các Thư Mục Vụ

Có một số do dự khi cho rằng Phao-lô là người viết các Thư gửi ông **Ti-tô** và ông **Ti-mô-thê**, những thư này được gọi là *thư mục vụ* vì họ rất quan tâm đến việc tổ chức Giáo hội. Chúng có thể được *viết sau*, trừ khi chúng được viết bởi một cộng sự mà thánh tông đồ đã cung cấp một phác thảo khá sơ lược về những cân nhắc cần phát triển.

Những chủ đề chính trong tư tưởng của Phao-lô

Chúng ta hãy tóm tắt nhanh những ý tưởng chính của thánh tông đồ này.

- *Người đàn ông của học thuyết*

Trong lời giảng dạy của mình, Phao-lô diễn tả theo một cách mới mối quan hệ giữa con người và Thiên Chúa.

Ông nhớ lại rằng, vì sự cuồng tín của người Do Thái, ông bắt đầu bằng việc đàn áp những người Kitô hữu. Nhưng, bất chấp lỗi lầm của ông, bởi ân điển thuần khiết, Chúa Giêsu đã mặc khải chính mình cho ông. Bây giờ ông tin rằng điều cứu rỗi con người không phải là những việc làm mà người ta tuyên bố mình có : mà *đức tin nơi Chúa Giêsu Kitô*. Chính qua đức tin mà người tin Chúa bước vào vũ trụ của sự tha thứ và tình yêu vô bờ bến của Chúa. Phao-lô suy ngẫm rất lâu về công việc nghịch lý của Thiên Chúa. Điều này mâu thuẫn với toàn bộ quan niệm của con người về thành công và hiệu quả. Chính qua thập giá mà Chúa Kitô đã thể hiện tình yêu của Thiên Chúa và cho thấy ý nghĩa đích thực của cuộc sống. Chính qua sự thất bại và sỉ nhục rõ ràng mà ông đã làm cho vinh quang thiêng liêng tỏa sáng. Do đó, tư tưởng của thánh tông đồ tập trung vào việc suy ngẫm về

mầu nhiệm tử nạn và phục sinh của Chúa Giêsu.

Chính Chúa Giêsu đã mặc khải chính mình cho Phao-lô, nhưng qua Người, thánh tông đồ này đột nhiên khám phá ra Thiên Chúa là một Người Cha yêu thương. Ông thấy mình được Thánh Linh chiếm hữu. Do đó, Người là Đấng loan báo về *Chúa Cha*, *Chúa Con* và *Chúa Thánh Thần*.

«Tại sao người bách hại ta ?» Chúa Giêsu đã hỏi Phao-lô trên đường đến Damas. Khi đó, thánh tông đồ hiểu rằng có một mối liên kết bí ẩn đã kết hợp Thiên Chúa với những người của Ngài. Ông dịch câu này bằng cách nói rằng Chúa Giêsu là «đầu» của «thân thể» là *Giáo hội*. Con người không được cứu rỗi riêng lẻ, nhưng bằng cách trở thành một thành viên của nhân loại được đổi mới và đoàn tụ bởi Chúa Kitô.

Tất cả những ý tưởng của Phao-lô dần dần kết hợp lại với nhau trong quá trình khám phá ra điều mà ông gọi là «bí ẩn» thiêng liêng. Sự bí ẩn là kế hoạch của Thiên Chúa được theo đuổi trong suốt lịch sử, kế hoạch tái tạo mối quan hệ yêu thương giữa con người và Thiên Chúa. Đây là một thực tại tâm linh thực sự tạo ra một con người mới. Bây giờ, thông qua con người được công chính, toàn thể Tạo vật được tái chiếm trong sự năng động của Thiên Chúa.

Một LÁ THƯ là gì ?

Trong số các tác phẩm thư từ phong phú mà thời cổ đại để lại cho chúng ta, chúng ta phân biệt hai loại văn bản :

- *Bức thư* là một văn bản viết *riêng tư*, được viết cho một dịp cụ thể và dành cho một người hoặc một nhóm người cụ thể.

- *Thư Gửi* là một tác phẩm công khai, cấu thành nên một chuyên luận thực sự. Đây là một thể loại văn học giống như tiểu thuyết hoặc thơ.

Trong Tân Ước, các tác phẩm của Thánh Phao-lô đều xuất phát từ những hoàn cảnh cụ thể và hướng đến những đối tượng cụ thể. Tuy nhiên, đây là những lá thư chính thức, có thể được lưu hành (Cl 4.16) và... vẫn còn đến được với chúng ta ngày nay : do đó, chúng tôi muốn phân loại chúng vào loại «thư gửi».

«Thư gửi tín hữu Do Thái» là một luận thuyết thần học, «Thư của Thánh Gia-cô-bê» là một lời khuyên bảo, Thư của Thánh Phê-rô và Thánh Gio-an là những bài giảng : tất cả các tác phẩm đều thuộc thể loại văn học thư từ.

Cấu trúc của lá thư hoặc thư gửi :

Phương pháp viết của Người Xưa vẫn được sử dụng cho đến ngày nay. Trên thực tế, đây là phác thảo điển hình của một lá thư «cổ» :

1) «*địa chỉ*»

Tên tác giả / Tên người nhận / Lời chào

ví dụ :

Claude Lysias / Kính gửi Ngài Thống đốc Felix / Xin chào !

(Cv 23.26, so sánh với Cv 15.23)

2) *nội dung* chính

3) *lời chào sau cùng*

«Chúc sức khỏe !» «Giữ gìn sức khỏe !»

Công thức này có tác dụng xác thực văn bản : thực tế, đối với bức thư thường được đọc (Rm 16.22), tác giả đã tự tay thêm phần đề cập này.

Ví dụ : «Tôi chào anh em, Phao-lô, bằng chính tay tôi», ông còn nói rõ hơn : «đây là chữ ký của tôi trong mọi lá thư của tôi, tôi viết như thế này !» (2 Tx 3.17, so

sánh với Gl 6.11)

Người ta chỉ cần đọc phần đầu và phần cuối của các thư gửi trong Tân Ước để thấy rằng tác giả của chúng tuân thủ và điều chỉnh các nguyên tắc viết này.

Ví dụ, trong *phần địa chỉ của mình*, Phao-lô thêm chức danh và từ hạn định vào tên người gửi và người nhận :

«Phao-lô, tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô, được gọi làm tông đồ.... (theo 5 câu chính xác !) gửi tất cả những người ở Rô-ma được Thiên Chúa yêu thương, được gọi nên thánh (Rm 1.1-6) hoặc : Phao-lô và Ti-mô-thê, tôi tớ của Chúa Giêsu Kitô, gửi đến tất cả các thánh đồ trong Chúa Giêsu Kitô ở Phi-líp, gửi đến các giám mục và phó tế... (Pl 1.1).

Tương tự như Phê-rô : «Phê-rô, một tông đồ của Chúa Giêsu Kitô, gửi đến những người xa lạ và tản mác ở Pontus... và những người được chọn...» (1 Pr 1.2).

Những bài phát biểu này kết thúc bằng lời chúc phúc: ... «nguyện xin ân sủng và sự bình an được ban cho anh chị em từ Chúa Cha chúng ta và từ Chúa Giêsu Kitô!» (Rm 1.7) ... «Nguyện xin ân điển và sự bình an được thêm lên cho anh em qua sự nhận biết Thiên Chúa và

Chúa Giêsu, Chúa chúng ta !» (2 Pr 1.2)

- Sau đó, Phao-lô bắt đầu phần nội dung của lá thư bằng lời tạ ơn :

«Trước hết, tôi tạ ơn Thiên Chúa tôi, nhờ Chúa Giêsu Kitô, về hết thầy anh em... (Rm 1.8)

- Về lời chào cuối cùng, lời chào của Phao-lô luôn rất phát triển và nồng nhiệt : hãy xem toàn chương Rm 16 !

- *Nhà đạo đức*

Cho đến khi hoán cải, Phao-lô vẫn sống ám ảnh với việc tuân giữ Lễ Luật. Giống như tất cả người Do Thái cùng thời, ông thấy đây là một yêu cầu ràng buộc phải đáp ứng để được công bằng. Trở thành một người Kitô hữu, ông hiểu rằng mọi thứ đều là vấn đề tình yêu. Sự hoàn thiện về mặt đạo đức mà ông gọi những người có đức tin không hề kém phần vĩ đại so với những gì mà người Do Thái cuồng tín theo đuổi ; nhưng nó lại mang một ý nghĩa hoàn toàn khác. Đó là hoa trái của sự tự do của Thánh Linh, là dấu chỉ tạ ơn dành cho Thiên Chúa, Đáng yêu thương con người cách nhưng không.

- *Vị chủ chăn*

Phao-lô, người đã hoán cải, đã nhận được một sứ mệnh. Ông đóng vai trò là một chủ chăn chịu trách nhiệm cho cộng đồng. Những quyết định mà ông đưa ra không phải là kết quả của sự suy xét thuần túy của con người. Chúng gắn liền với tầm nhìn của ông về Giáo hội, một cơ thể duy nhất bất chấp sự đa dạng về vai trò mà Giáo hội cần đảm nhiệm. Mọi mối quan hệ giữa các thành viên của Giáo Hội này phải là mối quan hệ phục vụ.

• *Người huyền bí*

Được Chúa Kitô nắm bắt, Phao-lô biến cuộc sống của mình thành một hành động tạ ơn. Các lá thư của ông luôn bắt đầu bằng lời cầu nguyện ngợi khen. Ông thường dùng lý luận của mình lại để hát một bài thánh ca về tình yêu thiêng liêng. Với ông, cuộc sống dường như là một cách để tham gia vào trải nghiệm Phục sinh của Chúa Giêsu và ông mời những người liên lạc với mình bước vào viễn cảnh huyền bí này.

Bây giờ chúng ta phải cố gắng theo dõi sự phát triển của các dòng sức mạnh này bằng cách xem xét từng bức thư một.

Một cách xếp ngày cho các tác phẩm Tân Ước

Các sách được liệt kê theo thứ tự xuất hiện trong Kinh Thánh. Để đơn giản hóa mọi thứ, các ngày được sắp xếp thành 3 cột tương ứng với các mốc quan trọng. Tất cả các ngày đều chỉ là ngày gần đúng.

I	II	III		
	80		Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu	
	70		Tin Mừng theo Thánh Mác-cô	
	80		Tin Mừng theo Thánh Lu-ca	
		90	Tin Mừng theo Thánh Gio-an	
	85		Sách Công Vụ Tông Đồ	
57			Thư gửi tín hữu Rô-ma	(7e)
55			Thư 1 gửi tín hữu Cô-rin-tô	(3e)
56			Thư 2 gửi tín hữu Cô-rin-tô	(4e)
56			Thư gửi tín hữu Ga-lát	(6e)
60			Thư gửi tín hữu Ê-phê-xô	(10e)
56			Thư gửi tín hữu Phi-líp-phê	(5e)
60			Thư gửi tín hữu Cô-lô-xê	(8e)
51			Thư 1 gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca	(1e)
51			Thư 2 gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca	(2e)
	65		Thư 1 gửi ông Ti-mô-thê	
	67		Thư 2 gửi ông Ti-mô-thê	
	65		Thư gửi ông Ti-tô	
60			Thư gửi ông Phi-lê-môn	(9e)
	70		Thư gửi tín hữu Do-thái	
60			Thư của Thánh Gia-cô-bê	
63			Thư 1 của Thánh Phê-rô	

		110	Thư 2 của Thánh Phê-rô	
		95	Thư 1 của Thánh Gio-an	
		92	Thư 2 của Thánh Gio-an	
		92	Thư 3 của Thánh Gio-an	
	85		Thư của Thánh Giu-đa	
		96	Sách Khải Huyền	

(trong ngoặc đơn là sự phân loại mười bức thư của giai đoạn đầu).

Thư gửi tín hữu Rô-ma - Tin Mừng : sức mạnh giải phóng thách thức mọi định kiến

Đối với nhiều người, tôn giáo chỉ là danh sách những giới luật cần tuân theo. Họ thường bị choáng ngợp bởi nỗi sợ liên tục rằng mình có lỗi vì không tuân thủ tất cả các quy định.

Ngược lại, những người khác lại cứng rắn trong lương tâm của mình khi luôn trung thành tuyệt đối với các nguyên tắc đạo đức.

Thực ra, cả hai đều xa lạ với đời sống Kitô hữu đích thực. Cả hai đều bị kẹt trong một hệ thống không có mối quan hệ sống động với Thiên Chúa.

Thư gửi tín hữu Rô-ma mời gọi họ khám phá chiều kích thực sự của cuộc phiêu lưu tâm linh mà chính thánh tông đồ Phao-lô đã trải qua kể từ khi hoán cải. Đối với cả người ngoại giáo và người Do Thái ở Rô-ma, Phao-lô đến để loan báo Tin Mừng thay đổi cuộc đời : ông sẽ giải thích cho họ cách Chúa Giêsu Kitô xoa dịu mọi lương tâm và lôi kéo họ vào sự phục vụ mới mẻ đầy vui mừng.

Một trong những lá thư quan trọng nhất của thánh tông đồ

Vào khoảng năm 57 hoặc 58, Phao-lô ở **Cô-rin-tô**. Ông dự định đến Rô-ma để gặp một cộng đồng Kitô giáo mà ông không tìm thấy. Để chuẩn bị cho cuộc đối đầu này với những người Kitô hữu có nguồn gốc ngoại giáo, nhưng cũng với rất nhiều người gốc Do Thái hiện diện trong Giáo hội này, Phao-lô sẽ viết *chuyên luận có hệ thống đầu tiên về giáo lý Thiên Chúa giáo*. Một loại giáo lý tuyệt vời có thể được coi là (cùng với Thư gửi tín hữu Ga-lát) cấu thành nên cột lõi của Tân Ước.

Giọng điệu của bài viết giống như một lời biện hộ với lập luận chặt chẽ. Nếu chúng ta thường nhận thấy rằng việc đọc Sách này khó hơn việc đọc các sách Tin Mừng, thì chúng ta cần phải nhớ đến những điểm khác biệt về hoàn cảnh. Các sách Tin Mừng tương ứng với nỗ lực

phổ biến diễn ra khoảng hai mươi năm sau đó. Trong khi chúng ta đang ở giai đoạn của cuộc chiến chia rẽ, nơi chúng ta phải thay đổi tư duy để chấm dứt lòng tin sai lầm vào các luật lệ tôn giáo được áp dụng như công thức nấu ăn.

Hai ngỗ cụt và một lối thoát

Tự hào về di sản của Moïse, người Do Thái khinh thường những người ngoại đạo, những «dân vô lễ luật». Sai lầm ! Những người ngoại đạo này có quy luật tự nhiên của ý thức. Nhưng họ đã hiểu lầm khi tưởng tượng ra các vị thần được mô phỏng theo mong muốn của họ. Họ đã sa vào sự vô luân và trở nên xa cách với Thiên Chúa chân chính. Với họ, Ngài không còn có thể xuất hiện như bất cứ ai khác ngoài vị thẩm phán sẽ kết án họ.

Đúng là mặc dù có Lễ Luật, người Do Thái cũng chẳng khá hơn. Họ tin rằng những việc làm tốt của họ sẽ được Thiên Chúa tha thứ. Trên thực tế, họ chỉ tránh xa cái ác (luôn quyến rũ họ) vì họ sống trong cảm giác sợ hãi hèn mọn. Với họ, Thiên Chúa xuất hiện như một nhân vật đòi hỏi cao và đáng gờm.

Truyền Thống Phân Loại Các Thư Gửi Như Thế Nào

Chúng ta đã thấy rằng Tân Ước không sắp xếp các sách Tin Mừng và Công Vụ theo đúng thứ tự thời gian, nhưng tuân theo một logic nhất định. *Các Thư* cũng giống hệt như vậy.

Trước hết, chúng ta hãy nói rằng thứ tự trình bày các bức thư, như được sử dụng trong tất cả các phiên bản chính thức bằng tiếng Pháp, rất tự nhiên tái hiện thứ tự phân loại được tuân theo trong các bản thảo hoàn chỉnh lâu đời nhất của Tân Ước.

Sự sắp xếp này có thể làm nhà sử học ngạc nhiên, nhưng thủ thư thì không. Phân loại này thực tế tiến hành theo họ và gia đình và theo thứ tự *giảm dần về chiều dài*.

- Như vậy, chúng ta có thể xác định nhóm *chín lá thư* đầu tiên của Thánh Phaolô *gửi đến các Giáo Hội riêng biệt*, từ dài nhất là bức thư gửi tín hữu **Rô-ma** (785 dòng trong phiên bản tiếng Hy Lạp của TISCHENDORF), đến ngắn nhất là bức **thư thứ hai gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca** (94 dòng).

• Nhóm thứ hai bao gồm *bốn lá thư* cũng được cho là của Phao-lô nhưng được *gửi cho từng cá nhân*. Chúng được phân loại từ **Thư đầu tiên đến ông Ti-mô-thê** (202 dòng) đến thư nhỏ gửi đến ông **Phi-lê-môn** (40 dòng).

Thư gửi tín hữu **Do Thái** (595 dòng) rõ ràng là một trường hợp đặc biệt. Cần lưu ý rằng thư này ẩn danh. Do đó, nó được đưa vào phần phụ lục, sau bộ sưu tập các tác phẩm «của Phao-lô».

• Sau đó là các lá thư *gửi đến tất cả các giáo hội*, tức là chung chung. Chúng được phân loại từ Thư của **Thánh Gia-cô-bê** (203 dòng) đến **Thư thứ hai của Thánh Phê-rô** (134 dòng).

Ba bức thư của **Thánh Gio-an** ở đây tạo thành một nhóm nhỏ từ bức thư đầu tiên (220 dòng) đến bức thư thứ ba (28 dòng).

Thư của **Thánh Giu-đa** (58 dòng) cũng là một trường hợp rất đặc biệt, và nó đã được đưa vào phần phụ lục của nhóm này.

Về Sách Khải Huyền, vốn không phải là một bức thư, nhưng nó luôn chiếm vị trí danh dự : nó là cuốn sách nói lời cuối cùng và kết thúc Kinh Thánh.

Lưu ý : Có vẻ như Cô-lô-xê và Ê-phê-xô bị hoán đổi nhau mà không ai biết lý do tại sao. Mặt khác, lá thư thứ 2 và thứ 3 của Thánh Gio-an có người nhận riêng và do đó cũng không nằm ở vị trí hợp lý của chúng : người ta có thể nghĩ rằng có người muốn gom các lá thư của Thánh Gio-an lại với nhau.

Để ghi nhớ : chúng ta có thể theo ý tưởng liệt kê các tông đồ vĩ đại (theo Gl 2.9): Phao-lô, Gia-cô-bê, Phê-rô, Gio-an.

Bây giờ, Thiên Chúa chân chính là tình yêu và sự tha thứ. Ngài gọi con người đến gặp mình cách miễn phí. Ngài mong đợi một sự đáp trả hào phóng từ con người. Mong muốn được sống tự mình bằng cách tự coi là tuyệt đối (đây là tội lỗi của Adam), được thay thế bằng cảm giác công nhận của hai người trao cho nhau *phẩm chất của cha và con*, trong tự do. (Rm 8.14-16).

Điều này : Chúa Giê-su đã sống. Như vậy, Người cho chúng ta hiểu công lý của Thiên Chúa là gì, tức là tình yêu không mệt mỏi của Ngài dành cho nhân loại. Trong mối quan hệ mới này, chúng ta được xưng công chính (tức là «được kể là công chính» trước mặt Thiên Chúa).

Một suy nghĩ bốn bước

Phao-lô trình bày lý luận của mình theo từng đợt liên tiếp, mỗi đợt nhấn mạnh một khía cạnh của đời sống Kitô hữu.

- Ông lập luận về *mặt pháp lý* : mọi người đều đáng bị lên án. Nhưng Thiên Chúa, qua món quà là Con của Ngài, đã mang đến một thế giới mới, nơi mà sự công chính đã trở nên khả thi thông qua đức tin. Lòng tin tuyệt đối vào Chúa Giêsu phục sinh, đức tin vào Chúa Kitô, hoàn toàn đổi mới mối quan hệ với Thiên Chúa. (Rm 5).

- Ông suy ngẫm như một vị *chủ chăn* : tất cả mọi người đều phạm tội và đi đến cái chết. Nhưng khi gắn bó với Chúa Giêsu bằng đức tin và phép Rửa, các tín hữu sẽ được cứu rỗi. Họ đang chờ đợi sự đổi mới đã được khởi đầu trong cuộc sống hiện tại của họ được hoàn tất. (Rm 3 ; Rm 6 ; Rm 8.18-39).

- Là *nhà tâm lý học* : vị tông đồ giải quyết vấn đề khó khăn của con người bị chia rẽ nội tâm. Ông mong muốn điều tốt nhưng lại làm điều xấu. Con người chỉ tìm thấy sự hiệp nhất bên trong mình *bởi ơn* Chúa Thánh Thần, Đấng hướng con người về tình phụ tử yêu thương của Thiên Chúa. Như vậy, ông bước vào sự hiệp thông với

anh em mình và đồng thời trở nên đoàn kết với toàn thể Tạo Hóa. (Rm 7-8).

• Sau cùng, vị tông đồ cho thấy *kế hoạch của Thiên Chúa được hiểu thông qua sự diễn biến của Lịch sử*. Việc Do Thái giáo từ chối Chúa Kitô đã cho phép Tin Mừng được truyền đi khắp thế giới. Sau đó, Phao-lô có thể bày tỏ niềm hy vọng của mình vào sự cứu rỗi cuối cùng của dân Do Thái, nơi chính ông xuất thân. (Rm 9-11).

Phần cuối của lá thư rút ra những kết luận thực tế từ tất cả những suy tư về giáo lý này : những người tin Thiên Chúa giờ đây phải sống một cuộc sống biến đổi, vì giờ đây họ có khả năng dâng hiến chính mình cho Thiên Chúa trong sự dâng trào của tự do nội tâm vừa được tìm lại. (Rm 12-16).

Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rin-tô - Tin Mừng ở trung tâm các thành phố cổ lớn

Cô-rin-tô là một cảng rất lớn vào thời cổ đại. Thành phố có 600.000 cư dân. Hai phần ba trong số này là nô lệ. Sự thịnh vượng của thành phố đã thu hút dân số khắp thế giới. Những giáo phái đa dạng nhất đều được thực hành ở đó. Sự vô đạo đức ngự trị ở đó.

Phao-lô đến đó vào năm 51. Ông bắt đầu bằng nghề dệt lều. Dần dần, ông đã thành lập một cộng đồng Kitô hữu, chủ yếu bao gồm những người dân bình thường.

Những tín đồ mới này rất nhiệt tình, nhưng họ vẫn còn thâm nhuần tư tưởng ngoại giáo.

Trả lời các câu hỏi thực tế

Vào năm 56, khi Phao-lô đang ở Ê-phê-xô, Tiểu Á, ông nhận được tin tức đáng lo ngại từ Cô-rin-tô. Cộng đồng này bị chia thành nhiều giáo phái đối địch nhau. Trong các cuộc họp có một sự sôi nổi mang tính chất đáng ngờ. Ngoài ra, những người trao đổi thư từ với ông còn gửi cho ông một số câu hỏi thực tế mang tính đạo đức hoặc tôn giáo.

Vị tông đồ trả lời những câu hỏi này. Với nghệ thuật, ông bắt đầu từ những vấn đề cụ thể, nhưng quay trở lại những nguyên tắc cơ bản. Ông sửa chữa những lạm dụng, khắc phục lỗi lầm và làm sáng tỏ những quan điểm hời hợt.

- Một thành viên của Giáo Hội này đang sống loạn luân. Phao-lô tận dụng cơ hội này để giải quyết vấn đề chung hơn về mối quan hệ với thế giới ngoại giáo theo góc nhìn về Cuộc Khổ Nạn của Chúa Kitô. (1 Cr 5).

Những câu hỏi về tình dục dẫn ông đến những suy ngẫm về ý nghĩa của cơ thể và về sự tự do của Kitô hữu.

Khi giải quyết vấn đề hôn nhân vì mục đích tiện lợi, ông nổi bật hơn những người coi thường tình dục. Điều quan trọng là ý nghĩa mà chúng ta mang lại cho sự sống này. (1 Cr 6-7).

- Người ta có thể ăn thịt đã dâng cho thần tượng không? Vị tông đồ dạy cách sử dụng đúng đắn quyền tự do của người Kitô hữu. Điều này cho thấy quy tắc ứng xử phải quan tâm đến người khác. (1 Cr 8).

- Về việc tổ chức các cuộc họp tôn giáo, ông giải quyết một số vấn đề nhỏ bằng cách dựa vào phong tục của thời đại. Nhưng ông lên án cách cử hành Bữa Tiệc Ly một cách tai tiếng. Trong những bữa ăn huynh đệ đi kèm (*agapes*), tính ích kỷ và thói tham ăn thường được thể hiện. Phao-lô phản ứng một cách thích hợp. Trong dịp này, ông trích dẫn *phụng vụ lâu đời nhất của tổ chức Thánh Thể* : một tài liệu quý giá đối với tất cả chúng ta, những người sẽ không biết đến nó nếu không có trang mục vụ này. (1 Cr 11).

- Quan ngại về tình trạng hỗn loạn do những Kitô hữu tự nhận mình được Chúa Thánh Thần nâng đỡ gây ra, ông giải thích cộng đồng Kitô hữu là *thân thể của Chúa*

Kitô và là nơi lưu giữ các ân tứ *khác nhau* của Chúa Thánh Thần. Điều vĩ đại nhất chính là tình yêu. (1 Cr 12-14 ; 1 Cr 13).

- Sau đó, ông đề cập đến vấn đề phục sinh, một ý tưởng mà người Hy Lạp, vốn coi thường thể xác, đã tự động bác bỏ. Phao-lô nhắc nhở chúng ta rằng Sự Phục Sinh của Chúa Giê-su là trọng tâm của thông điệp Kitô giáo. (1 Cr 15).

Mặc dù đúng là một số vấn đề được đề cập trong bức thư rất cụ thể này có vẻ rất xa vời ngày nay, nhưng chúng ta vẫn cần phải hiểu cách Phao-lô tiến hành. Cách ông luôn nhắc đến những nguyên tắc cơ bản của đức tin là lời mời gọi hành động theo cách tương tự khi đối mặt với những vấn đề của cuộc sống phát sinh ngày nay.

Thư thứ hai gửi tín hữu Cô-rin-tô

Sau bức thư thứ nhất, Phao-lô đích thân đến **Cô-rin-tô**. Trong chuyến viếng thăm này, Phao-lô đã bị một người thực sự xúc phạm. Sau đó, Phao-lô trở về **Ê-phê-xô** và gửi một lá thư nghiêm khắc. Cuối cùng, ông giao phó cho người bạn đồng hành **Ti-tô**, người đã trấn an mọi người. Sau đó Phao-lô cảm thấy nhẹ nhõm. Ông đọc một lá thư giải thích thái độ của mình, khẳng định sự tha thứ và khuyến khích những người Kitô hữu cuối

cùng đã quay trở lại con đường đúng đắn. (2 Cr 2.5)

Tài liệu xuất hiện trong Tân Ước với tên gọi Thư thứ 2 gửi tín hữu Cô-rin-tô thực chất là một tập hợp, đáng tiếc là không đầy đủ, các lá thư mà thánh tông đồ gửi cho cộng đồng bất an và mờ ám này.

Ghi chú và sổ tay

Trong những điều kiện này, sẽ khá vô ích nếu cố gắng vạch ra một kế hoạch có phương pháp cho bức thư hiện tại. Điều này không ngăn cản nó chứa đựng những kho báu có phạm vi phổ quát khiến chúng ta nhanh chóng quên đi bối cảnh khá đau thương mà chúng được viết ra. Như vậy :

- **phần trình bày về hai giao ước** : một bình luận ngắn về câu chuyện Xuất hành, trong đó có đoạn kể rằng Moïse, khi xuống khỏi ngọn núi thánh, đã phải che mặt bằng một tấm khăn. Phao-lô đối chiếu giao ước cũ, có «chữ viết giết chết», với giao ước mới, theo Thánh Linh «là Đấng ban sự sống», (2 Cr 3.6 ; Xh 34).

- **chức vụ hòa giải** : một trong những minh chứng mạnh mẽ nhất về vai trò quyết định của công trình của Chúa Kitô, chịu đóng đinh để những ai tin vào Người được trở về với ân sủng hoàn toàn, (2 Cr 5 ; 2 Cr 5.6-

7,21).

- *quyên góp* cho các Kitô hữu ở Giê-ru-sa-lem : tác phẩm thần học vĩ đại duy nhất về ý nghĩa của lễ vật của Kitô hữu. Được viết vào dịp thể hiện sự đoàn kết to lớn ủng hộ những Kitô hữu đầu tiên đã tự hủy hoại mình vì người khác, những trang này đặt nền tảng cho mọi chính sách tài chính trong Giáo hội ; và hơn thế nữa, theo một phong cách đáng ngưỡng mộ. (2 Cr 8-9)

Khi Paul khoe khoang về sự yếu đuối của mình

Ba chương cuối, được viết theo phong cách tự truyện, tương ứng với giai đoạn khó khăn nghiêm trọng mà thánh tông đồ gặp phải. Giọng điệu càng thêm sâu sắc. Đặc biệt, chương 12 đã được lặp đi lặp lại vô số lần qua nhiều thời đại bởi những người Kitô hữu khi họ được bảo rằng : «Ơn của Thầy đã đủ cho anh, vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối.» (2 Cr 12.9)

Thư gửi tín hữu Ga-lát - Tin Mừng đang gặp nguy hiểm !

Chưa bao giờ Tin Mừng lại bị đe dọa nhiều như vào thời điểm xảy ra cuộc *khủng hoảng ở Ga-lát*. Điều này giải thích giọng điệu đầy nhiệt huyết của thánh tông đồ

trong bức thư này, trong đó ông chiến đấu hết mình để bảo vệ cốt lõi của Tin Mừng : Chúa Giêsu bị đóng đinh và sống lại là con đường duy nhất được ban cho con người để bước vào sự tha thứ của Thiên Chúa. Tin cậy Người sẽ phục hồi hoàn toàn mọi thứ. Muốn thêm nghi lễ hay thực hành vào điều này sẽ làm tổn hại đến mọi thứ : điều đó sẽ nghi ngờ tình yêu của Chúa Giêsu cũng như quyền năng của Người.

Những người Kitô hữu đầu tiên là người Do Thái sinh ra. Mặc dù đã hoán cải theo Chúa Giêsu, họ vẫn tin rằng cần phải trung thành với Luật Moïse và nhiều sắc lệnh của luật này, *đặc biệt là phép cắt bì*. Phao-lô không thể chấp nhận điều này nữa. Là một người Do Thái tuân thủ luật lệ nghiêm ngặt trước khi hoán cải, ông đã trải nghiệm đầy đủ sự nguy hiểm của việc đồng nhất đức tin sống động với một hệ thống giáo lý nghi lễ. Điều này dẫn đến việc không còn thấy được bản chất thực sự của sự cứu rỗi, *hồng ân miễn phí* của tình yêu thiêng liêng.

Kitô giáo sẽ không phản đối những thực hành này nếu chúng không nhanh chóng được coi là thiết yếu. Trong mọi trường hợp, việc áp đặt chúng lên những người mới hoán cải có nguồn gốc ngoại giáo là điều không thể tưởng tượng được. Phao-lô đã bảo vệ ý tưởng này một cách xuất sắc tại Công đồng Giê-ru-sa-lem trước các

tông đồ khác, và họ đã long trọng tuyên bố đó là điều tốt. (Cv 15.5-29).

Ngay sau công đồng này, Phao-lô đã truyền giáo cho người **Ga-lát**, một nhóm người có nguồn gốc Celt (*Ga-lát* có nghĩa là người Gô-loa) định cư tại trung tâm của Turquie ngày nay. Do đó, Phao-lô đã công bố Tin Mừng tinh khiết, nhưng nhóm Do Thái giáo trong Giáo hội đã phản công. Những người theo chủ nghĩa «chính thống» đã thuyết phục những người mới hoán cải rằng việc chấp nhận các phong tục cũ là bắt buộc, đặc biệt là nghi lễ cắt bao quy đầu. Vì vậy, Phao-lô phản đối.

Sự chấm dứt cần thiết

Trong bức thư quan trọng này gửi cho người Ga-lát, Phao-lô phân biệt hai hệ thống tôn giáo.

- *Cổ xưa nhất là Lễ Luật*. Hệ thống này cho phép sự cứu rỗi được hiểu là kết quả của việc tuân theo một quy tắc. Theo quan điểm này, con người luôn quay trở lại với ấn tượng là không thể chấp nhận một «Thiên Chúa» được coi là một bạo chúa vô nhân tính. Con người vẫn bị giằng xé giữa khuynh hướng làm điều ác và nỗi sợ không giữ được các điều răn của Lễ Luật. Họ sống trong đau khổ. Họ cố gắng thoát khỏi nó bằng cách thực hành các nghi lễ tôn giáo chính thống nhưng

vô ích. Hệ thống này cuối cùng biến Thiên Chúa thành một bạo chúa liên tục tính toán những món nợ của con người với Ngài. Con người cảm thấy bị đè bẹp vì điều này và bù đắp cho cảm giác này bằng sự không khoan dung với người khác. (Gl 2.5).

- Mặt khác, *sự mới mẻ của Tin Mừng* đưa chúng ta vào viễn cảnh của Thiên Chúa chân thật. Nó phát sinh từ sự phá vỡ quan niệm trước đó, khi con người nhận ra sai lầm khiến mình hình thành nên hình ảnh sai lệch về Thiên Chúa, cuối cùng chấp nhận được yêu thương mà không cần đền bù, một *cách nhưng không*. Sau đó, được tràn đầy Thánh Linh, ông từ bỏ lối suy nghĩ cũ của mình. Đáp lại tình yêu của Chúa Cha một cách vui mừng, Ông trở thành một *người con*. Ông được cứu vì ông có thể sống và phát triển trong tình yêu. (Gl 3-4 ; Gl 4.6-7).

Giữa hai hệ thống này, chúng ta phải kiên quyết lựa chọn hệ thống mới. Thư gửi tín hữu Ga-lát cho thấy chỉ có ân điển do Tin Mừng ban tặng mới cứu rỗi con người. Hơn nữa, điều này đã diễn ra trong lịch sử của Abraham. Hệ thống Lễ Luật chỉ là bước cần thiết để đưa tội lỗi ra ánh sáng bằng cách tố cáo sự vô cảm của con người trước tình yêu nhưng không của Thiên Chúa. Đối với những người đã gặp Chúa Giêsu, hệ thống Lễ

Luật này đã lỗi thời. Việc thực hành lòng đạo đức, tuân giữ các điều răn : tất cả những điều này chỉ có ý nghĩa trong một cuộc sống đã được giải thoát bởi món quà miễn phí mà con cái của Thiên Chúa đã nhận được. (Gl 3.21-25).

Thư gửi tín hữu Ê-phê-xô - Thư của Giáo Hội

Có nội dung rất gần với Thư gửi tín hữu Cô-lô-xê, Thư gửi tín hữu Ê-phê-xô (hoặc Lao-đi-xê) có mục đích khác. Về bản chất, đây là thư gửi của Giáo Hội, được lần lượt định nghĩa là *thân thể Chúa Kitô, nhà của Thiên Chúa, tòa nhà* mà Chúa Giêsu Kitô là đá góc, là *đền thánh*, là *nơi ngự của Thiên Chúa* và thậm chí là *cô dâu* của Chúa Kitô. (Ep 1.23 ; Ep 2.19-22 ; Ep 5 ; Ep 1 ; Ep 2.14-18 ; Ep 3).

- Chương đầu tiên, rất khó, được xây dựng xung quanh một bài thơ *sáu khổ*, kể lại những lời khẳng định tuyệt vời về đức tin nơi Chúa Kitô là trung tâm của mọi hành động của Thiên Chúa. (Ep 1).

- Bài *thơ thứ hai*, trong chương 2 (14-18) là bài thánh ca ngợi khen Chúa Kitô thống nhất, Đáng ban ơn cứu rỗi có phạm vi phổ quát. (Ep 2.14-18).

• Chương thứ ba trình bày, theo một phong cách rất trang trọng và có lẽ dùng cho mục đích phụng vụ, điều mà tác giả gọi là «*mầu nhiệm*» của lời kêu gọi này gửi đến toàn thể nhân loại trên toàn thế giới để họ bước vào kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa. (Ep 3).

Hiển chương Đại kết

Phần thực hành theo cách riêng của nó sẽ liệt kê các chức năng hoặc dịch vụ được công nhận trong Giáo hội (xem Rm 12 và 1 Cr 12), nhưng ở đây, nó đặt mọi thứ dưới tầm nhìn về một Giáo hội duy nhất của Thiên Chúa. Lưu ý rằng câu nói «chỉ có một Chúa» ám chỉ nghi lễ đọc kinh Tin Kính của người Do Thái trong sách Đệ Nhị Luật. Như vậy, thánh tông đồ đã đặt mình vào vị trí vững chắc. (Ep 3.1 - 4.16 ; Ep 4.5 ; Đnl 6.4).

Mầu nhiệm của Giáo Hội, hiền thê của Chúa Kitô

Một đặc điểm độc đáo khác của bức thư này. Hình ảnh này có vẻ rất táo bạo ngày nay vì sự phục tùng của người vợ đối với người chồng không còn là hình ảnh phổ biến trong văn hóa nữa. Tuy nhiên, dụ ngôn trong Ê-phê-xô 5 rất đẹp khi nó định nghĩa mối dây liên kết giữa Chúa Kitô với dân của Người theo nghĩa đoàn kết hôn nhân. (Ep 5.24-33).

Laodicea : Agora

(quảng trường chính)

Sách Khải Huyền (3.14) cho biết sự hiện diện của một Giáo Hội ở Laodicea. Một số người tin rằng bức thư «gửi cho người Ê-phê-xô» ban đầu đề cập đến Giáo Hội của thành phố rất gần Ê-phê-xô này.



Áo giáp của Kitô hữu

Đây là chủ đề kinh điển của Giáo hội cổ đại. Bài viết này mang tính tượng trưng cao và dễ đọc. Chúng ta có thể so sánh nó với chương 1 của sách I-sai-a ch. 59, nơi

ông lấy cảm hứng. (Ep 6.10-18 ; Is 59).

Bức thư này dường như được viết vào thời điểm bắt đầu thời kỳ lưu đày ở Rô-ma (khoảng năm 60-61). Đánh giá tư tưởng của thánh tông đồ, bài viết xác định nhiệm vụ của *Giáo hội trong tương lai gần* : chống lại những áp lực từ thế giới xung quanh muốn đàn áp Giáo hội ; nhưng cũng về thời gian : khi nó mô tả công việc của Chúa Kitô chuẩn bị cho cộng đồng này để cuối cùng xuất hiện trước Người phù hợp với sứ mệnh của Người, «không vết nhăn hoặc bất cứ một khuyết điểm nào, nhưng thánh thiện và tinh tuyền» (Ep 5.27)

Thư gửi tín hữu Phi-líp-phê

Phi-líp-phê, ở Macedonia, là một thành phố của Hy Lạp. Đây sẽ là thành phố Phi-líp-phê đầu tiên ở Châu Âu được truyền bá Tin Mừng. Câu chuyện đẹp về sự ra đời của cộng đồng này được ghi lại trong sách Công Vụ. (Cv 16).

Vào thời điểm viết bức thư này (hoặc loạt ba bài viết tạo nên bức thư này), Phao-lô đang bị cầm tù vì tội tuyên truyền Kitô giáo. Ông nói rất nhiều về Hội Thánh Phi-líp-phê đã đến giúp đỡ ông và ông chỉ có những kỷ niệm tốt đẹp về họ. (Pl 1.14-17).

Để hiểu đầy đủ bối cảnh của bức thư này, điều quan trọng là phải biết rằng chế độ nhà tù ở thời cổ đại đặc biệt tồi tệ. Các tù nhân không được Chính quyền cung cấp thức ăn, do đó họ phải phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ gia đình hoặc bạn bè từ bên ngoài để sinh sống. Hơn nữa, viễn cảnh về bản án tử hình chắc hẳn đã được thánh tông đồ cân nhắc rất nghiêm túc. Ông đã từng trốn thoát một lần, tại Ephesus, khỏi sự hung dữ của những con thú mà ông phải chiến đấu như bao vị tử đạo khác, và giờ đây ông đang suy ngẫm về cái chết hoặc cuộc sống của mình. (1 Cr 15.32 ; Pl 1.20-34).

Cuộc sống trong Chúa Kitô

Bạn nên làm quen với cách diễn đạt này. Thánh Gioan sẽ nói về việc «ở lại» (cư ngụ) trong Chúa Kitô, ở đây Thánh Phao-lô hình dung đến việc ra đi và «ở với Chúa Kitô». Ở đây, về phần ông, có một tấm gương để noi theo : «Hãy bắt chước tôi,» «như chính tôi bắt chước Đáng Kitô.» Đây là nỗ lực của đức tin và ân sủng được ban cho. Về chủ đề này, ông đã tường thuật một lời tuyên xưng đức tin đáng ngưỡng mộ. Điều này đạt đến đỉnh cao trong tín điều lâu đời nhất được biết đến cho đến nay, với công thức «GIÊSU KITÔ LÀ CHÚA», mà chính quyền La Mã sẽ coi là một thách thức đối với Hoàng đế La Mã, và đủ để những chứng nhân đầu tiên

của đức tin này bị đóng đinh hoặc bị ném cho thú dữ. (Pl 1.23 ; Pl 3.17 ; 1 Cr 11.1 ; Pl 2.12-13 ; Pl 2.5-11 ; Pl 2.11)

Luôn luôn vui vẻ

Chủ đề về niềm vui của người Kitô hữu, bắt chập đau khổ, là đặc điểm của bức thư này. Có không dưới 16 lần đề cập đến nó trong bài viết tương đối ngắn này. Một bài học tuyệt vời cho những người Kitô hữu thường bị cáo buộc là u ám.

Thư gửi tín hữu Cô-lô-xê

Giáo hội không bao giờ an toàn trước những luồng tư tưởng «thời thượng». Đôi khi những điều này gây ra mối nguy hiểm thực sự. Nhưng chúng luôn là cơ hội để *đào sâu bản chất thực sự của đức tin*. Thư gửi tín hữu Cô-lô-xê là một ví dụ điển hình.

Từ năm 61 đến năm 63, Phao-lô bị giám sát ở Rô-ma. Sau đó ông biết rằng Giáo hội Cô-lô-xê (nơi ông không sáng lập) đang gặp rắc rối vì những ý tưởng mới. Những điều này dường như ủng hộ một giáo phái thờ thiên thần, nơi mà học thuyết Do Thái sẽ được kết hợp với thuyết thần bí thiên văn của châu Á. Vai trò của Chúa Kitô do đó bị giảm thiểu. Những học thuyết này

tuyên bố mang đến một khoa học (một sự hiểu biết, xem bên dưới) truyền đạt bí mật tối thượng của thế giới cho một số người được khai tâm (Cv 28.23,30 ; Cl 2.18; Cl 2.3).

NGỘ ĐẠO

một khoa học giả tạo gây ra sự tàn phá

Có rất nhiều điểm liên hệ với ngộ đạo trong Tân Ước. Thầy phù thủy Si-môn (Cv 8) là một người theo thuyết Ngộ đạo. Phao-lô, Gio-an và cả các Thư của Thánh Giu-đa, rồi đến thư thứ hai của Thánh Phê-rô, đều ghi lại những khó khăn gặp phải trước những người truyền bá dòng tư tưởng này.

- *Gnosis* là một từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa đơn giản là *kiến thức*. Nhưng khi hiểu theo nghĩa tuyệt đối để chỉ Kiến thức Tối cao, Khoa học hoàn hảo, thì nó là một loại khoa học huyền bí có thể cạnh tranh với Kitô giáo hoặc tìm cách bóp méo nó.

- Hệ thống này *nhị nguyên* : nó chia thế giới thành hai. Đối lập với Thiên Chúa tốt lành, sẽ có một vị thần ác, người đã tạo ra thế giới.

Sự cứu rỗi do đó gồm tách con người ra khỏi thể giới xấu xa này mà cơ thể con người thuộc về, để giải phóng linh hồn.

Chỉ có sự mặc khải, *Ánh sáng* mới có thể kéo ra khỏi *Bóng tối* của nhà tù thể xác này.

Do đó, người ta sẽ khuyến khích con người «tách biệt» khỏi cơ thể mình thông qua nhiều hình thức kiêng khem khác nhau, về thức ăn, tình dục, hướng đến một dạng tồn tại như thiên thần.

Nhưng rất thường xảy ra trường hợp những nguyên tắc tốt đẹp này dẫn đến sự vô đạo đức hoàn toàn, với lý do là mọi thứ liên quan đến cơ thể đều không còn giá trị nữa !

- Với những người ngộ đạo, không thể thừa nhận rằng Chúa Giêsu đã thực sự trở thành một con người : Người chỉ mang hình dáng của con người mà thôi.

- Các tác giả Tân Ước thường sử dụng vốn từ vựng của trường phái triết học tôn giáo này để chống lại nó tốt hơn. Người ta từ lâu đã nhận thấy rằng Thánh Gio-an đã sử dụng các khái niệm về *Ánh sáng* và *Bóng tối* vốn có trong văn học của các tu sĩ Essene ở Qumrân; nhưng cần phải nhấn mạnh rằng Thánh Gio-an đến để

sửa chữa tình hình bằng cách chỉ ra rằng không có ánh sáng nào ngoài Thiên Chúa, được Chúa Giêsu mặc khải, chính Người là nguyên lý thiêng liêng «trở nên xác thịt». (Ga 1.1-14 , 8.12 ; v.v...).

Phản ứng của Phao-lô khiến ông suy ngẫm sâu hơn về Chúa Kitô. Mỗi ngày, ông càng thấu hiểu hơn về sự vĩ đại của vũ trụ. (Cl 1).

Một khía cạnh mới của tư tưởng Kitô giáo

Không tranh cãi về các thiên thần, Phao-lô nhấn mạnh điều cốt yếu : vị trí trung tâm của Chúa Kitô trong Vũ trụ.

Với giọng điệu gợi nhớ đến chương đầu tiên của Sách Sáng Thế và được tìm thấy trong lời mở đầu của Thánh Gio-an, Thư gửi tín hữu Cô-lô-xê cho thấy *Chúa Kitô đã bắt đầu làm việc ngay từ thời điểm sáng thế*. Sự phản ánh của Thiên Chúa được tiết lộ trong suốt Lịch sử, thông qua toàn bộ Vũ trụ, Người «hình thành». Người giống như người đứng đầu của một sinh vật tâm linh to lớn được sinh ra theo sau Người. (Cl 2,9).

Thay vì đầu hàng trước những cuộc cãi vã nhỏ nhen của con người làm xáo trộn tâm trí, Phao-lô mời gọi các tín đồ Kitô hữu ở Cô-lô-xê xem xét mối tương giao thiêng liêng sâu sắc với Đức Kitô.

Việc lo lắng về lịch, thức ăn nghi lễ hay nghi lễ cắt bao quy đầu có ý nghĩa gì nếu chúng ta đã hiểu được bản chất tạm thời của những thực hành này, vốn chỉ là «bóng của những điều sẽ đến»? (Cl 2.11-23 ; Cl 2.17).

Một quan điểm Rửa tội

Chúng ta sẽ thoát khỏi quan điểm hạn hẹp này về Do Thái giáo bằng cách nhận thức đầy đủ về *vai trò quyết định của Thập giá*. Những Kitô hữu ở Cô-lô-xê giờ đây có thể xóa bỏ mọi điều khoản pháp lý chống lại họ bằng cách nhận thức được bản chất quyết định của *phép Rửa* của họ. (Cl 2.11 - 3.4).

Chắc chắn, cuộc sống sẽ tiếp diễn, với *nhu cầu biến sang trong cuộc sống hằng ngày sự thuộc về Chúa Kitô*. Nhưng quan điểm rửa tội này tạo ra một tình huống mà vị tông đồ mô tả bằng công thức tượng trưng : «*mặc lấy con người mới*». Ông nói rõ rằng tính xác thực của sự vâng phục của người Kitô hữu phụ thuộc vào việc Chúa Kitô bao phủ những người đã chịu phép rửa tội trong sự công chính của Người. Mọi sự khi đó trở thành sự

nhìn nhận và tạ ơn, trong mọi khoảnh khắc của đời sống cộng đồng. (Cl 3.10 ; Cl 3.12-17).

Thư thứ nhất gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca

Có bao nhiêu người không cảm thấy lo lắng về *ngày tận thế* ? Những người Kitô hữu đầu tiên sống trong niềm vui mong đợi *Đức Kitô trở lại*. Đối với họ, ý tưởng về sự kết thúc của thế giới là *Tin Mừng*. Chính từ điều này mà Thánh Phao-lô đã nói với cộng đồng trẻ ở **Thê-xa-lô-ni-ca** (ngày nay là Sa-lô-ni-ca).

Một cộng đồng sôi động trải nghiệm đức tin mãnh liệt

Phao-lô không ở lại Thê-xa-lô-ni-ca lâu (khoảng năm 50). Người Do Thái đuổi ông ra khỏi thành phố. Tuy nhiên, ông đã thành lập một Giáo hội vững chắc tại đó, được tuyển chọn từ một môi trường ngoại giáo. Khi đến Athens, vị tông đồ đã cử ông Ti-mô-thê, môn đệ của mình, đi thăm hỏi tình hình mọi người. Những điều này xoa tan nỗi lo lắng của ông. Vào thời điểm đó, ông đã viết lá Thư của mình. (1 Tx 3).

Vấn đề về ngày tận thế

Như nhiều tín hữu thời đó, người Thê-xa-lô-ni-ca tin rằng sự tái lâm của Đức Kitô đã gần kề. Họ không muốn chết trước khi chứng kiến sự kiện trọng đại này. Phao-lô trấn an họ : Chúa sẽ trở lại, nhưng người chết sẽ là người đầu tiên gặp Người. (1 Tx 4.13-18).

Để mô tả ngày này, ông sử dụng những hình ảnh truyền thống về ngày tận thế của người Do Thái, những hình ảnh mà hiện nay chúng ta đang tìm cách giải thoát bản thân. Nhưng trên hết, nó kêu gọi chúng ta phải luôn cảnh giác. (1 Tx 5.9-11).

Lá thư này cho chúng ta thấy được sự nhiệt tình của những người Kitô hữu đầu tiên. Được Thánh Linh nắm lấy, họ thoát khỏi sự hẹp hòi của cuộc sống không có viễn cảnh. Sống trong tình yêu thương anh em, họ hướng về thế giới mới mà sự tái lâm vinh quang của Chúa sẽ mang đến.

Thư thứ hai gửi tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca

Lá thư thứ hai gửi cho tín hữu Thê-xa-lô-ni-ca được viết ngay sau lá thư đầu tiên. Có vẻ như điều này đã khơi dậy lòng nhiệt thành không tưởng trong một số tín hữu : nếu Chúa sắp trở lại thì không cần phải làm việc

nữa ! Kết quả : rối loạn trong Giáo hội. (2 Tx 3.6-12).

Phao-lô đã làm rõ sự việc. Bất kể Chúa trở lại khi nào, *trước tiên phải có cuộc thử thách*. Điều này chắc chắn đã được thể hiện rõ qua sự ngược đãi mà cộng đồng trẻ phải trải qua. Nhưng chúng ta phải lường trước điều tồi tệ hơn : một ngày nào đó *Kẻ chống Chúa* sẽ xuất hiện. Sự trở lại của Đức Kitô chỉ có thể diễn ra sau đó. Ở đây, Phao-lô dường như đang nhắc lại một số truyền thống khải huyền của người Do Thái. (2 Tx 2).

Điều quan trọng là chúng ta phải *sắp xếp* lại Giáo hội. Nếu người Kitô hữu tập trung vào tương lai, họ vẫn phải sống ở hiện tại. Bằng cách để cho Thánh Linh dẫn dắt, họ chuẩn bị cho một tương lai huy hoàng. (2 Tx 2.13-14).

Thư mục vụ : Hai Thư gửi ông Ti-mô-thê và Thư gửi ông Ti-tô

Người ta thường gọi chúng là *Thư mục vụ* vì chúng chứa đựng những chỉ dẫn dành cho các *vị chủ chăn* trẻ hoặc các người lãnh đạo Giáo hội. Chúng có phải từ Phao-lô hay từ một trong những môn đệ của ông ?

Có nhiều cuộc thảo luận về tác giả của hai thư gửi cho ông Ti-mô-thê và thư gửi cho ông Ti-tô. Thật vậy,

có những khác biệt quan trọng về phong cách và mối quan tâm giữa ba lá thư này và các tác phẩm khác của Phao-lô. Đức tin có vẻ giống một «khoản tiền ký quỹ» cần phải giữ hơn là một động lực mang lại sự sống mới. Sự nhấn mạnh vào «việc làm tốt» và «lòng đạo đức» thay thế cho lòng bác ái. Thánh Linh mất đi vị trí của Ngài trong các thư gửi khác. Cuối cùng, chúng ta khám phá ra mối quan tâm hoàn toàn mới về việc tổ chức thực tiễn cộng đồng. Đó vẫn là Kitô giáo, nhưng được thể hiện bằng một lối suy nghĩ khác.

Ngày nay, người ta thường đồng ý rằng những lá thư này có thể là tác phẩm của vị tông đồ, nhưng Phao-lô đã cho phép thư ký của mình có nhiều tự do ngôn luận hơn so với trước đây. Tuy nhiên, chúng ta không thể loại trừ giả thuyết về một sự biên tập sau khi Phao-lô qua đời, một sự biên tập sẽ sử dụng các văn bản cũ hơn.

Nếu những lá thư này là của Phao-lô, chúng ta phải cho rằng sau khi được thả khỏi cuộc lưu đày đầu tiên ở Rô-ma, ông đã trở về Tiểu Á và đảo Crete. Sau đó ông lại bị giam giữ, vẫn ở Rô-ma. Bức thư đầu tiên gửi cho ông Ti-mô-thê và bức thư gửi cho ông Ti-tô được viết vào cuối chuyến hành trình của ông. Thư thứ hai gửi ông Ti-mô-thê có lẽ là di chúc tâm linh được ông viết trong tù.

Các Giáo Hội đang tự tổ chức

Mục đích của những bài viết này là tổng hợp lại những công trình đã hoàn thành. Điều này càng cần thiết hơn khi Giáo hội đang phải đối mặt với những ý tưởng mới. Những suy đoán kỳ lạ xen lẫn với nghi lễ cứng nhắc và sự lỏng lẻo về mặt đạo đức. Nhưng những nhân chứng của thế hệ đầu tiên đang bắt đầu biến mất. Vì vậy, những người lãnh đạo phải tiếp quản : giám mục, trưởng lão, phó tế.

Đã có nhiều cuộc thảo luận giữa các giáo phái Kitô giáo về cách hiểu những vai trò này. Mỗi Giáo hội đều cố gắng biện minh cho tổ chức của mình dựa trên những bức thư này. Ngày nay, có sự đồng thuận chung rằng nỗ lực thiết lập một cấu trúc của Giáo hội sơ khai cần được thực hiện nghiêm túc, tuy nhiên, không nên diễn giải quá cứng nhắc về các «chức vụ» được mô tả trong các văn bản này.

Điều quan trọng là phải thấy rằng, trong Giáo hội, tâm linh và tổ chức không xa lạ với nhau mà bổ sung cho nhau.

**Tổ chức của Giáo hội
hay bức thư đầu tiên gửi cho ông Ti-mô-thê**

Sự ngắn gọn của những lá thư này làm cho chúng dễ đọc từ đầu đến cuối. Tuy nhiên, người ta sẽ nhạy cảm với một số giọng nhất định. Trong thư thứ nhất gửi cho ông Ti-mô-thê, sự kiện *Chúa Giê-su đến* giữa loài người cũng như vai trò *trung gian* không thể thiếu của Người là trọng tâm. Từ đó phát triển ý tưởng về *lòng đạo đức* đặc trưng của Kitô giáo được hoàn thiện trong Giáo hội. Toàn bộ *tổ chức của Giáo hội*, được trình bày chi tiết rõ ràng trong những trang này, đều nhằm phục vụ cho sự thành công của dự án truyền giáo khắp thế giới. (1 Tm 2.1-7).

**Hồ sơ lý tưởng của một vị chủ chăn,
hay thư thứ hai gửi cho ông Ti-mô-thê**

Việc phục vụ Tin Mừng đòi hỏi mỗi vị chủ chăn phải bám chặt vào lời dạy của các tông đồ và đời sống cá nhân phải luôn được nuôi dưỡng bằng Kinh Thánh. (2 Tm 2.1-13 ; 2 Tm 3.14 - 4.2).

Các Kitô hữu hãy nhớ lại phép rửa tội của mình, hay Thư gửi ông Ti-tô

Hãy để hành động của người Kitô hữu phù hợp với lời tuyên bố «biết Chúa» của mình. Đây là dòng chỉ dẫn này dành cho ông Ti-tô. Chỉ *chịu phép rửa tội* thôi thì chưa đủ, chúng ta còn phải cố gắng sống theo *ơn tha thứ* mà Thiên Chúa đã ban cho chúng ta (Tt 1.16 ; Tt 3.4-8) «theo lòng thương xót của Người».

Không hơn hai lá thư gửi cho ông Ti-mô-thê, lá thư mục vụ cuối cùng này không quan niệm rằng đời sống Kitô hữu có thể được sống mà không có mối liên hệ trực tiếp với công trình của Chúa Kitô «Đấng cứu thế». (Tt 1.3-4 ; 2.10).

Một ghi chú từ Phao-lô : thư gửi ông Phi-lê-môn - Vấn đề của các cấu trúc xã hội vô nhân đạo

Có cần phải thay đổi trái tim để thay đổi các cấu trúc xã hội vô nhân đạo không ? Chúng ta có cần phải thay đổi cấu trúc để con người có thể thay đổi không ? Đây là một vấn đề rất thời sự ! Người xưa không hề quan tâm đến vấn đề này. Cuộc sống của họ khó khăn, nhưng họ coi trật tự xã hội hiện tại là điều tất yếu.

Chắc chắn Kinh Thánh đã đặt ra vấn đề công lý xã hội từ lâu. Nhưng Kinh Thánh chỉ có thể làm điều này với triển vọng hoán cải được mọi người. Thánh Phao-lô phải giải quyết vấn đề này một lần nữa, vì ông thấy mình đang phải đối mặt trực tiếp với thực tế của chế độ nô lệ.

Miletus : nhà hát

Khi trở về sau chuyến hành trình thứ ba, Phao-lô dừng lại ở Miltus, nơi ông đã triệu tập các trưởng lão ở Ê-phê-xô. Ông gửi đến họ một thông điệp rất cảm động, đây chính là di chúc thiêng liêng của ông dành cho họ (Cv 20.13-38).



Nền tảng của tình anh em đích thực

Trong tù, thánh tông đồ đã gặp **Onesimus**, một nô lệ đã bỏ trốn khỏi chủ là ông **Phi-lê-môn** là người mà bức thư này được gửi đến. Để chắc chắn hơn, Onesimus đã mang hòm tiền đi. Bây giờ ông đã được thuyết phục theo Phúc Âm : Phao-lô đã hoán cải ông, và giờ đây muốn giúp ông thoát khỏi tình huống tồi tệ này.

Số phận thường được định sẵn cho Onesimus, nếu bị chủ nhân bắt gặp, là bị đóng dấu bằng một thanh sắt nóng và mãi mãi không được phép giải thoát. Tình huống khó khăn : Phao-lô sẽ làm gì ? May mắn thay, ông Phi-lê-môn, người chủ, lại là một Kitô hữu đến từ **Cô-lô-xê**, và ông cũng mang ơn Phao-lô. Vì thế, vị tông đồ đã viết thư cho ông, nhấn mạnh đến mối quan hệ mới mà giờ đây phải ràng buộc ông với nô lệ của mình. Với sự khéo léo và hài hước, ông thậm chí còn gợi ý giải phóng người nô lệ.

Có lẽ giải pháp mà Phao-lô áp dụng không giải quyết được vấn đề nô lệ. Nhưng nó đã chỉ ra hướng đi cần phải theo.

Bằng cách tuyên bố rằng mọi người đều được Thiên Chúa yêu thương, Phao-lô thiết lập tình anh em chân chính báo hiệu triều đại công lý. Thư gửi ông Phi-lê-

môn mạnh mẽ tuyên bố *phẩm giá của mỗi người trước mặt Thiên Chúa và sự bình đẳng cơ bản của tất cả.*

Một bức thư đặc biệt : Thư gửi tín hữu Do Thái

Vào khoảng năm 60, một học giả Kitô hữu đã biên soạn một chuyên luận về thần học bằng tiếng Hy Lạp rất hay. Giống như mọi Kitô hữu cùng thời, ông mở cuốn Kinh Thánh trước mặt, bản dịch *Septante*.

Tên của ông không được biết. Và cả những người trao đổi thư từ với ông nữa. Không phải là bài viết chưa đầy đủ, mà là nó không nằm trong phạm vi quan tâm của ông khi muốn giới thiệu bản thân đến độc giả. Vì vậy người ta phải nghĩ rằng họ biết rõ về ông ấy.

Độc giả của ông có phải là người gốc Do Thái không ? Nội dung của tác phẩm và tiêu đề phân loại «cho người Do Thái» thường dẫn đến giả định này. Nhưng cho đến ngày nay, vẫn không ai biết chính xác cách giải quyết câu hỏi này. Nhiều nhất, cần lưu ý rằng cái tên xuất hiện thường xuyên nhất trong số những giả định được đưa ra trong nhiều thế kỷ về danh tính của tác giả là Apollos, một người Do Thái đến từ Alexandria mà Thánh Lu-ca nói rằng ông là một học giả Kinh Thánh giỏi, một nhà hùng biện giỏi và đã nhận được nền giáo dục Hy Lạp. Về phần *người nhận*, họ sống ở Rô-ma. (Cv 18.24-28 ;

Dt 13.24).

Giao ước mới hơn giao ước cũ : nó hoàn thành giao ước cũ !

Không phải từ hôm nay mà những tín hữu mới tự hỏi mối liên hệ nào còn tồn tại giữa CỰU ƯỚC và TÂN ƯỚC. Giáo lý Kitô giáo liên tục cố gắng bỏ qua Cựu Ước, vốn được coi là thứ yếu ; hoặc họ là những nhóm rất tích cực, ngược lại, đến để thu hẹp phạm vi công trình của Chúa Giêsu Kitô, và yêu cầu những người đã là Kitô hữu... quay trở lại tuân thủ các nghi lễ và quy định của Do Thái giáo.

Trong mọi khía cạnh, dù là vào thế kỷ thứ nhất hay ngày nay, thông điệp của Thư gửi tín hữu Do Thái đều mang tính khích lệ và đổi mới. Thư khuyên chúng ta hãy nghiêm túc xem xét đến sự vượt trội của Chúa Kitô so với các thiên thần, so với Môsê và các tư tế mà Người đã hoàn thành chức vụ *cách trọn vẹn và hoàn hảo*. (Dt 1.4 - 2.18 ; 3-4 ; Dt 5-9).

**Một bài học tuyệt vời
về ý tưởng hy sinh và chức tư tế**

Những người Kitô hữu đầu tiên không coi Chúa Giêsu là một tư tế. Ông không thuộc chi phái Lê-vi và nổi

tiếng vì thái độ chỉ trích đối với nhóm này. Tuy nhiên, Người đã hoàn thành Lễ Vượt Qua đích thực bằng cách hiến dâng chính mình, như một con chiên không tì vết, để làm của lễ hy sinh cao cả. (Xh 12 ; Dt 9.11 - 10.18).

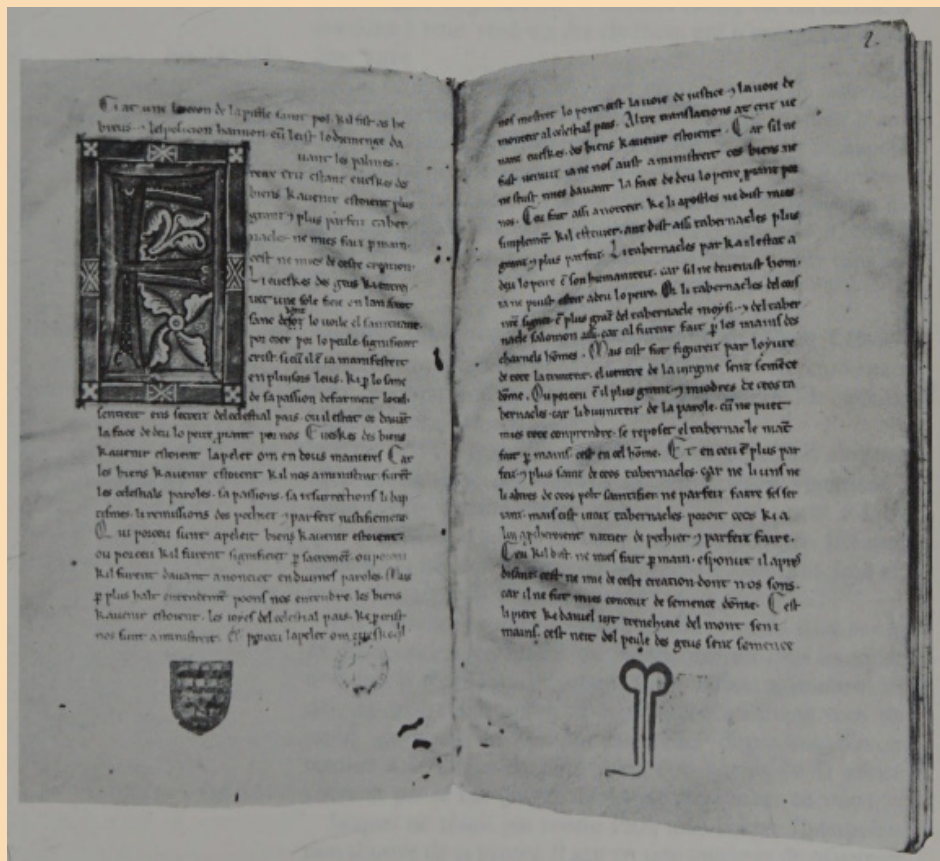
Để có thể cho thấy trong Chúa Giêsu vị thượng tế đích thực hiến dâng chính mình làm lễ vật chuộc tội, Thư gửi tín hữu Do Thái cố gắng nhấn mạnh bản chất *tạm thời* của Luật Lê-vi (Dt 10.1) : đó chỉ là «bóng của những điều tốt lành sẽ đến».

«Mắt hướng về Đức Giê-su là Đấng khai mở và kiện toàn lòng tin» (Dt 12.2)

Công thức tuyệt đẹp này về tinh thần của Thư gửi tín hữu Do Thái đã định nghĩa rõ định hướng của nó. Thật cần thiết phải đọc *chương 11* nổi tiếng, có tên là «*đám mây của các nhân chứng*», để hiểu rằng từ nay trở đi, dân sự của các tín hữu sẽ tiến lên, ngay cả khi điều đó có nghĩa là «chống lại tội lỗi đến mức đổ máu», theo bước chân của những người tiền nhiệm vinh quang này. Chúng ta đừng quên rằng trong tiếng Hy Lạp, nhân chứng có nghĩa là *tử đạo* : văn bản có thể ám chỉ đến cuộc đàn áp đe dọa tất cả những người mà hội đường Do Thái không còn công nhận là thành viên của mình. Trên thực tế, người Do Thái được hưởng quyền công dân bảo vệ họ khỏi nghĩa vụ tôn thờ Nhà nước La Mã.

Kinh Thánh của giáo dân Metz vào khoảng năm 1170

(Mảnh 2083 - Thư viện Arsenal)



Bức thư khó hiểu này, và đôi khi quá uyên bác so với sở thích của chúng ta, tuy nhiên lại giữ một vị trí quan trọng trong tư tưởng của Tân Ước. Lưu ý giọng điệu khác biệt, mang tính mục vụ và trực tiếp hơn của

chương 13, đây là phần phụ lục của văn bản chính.

KIỂM TRA BẠN CÓ HIỂU ĐÚNG KHÔNG

- Các thư gửi của Phao-lô chứa đựng một viễn kiến mới về mối quan hệ giữa con người và Thiên Chúa. Sự mới lạ lớn lao này là gì mà đối với các tông đồ lại tạo nên bản chất của Tin Mừng ?
- Thư gửi tín hữu Do Thái cung cấp ánh sáng mới nào về công trình của Chúa Kitô ?

HÃY TỰ SUY NGHĨ

- Những người Kitô hữu đầu tiên luôn hình thành nên các cộng đồng Giáo hội. Tại sao họ lại làm như vậy ? Theo bạn, việc noi gương họ ngày nay có quan trọng không ?
- Các thư tín trong Tân Ước được gửi đến những Kitô hữu sống cách đây hai ngàn năm. Trong số những lời dạy của họ, theo bạn điều nào là cần thiết nhất để nhắc nhở Giáo hội ngày nay ?

3) Những lá thư được gọi là «Công giáo»

Người ta thường gọi một nhóm thư gửi thuộc loại *thư hình tròn* bằng tên này. Chúng được gửi đến tất cả những người Kitô hữu và do đó không đề cập cụ thể đến người nhận. Do đó, từ Công giáo ở đây được hiểu theo nghĩa cổ xưa của nó : là Công giáo những gì là phổ quát.

Do đó, Thư thứ 2 và thứ 3 của Thánh Gio-an thường không xuất hiện trong nhóm này. Nhưng chúng quá ngắn đến nỗi chỉ được coi là phần phụ lục của Thư thánh Gio-an.

Thư của Thánh Gia-cô-bê, Giám mục Giê-ru-sa-lem

Có nhiều tên Gia-cô-bê trong Tân Ước. Đây không phải là thánh tông đồ mà là nhân vật mà Tin Mừng theo Thánh Mác-cô chỉ định là anh em, tức là họ hàng gần của Chúa Giêsu. Chính ông, với tư cách là người đứng đầu Giáo hội đầu tiên tại Giê-ru-sa-lem, đã chủ trì hội đồng nổi tiếng, nơi quy định cách ứng xử đối với những người theo đạo Thiên chúa không phải là người Do Thái.

Văn bản của ông trông giống một tập hợp các câu hơn là một bức thư, chỉ nhắc đến tên Chúa Giêsu Kitô hai lần. Thực ra, ý định của ông không phải là trình bày nội dung của Tin Mừng : ông chỉ giới hạn bản thân vào việc thường xuyên ám chỉ đến Tin Mừng. Các lá thư của Phao-lô và các sách Tin Mừng vẫn chưa được hoàn thành vào thời điểm ông viết (khoảng năm 50 và 60), nhưng nội dung của chúng phần lớn đều được các Giáo hội biết đến rộng rãi.

Gia-cô-bê, hay việc thực hành đức tin (Gc 1.19-27)

Sinh ra và lớn lên trong gia đình Do Thái, ông có thể đã tiếp xúc với phong trào Essene, những nhà khổ hạnh có đạo đức và tinh thần vô cùng nghiêm ngặt.

Ông nhạy cảm với những khó khăn của những người có thu nhập khiêm tốn và do đó quan tâm đến các mối *quan hệ xã hội*. (Gc 2.1-10 ; 5.1-6). Ông phản ứng dữ dội với một số Kitô hữu mà đức tin của họ chỉ mang tính lý thuyết, không có tác dụng gì đến hành vi thực tế. Do đó, ông nhấn mạnh đến sự *cần thiết của việc làm* : «như thân xác không có hồn thì chết, đức tin không có việc làm cũng chết !» (Gc 2.14-26).

Họ muốn chống đối ông với Phao-lô, người rao giảng về sự cứu rỗi bởi đức tin. Sự đối lập này thực ra là giả tạo : nó nằm ở lời nói chứ không phải ở bản chất. Phao-lô chờ đợi đức tin trở nên tích cực và những việc làm mà ông lên án là những việc được thực hiện trong tinh thần kiêu ngạo, tưởng rằng chúng miễn cho người ta khỏi phải cậy đến Thập giá của Chúa Giêsu để được cứu rỗi : «nếu công lý được thực hiện bởi Lễ Luật (Do Thái), thì Đức Kitô đã chết vô ích» (Gl 2.21).

Gia-cô-bê không phản ứng lại Phao-lô, nhưng phản ứng lại cách diễn giải sai lạc về tư tưởng của ông. Ông ấy hành động như một người đàn ông khôn ngoan, quan tâm đến việc duy trì cân bằng của đời sống Kitô giáo và bảo tồn những đóng góp tích cực của truyền thống Do Thái.

Lời của người khôn ngoan

Có phần giống với Bài giảng trên núi, bức thư này liên kết với nhau, không theo bất kỳ thứ tự chặt chẽ nào, nhiều cân nhắc về mặt đạo đức. Nó cung cấp những điều cốt yếu cho mọi sự suy tư của Kitô giáo về đạo đức thực tiễn.

Do đó, ông dạy chúng ta cách *kiềm chế lời nói của mình* trong một tác phẩm mà sau hai mươi thế kỷ vẫn không hề mất đi giá trị. Nó khuyến khích người ta tìm kiếm sự *khôn ngoan thực tế đích thực* và làm chủ đam mê của mình. (Gc 3.1-12 ; Gc 3.13-18 ; 4.1-12).

Tài liệu kết thúc bằng lời khuyến khích mạnh mẽ về việc cầu nguyện, điều này sẽ hỗ trợ toàn bộ đời sống Kitô giáo. Nó thậm chí có thể trở thành nguồn sức khỏe cho người bệnh. (Gc 5.13-18).

Hướng dẫn cho những người Kitô hữu bị đe dọa

Chúng ta không còn ở mức độ nhiệt tình và thoải mái như lúc mới bắt đầu nữa. Tại **Rô-ma**, nơi bức thư này được viết, người dân đều biết rõ ý định của chính quyền đế quốc. Họ rất thù địch với những người Kitô hữu, rải rác khắp năm tỉnh của Tiểu Á, những người mà *chỉ thị mục vụ chung* này nhắm đến. Việc thành phố Rô-ma được đặt biệt danh là «Babylon» là một cách khéo léo ám chỉ với các học giả Kinh Thánh rằng họ không còn có thể mong đợi điều gì tốt đẹp từ quyền lực trung ương nữa. Trong Cựu Ước, Babylon thực sự là kẻ thù truyền thống của Giê-ru-sa-lem. (1 Pr 1.2 ; 1 Pr 5.13).

Hơn nữa, những câu đầu tiên của bài viết có đề cập đến sự sắp xảy ra của cuộc đàn áp.

Niềm tin và hy vọng sẽ là linh hồn của sự kháng cự

Khi đối mặt với mối nguy hiểm đang đe dọa, các tín hữu sẽ được củng cố *đức tin* và hy vọng bằng cách hướng đến con người và công việc của Chúa Giêsu Kitô. Chính bằng cách suy ngẫm về sự kiện Chúa Giê-su cũng đã chịu đau khổ «để lại cho anh em một gương mẫu để anh em noi theo dấu chân Người» mà cuộc kháng chiến sẽ được tổ chức. (1 Pr 5.8 ; 1 Pr 1.3,21 ; 1 Pr 2.22-24).

Chắc chắn, người Kitô hữu không phải lúc nào cũng sống trong những điều kiện bi thảm như vậy. Nhưng nguy cơ mất dần đức tin vẫn còn đó. Đây là lý do tại sao lời chỉ dẫn yêu cầu các tín đồ *luôn sẵn sàng* trình bày về *hy vọng của mình* trước những kẻ vu khống, bóp méo sự thật. (1 Pr 3.13-16)

Trách nhiệm truyền giáo

Trước mặt Chúa, Đáng phán xét, các Kitô hữu sẽ phải giải trình về những gì họ đã làm với Tin Mừng. Lấy ý tưởng từ Sách Xuất Hành, Thư của Thánh Phê-rô gửi những người Kitô hữu vào sứ mệnh, với tư cách là một dân tộc tự tế, để loan báo về Chúa Giêsu Kitô. Vì vậy,

họ là «những viên đá sống» của Hội thánh. (1 Pr 1.17-25 ; Xh 19.6 ; 1 Pr 2.9-10 ; 1 Pr 2.4-5).

Một giáo lý dựa trên phép rửa tội

Câu chuyện về Nô-ê, được cứu «qua dòng nước» của trận hồng thủy, được diễn giải như một điềm báo trước về những gì Giáo hội sẽ làm, cứu rỗi con người bằng cách tự nguyện theo Đức Kitô, được cử hành bằng phép rửa tội. Rất có thể những hướng dẫn như trong chương 3 phản ánh thực hành phụng vụ của Giáo hội cổ xưa. (1 Pr 3.18-22).

Bức thư này được đặt trong một góc nhìn tương tự như bức thư đầu tiên của Phao-lô gửi cho tín đồ ở Thê-xa-lô-ni-ca. Nó bị chi phối bởi sự *mong đợi* thiếu kiên nhẫn về *sự trở lại của Thiên Chúa*. Nhưng thời thế không còn như trước nữa: chúng ta đang ở đầu thế kỷ thứ 2 và Giáo hội phải học cách sống theo viễn cảnh của một Lịch sử liên tục. Cần tìm được tốc độ di chuyển của mình.

Một sự làm rõ cần thiết

Thất vọng với kỳ vọng của mình, các Kitô hữu lắng nghe những lời nói dối của các *tiến sĩ giả*, điều này thường thấy ở mọi thời đại. (1 Pr 2).

Sau đó, một nhân chứng cuối cùng của thời đại tông đồ, lên tiếng nhân danh Phê-rô, cảnh báo những ai để mình bị dẫn đi lạc khỏi con đường chân chính. Nó khôi phục lại cảm giác về sự phán xét của Thiên Chúa. Nếu Thiên Chúa đến chậm, đó là vì Ngài đang chờ đợi con người *hoán cải*. Với Ngài, «một ngàn năm như một ngày». (1 Pr 3.1-10).

Tác giả nhắc lại giá trị của Kinh Thánh, đặc biệt là các thư của Phao-lô. Do đó, điều này chứng tỏ Giáo hội quan tâm đến việc thu thập các văn bản sáng lập của mình. (1 Pr 1.20-21 ; 1 Pr 3.15).

Bản chất muộn màng của tác phẩm này giải thích tại sao Giáo hội không ngay lập tức coi nó là kinh điển. Chính những người theo đạo Thiên chúa ở Alexandria là những người đầu tiên nhận ra đây là biểu hiện quý giá của đức tin của Giáo hội cổ đại.

Thư 1 của Thánh Gio-an

Không có lúc nào tác giả của bài viết này tiết lộ danh tính của mình. Tuy nhiên, những điểm tương đồng này lại rất gần với Tin Mừng thứ tư đến nỗi Giáo hội luôn cho rằng tác giả là Thánh Gio-an.

Nó không hướng đến một cộng đồng cụ thể nào mà hướng đến một khó khăn cụ thể. Giáo hội thời đó, vào khoảng những năm 1990, đang vật lộn với một luồng tư tưởng kỳ lạ cho rằng Chúa Giêsu là một nhân vật phù du, một dạng bóng ma không bao giờ tồn tại trên trần thế (xem trang «Ngộ Đạo»).

Lời Dẫn Nhập

Đây là lý do tại sao, một lần nữa, Thánh Gio-an đã viết một lời dẫn nhập tuyệt vời chứa đựng những lời khẳng định thiết yếu. Gio-an là người chứng kiến *tận mắt* : ông đã *nhìn thấy, nghe thấy và chạm vào* Chúa Giêsu bằng tay của mình. Ông biết rằng Chúa Giêsu là một con người. Bây giờ ông chứng thực điều đó cho các thế hệ tương lai. (1 Ga 1.1-13)

Đi trong ánh sáng

Trong Tin Mừng theo Thánh Gio-an, chúng ta đã đọc rằng Chúa Giêsu là «Ánh sáng của thế gian». Ở đây chủ đề này được mở rộng và áp dụng thực tế vào *hoàn cảnh chúng ta*. Thật dễ dàng để biết liệu chúng ta sống trong ánh sáng : *yêu thương người lân cận* là dấu hiệu của điều này. Tương tự như vậy, tình yêu của những ham muốn trần tục sẽ chỉ ra rằng chúng ta chưa yêu Chúa Cha. (1 Ga 2.3-11 ; 1 Ga 2.12-17).

Vì vậy, chúng ta sẽ không còn rơi vào cạm bẫy của những tiến sĩ giả dối phủ nhận tội lỗi nếu chúng ta biết cách áp dụng hai nguyên tắc mà Chúa Giê-su dạy : tìm kiếm *tình yêu Thiên Chúa và người lân cận*.

Con cái Thiên Chúa

Người Kitô hữu là *con* của Thiên Chúa. Trong đức tin «nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa» và cũng «nhờ Thánh Linh», giờ đây chúng ta biết cách vạch mặt những Kẻ địch Chúa, những tiên tri giả phủ nhận Chúa Giêsu đã đến «trong xác thịt» bằng cách hoàn toàn đảm nhận thân phận con người. (1 Ga 3.1-3; 1 Ga 3.23 - 4.3)

Không phải tất cả những ý tưởng này đều được trình bày dưới dạng lập luận hợp lý. Chúng được thể hiện dưới hình thức *thiên định*. Thánh Gio-an tiếp tục đào sâu sự mặc khải trung tâm của Chúa Giêsu. Chúng ta không thể mô tả chi tiết về Ánh sáng : chúng ta chỉ có thể diễn tả, theo cách ngưỡng mộ, vẻ đẹp của sự phản chiếu của nó.

Do đó, bức thư này nên được đọc thành từng phần nhỏ. Bạn phải để sang bên, rồi tiếp tục sau đó và khám phá ra nhiều điều giàu có khác.

Thư thứ hai và thứ ba của Thánh Gio-an

Những ghi chú ngắn được gửi đến, ghi chú đầu tiên gửi đến một giáo xứ, ghi chú thứ hai gửi đến người Gaius nào đó ; trước bức thư đầu tiên, họ đã phác thảo một số chủ đề nhất định.

Tài liệu lâu đời nhất có lẽ là lá thư thứ ba. Bài viết này viết về một sự việc xảy ra ở địa phương. Tại giáo xứ Gaius, các phái viên của các Giáo hội chị em đang bị trục xuất. Sự thiếu tinh thần đại kết này cần phải được khắc phục.

Lá thư thứ hai thuật lại hoạt động gian ác của những tiên sĩ giả phủ nhận sự nhập thể của Chúa Giêsu. Chúng ta không nên mở cửa nhà mình cho họ nữa... hoặc chào hỏi họ nữa ! - Chúng ta nghĩ đến Đệ Nhị Luật : «hãy loại bỏ điều ác khỏi anh em». (Đnl 13.5).

Thư của Thánh Giu-đa

Bức thư này thật là một văn bản kỳ lạ ! Tác giả của tác phẩm này dường như đã phải đối mặt với một môi trường Do Thái tách biệt khỏi thế giới và sống trong bầu không khí đòi trụ.

Điều này là do hoạt động có hại của «một số kẻ vô đạo» đã xâm nhập vào vòng Kitô hữu. Sự lên án họ cũng chắc chắn như sự lên án nhiều người không tin được ghi lại trong lịch sử Kinh Thánh.

Tuy nhiên, những người trao đổi thư từ với Thánh Giu-đa không nên nản lòng. Chúa Giêsu đã báo trước sự xuất hiện của những kẻ gây rối này.

Tác giả (hoặc Giu-đa, anh (em) trai của Gia-cô-bê, hoặc một người nào đó dưới bảo trợ của ông) có một lập luận khó hiểu. Trong mọi trường hợp, bức thư này chứng minh sự nghiêm túc mà những người Kitô hữu, mang dấu ấn của di sản tâm linh Do Thái, muốn trung thành với đức tin chân chính.

KIỂM TRA BẠN CÓ HIỂU ĐÚNG KHÔNG

- Lời dạy của Phao-lô và Gia-cô-bê thường trái ngược nhau. Bạn có thể cho chúng tôi biết sự bất đồng rõ ràng là gì và vấn đề này nên được giải quyết như thế nào không ?

- Một số thư tín được gọi là «Công giáo» có mục đích phản hồi lại những sai lầm về giáo lý phổ biến trong thế kỷ thứ 1 và thế kỷ thứ 2. Bạn có thể kể tên một số lỗi sau đây không ?

**Một trang
từ Codex Vaticanus**

Bản thảo uy tín này từ thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên được viết bằng chữ uncial (chữ in hoa). Nó nằm trong Thư viện Vatican, do đó có tên như vậy. Nó được coi là một trong những nhân chứng tốt nhất của văn bản tiếng Hy Lạp trong Tân Ước. Trang đôi ở đây trình bày phần kết thúc của thư thứ nhất của Thánh Gio-an, toàn bộ thư thứ 2 và thứ 3, và phần đầu của thư Thánh Giu-đa.

4) Một cuốn sách tiên tri : Sách Khải Huyền

Ngày Tận thế hay sự Tiết lộ

Ở đây, vào phần cuối của bộ sưu tập TÂN ƯỚC, có một tác phẩm viết theo thể loại khá khác biệt so với những tác phẩm khác. Sách Khải Huyền được trình bày dưới dạng một tác phẩm tiên tri nhằm mở ra viễn cảnh về tương lai. Mặc dù không được viết với mục đích khép lại Tân Ước (mà là một thông điệp độc lập), nhưng Giáo hội cổ đại đã được soi dẫn rất nhiều khi đặt nó ở vị trí hiện tại.

Các chìa khóa để đọc nằm ở cuối sách

Khi một tác phẩm khó, và đúng là như vậy, thì thường được hướng dẫn *đến cuối sách* để hiểu được ý định của tác phẩm. Nếu chúng ta chiều theo sự tò mò chính đáng này, chúng ta sẽ không khỏi kinh ngạc trước sự giống nhau giữa ba chương cuối với những câu chuyện về nguồn gốc được tìm thấy ở ngay phần đầu của Kinh Thánh. Nhưng chúng bị *đảo ngược lại*, giống như một bức vẽ trên giấy lóp mà bạn nhìn ngược lại.

• Sáng tạo thể giới trong Sách Sáng Thế bị đối lập bởi *Sáng tạo mới*.

Ngày tận thế của Angers - thế kỷ 14

Thánh Gio-an nhận được từ tay thiên thần một cây sậy dùng để đo đền thờ của Thiên Chúa và cộng đồng tín hữu (Kh 11,1).



- Câu chuyện về Vườn Địa Đàng nở rộ ở đây với sự xuất hiện của một *Thành phố*.

- Mọi bất hạnh của kiếp sống đầu tiên đều được biến đổi thành những sự kiện hạnh phúc trong thế giới mới này : bản án tử hình dành cho loài người bất tuân đối lập ở đây, cuối cùng, *Cây Sự Sống* «ra trái mười hai lần

một năm và lá của nó dùng để chữa lành cho những người ngoại đạo». (St 3.22-24 ; Kh 22.2)

- Khoảng cách của Thiên Chúa được thay thế bằng sự *hiện diện của Ngài* : Ngài luôn hiện diện ở đó, trong Thành phố.

- Bóng tối của sự chai cứng trái tim được thay thế bằng sự sáng ngời rực rỡ của *Ánh sáng* thiêng liêng khiến mặt trời trở nên nhợt nhạt. (Kh 22.1-5)

Mọi sự đảo ngược này đều xuất phát từ sự thất bại cuối cùng của Satan nguyên thủy. (Kh 20.9-10 ; St 3).

Và điều đó sẽ sớm xảy ra. (Kh 1.1 ; 22.6).

Bản chất của lời tiên tri

Như đã nhấn mạnh nhiều lần, lời ngôn sứ trong Kinh Thánh không phải là lời bói toán về tương lai mà là lời phán xét về hiện tại. Giống như sách Ngôn sứ Đani-en mà Sách Khải Huyền thường nhắc đến, sách này cũng nói về một tình hình chính trị luôn hiện hữu trong tâm trí người đọc. Một lần nữa, những người tín hữu lại bị áp bức bởi sự ngược đãi của bạo chúa nắm giữ quyền lực toàn cầu, và một lần nữa đức tin trong Kinh Thánh lên án bản chất giả tạo và tạm thời của các đế chế trên thế giới này «gây chiến với các thánh đồ,» nghĩa là

chống lại các Kitô hữu. (Kh 13.7).

Một ngôn ngữ mã hóa

Luật lệ của thể loại này đòi hỏi loại bài giảng này phải có hai hướng : trước tiên chúng ta sẽ thấy một hình ảnh đa diện và kỳ ảo (giống như những tấm thảm thêu nổi tiếng của Angers, hay những tấm thảm thêu gần đây hơn của Lurçat), và sau đó chúng ta sẽ suy ngẫm. Hình ảnh đó có mục đích tạo ra cú sốc trong tâm trí, nhưng vì nó không chính xác nên cuối cùng nó sẽ tan biến để nhường chỗ cho thông điệp, vốn không thể xóa nhòa một khi đã hiểu.

Ví dụ, chúng ta có thể trích dẫn :

- *Tương đương Rô-ma - Babylon* (mượn từ Đa-ni-en); (Kh 17-18).

- Con *Thú* hoặc Rồng tượng trưng cho *quyền lực toàn trị của La Mã*; (Kh 13).

- *Số 666* dường như ám chỉ hoàng đế **Nê-rô**, người rất nổi tiếng vì vụ hỏa hoạn ở Rô-ma mà ông đã gây ra trong cơn điên loạn của mình, và ông đổ lỗi cho những người Kitô hữu (hoàng đế Nê-rô : điều này được thể hiện bằng cách cộng giá trị số của các chữ cái... 666!). Điều đáng chú ý là Nê-rô thực chất đang che giấu **Domitian** và

các sự kiện diễn ra cách đây ba mươi năm được đề cập đến *như những ví dụ* để hiểu rõ hơn tầm quan trọng của những sự kiện hiện tại.

- Chúng ta cũng hãy đề cập đến *12 chi tộc của Do Thái* (tức là dân tộc của Thiên Chúa) mà theo quan điểm của Giáo hội, trở thành tổng thể với biểu tượng là $12 \times 12 \times 1.000$, do đó là «144.000», đối với những ai đã suy ngẫm và hiểu được, thì đó là toàn thể nhân loại được kêu gọi để được cứu rỗi... không giới hạn số lượng !

- Sau cùng, *Người Phụ Nữ* tượng trưng cho Giê-ru-sa-lem, và có lẽ là, Maria. (Kh 12).

Thảm treo tường Apocalypse - thế kỷ 14

Thánh Michael và các thiên thần của ngài đánh bại con rồng, tức là Ma quỷ và Satan, con rắn cổ xưa trong Sách Sáng Thế (Kh 12.7-9).

Đây thực sự là kết luận của Kinh Thánh.



**Chúa Giêsu Kitô, người đàn ông với con lưỡi gươm
giữa hai hàm răng**

Mong rằng công thức táo bạo này từ một người hiện đại (Emmanuel Mounier) có thể giúp bảo tồn vai trò trung tâm và quyết định tuyệt đối của Chúa Giêsu phục

sinh trong cuộc biến động toàn cầu này, mở ra triều đại hiển nhiên của Thiên Chúa. «Từ miệng Người xuất ra một thanh gươm hai lưỡi.» Thanh kiếm này là hình ảnh kinh điển của Lời Chúa. Giống như Lời mở đầu của Tin Mừng, phần mở đầu của Sách Khải Huyền này trình bày Ngôi Lời, *Lời của Thiên Chúa*, và do đó, quyền năng sáng tạo và thuyết phục của Người, *như là phương tiện thiết yếu để Lịch sử bắt đầu chuyển động*. (Kh 1.16 ; Ep 6.17 ; Dt 6.12).

Chính Đấng Phục Sinh đã gửi đến các Giáo hội những lời đe dọa và khích lệ mà họ sẽ cần cho đến tận thế. Chính Người (Chiên Con) mở ra cuốn sách Lịch sử thế giới và lãnh đạo các cuộc chiến giải phóng. Chính Người sẽ là thẩm phán của Lịch sử và sẽ thực hiện điều đó bằng lời mời trọng đại đến dự tiệc cưới cứu thế của Người, nơi toàn thể nhân loại đã được hòa giải sẽ được hiệp thông trọn vẹn với Người. (Kh 5-9 ; Kh 19).

Gio-an xứ Patmos là ai ?

Tác giả tự giới thiệu mình là giám mục của bảy Giáo hội ở Tiểu Á. Tên của ông là Gio-an, giống như nhà truyền giáo và vị tông đồ.

Mối quan hệ giữa tư tưởng và biểu hiện thường rất chặt chẽ. Nhưng Sách Khải Huyền cũng phản ánh *đời sống phụng vụ của Giáo hội* thời bấy giờ, từ đó có nhiều bài diễn ca.

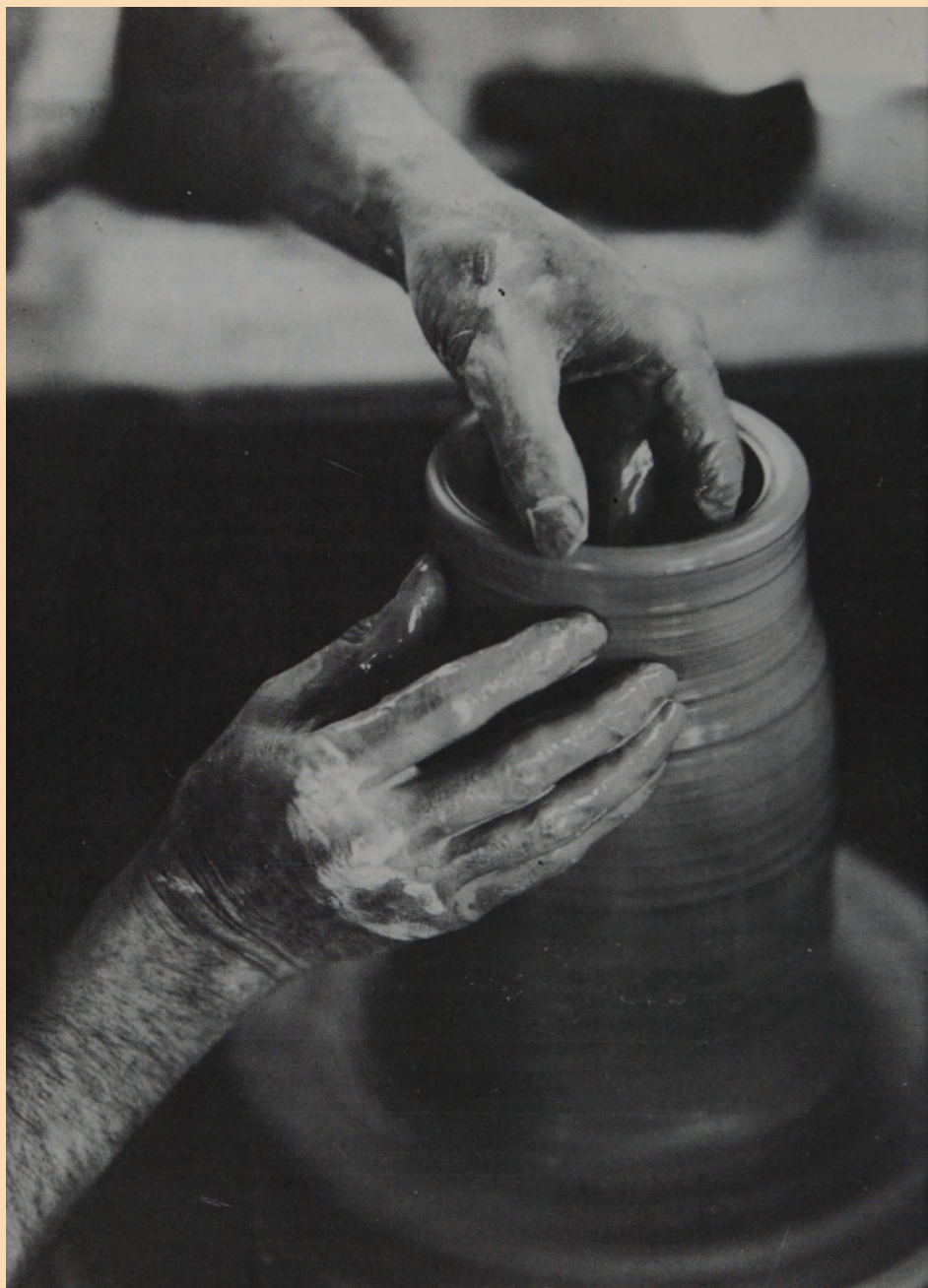
Sách Khải Huyền không yêu cầu người đọc quyết định về danh tính của người viết, nhưng hãy chờ Chúa Chúa Giêsu (Kh 22.20).

KIỂM TRA BẠN CÓ HIỂU ĐÚNG KHÔNG

- Sách Khải Huyền khác với tất cả các sách khác trong Tân Ước như thế nào ? Sách này giống với những sách nào trong Cựu Ước ?

HÃY TỰ SUY NGHĨ

- Liệu thông điệp của Sách Khải Huyền có còn làm chúng ta quan tâm ngày nay không ? Người ta nên tiếp cận cuốn sách này với tâm thế nào ?



Và bây giờ ...?

Chúng ta đã đến đích của cuộc hành trình đầu tiên. Từ Sách Sáng Thế đến Sách Khải huyền, chúng ta đã liệt kê những nội dung chính của Kinh Thánh. Ở đây và đó, cuốn sách nhỏ này cung cấp cho chúng ta thông tin lịch sử và văn học, nhằm giúp chúng ta đi đúng hướng trong khi tránh những cạm bẫy chính. Điều này có nghĩa là bây giờ chúng ta đã biết *cách đọc Kinh Thánh* không? Sẽ rất ngạc nhiên nếu chúng ta có thể nói điều này ngay bây giờ ! Nhiều nhất, chúng ta có thể phát triển một mong muốn mạnh mẽ hơn nữa để biết rằng đó là một tượng đài chứng thực cho hành động của Thiên Chúa đối với các thế hệ trước chúng ta và là sự kiện có thể can thiệp vào sự tồn tại cụ thể của chúng ta ngày nay để biến đổi nó.

Điều này dẫn chúng ta đến hai hướng nghiên cứu bổ sung cho nhau. Chúng ta cần tìm :

- 1) một *phương pháp* đọc
- 2) tiếp cận với việc đọc sách *tâm linh* (hay *cầu nguyện*)

Một phương pháp đọc

Đến thăm hay *thường xuyên lui tới* một nơi nào đó lại là một chuyện khác. Chuyến tham quan là một chuyến đi ngắn, duy nhất, nơi người ta cố gắng ngắm nhìn tất cả các điểm tham quan đáng chú ý của địa điểm chỉ trong nháy mắt. Ngược lại, việc tham dự đòi hỏi mọi sự phong phú mà trí nhớ và thói quen có thể mang lại, từ lần viếng thăm này sang lần viếng thăm khác.

Vì vậy, ngay cả khi đọc rất kỹ tác phẩm giới thiệu nhỏ này và tham khảo nhiều bài đọc Kinh Thánh được nêu trong toàn bộ văn bản thì cũng chỉ có thể coi là một *chuyến viếng thăm*. Điều này bây giờ đòi hỏi một cái gì đó sâu sắc hơn, sự *thường xuyên* đọc Kinh Thánh, nơi chúng ta có thể tìm thấy tốc độ di chuyển cho phép chúng ta, mà không mệt mỏi hay hụt hơi, tiếp tục tiến triển trong nhiều tháng, nhiều năm.

Khi nào nên đọc Kinh Thánh ?

Điều kiện đầu tiên cần đáp ứng để có thể thực hiện nghiên cứu chuyên sâu này là phải dành đủ *thời gian cần thiết* cho nghiên cứu vào *thời điểm thích hợp*. Tốt nhất là nên sắp xếp những khoảng khắc này vào lúc đầu ngày, hoặc đối với những người «là người của buổi tối» thì là vào lúc cuối ngày. Điều quan trọng nhất là bạn có

thể dành ra một phần tư giờ để yên tĩnh, đọc sách cẩn thận và suy ngẫm. Vì vậy, chúng ta sẽ dành khoảng 1% thời gian của mình cho nỗ lực lớn lao này là tiếp cận Sách Sự Sống.

Nên đọc gì trong Kinh Thánh ?

Đây là câu hỏi thứ hai. Có lẽ nếu không có người hướng dẫn, mọi người sẽ hành động theo bản năng tự nhiên của mình khi đọc bất kỳ cuốn sách nào : có những người đọc từng trang một từ đầu đến cuối mà không bỏ sót bất kỳ trang nào, và cũng có những người, tự phát hơn, mở ngẫu nhiên và lật từng trang cho đến khi họ thấy hứng thú. Cả hai quá trình này đều không xứng đáng với tên gọi là phương pháp. Mặt khác, chúng ta có thể chỉ ra hai phương pháp đã chứng minh được giá trị của chúng : một mặt là *danh sách đọc* và mặt khác là việc *đọc đồng thời và liên tục Cựu Ước và Tân Ước*.

Danh sách đọc có công dụng cực kỳ cổ xưa. Có những dấu hiệu rõ ràng cho thấy ngay từ thời Chúa Giêsu, các bài đọc trong giáo đường Do Thái đã được chia thành các phần của Torah được đọc vào những ngày cố định, kèm theo các phần của «Các Ngôn Sứ» có mối liên hệ nhất định với họ. Nhiều danh sách của Kitô giáo cũng đã xuất hiện trong nhiều thế kỷ. Trong nhiều năm trở lại đây, các văn bản ngày Chủ Nhật được sử dụng trong

Giáo hội Công giáo và Tin lành đều giống nhau. Sử dụng những danh sách như vậy ngày này qua ngày khác ít nhất cũng đảm bảo tìm được những văn bản được phân chia hợp lý và không quá khô khan. Hơn nữa, các danh sách tốt nhất có xu hướng nằm trong một sách Kinh Thánh duy nhất trong một khoảng thời gian nhất định, điều này rõ ràng giúp chúng ta quen thuộc hơn với hoàn cảnh và tác giả trong Kinh Thánh. Do đó, chúng cho phép chúng ta áp dụng tốt hơn *nguyên tắc vàng* của việc đọc Kinh Thánh, bao gồm *trước tiên* là đặt câu hỏi về *ý nghĩa của văn bản* và sau đó đặt câu hỏi về những gì văn bản đó *nói với chúng ta* hôm nay.

Tuy nhiên, với chế độ này, người ta sẽ không bao giờ đọc được toàn bộ Kinh Thánh : các danh sách được đưa trở lại theo cùng một phần ba năm một lần, chúng ưu tiên một số trang «có tính giáo dục» hơn là các trang khác, «khó hiểu» hoặc «gây bối rối» đối với những người không có bất kỳ hướng dẫn nhập môn nào.

Điều này không đúng với những người đang đọc trang này tại thời điểm này và đó là lý do tại sao chúng tôi có thể đề xuất họ *đọc toàn bộ Kinh Thánh* trong hai năm bằng phương pháp thứ hai như sau :

Mỗi ngày chúng ta đọc 3 chương trong Cựu Ước và 1 chương trong Tân Ước. Thỉnh thoảng, chúng ta quay lại

các trang giới thiệu của hướng dẫn này tương ứng với những cuốn sách Kinh Thánh mà chúng ta đọc. Theo cách này, lúc đầu, chúng ta sẽ đọc lại các trang về Sách Sáng Thế và Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu, v.v.

Việc chú thích văn bản Kinh Thánh bằng cách gạch chân một số từ hoặc đánh dấu một số đoạn văn để có thể dễ dàng tìm thấy chúng không phải là điều xấu, cho dù chúng làm chúng ta hài lòng hay gây ra vấn đề. Chúng ta cần hiểu rõ rằng không một ai, kể cả những người xung quanh Chúa Kitô, có thể tiếp cận được toàn bộ sự sáng tỏ của Kinh Thánh mà không cần phải nỗ lực. Phải chăng chúng ta đều «chậm hiểu và chậm tin» giống như những môn đồ nổi tiếng trên đường Em-mau đã được nhắc đến nhiều lần ? (Lc 24).

Đây là lý do tại sao chúng ta nên gặp gỡ những người đọc Kinh Thánh khác và dưới sự chỉ dẫn của một người hướng dẫn có trình độ để cùng chia sẻ niềm vui khám phá và tiến bộ nhanh hơn.

Hướng đến cách đọc tâm linh

Kinh Thánh sẽ không là Sách Sự Sống, nó sẽ không bao giờ đạt được vị thế là Lời của Chúa, nếu nó chỉ dành cho những độc giả thích khảo cổ học, địa lý hoặc lịch sử, nhưng *không cảm thấy quan tâm* đến những gì

họ đọc.

Bởi vì cách đọc Kinh Thánh đúng đắn không bao giờ trung lập. Thực vậy,

«Lời Thiên Chúa là lời sống động, hữu hiệu và sắc bén hơn cả gươm hai lưỡi : xuyên thấu chỗ phân cách tâm với linh, cốt với tủy; lời đó phê phán tâm tình cũng như tư tưởng của lòng người.» (Dt 4.12-13).

Trong mọi trường hợp, đây chính là điều sẽ xảy ra nếu chúng ta đồng ý để bản thân được thử thách bởi văn bản mà chúng ta đã đọc, với ý định được nuôi dưỡng bởi nó và mong muốn gặp gỡ lời Chúa Giêsu ở đó, tức là lời hứa và ý muốn của Người.

Đây chính là vai trò của *thiên định*. Để mọi việc dễ dàng hơn, người ta thường đề xuất tiến hành theo hai giai đoạn. Đầu tiên, chúng ta cố gắng tưởng tượng, hình dung nội dung của văn bản, để hiểu đầy đủ những gì đang diễn ra ở đó. Sau đó, chúng ta xem những hình ảnh này như những dấu hiệu để hiểu ý nghĩa của chúng. Như vậy, từng chút một, lời Kinh Thánh đến với chúng ta và chúng ta có thể *đối thoại* với Đấng là nguồn cảm hứng duy nhất của tất cả những trang sách này : Thánh Linh của Thiên Chúa hằng sống, Chúa Giêsu Kitô. Chúa đã nói với Moïse «như một người nói chuyện với

bạn mình», và chẳng phải Chúa Giêsu đã nói với các môn đồ rằng họ là bạn của Người sao ? (Xh 33.11 ; Ga 15.14-15).

Việc đọc Kinh Thánh đúng cách luôn dẫn đến sự suy ngẫm cầu nguyện. Bởi vì sẽ đến lúc việc đọc Kinh Thánh một cách yêu thương và chăm chú này sẽ mang đến lời cầu nguyện tự nhiên của trái tim, khi chúng ta mở lương tâm trước Thiên Chúa và khi chúng ta nghe Ngài lập lại theo một cách nhất định, cho chính chúng ta và cho ngày hôm nay, lời mà Ngài đã phán vào những thời điểm khác, dưới những bầu trời khác, với những tín đồ khác trước chúng ta.

Nhưng giống như trong quá khứ, Lời Chúa hôm nay cũng lôi cuốn chúng ta vào Lịch sử. Lời Ngài đặt chúng ta vào con đường hướng đến Vương quốc của Ngài, là sự hiện diện hiệu quả bên cạnh anh em chúng ta, những cam kết phục vụ, hoạt động và cầu nguyện cộng đồng, không mệt mỏi, «cho đến khi Người đến». (Kh 22.20)

Câu hỏi chi tiết để đào sâu kiến thức của bạn

Bản câu hỏi này không trùng lặp với các phần KIỂM TRA XEM BẠN ĐÃ HIỂU ĐÚNG KHÔNG và TỰ SUY NGHĨ trong nội dung cuốn sách. Nếu vì sự thuận tiện hơn, các câu hỏi trong các phần này được sao chép lại ở đây (các số được đánh số theo sau dấu *), thì các trang sau sẽ có nhiều câu hỏi mới, đặc biệt là khoảng một trăm câu hỏi.

CỰU ƯỚC

(Ngũ Thư)

***1.** Bạn có thể kể tên năm cuốn sách tạo nên Lễ Luật hoặc Ngũ Thư không ?

***2.** Sự khác biệt giữa mười một chương đầu của Sách Sáng Thế và phần còn lại của sách là gì ?

***3.** Bạn có thể trả lời những phản đối sau đây không :

- Chúng ta có liên quan gì đến những câu chuyện xưa của các tổ phụ ? Chúng ta sống trong một thế giới khác và không có điểm chung nào với họ.

- Tất cả những văn bản này có thể có ý nghĩa gì khi chúng ta thấy Chúa đến để nói chuyện với con người ?

4. Chức năng cụ thể của câu chuyện nguồn gốc là gì ?

5. Bài thơ về Sáng thế (**Sáng Thế 1**) được chia thành 7 ngày vì mục đích gì ? (Xem Xh 20.11).

6. Giả sử chúng ta gọi ngày thứ bảy là «Thứ Bảy», thì Đấng Tạo Hóa làm gì vào mỗi ngày của tuần trước đó ?

7. Bạn có thể chỉ ra các hoạt động sáng tạo của Chủ Nhật và thứ Tư, Thứ Hai và Thứ Năm, Thứ Ba và Thứ Sáu tương ứng với nhau như thế nào không ?

8. Câu nói về thứ Tư có phải là trái với lẽ thường không ? Nếu không thì văn bản này có ý nghĩa gì ?

9. Tên của hai loại cây trong câu chuyện về vườn Địa Đàng (**Sáng Thế 2.9**) là gì ? Chúng tượng trưng cho điều gì ?

10. Tại sao nhân loại bị loại khỏi Thiên đường ? Nhân loại tự nhủ điều gì khi phân tích lỗi lầm của mình dựa trên ánh sáng **Sáng Thế 2** ?

11. Bạn có nghĩ Sách Sáng Thế 11 kể câu chuyện xảy ra ở Babylon không ? Hay câu chuyện còn có ý nghĩa nào khác ? Hãy nêu lý do của bạn.

12. Mỗi quan hệ giữa Gia-cóp và Abraham là gì ?
(Xem Sách Sáng Thế 28.13-14.)

13. Trong hai người (Abraham hay Jacob), ai sẽ là người nổi tiếng hơn ? Dưới cái tên nào ? (**Sáng Thế 32**).

***14.** Có những sự kiện nào trong cuộc sống mà bạn cho là «dấu hiệu của Chúa» không ?

***15.** Những thay đổi nào là khó khăn nhất mà bạn từng trải qua ? Bạn có thể nghĩ rằng qua họ, Thiên Chúa đã kêu gọi bạn «ra đi bằng đức tin» không?

16. Ngũ Thư kể cho chúng ta nghe về hai người Thái đã đồng hóa hoàn toàn nền văn minh Ai Cập. Họ là ai ?

17. Sự bùng nổ hành động giải phóng của Thiên Chúa trong lịch sử được diễn tả bằng một vài từ ở cuối Xuất Hành chương 2. Bạn có thể phân tích và giải thích chúng không ?

18. Tại Sinai, Môi-se sẽ trải qua hai khoảnh khắc quan trọng trong cuộc đời, cách nhau 40 năm. Nội dung là gì?

19. ĐỂ LƯU Ý : Xem kế hoạch nghiên cứu về sự kêu gọi của Môi-se.

20. Sau khi đọc bản tường thuật về việc thiết lập lễ kỷ niệm cuộc xuất hành khỏi Ai Cập, hãy chỉ ra ba ý nghĩa của Lễ Vượt Qua của người Do Thái.

21. Phép lạ vượt Biển Đỏ là gì ?

22. Xuất Hành 16 chứa đựng một lời dạy rất quan trọng về sự quan phòng của Thiên Chúa. Kinh Thánh nói gì với chúng ta về điều đó trong đoạn văn sau : Tv 78.25 ; Kn 16.20-21 ; Mt 6.11 ; Ga 6.22-32 ; 1 Cr 10.3 ?

23. Xuất Hành 24.8-11: Đây là lễ kỷ niệm Giao ước Sinai. Để hiểu rõ hơn tầm quan trọng của nó, hãy so sánh đoạn văn này với Mt 26.28. Trong trường hợp thứ hai này, ai là người chiếm giữ vị trí mà Môi-se đã chiếm giữ tại Sinai ? Chúng ta có thể suy ra điều gì từ điều này về vai trò của Môi-se ?

24. Dân Số 20 : Chúng ta đang ở trong sa mạc. Đang thiếu nước. Mọi người đều lo lắng. Làm sao chúng ta có thể giải thích được sự hoài nghi của Môi-se (được đề cập trong câu 12), dựa trên các sự kiện được kể lại trong đoạn Ds 20.6-11 ?

25. Dân Số 21 : Lời dạy trên trang này báo trước ý niệm đức tin của Kitô giáo như thế nào ? (Xem thêm Ga 3.14.)

**26. Bạn nghĩ sự giải phóng nào là cần thiết nhất hiện nay đối với bạn, những người xung quanh bạn, và thế giới của chúng ta ? Bạn nghĩ Xuất Hành có thể giúp chúng ta sống tốt hơn như thế nào ?*

**27. Những nỗi sợ nào khiến bạn muốn «quay trở lại Ai Cập» ? Bạn có nghĩ đức tin có thể giúp bạn vượt qua những nỗi sợ hãi này không ?*

**28. Hãy sáng tác bài thánh ca của riêng bạn, hát về hành động của Thiên Chúa trong cuộc đời bạn.*

29. Độ Nhị Luật 12.4-14 : Vậy thì nơi mà chương này nhắc đến một cách mạnh mẽ là gì ? Cuộc cải cách trong sách Độ Nhị Luật này bao gồm những gì ?

(Chế độ quân chủ)

30. Giô-suê 24 : Giao ước tại Si-chem. Tại sao Giô-suê được hướng dẫn để mời gọi «các chi tộc Do Thái» phục vụ Thiên Chúa ? Có phải chúng ta không có bài học nào để học ở đây không ? Bài học nào ?

31. Chức năng cụ thể của các **Thủ Lãnh** ở Do Thái là gì ?

32. Trong số các Thủ Lãnh có một người phụ nữ tên là Đê-bô-ra. Cô ấy đã đạt được những thành tựu gì ?

33. Cho đến thời quan xét Sa-mu-en, dân chúng vẫn sống rất tốt mà không cần vua. Yếu tố bên ngoài nào đã thúc đẩy sự ra đời của chế độ quân chủ ở Do Thái ?

34. Cho dù đó là sự xúc dầu bí mật của Sa-mu-en hay chiến thắng trong trận chiến tay đôi với Gô-li-át, gã khổng lồ người Philistia, thì điều gì thực sự đủ điều kiện để Đa-vít lên ngôi ? Hãy nêu lý do của bạn. (1 Sm 16-17.)

35. Trong chương 7 của **sách Sa-mu-en quyển hai**, Đa-vít bị từ chối vinh dự xây dựng «một ngôi nhà» cho Chúa.

- Vì lý do gì?

- Thay vì những gì ông ấy yêu cầu, ông ấy sẽ nhận được gì ? (Xem thêm 1 Sb 28.3-4.)

36. Theo giấc mơ của Gibeon (1 V 3.5-15), chương trình của Sa-lô-môn là gì ?

37. Ngoài việc xây dựng Đền thờ ở Giê-ru-sa-lem, công trình của Sa-lô-môn còn đặc trưng điều gì ?

38. Nguyên nhân chính dẫn đến sự chia rẽ giữa hai vương quốc là gì ? (1 V 12.1-17)

39. Theo bạn, phép lạ nào do Ê-li thực hiện là quan trọng nhất ? Để làm gì ? (1 V 17.)

40. Sự thăng thiên của Ê-li có ý nghĩa gì ? (2 V 2.1-11)

Sự thăng thiên của Chúa Giêsu có ý nghĩa gì? (Công vụ 1:8-11)

41. A-mốt 5.21-6.7: Nhà tiên tri đưa ra lời chỉ trích nào đối với đời sống thế tục và việc thờ phượng của người dân Giê-ru-sa-lem (Zion) và Sa-ma-ri ? Thiên Chúa công bố hình phạt nào ?

42. ĐỀ LƯU Ý : Xem kế hoạch nghiên cứu về ơn kêu gọi của Ê-sai.

43. Chúng ta hãy hiểu rõ về Emmanuel : chính xác thì vị tiên tri đã công bố điều gì về đứa trẻ này ? (Ông đang nói chuyện với ai trong chương 7 ?) - Xem Is 7 ; 9 ; 11.

44. Ai là vị vua nổi tiếng nhất của Giu-đa trong thời kỳ này ? Ông ấy đã làm gì ?

45. ĐỀ LƯU Ý : Xem kế hoạch nghiên cứu về ơn gọi của Giê-rê-mi-a.

46. Động tác của người thợ gốm có ý nghĩa gì ? - Giê-rê-mi-a 19.1-13 (xem thêm Giê-rê-mi-a 39.1-2).

47. Giê-rê-mi-a 18.1-8 : Chiếc bình của người thợ gốm tượng trưng cho điều gì ? Thông điệp nào đang được truyền tải tới chúng ta ? (Câu 8.)

(Do Thái giáo)

48. Bây giờ chúng ta sẽ nói đến Do Thái giáo trong thời Kinh Thánh. Từ này xuất phát từ đâu ? Nó bao gồm những gì ?

49. Nếu bạn nhạy cảm với thơ ca, hãy đọc chương 1 của **Sách Ai Ca** và chọn ra đoạn mà bạn cảm thấy xúc động nhất. Bạn nghĩ truyền thống phụng vụ Kitô giáo đã sử dụng nó như thế nào ? Để làm gì ?

50. Phân tích sự kêu gọi của Ê-dê-ki-en (**Ê-dê-ki-en 2.1 - 3.15**).

51. Vai trò của người chăn chiên là gì và ai sẽ là ? (**Ê-dê-ki-en 34.11-23**)

52. Ý nghĩa của khái tượng về những bộ xương và cử chỉ bằng lời sau đó là gì ? (**Ê-dê-ki-en 37.1-25**.)

53. Sách an ủi dân Do Thái cho thấy một cách mẫu mực về cách đức tin biết nhận ra sự can thiệp của Thiên Chúa vào Lịch sử. Nó dựa trên sự kiện nào ?

54. I-sai-a 52.13 - 53.12 : Dân Do Thái có thể hiểu trang này như thế nào ? Tân Ước sẽ hiểu điều này như thế nào ? (Công Vụ 8)

55. Ai được gọi là Người chép sử ? Ông đã để lại cho chúng ta những sách Kinh Thánh nào ?

56. Rút đến từ đất nước nào ? Tên của anh ấy hiện nay là gì ? Ý nghĩa của liên minh này với vương quốc Giu-đa là gì ? - **Rút 1,1-22 ; 4.13-22.**

57. Trong dụ ngôn Giô-na, con cá lớn tượng trưng cho điều gì ? **Giô-na 2.**

58. Làm sao chúng ta không thể chỉ đọc dụ ngôn này cho người khác ? Nineveh của tôi là gì ? - **Giô-na.**

59. Cái gì được gọi là «vấn đề của cái ác» ? Sách Gióp có đưa ra câu trả lời không ? Loại nào ? - **Gióp 39.37 ; 42.2.**

***60.** Bạn có thể giải thích **Thánh Vịnh** là gì không ? Kiểu viết này vẫn còn được sử dụng cho đến ngày nay: nhưng người ta thường gọi nó bằng tên gì ?

***61.** Bạn sẽ nhớ rằng các **Thánh Vịnh** thuộc nhiều thể loại khác nhau. Bạn có thể liệt kê một số trong số đó không ?

***62.** Các **Thánh Vịnh** thường nhắc đến kẻ thù. Ngày nay chúng ta có thể tiếp nhận những ám chỉ này như thế nào ?

63. Theo cách trình bày hiện tại, bộ **Thánh Vịnh** bao gồm năm sách. Hãy xem xét cách bốn sách đầu tiên kết thúc (Thánh Vịnh 41.14 ; 72.18-20 ; 89.53; 106.48). Bạn thấy có điểm gì tương đồng ? Tìm sự đối xứng ở đâu trong cuốn sách thứ năm ?

***64.** Các thánh vịnh phản ánh những tình huống cụ thể mà mỗi cá nhân trải qua. Sau đó, cộng đồng Đền thờ thứ hai đã tiếp quản chúng và đưa vào bộ sưu tập của mình.

Ví dụ, khi đọc Thánh Vịnh 23, 25, 121, 139, bạn có thấy mình khác biệt so với tác giả đầu tiên của các bài thơ này không ?

***65.** Bạn có nghĩ rằng bạn cũng có thể viết lời cầu nguyện vui mừng, khẩn cầu, ngợi khen... để tăng thêm sức mạnh và sự chân thật cho lời cầu nguyện đó không?

TÂN ƯỚC

(sự hình thành của Tân Ước)

66. Đặc điểm cơ bản nào của Tân Ước phân biệt với Cựu Ước ?

67. Tân Ước được viết dựa trên nền tảng nào ?

68. Những tác phẩm nào được sáng tác đầu tiên ? Để làm gì ?

69. Các đảng phái tôn giáo và giai cấp xã hội khác nhau ở Palestine vào thời Chúa Giêsu có điểm chung nào ?

70. Tại sao cộng đồng Qumrân lại quan trọng với chúng ta đến vậy ?

(Phúc âm Nhất lãm)

***71.** Bạn có thể phân biệt được sự khác nhau giữa Tin Mừng và các sách Phúc âm không ?

***72.** Từ đặc điểm của các nhà truyền giáo, bạn có thể cho biết đoạn văn này thuộc về ai không ?

- nhấn mạnh sự thiếu đức tin của các môn đệ ?

- nhấn mạnh vai trò quan trọng của phụ nữ ?

- có bài phát biểu quan trọng định nghĩa lối sống mới của người Kitô hữu ?

- tường thuật bài giảng về bánh sự sống?

- tường thuật câu chuyện hoán cải của tên trộm ?

73. Ý định của Tin Mừng theo Thánh **Mát-thêu** là gì?

74. «Bài giảng trên núi» được gọi là gì ?

75. «Triều đại của Thiên Chúa bắt đầu từ trái tim» : tại sao các trích dẫn Kinh Thánh ở bên lề được chọn ? Họ cung cấp những lợi ích gì ?

76. Từ «Cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu Kitô» (không có trong Kinh Thánh) có nghĩa là gì ? Tin Mừng theo Thánh **Mác-cô** đề cập đến chủ đề này như thế nào ?

77. Người ta cho rằng **Mác-cô** có ý định gì khi viết cuốn sách của mình ?

78. Ông đã sáng tác tác phẩm gốc theo cách nào ?

79. Cụm từ (thường xuất hiện trong các sách Tin Mừng) «Con Người» có nghĩa là gì ?

80. Có điểm gì tương đồng giữa Tin Mừng theo Thánh **Lu-ca** và sách Công Vụ ?

81. Theo thánh **Mác-cô**, bí mật của Chúa Giêsu là gì? Tại sao Chúa Giêsu lại giữ nguyên như thế này ?

82. Đặc điểm địa lý của Tin Mừng theo Thánh **Lu-ca** là gì ?

83. Vai trò của phúc âm thời thơ ấu trong **Lu-ca** (và Mát-thêu) là gì?

84. Thiên Chúa hoạt động như thế nào trong lòng con người ?

85. Điều gì sẽ thay đổi nếu chúng ta thêm chữ «s» vào Lễ Vượt Qua ?

86. Tin Mừng dành cho ai ?

***87.** Nếu bạn đang trên đường đến Em-mau, bạn sẽ bày tỏ sự thất vọng nào về đời sống tôn giáo của mình ?

***88.** Bạn có nghĩ rằng Thánh Linh của Chúa Giêsu vẫn còn hoạt động ngày nay không ?

(Tin Mừng theo Thánh Gio-an)

89. Tại sao Tin Mừng theo Thánh **Gio-an** lại đặc biệt đến vậy ?

90. Những người có mặt trong chương đầu tiên của Tin Mừng theo Thánh **Gio-an** là ai ?

91. Trong sách Thánh **Gio-an**, dấu lạ có vai trò gì ?

92. Trong Phúc âm thứ tư, «Thế gian», «Bóng tối» và, đối với Chúa Giêsu, «giờ vinh quang» là gì ?

93. *Thánh Linh của Chúa Giêsu không bao giờ biểu lộ Ngài cho bất cứ ai một cách miễn phí (chẳng vì mục đích gì, để thực hiện một phép lạ). Bạn có để ý điều gì xảy ra khi Chúa Giê-su hiện ra với một người có thể nhận ra Người không ? Người này sẽ làm gì tiếp theo? Chúng ta sẽ làm gì nếu điều này xảy ra ?*

***94.** *Bạn đã bao giờ đọc một văn bản và thấy khó chịu chưa ? Bạn có thể cho biết tại sao văn bản này lại có ý nghĩa cá nhân với bạn đến vậy không ?*

(Công Vụ Tông Đồ)

95. Nội dung của sách **Công Vụ Tông Đồ** là gì ?

96. Điều gì đã xảy ra vào Lễ Ngũ Tuần mà có ý nghĩa quyết định như vậy ?

97. Cuộc sống của người nguyên thủy có gì đặc biệt? Giáo hội Giê-ru-sa-lem ?

98. Lý do triệu tập Công đồng Giê-ru-sa-lem là gì ?

99. *Có hợp lý không khi luôn đọc Kinh Thánh «ở thì quá khứ» ? Đây có phải là cách Kinh Thánh xưng hô với chúng ta không ?*

100. *Động cơ thực sự của những người muốn giới hạn lời chứng trong Kinh Thánh vào lịch sử đã qua là gì ? Chúng ta không phải trong số họ sao ?*

***101.** *Hãy thử mô tả, theo cách của Công Vụ Tông Đồ, sự căng thẳng mà bạn có thể thấy ngày nay giữa một Giáo hội khép kín và một Giáo hội bùng nổ dưới áp lực của những vấn đề mới.*

(Thư của Phao-lô và Thư gửi tín hữu Do Thái)

102. Phao-lô đã viết bao nhiêu thư tín trong thời kỳ đầu ?

103. Chủ đề chung của Thư gửi tín hữu **Rô-ma** và **Ga-lát** là gì ?

104. Bức thư nào chứa đựng bản tường thuật lâu đời nhất về việc thành lập, nghi lễ Tiệc Thánh Thế lâu đời nhất ?

105. Bạn có thể nêu tên hai chủ đề trong thư gửi tín hữu **Ê-phê-xô** không?

106. Tại sao thành phố **Cô-lô-xê** được đánh dấu khác với các thành phố khác trên bản đồ ?

107. Giáo Hội **Cô-lô-xê** có vấn đề gì ? Phao-lô đề xuất giải pháp nào ?

108. Chủ đề chính của hai lá thư gửi tín hữu **Thê-xa-lô-ni-ca** là gì ?

109. Những «thư mục vụ» được gọi là gì ?

110. **Phi-lê-môn** là ai ? và **Ô-nê-sim** ?

***111.** Các thư của Phao-lô chứa đựng một viễn kiến mới về mối quan hệ giữa con người và Thiên Chúa. Sự mới lạ lớn lao này là gì mà đối với các tông đồ lại tạo nên bản chất của Tin Mừng ?

112. Thư gửi tín hữu **Do Thái** giải quyết vấn đề về mối quan hệ giữa Giao ước Cũ và Giao ước Mới, Cựu Ước và Tân Ước như thế nào ?

***113.** Thư gửi tín hữu Do Thái cung cấp ánh sáng mới nào về công trình của Chúa Kitô ?

(các Thư «Công giáo»)

114. Những «Thư Công giáo» được gọi là gì ? Để làm gì ?

115. Thánh **Gia-cô-bê** là ai mà đã viết một bức thư về đức tin được đặt vào tác phẩm nghệ thuật ?

116. Hoàn cảnh nào dẫn đến việc gửi lá thư của Thánh **Phê-rô** (lá thư đầu tiên) ?

117. Điều gì cảm động trong lời chứng của thư thứ nhất của Thánh Gio-an ?

***118.** Lời dạy của Phao-lô và Gia-cô-bê thường trái ngược nhau. Bạn có thể cho chúng tôi biết sự bất đồng rõ ràng là gì và vấn đề này nên được giải quyết như thế

nào không ?

***119.** Một số thư tín được gọi là «Công giáo» có mục đích phản hồi lại những sai lầm về giáo lý phổ biến vào thế kỷ thứ 1 và thế kỷ thứ 2. Bạn có thể kể tên một số lỗi sau đây không ?

120. *Những người Kitô hữu đầu tiên luôn hình thành nên các cộng đồng Giáo hội. Tại sao họ lại làm như vậy? Theo bạn, việc noi gương họ ngày nay có quan trọng không ?*

121. *Các thư tín trong Tân Ước được gửi đến những Kitô hữu sống cách đây hai ngàn năm. Trong số những lời dạy của họ, theo bạn điều nào là cần thiết nhất để nhắc nhở Giáo hội ngày nay ?*

(Ngày tận thế)

***122. Sách Khải Huyền** khác với tất cả các sách khác trong Tân Ước như thế nào ? Sách này giống với những sách nào trong Cựu Ước ?

123. Kể tên ba mật mã được sử dụng trong **Sách Khải Huyền**.

124. *Bạn có thể định nghĩa việc sử dụng sai Sách Khải Huyền không ?*

**125. Liệu thông điệp của Sách Khải Huyền có còn làm chúng ta quan tâm ngày nay không ? Người ta nên tiếp cận cuốn sách này với tâm thế nào ?*

MỤC LỤC

Lời Nói Đầu	4
Lời Mời Du Lịch	8

PHẦN MỘT

KINH THÁNH :

MỘT CUỐN SÁCH ĐỌC NHẤT VÔ NHỊ	13
-------------------------------	----

1) Kinh Thánh : một cuốn sách đề cập đến những sự thật cốt yếu	14
2) Kinh Thánh : một tổng thể phức tạp trong đó điều quan trọng nhất là phải tìm ra phương hướng của mình	31
3) Ai là người viết Kinh Thánh ?	58

PHẦN HAI

NỘI DUNG

CỦA KINH THÁNH	88
----------------	----

CỰU ƯỚC	89
---------	----

1) Sáng Thế hay ý nghĩa của thế giới được tạo ra	97
2) Cuộc Xuất Hành khỏi Ai Cập và Thử Thách trong Sa Mạc hay Sự Ra Đời của Dân Chúa	119
3) Lễ Luật hay Torah là nguồn gốc của Sự sống	134

4) Thời gian chinh phục (khoảng năm 1220 đến 1030 trước Công nguyên)	147
5) Vương quốc dường như mang lại thành công mong đợi :	157
6) Sự ly khai của hai vương quốc :	166
7) Thời kỳ lưu đày (538) : giữa lòng đau khổ, các ngôn sứ mở ra tương lai	189
8) Trở về từ cuộc lưu đày và sự củng cố của Do Thái giáo dưới sự thống trị của nước ngoài	195
9) Thời kỳ đàn áp và kháng cự	221
10) Kho tàng của các Thánh Vịnh hay tóm tắt về đời sống tâm linh của Do Thái trong suốt chiều dài lịch sử	232
 TÂN ƯỚC	 248
1) Các Sách Tin Mừng và Công vụ Tông đồ	271
2) Các Thư của Phao-lô và Thư gửi tín hữu Do Thái	328
3) Những lá thư được gọi là «Công giáo»	382
4) Một cuốn sách tiên tri : Sách Khải Huyền	394